

TIÊU TẠNG THANH VĂN



TĂNG NHẤT A-HÀM

增壹阿含經

* * *

Hán dịch:

Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề-bà
三藏瞿曇僧伽提婆

Việt dịch:

Thích Đức Thắng

Hiệu chính & chú thích:

Thích Tuệ Sỹ

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

MỤC LỤC

THIÊN BẢY PHÁP.....	11
39. Phẩm đẳng pháp.....	11
kinh số 1.....	11
kinh số 2.....	15
kinh số 3.....	17
kinh số 4.....	19
kinh số 5.....	22
kinh số 6.....	24
kinh số 7.....	27
kinh số 8.....	27
kinh số 9.....	37
kinh số 10.....	40
40. Phẩm bảy mặt trời.....	50
kinh số 1.....	50
kinh số 2.....	62
kinh số 3.....	66
kinh số 4.....	68
kinh số 5.....	69
kinh số 6.....	74
kinh số 7.....	82
kinh số 8.....	84
kinh số 9.....	86
kinh số 10.....	90
41. Phẩm chó sợ.....	97
kinh số 1.....	97
kinh số 2.....	101
kinh số 3.....	104
kinh số 4.....	106
kinh số 5.....	109
THIÊN TÁM PHÁP.....	114
42. Phẩm tám nạn.....	114
kinh số 1.....	114

Tăng nhất A-hàm

kinh số 2.....	117
kinh số 3.....	123
kinh số 4.....	145
kinh số 5.....	150
kinh số 6.....	152
kinh số 7.....	155
kinh số 8.....	157
kinh số 9.....	159
kinh số 10.....	160
43. Phẩm thiên tử Mã Huyết hồi tám chính	163
kinh số 1.....	163
kinh số 2.....	167
kinh số 3.....	176
kinh số 4.....	179
kinh số 5.....	182
kinh số 6.....	190
kinh số 7.....	193
kinh số 8.....	209
kinh số 9.....	210
kinh số 10.....	210
THIÊN CHÍN PHÁP	213
44. Chín chúng sanh cư.....	213
kinh số 1.....	213
kinh số 2.....	215
kinh số 3.....	216
kinh số 4.....	218
kinh số 5.....	220
kinh số 6.....	221
kinh số 7.....	224
kinh số 8.....	230
kinh số 9.....	231
kinh số 10.....	237
kinh số 11.....	238
45. Phẩm mã vương	242
kinh số 1.....	242
kinh số 2.....	248

kinh số 3.....	254
kinh số 4.....	257
kinh số 5.....	259
kinh số 6.....	263
kinh số 7.....	265
THIÊN MƯỜI PHÁP	275
46. Phẩm kết cãm.....	275
kinh số 1.....	275
kinh số 2.....	276
kinh số 3.....	279
kinh số 4.....	281
kinh số 5.....	286
kinh số 6.....	287
kinh số 7.....	289
kinh số 8.....	294
kinh số 9.....	304
kinh số 10.....	305
47. Phẩm thiện ác.....	309
kinh số 1.....	309
kinh số 2.....	310
kinh số 3.....	311
kinh số 4.....	313
kinh số 5.....	314
kinh số 6.....	316
kinh số 7.....	320
kinh số 8.....	323
kinh số 9.....	326
kinh số 10.....	331
48. Phẩm mười bất thiện	336
kinh số 1.....	336
kinh số 2.....	338
kinh số 3.....	345
kinh số 4.....	357
kinh số 5.....	366
kinh số 6.....	373

Tăng nhất A-hàm

49. Chương phóng ngu.....	379
kinh số 1.....	379
kinh số 2.....	385
kinh số 3.....	387
kinh số 4.....	392
kinh số 5.....	399
kinh số 6.....	403
kinh số 7.....	417
kinh số 8.....	424
kinh số 9.....	427
kinh số 10.....	448
50. Phẩm lễ tam bảo.....	450
kinh số 1.....	450
kinh số 2.....	450
kinh số 3.....	451
kinh số 4.....	452
kinh số 5.....	471
kinh số 6.....	474
kinh số 7.....	479
kinh số 8.....	481
kinh số 9.....	486
kinh số 10.....	488
51. Phẩm phi thường.....	490
kinh số 1.....	490
kinh số 2.....	491
kinh số 3.....	491
kinh số 4.....	503
kinh số 5.....	506
kinh số 6.....	507
kinh số 7.....	509
kinh số 8.....	515
kinh số 9.....	522
kinh số 10.....	525
52. Phẩm Đại ái đạo bát-niết-bàn	527
kinh số 1.....	527
kinh số 2.....	536

kinh số 3.....	546
kinh số 4.....	547
kinh số 5.....	548
kinh số 6.....	548
kinh số 7.....	553
kinh số 8.....	560
kinh số 9.....	568

THIÊN BẢY PHÁP

39. PHẨM ĐĂNG PHÁP

KINH SỐ 1¹

[728b26] Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp, ở trong hiện tại thọ lạc vô cùng, muốn dứt sạch các lậu, cũng có thể được. Những gì là bảy pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết pháp, biết [728c01] nghĩa, biết thời, lại có thể tự biết, lại có thể biết đủ, lại biết vào đại chúng, quán sát người.² Đó gọi là bảy pháp.

1. “Sao gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết pháp là chỉ Khê kinh, Kỳ-dạ, Kệ, Nhân duyên, Thí dụ, Bốn mặt, Quảng diễn, Phương đẳng, Vị tăng hữu, Quảng phổ, Thọ quyết, Sanh kinh. Tỳ-kheo không biết Pháp, không biết mười hai bộ kinh, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể hiểu rõ pháp nên gọi là biết pháp.

¹ Pāli, A.VII. 68 Dhammaññū (R.iv. 113). Hán, *Trung*, kinh 1.

² Pāli: *dhammaññū* (biết pháp), *atthaññū* (biết nghĩa), *attaññū* (biết mình), *mattaññū* (biết tiết độ), *kālaññū* (biết thời), *parisaññū* (biết đại chúng), *puggalaparoparaññū* (biết sự cao thấp của người). *Trung*, k.1: Tri pháp 知法, tri nghĩa 知義, tri thời 知時, tri tiết 知節, tri kỷ 知己, tri chúng 知眾, tri nhân thắng 知人勝如.

Như vậy, Tỳ-kheo hiểu rõ pháp.

2. “Sao gọi là Tỳ-kheo biết nghĩa? Ở đây, Tỳ-kheo biết ý thú của Như Lai, hiểu rõ nghĩa sâu, không có điều gì nghi ngờ. Tỳ-kheo không hiểu nghĩa, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể biết nghĩa sâu nên gọi là hiểu nghĩa. Như vậy, Tỳ-kheo có thể phân biệt nghĩa.

3. “Sao gọi là Tỳ-kheo biết thời nghi? Ở đây, Tỳ-kheo biết thời tiết khi nên tu quán thì tu quán, khi nên tu chỉ thì tu chỉ, nên im lặng biết im lặng, nên đi biết đi, nên tụng biết tụng, nên trao người trước liền trao cho người trước, nên nói biết nói. Tỳ-kheo không biết những việc ấy, không biết thời thích hợp tu chỉ, tu quán, tiến, dừng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Tỳ-kheo biết thời tiết ấy thì không để mất thời cơ thích hợp, đó gọi là biết tùy thời thích hợp. Tỳ-kheo như vậy là biết thời nghi.

4. “Sao gọi là Tỳ-kheo có thể sửa mình? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự biết mình, nay ta có sự thấy, nghe, nghĩ, biết này, có trí huệ như vậy,³ đi, bước, tiến, dừng thường theo chánh pháp. Tỳ-kheo không thể tự biết thích ứng theo trí huệ mà ra, vào, đi, đến, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể tự tu, tiến, dừng đều thích hợp, đây gọi là tự biết tu dưỡng. Đó gọi là Tỳ-kheo tự biết mình.

5. “Sao gọi là Tỳ-kheo biết vừa đủ? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự điều hòa việc ngủ nghỉ, tỉnh thức, ngồi, nằm, kinh hành, cách tiến dừng, đều có thể biết dừng đúng lúc. Tỳ-kheo không thể biết những việc ấy thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này hiểu rõ những việc này nên gọi là biết đủ. Tỳ-kheo như vậy gọi 6. “Sao gọi là Tỳ-kheo biết

³ *Trung*, ibid.: Tỳ-kheo biết mình, “Ta có tín, giới, thí, văn, huệ như vậy...” Pāli: bhikkhu attānaṃ jānāti- ‘ettakomhi saddhāya sīlena sutena cāgena paññāya paṭibhānenā’ ti.

vào đại chúng? Ở đây, Tỳ-kheo phân biệt đại chúng: Đây là dòng sát-lợi, đây là chúng bà-la-môn, đây là chúng cư sĩ, đây là [729a01] chúng sa-môn. Ta nên dùng pháp này mới thích hợp với chúng ấy, nên nói hay nên im lặng, tất cả đều biết. Tỳ-kheo không biết vào chúng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo ấy biết vào đại chúng nên gọi là biết vào chúng. Đó gọi là Tỳ-kheo biết vào đại chúng.

7. “Sao gọi là Tỳ-kheo biết căn nguyên mọi người? Tỳ-kheo nên biết có hai hạng người. Những gì là hai? Hoặc có một người muốn đến già-lam để thân cận Tỳ-kheo; người thứ hai không thích đến đó gặp gỡ Tỳ-kheo. Người muốn đến trong Tăng viện kia, thân cận Tỳ-kheo, là người tối thượng.

“Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người, tuy đến chỗ Tỳ-kheo song không tùy thích hợp mà hỏi; người thứ hai cũng không đến trong chùa gặp Tỳ-kheo. Người đến chùa kia là hơn hết.

“Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người, đến chỗ Tỳ-kheo tùy thích hợp mà hỏi; người thứ hai, đến chỗ Tỳ-kheo nhưng không hỏi điều thích hợp. Người đến chùa kia là đệ nhất tối tôn, vượt lên trên người kia.

“Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người đến chỗ Tỳ-kheo hết lòng nghe pháp; người thứ hai đến chỗ Tỳ-kheo, nhưng không hết lòng nghe pháp. Người (hết lòng nghe pháp) kia là người hơn hết.

“Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người, có thể quán sát pháp, thọ trì, đọc tụng; người thứ hai, họ không thể thọ trì, đọc tụng. Người có thể thọ trì kia, là đệ nhất tối thượng.

Tăng nhất A-hàm

“Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người nghe pháp liền hiểu nghĩa; người thứ hai, nghe pháp mà không hiểu nghĩa. Người (nghe pháp mà hiểu nghĩa) này là tối thượng.

“Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người, nghe pháp (và hiểu nghĩa) liền thành tựu pháp tùy pháp; người thứ hai, nghe pháp (và hiểu nghĩa) nhưng không thành tựu pháp tùy pháp. Người nghe pháp (hiểu nghĩa) kia, thành tựu pháp tùy pháp. Người này là tối tôn đệ nhất.

“Này Tỳ-kheo, lại có hai người. Những gì là hai? Một người, nghe pháp có thể kham nhẫn tu hành, phân biệt hệ tri chánh pháp; người thứ hai không thể kham nhẫn tu hành pháp kia. Người có thể kham nhẫn tu hành pháp kia, là tối tôn đệ nhất. Giống như bò có lạc, do lạc [729b01] có tô, do tô có đề hồ là tối tôn đệ nhất không gì bằng. Ở đây cũng vậy, nếu người nào có thể tu hành thì người này là tối tôn đệ nhất, không ai sánh kịp. Đó gọi là Tỳ-kheo quán sát căn người. Nếu có người nào không rõ điều này thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo kia nghe pháp, phân biệt nghĩa nó, đó là tối thượng. Tỳ-kheo như vậy là biết quán sát căn người.

“Nếu có Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp này, ngay trong hiện pháp an lạc vô vi, ý muốn đoạn trừ lậu cũng không khó khăn. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁴

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

1. “Cây trú độ⁵ trên trời Tam thập tam có gốc dọc ngang năm mươi do tuần, cao một trăm do tuần, bóng râm che đông, tây, nam, bắc năm mươi do tuần. Trời Tam thập tam vui chơi với nhau ở đó bốn tháng.

2. “Tỳ-kheo, nên biết, đến một lúc hoa lá cây trú độ ấy úa vàng, rơi rụng trên mặt đất. Chư thiên bấy giờ thấy điềm ứng này, tất cả đều hoan hỷ, tình vui phát sanh: ‘Cây này không bao lâu sẽ sinh ra hoa đầy trở lại.’

3. “Tỳ-kheo, nên biết, đến một lúc hoa của cây này tất cả đều rơi rụng xuống đất. Bấy giờ, trời Tam thập tam lại càng hoan hỷ tự bảo với nhau rằng: ‘Cây này không bao lâu sẽ trở thành màu tro.’

4. “Tỳ-kheo, nên biết, qua một thời gian nữa cây ấy liền thành màu tro. Lúc này, trời Tam thập tam thấy cây này biến thành màu tro rồi, lòng rất vui mừng tự bảo với nhau rằng: ‘Nay, cây này đã biến màu tro, không lâu sẽ nảy chồi.’⁶

5. Bấy giờ, trời Tam thập tam thấy cây trú độ này đã nảy chồi, không bao lâu nữa sẽ sanh nụ. Bấy giờ, trời Tam

⁴ Pāli, A.VII. 69. Pārichattaka. Hán, *Trung*, kinh 2.

⁵ Trú độ thọ 晝度樹. Pāli: *parichattaka*. Xem *Câu-xá* 11 tr. 60a6: 圓生樹 viên sanh thọ.

⁶ Sinh la võng 生羅網. Pāli: *jālakajāta*. Hán hiệu là *jāla-jāta*: Sinh lưới, thay vì *jālakā-jāta*, sinh chồi non.

thập tam thấy rồi, chư thiên lại hoan hỷ: ‘Hôm nay cây này đã sanh nụ, không bao lâu lại sẽ nở đầy.’

6. “Tỳ-kheo, nên biết, trời Tam thập tam thấy rồi, cây này từ từ nở đầy, lòng chư thiên đều hoan hỷ: ‘Cây này đã dần dần nở đầy, không lâu sẽ đĩnh đầy hoa.’

7. “Tỳ-kheo, nên biết, đến một lúc cây ấy nở đầy khắp, lòng chư thiên tất cả đều hoan hỷ: ‘Hôm nay, cây này nở [729c] đầy hoa.’ Bấy giờ, hương của nó bay ngược gió trong vòng trăm do tuần, không đâu không nghe mùi thơm. Bấy giờ, chư thiên cùng nhau vui chơi ở đó bốn tháng, vui không thể nói hết.

1. “Ở đây cũng vậy, đệ tử Hiền thánh khi phát ý muốn xuất gia học đạo, cũng giống như cây này bắt đầu muốn ủa rụng lá.

2. “Lại nữa, đệ tử Hiền thánh xả bỏ vợ con, tài sản, với lòng tin kiên cố cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, giống như lá cây kia rụng xuống đất.

3. “Tỳ-kheo, nên biết, đệ tử Hiền thánh không tưởng tham dục, trừ pháp bất thiện, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trú sơ thiền,⁷ như cây trú độ thành màu tro.

4. “Lại nữa, đệ tử Hiền thánh diệt tầm tứ, nội tĩnh, chuyên chú nhất tâm, không tầm, không tứ, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú nhị thiền, như cây kia nảy chồi.

5. “Lại nữa, đệ tử Hiền thánh, ly hỷ, an trú xả, tự thân giác tri lạc, điều mà chư Hiền thánh nói, xả, niệm, an trú lạc, chứng và an trú tam thiền, giống như cây kia sanh nụ.

⁷ Văn chuẩn về bốn thiền, xem kinh 1 phẩm 12.

6. “Lại nữa, đệ tử Hiền thánh diệt khổ lạc, ưu hỷ trước đó đã trừ, không khổ, không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng và an trú tứ thiền, giống như cây kia dần dần nở đầy.

7. “Lại nữa, đệ tử Hiền thánh dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng: ‘Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa,’ điều đó giống như cây kia nở hoa đầy khắp.

“Bây giờ, hương giới đức của đệ tử Hiền thánh nghe khắp bốn phương, không ai không ca ngợi. Trong bốn thánh tự hưởng vui thích, tâm an trú tứ thiền, bản hạnh đầy đủ. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu hương giới đức.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁸

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bây giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay ta sẽ nói bảy dụ về nước. Con người cũng như vậy. Hãy lắng nghe! Lắng nghe và suy nghĩ kỹ!”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

⁸ Pāli, Udakūpama (R. iv. 12). Hán, *Trung*, kinh 4.

Tăng nhất A-hàm

“Sao gọi là bảy dụ về nước mà tựa người? Giống như có người chìm ở đáy nước; lại có người tạm ngoi khỏi nước rồi lại chìm xuống; có người nổi lên khỏi nước rồi nhìn; lại có người [730a01] nổi lên khỏi nước rồi trụ; có người bơi đi trong nước; có người nổi lên khỏi nước rồi muốn đến bờ kia; lại có người đã đến bờ kia. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là bảy sự thí dụ về nước xuất hiện ở đời.

1. “Sao gọi là người chìm dưới đáy nước không nổi lên được? Ở đây, hoặc có người mà toàn thể đầy khắp pháp bất thiện, trải qua nhiều kiếp, không thể chữa trị. Đó gọi là người chìm dưới đáy nước.

2. “Sao gọi là người nổi lên khỏi nước rồi chìm lại? Hoặc có người mà tín căn dần mai một, tuy có pháp lành nhưng không chắc chắn. Thân, miệng, ý hành thiện, nhưng sau đó thân, miệng, ý lại hành pháp bất thiện, thân hoại mạng chung sanh vào địa ngục. Đó gọi là người ra khỏi nước rồi chìm lại.

3. “Sao gọi là người nổi lên khỏi nước rồi nhìn? Ở đây, hoặc có người có tín thiện căn, nhưng hành vi của thân, khẩu, ý lại không làm tăng trưởng pháp này, tự thủ mà đứng yên, thân hoại mạng chung sanh vào a-tu-la. Đó gọi là người ra khỏi nước mà nhìn.⁹

4. “Sao gọi là người ngoi lên khỏi nước rồi trụ? Ở đây, hoặc có người có lòng tin, tinh tấn dứt ba kết sử,¹⁰ không thoái chuyển nữa, ắt đạt cứu cánh, thành đạo Vô thượng. Đó gọi là người ngoi lên khỏi nước rồi trụ.¹¹

⁹ Hán dịch mục này khác thứ tự với *Trung* và *Pāli*: Đây là hạng người nổi lên rồi trụ được, không chìm trở lại.

¹⁰ *Pāli*: Đắc Dự lưu.

¹¹ Hán dịch mục này trái thứ tự với *Trung* và *Pāli*: Đây là hạng người ngoi lên khỏi nước rồi, đã trụ được, còn có thể quán sát.

5. “Sao gọi là người muốn lợi khỏi nước? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, lòng luôn hồ thẹn, voi mỏng ba kết sử dâm, nộ, si, trở lại đời này một lần nữa rồi đoạn trừ gốc khổ.¹² Đó gọi là người định vượt khỏi nước.

6. “Sao gọi là người muốn đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, dứt sạch năm hạ phần kết sử, thành A-na-hàm, không lại thế gian này nữa mà nhập Niết-bàn trên đó.¹³ Đó gọi là người muốn đến bờ kia.

7. “Sao gọi là người đã đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, mà có lòng hồ thẹn, dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, ở trong hiện pháp, tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, ở trong Niết-bàn giới vô dư mà Bát-niết-bàn. Đó gọi là người đã vượt qua bờ kia.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bảy dụ về nước và người, mà Ta vừa nói cho các người.

“Điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các người hãy ở nơi yên tĩnh, hoặc dưới bóng cây, hãy nghĩ đến việc tọa thiền, chớ sinh biếng nhác. Đó là lời dạy của Ta.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật [730b01] dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹⁴

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây

¹² Hạng chứng Nhất lai.

¹³ Trên Tịnh cư thiên.

¹⁴ Pāli, A.VII. 67. Nagara (R. iv. 105). Hán, *Trung*, kinh 3.

Tăng nhất A-hàm

Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thánh vương cai trị nước xa xôi,¹⁵ nếu thành tựu bảy pháp, sẽ không bị kẻ thù, giặc cướp chiếm giữ.

“Những gì là bảy? Thành quách ấy rất cao, được sửa sang tề chỉnh. Đó gọi là vị vua kia thành tựu pháp thứ nhất.

“Lại nữa, công thành kia chắc chắn. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ hai.

“Lại nữa, ngoài thành kia có hào rất sâu rộng. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ ba.

“Lại nữa, trong thành kia nhiều thóc gạo, kho lẫm chứa đầy ắp. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ tư.

“Lại nữa, thành kia nhiều củi, cỏ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ năm. Lại nữa, thành kia nhiều khí cụ, gậy gộc, đầy đủ các chiến cụ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ sáu.

“Lại nữa, chủ thành kia rất thông minh, tài cao, dự biết tình người, đáng dùng roi thì dùng roi, đáng sửa trị thì sửa trị. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ bảy, cảnh ngoài không thể đến xâm chiếm.

“Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, chủ nước thành kia thành tựu bảy pháp, nên người ngoài không thể tiếp cận quấy nhiễu.

“Ở đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nếu thành tựu bảy pháp thì tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện được. Những gì là bảy?

¹⁵ Hán: Viễn quốc 遠國. *Trung*, biên thành 邊城, thành trì ở biên địa. Pāli: *paccantimam nagaram*.

1. “Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu giới luật, đầy đủ oai nghi, phạm luật nhỏ còn sợ huống gì là lớn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ nhất này, tỳ ác ma không thể tùy tiện được. Giống như thành kia cao rộng, rất nghiêm nhặt, không thể phá hoại.

2. “Lại nữa, này Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc không khởi tương đắc, cũng không khởi niệm, nhãn căn đầy đủ, thủ hộ nhãn căn không để khuyết thủng, rò rỉ;¹⁶ tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp cũng lại như vậy, cũng không khởi tương, đầy đủ ý căn, mà không loạn tương, thủ hộ đầy đủ ý căn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia cửa ngõ chắc chắn.

3. “Lại nữa, Tỳ-kheo nghe nhiều không quên, thường nhớ nghĩ tư duy chánh pháp đạo giáo, những pháp đã nghe qua trước kia thấy đều thông suốt. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như bên ngoài thành quách kia có hào rất sâu và rộng.

4. “Lại nữa, Tỳ-kheo có nhiều phương tiện,¹⁷ những [730c01] pháp mà khoảng đầu thiện xảo, giữa thiện xảo, cuối cũng thiện xảo, thanh tịnh đầy đủ, hiển hiện phạm hạnh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ tư này; như thành quách kia, nhiều lúa gạo, giặc ngoài không dám đến xâm lăng.

5. “Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy về bốn pháp tăng thượng

¹⁶ Đoạn nói về phòng hộ căn môn, rải rác trong nhiều kinh, nhưng vẫn dịch không thống nhất.

¹⁷ Hán: Đa chư phương tiện 多諸方便, nên hiểu: Nhiều nỗ lực, tinh cần.

Tăng nhất A-hàm

tâm¹⁸, cũng không rỉ thoát.¹⁹ Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ năm này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia, nhiều củi, cỏ, người bên ngoài không thể đến quấy nhiễu.

6. “Lại nữa, Tỳ-kheo đắc bốn thần túc, thực hiện không khó. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ sáu này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như trong thành kia đầy đủ vũ khí.

7. “Lại nữa, Tỳ-kheo có thể phân biệt đầy đủ uẩn, xứ, giới, cũng lại phân biệt pháp do mười hai nhân duyên phát sanh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ bảy này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như chủ thành quách kia thông minh, tài cao, đáng bắt thì bắt, đáng thả thì thả.

“Nay đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, biết phân biệt đầy đủ các bệnh uẩn, giới, xứ.²⁰ Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện phân biệt uẩn, giới, xứ và mười hai nhân duyên, đừng để mất thứ lớp, liền vượt cảnh Ma, không có ở trong ấy nữa.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi* nghe như vậy:

¹⁸ Tức tu bốn thiền. Pāli: catunnam jhānam ābhicetasikānam.

¹⁹ Hán: Bất thoát lậu 不脫漏. Nên hiểu: Dễ chứng đạt, không khó. Pāli: *nikāmalābhī hoti akicchālābhī akasiralābhī*.

²⁰ Nguyên Hán: Âm, trì, nhập 陰持入.

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về bảy trú xứ của thức.²¹ Các người hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vì sao được gọi là bảy trú xứ của thức?

1. “Chúng sanh với nhiều loại thân, và nhiều loại tướng khác nhau, như người và trời.²²

2. “Lại nữa, chúng sanh hoặc nhiều loại thân nhưng chỉ có một tướng, đó là trời Phạm-ca-di mới xuất hiện ở thế gian.²³

3. “Lại nữa, chúng sanh một thân nhưng nhiều tướng, đó là trời Quang âm.

4. “Lại nữa, chúng sanh một thân, một tướng, đó là trời Biến tịnh.

5. “Lại nữa, chúng sanh vô lượng không, là trời Không xứ.

6. “Lại nữa, chúng sanh vô lượng thức, là trời Thức xứ.

²¹ Nguyên Hán: Thần chỉ xứ 神止處. Xem, *Trường*, kinh 9 (Chúng tập), tr. 52a24; kinh 10 (Thập thượng), tr. 54b19; *Trung* 24 kinh 97 (Đại nhân) tr. 581b12; Pāli, Cf. D.iii. tr. 253. *satta viññāṇaṭṭhitiyo*.

²² Hán dịch không xác định: Chỉ một phần thuộc chư thiên thôi.

²³ Hán: Sơ xuất thế gian, dịch không hết ý. Nên hiểu: vào thời kiếp thành.

7. “Lại nữa, chúng sanh vô hữu xứ, là trời Vô sở hữu xứ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là bảy nơi thức trú.

“Nay [731a01] Ta đã nói bảy thức xứ.

“Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các người hãy đến dưới bóng cây vắng vẻ, hãy khéo tu hạnh này, chớ có lười biếng. Đó là những lời dạy của Ta.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁴

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Vào lúc bấy giờ, Tôn giả Quân-đầu²⁵ thân mang bệnh nặng, nằm liệt giường, không thể tự ngồi dậy. Khi ấy, Quân-đầu nghĩ: “Hôm nay ta không được Thế Tôn Như Lai rủ lòng thương xót. Ta đang gặp bệnh nặng, không còn sống bao lâu nữa. Thuốc thang không tiếp. Lại nghe Thế Tôn nói: ‘Còn một người chưa độ, Ta quyết không bỏ.’ Song nay chỉ một mình ta bị bỏ rơi. Còn khổ nào hơn!”

Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhĩ nghe được lời oán trách của Tỳ-kheo Quân-đầu. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy tụ họp đi đến chỗ Tỳ-kheo Quân-đầu, hỏi

²⁴ Pāli, S. 46. 16 Gilāna (3) (R.v. 81).

²⁵ Quân-đầu. Pāli: Mahā-Cunda. Nhưng, bản Pāli nói đức Phật bệnh, và Cunda làm thị giả chăm sóc bệnh, chứ không phải Cunda bệnh.

thăm bệnh Tỳ-kheo ấy.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Rồi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đi lần đến phòng Tỳ-kheo Quân-đầu. Quân-đầu từ xa nhìn thấy Như Lai đến, liền tự gieo mình xuống đất. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

“Nay người mang bệnh rất là nặng, không cần xuống giường. Ta tự có chỗ ngồi.”

Thế Tôn bảo Quân-đầu:

“Bệnh của người tăng hay giảm, hay không tăng giảm? Người có thể nghe Ta dạy được không?”

Tỳ-kheo Quân-đầu bạch Phật:

“Bệnh hôm nay của đệ tử rất nặng, chỉ có tăng, không có giảm. Thuốc uống không thấm vào đâu.”

Thế Tôn hỏi:

“Người chăm sóc bệnh là ai vậy?”

Quân-đầu bạch:

“Các vị phạm hạnh đến, gặp thì chăm sóc.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

“Nay người có thể nói cho Ta nghe bảy giác chi không?”

Quân-đầu nêu tên bảy giác chi ba lần:

“Nay con có thể ở trước Như Lai nói pháp bảy giác chi.”

Thế Tôn bảo:

“Nếu có thể nói cho Như Lai nghe thì cứ nói.”

Quân-đầu bạch Phật:

“Bảy giác chi. Những gì là bảy? Như Lai đã nói, đó là niệm giác chi, pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an* giác chi, định giác chi, xả* giác chi. Bạch Thế Tôn, nói là có bảy giác chi này, chính là như vậy.”

Sau khi Tôn giả Quân-đầu nói những [731b01] lời này xong, mọi bệnh tật đều được trừ khỏi, không còn khổ não.²⁶ Bấy giờ, Quân-đầu bạch Thế Tôn:

“Hiệu nghiệm nhất trong các thứ thuốc, đó chính là pháp bảy giác chi này. Muốn nói là thuốc hay nhất không qua bảy giác chi này. Con nhờ tư duy về bảy giác chi mà bệnh gì cũng khỏi cả.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người thọ trì pháp bảy giác chi này, khéo nhớ phúng tụng, chớ có hồ nghi đối với Phật, Pháp, Tăng. Mọi bệnh hoạn của chúng sanh kia được trừ khỏi. Vì sao vậy? Vì bảy giác chi này rất khó lường hết, nhưng nhờ đó tất cả các pháp đều được thấu rõ, hết thấy các pháp đều được soi sáng. Cũng như thuốc hay chữa trị hết thấy các bệnh. Giống như cam lồ ăn không biết chán. Nếu không được bảy giác chi này, các loài chúng sanh sẽ trôi lăn sanh tử. Các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bảy giác chi.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²⁶ Bản Pāli: Phật bảo Cunda nói 7 giác chi. Cunda nói xong, Phật khỏi bệnh.

KINH SỐ 7²⁷

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở thế gian, liền có bảy báu xuất hiện thế gian. Bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, minh châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Đó là nói khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì bảy báu cũng xuất hiện, truyền khắp ở thế gian.

“Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian thì có bảy báu giác chi xuất hiện thế gian. Những gì là bảy? Niệm giác chi, pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an* giác chi, định giác chi, xả* giác chi xuất hiện ở thế gian. Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian thì, báu bảy giác chi này cũng xuất hiện ở thế gian. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bảy giác chi này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

²⁷ Pāli, S.46. 42. Cakkavatti (R. v. 99).

Tăng nhất A-hàm

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở thế gian, liền chọn lựa đất tốt mà xây thành quách, từ đông, tây mười hai do tuần; nam, bắc bảy do tuần. Đất đai màu mỡ, được mùa, hạnh phúc không thể nói hết. [731c01]

“Bấy giờ, bên ngoài thành được bao bọc bảy lớp xen kẽ bởi bảy báu. Bảy loại báu ấy là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, hổ phách, mã não, xà cừ. Đó gọi là bảy báu.

“Thành lại được bao quanh bởi bảy lớp hào rất sâu rộng tạo thành bởi bảy báu, khó mà vượt qua; trong hào toàn cát vàng.

“Lại có bảy lớp cây mọc chen giữa; các loại cây ấy có bảy loại màu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, xà cừ, mã não, hổ phách. “Thành trong được bao bọc bởi bảy lớp cửa kiên cố, cũng được làm bằng bảy báu.

“Khung cửa bằng bạc thì cánh cửa vàng, khung cửa bằng vàng thì cánh cửa bạc, khung cửa thủy tinh thì cánh cửa lưu ly, khung cửa bằng lưu ly thì cánh cửa thủy tinh, khung cửa bằng mã não thì cánh cửa hổ phách, rất là khoái lạc, thật không thể nói hết.

“Bốn mặt trong thành ấy có bốn ao tắm, mỗi một ao tắm dọc ngang một do tuần, có nước vàng, bạc, thủy tinh tự nhiên tạo thành. Ao nước bạc đông lại trở thành báu bạc, ao nước vàng đông lại trở thành báu vàng, Chuyển luân Thánh vương lấy đó mà sử dụng.

“Bấy giờ, trong thành kia có bảy loại âm thanh. Đó là tiếng tù và, tiếng trống, tiếng trống con, tiếng chuông, tiếng trống eo nhỏ, tiếng múa, tiếng ca. Đó gọi là bảy loại âm thanh.

“Bấy giờ, nhân dân thường vui chơi theo đó. Chúng sanh nơi đó không bị nóng lạnh, cũng không bị đói khát, cũng

không bịnh tật.

“Chuyển luân Thánh vương sống ở đời, thành tựu bảy báu này và bốn thần túc, không có giảm khuyết, không bao giờ mất. Những gì là bảy báu mà Chuyển luân Thánh vương thành tựu? Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, người nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Lại có ngàn người con rất dũng mãnh, có thể hàng phục giặc ngoài. Cõi Diêm-phù-lý-địa này, không dùng đao gậy để giáo hóa dân trong nước.”

1. Khi ấy có một Tỳ-kheo hỏi Thế Tôn:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu bánh xe báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương, vào sáng sớm ngày Rằm, tắm rửa, gọi đầu lên trên đại điện, có ngọc nữ vây quanh.

“Khi ấy, bánh xe báu đủ ngàn cãm từ phương Đông bay đến trước điện, ánh sáng rực rỡ huy hoàng, chẳng phải do người tạo, cách mặt đất bảy nhẫn, từ từ đến trước vua, rồi dừng lại. Thấy vậy, Chuyển luân Thánh vương liền nói: ‘Ta nghe người xưa nói, vua Chuyển luân vào ngày rằm, tắm rửa, gọi đầu, [732a01] lên ngôi trên điện. Lúc ấy, bánh xe báu tự nhiên từ phương Đông đến trước vua dừng lại. Nay ta phải thử bánh xe báu này.’

“Rồi vua Chuyển luân dùng tay phải nắm bánh xe báu mà nói rằng, ‘Giờ ngươi quay lăn cho đúng pháp, chớ đừng phi pháp.’ Bánh xe báu tự nhiên lăn quay và dừng trên không trung. Chuyển luân Thánh vương liền dẫn binh bốn bộ, cũng ở trên hư không.

“Khi ấy, bánh xe báu quay hướng về Đông, Chuyển luân

Thánh vương cũng theo bánh xe báu mà đi. Khi bánh xe báu dừng, Chuyển luân Thánh vương và bốn bộ binh cũng dừng trên hư không. Bấy giờ, vua Túc tán²⁸ và nhân dân từ xa trông thấy vua đến, tất cả đều đứng dậy nghinh đón, lại dùng bát vàng đựng bạc mụn, bát bạc đựng vàng mụn, dâng lên cho Chuyển luân Thánh vương mà tâu với vua rằng, ‘Hoan nghênh Thánh vương! Nay nhân dân thành phương này rất đông đúc, an vui vô hạn. Cúi xin đại vương hãy ở lại đây cai trị.’ Chuyển luân Thánh vương bảo dân nước ấy, ‘Các người hãy dùng pháp cai trị giáo hóa, chớ có dùng phi pháp, cũng chớ có sát sanh, trộm cắp, tà dâm, cẩn thận chớ có dùng phi pháp cai trị giáo hóa.’

“Sau đó, bánh xe báu lại di chuyển đến phương Nam, phương Tây, phương Bắc, vỗ về giáo hóa hết thấy nhân dân rồi trở về nơi vua đang trị vì, đi cách mặt đất bảy nhẫn và dừng lại.

“Này Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu bánh xe báu như vậy.”

2. Tỳ-kheo lại bạch Thế Tôn:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu voi báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, nên biết, vào ngày rằm, Chuyển luân Thánh vương tắm rửa, gội đầu, rồi lên trên đại điện. Bấy giờ, voi báu từ phương Nam đến, có sáu ngà, lông trắng tuốt, có bảy chỗ bằng phẳng, được trang sức bằng vàng, bạc, châu báu, có thể bay trên hư không. Thấy vậy, Chuyển luân

²⁸ Túc tán vương, chỉ các Tiểu vương, chư hầu của Chuyển luân. Xem kinh 2 phẩm 25, chđ. 4.

Thánh vương liền tự nghĩ: ‘Voi báu này rất kỳ diệu, hiếm có trên đời, thể tánh nhu hòa, không hung bạo. Nay ta phải thử voi báu này.’ Rồi thì, sáng sớm, khi mặt trời sắp mọc, Chuyển luân Thánh vương liền cưỡi voi báu này dạo khắp bốn biển, giáo hóa nhân dân. Chuyển luân Thánh vương thành tựu voi báu như vậy.”

3. Tỳ-kheo lại bạch Thế Tôn:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngựa báu như thế nào?”

Thế Tôn nói:

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, ngựa báu bay từ phía Tây đến, lông màu xanh đậm, lông đuôi có ánh đỏ, đi không lắc lư, [732b01] có thể bay trên hư không, không có gì trở ngại. Thấy vậy, lòng rất vui mừng: ‘Ngựa báu này thật là kỳ lạ. Nay phải sai khiến nó. Thể tánh khôn và lành, không có bạo chứng. Ta phải thí nghiệm ngựa báu này.’ Rồi Chuyển luân Thánh vương liền cưỡi ngựa báu này đi khắp bốn châu thiên hạ, dạy dỗ nhân dân rồi trở về nơi chỗ ấy trị vì. Nay các Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngựa báu như vậy.”

4. Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lại thành tựu ngọc báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây, Tỳ-kheo, khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, lúc đó ngọc báu từ phương Đông bay đến, có tám góc, bốn mặt có ánh sáng, dài một thước sáu tấc. Chuyển luân Thánh vương thấy vậy, liền tự nghĩ: ‘Ngọc báu này rất kỳ lạ, ta phải thử nó.’ Rồi vào lúc nửa đêm, Chuyển luân Thánh vương tập hợp bốn bộ binh, đem ma-

Tăng nhất A-hàm

ni báu này gắn vào đầu ngọn cờ cao. Lúc đó, ánh sáng chiếu mười hai do tuần trong đất nước ấy. Bấy giờ, nhân dân trong thành thấy ánh sáng này, mọi người bảo nhau rằng: “Giờ mặt trời đã mọc, hãy lo liệu việc nhà.” Chuyển luân Thánh vương ngồi trên điện, nhìn khắp nhân dân rồi trở vào trong cung. Sau đó, Chuyển luân Thánh vương đem ma-ni này cất vào trong cung; cả trong ngoài đều sáng khắp, không đâu là không sáng. Nay Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngọc báu này như vậy.

5. Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu người nữ báu như thế nào?”

Thế Tôn nói:

“Tỳ-kheo, nên biết, khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, tự nhiên ngọc nữ báu này xuất hiện, dung mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, không cao, không thấp, không trắng, không đen, tánh tình nhu hòa, không hung bạo, hơi miệng có mùi hương hoa sen, thân phát mùi hương chiên đàn, thường theo hầu hạ Thánh vương, không quên thời khắc, thường tỏ ra hòa nhã vui cười nhìn vua. Nay Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngọc nữ như vậy.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật rằng:

6. “Chuyển luân Thánh vương thành tựu cư sĩ báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây, nay Tỳ-kheo, khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời liền có cư sĩ báu xuất hiện ở thế gian, không cao, không thấp, thân thể màu hồng, tài cao, trí tốt, không

việc gì không suốt, lại đạt thiên nhãn thông. Bấy giờ, cư sĩ đi đến chỗ vua tâu với vua rằng, ‘Cúi [732c] mong Thánh vương sống lâu vô cùng! Nếu vua muốn cần vàng, bạc, châu báu gì, thần sẽ cung cấp hết thảy.’ Cư sĩ dùng thiên nhãn quán sát nơi có kho báu và nơi không có kho báu, đều thấy tất cả. Vua có cần báu gì, tùy thời cung cấp.

“Khi ấy, Chuyển luân Thánh vương muốn thử cư sĩ báu kia, liền dẫn cư sĩ này qua sông, chưa đến bờ bên kia, liền nói với cư sĩ rằng, ‘Nay ta cần vàng, bạc, châu báu. Hãy làm sao có ngay bây giờ.’ Cư sĩ đáp, ‘Đến trên bờ trước, thần sẽ cung cấp.’ Chuyển luân Thánh vương nói, ‘Nay ta cần báu ở đây, chứ không cần khi đến trên bờ.’ Khi ấy, cư sĩ liền quỳ xuống, chấp tay hướng xuống nước, tức thì bảy báu trong nước liền vọt lên. Bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương bảo Gia chủ, ‘Thôi, thôi, Cư sĩ! Không cần báu nữa.’ Nay các Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu cư sĩ báu như vậy.”

7. Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu điển binh báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây, Tỳ-kheo, khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời liền có điển binh báu tự nhiên hiện đến, thông minh, cái thế, biết trước tình người, thân thể hồng hào, đi đến chỗ Chuyển luân Thánh vương, tâu Thánh vương: ‘Cúi mong Thánh vương cứ tự nhiên hưởng lạc thú. Nếu Thánh vương muốn cần binh chúng, tiến thoái đúng lúc, thần sẽ cung cấp ngay.’ Rồi điển binh báu theo ý vua, tập hợp binh chúng ở cạnh vua.

“Bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương muốn thử điển binh

báu, liền tự nghĩ: ‘Hãy tập hợp binh chúng của ta ngay bây giờ!’ Lập tức binh chúng liền ở ngoài cửa vua. Nếu ý muốn Chuyển luân Thánh vương khiến binh chúng đứng yên, liền đứng yên; muốn tiến thì, liền tiến. Nay Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu điển binh báu như vậy.

“Tỳ-kheo nên biết, Chuyển luân Thánh vương thành tựu bảy báu này như vậy.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

“Thế nào là Chuyển luân Thánh vương thành tựu bốn thần túc, được nhiều thiện lợi?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

1. “Ở đây, Chuyển luân Thánh vương tướng mạo đoan chánh, hiếm có trên đời, hơn hẳn người thường. Giống như thiên tử kia, không ai sánh kịp. Đó gọi là Chuyển luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ nhất này.

2. “Lại nữa, Chuyển luân Thánh vương thông minh, cái thế, không gì không điều luyện; là bậc hùng mãnh trong người. Bấy giờ, không ai hơn trí huệ phong phú của Chuyển luân Thánh vương này. Đó gọi là (Chuyển luân Thánh vương) thành tựu thần túc thứ hai.

[733a01] 3. “Lại nữa Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương không hề có bệnh tật; thân thể khỏe mạnh, mọi thứ đồ ăn thức uống tự nhiên tiêu hóa, không lo các chứng đại tiểu tiện. Đó gọi là Chuyển luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ ba.

4. “Lại nữa Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thọ mạng rất dài, tuổi thọ không thể tính. Tuổi thọ con người lúc ấy không ai hơn tuổi thọ Chuyển luân Thánh vương. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là Chuyển luân Thánh vương thành

tự thân túc thứ tư này.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là Chuyển luân Thánh vương có bốn thần túc.”

Tỳ-kheo kia lại bạch Phật:

“Sau khi Chuyển luân Thánh vương mạng chung, sẽ sanh nơi nào?”

Thế Tôn nói:

“Chuyển luân Thánh vương, sau khi mạng chung, sẽ sanh lên trời Tam thập tam, thọ mạng ngàn tuổi. Vì sao vậy? Vì tự thân Chuyển luân Thánh vương không sát sanh, lại dạy người khác khiến không sát sanh; tự mình không trộm cướp, lại dạy người khiến không trộm cướp; tự mình không dâm dật, lại dạy người khiến không dâm dật; tự mình không nói dối, lại dạy người khiến không nói dối; tự mình hành pháp thập thiện, lại dạy người khiến hành pháp thập thiện.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, Chuyển luân Thánh vương nhờ công đức này, sau khi mạng chung, sanh lên trời Tam thập tam.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia liền tự nghĩ:

“Chuyển luân Thánh vương thật đáng được hâm mộ. Muốn nói đó là con người, lại chẳng phải là người; nhưng kỳ thật chẳng phải là trời mà lại thi hành việc trời, hưởng thụ lạc thú vi diệu, không đoạ ba đường dữ. Nếu hôm nay ta dũng mãnh giữ giới, chắc sẽ có phước để đời tương lai được làm Chuyển luân Thánh vương, không thích hay sao?”

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những ý nghĩ trong tâm Tỳ-kheo kia, bảo Tỳ-kheo kia:

Tăng nhất A-hàm

“Ở trước Như Lai, đừng có ý nghĩ như vậy. Vì sao vậy? Chuyển luân Thánh vương tuy thành tựu bảy báu, có bốn thần túc không ai sánh kịp, nhưng vẫn không thoát khỏi ba đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vì sao vậy? Vì Chuyển luân Thánh vương không đắc bốn thiên, bốn thần túc, không chứng đắc bốn đế. Vì nhân duyên này, sau lại đọa vào ba đường dữ. Thân người rất khó được, gặp phải tám nạn, muốn thoát ra rất khó; sinh ở chính giữa nước cũng lại không dễ; muốn có bạn lương thiện cũng lại không phải dễ; muốn cùng thiện tri thức gặp nhau cũng lại không dễ; muốn theo học đạo trong giáo pháp Như Lai cũng lại khó gặp; Như Lai xuất hiện thật không thể gặp; [733b01] giáo pháp được giảng dạy cũng khó gặp như vậy; hiểu bốn đế và bốn phi thường, thật khó mà được nghe. Chuyển luân Thánh vương cũng không được cứu cánh bốn pháp này.

“Này Tỳ-kheo, nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, khi ấy có bảy báu này xuất hiện ở thế gian; đó là bảy giác chi của Như Lai, dẫn đến cứu cánh vô biên, chỗ trời người khen ngợi.

“Này Tỳ-kheo, nay khéo tu phạm hạnh, ngay hiện thân này sẽ chấm dứt được biên tế khổ, thì cần gì đến bảy báu của Chuyển luân Thánh vương?

Bảy giờ, Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Như Lai như vậy, ở tại nơi vắng vẻ tư duy đạo pháp, vì mục đích mà thiện gia nam tử sở dĩ cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, tu chánh nghiệp vô thượng, để như thật biết rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau.’ Bảy giờ, Tỳ-kheo kia thành A-la-hán.

Tỳ-kheo kia, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9²⁹

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Đồng Chân Ca-diếp³⁰ ở trong vườn Trú âm,³¹ nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào nửa đêm, Ca-diếp kinh hành. Khi ấy có vị trời đến chỗ Ca-diếp, ở giữa hư không nói với Ca-diếp:

“Tỳ-kheo nên biết, ngôi nhà³² này ban đêm bốc khói, ban ngày bị lửa cháy.³³ Có người bà-la-môn nói với một người có trí: ‘Giờ ông hãy cầm đao đục núi.³⁴ Khi đang đục núi tất sẽ thấy một đồ gánh³⁵ thì hãy nhổ nó lên. Rồi ông đục lại núi; khi đang đục núi tất sẽ thấy núi. Giờ hãy bỏ núi. Ông lại đục núi; khi đang đục núi tất thấy con ếch ương. Bấy giờ ông hãy bỏ³⁶ con ếch ương. Ông lại đục núi; khi đang đục núi sẽ thấy đồng thít. Thấy đồng thít, hãy bỏ nó. Bấy giờ ông lại đục núi; khi đang đục núi sẽ gặp cái gông. Thấy cái gông, hãy bỏ nó. Bấy giờ, ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy hai con đường.³⁷ Khi thấy hai đường, hãy bỏ nó. Bấy giờ ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy cành cây. Thấy cành cây, hãy bỏ nó. Bấy giờ ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy con rồng.³⁸ Thấy con rồng

²⁹ Tham chiếu Pāli, M. 23 Vammika (R. i. 142).

³⁰ Đồng Chân Ca-diếp 童真迦葉. Pāli: Kumārakassapa. Xem *Trường*, kinh 7 (Tệ-tú); D. 23. Pāyāsi.

³¹ Trú âm viên. Pāli: Andhavana, khu rừng ở phía nam Xá-vệ.

³² Pāli: *vammika*, gò mối.

³³ Pāli: *divā pajjalati*, ban ngày rực sáng.

³⁴ Hán: Tạc sơn 鑿山. Bản Pāli: Cầm gươm mà đào gò mối lên.

³⁵ Hán: phụ vật 負物. Pāli: thấy cái then cửa (*laṅgi*).

³⁶ Pāli: *ukkhīpa*, hãy lấy lên. Hán hiểu là *nikkhipa*, hãy để xuống.

³⁷ Hán: Nhị đạo. Pāli: *dvidhāpatha*, đường đi có hai lối.

³⁸ Pāli: *nāga*, có thể hiểu là rắn (thần), cũng có thể là rồng.

rồi, chớ nói gì với nó, hãy lo tự quy mạng,³⁹ và để yên nó đó.⁴⁰

“Này Tỳ-kheo! Hãy suy nghĩ kỹ nghĩa này. Nếu không hiểu thì lập tức đến thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn hỏi điều này. Nếu Như Lai có dạy điều gì thì khéo nhớ nghĩ mà thực hành. Vì sao vậy? Vì hiện tại tôi cũng không thấy có người, sa-môn, bà-la-môn, [733c01] Ma hoặc Thiên ma nào có thể hiểu nghĩa này, trừ Như Lai và đệ tử Như Lai, hoặc nghe từ tôi.⁴¹”

Ca-diếp bảo vị thiên:

“Việc này thật hay!”

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn; đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

“Nay con muốn hỏi nghĩa Như Lai. Những điều vị trời nói, ý nghĩa nhắm đến cái gì? Vì sao nói nhà này ban đêm bốc khói, ban ngày lửa cháy? Tại sao nói là bà-la-môn? Tại sao nói là người trí? Lại nói đực núi, ý nghĩa này nhắm đến cái gì? Nói về con dao, con cũng không

³⁹ Pāli: *namo karoṇi nāgassa*, hãy đánh lễ (xưng nam-mô) con rắn.

⁴⁰ Thứ tự các vật đào được trong Hán dịch khác với bản Pāli. Có ba vật không đồng nhất được giữa Hán và Pāli. Hán: Núi, cái gong, cành cây. Pāli: *caṅgavāra* (cái bát), *kumma* (con rùa), *asisūna* (dao mổ bò).

⁴¹ Hán: Nhược tùng ngã văn 若從我聞. Hán có thể dịch sai; nên hiểu: hoặc nghe trực tiếp từ Như Lai. So sánh Pāli (định cú): *ito vā pana sutvā*, hoặc nghe từ đó; tức những ai nghe từ Phật hay đệ tử của Phật. Nhưng tiếng Phạn ít khi dùng từ nhân xưng, nên Hán dịch tự tiện thêm từ “tôi” vào. Tham chiếu, *Trung* 25 (tr. 584c29): 唯有如來。如來弟子或從此聞。

hiếu. Tại sao nói là đồ gánh? Lại nói về núi, nghĩa này thế nào? Tại sao lại nói con ễnh ương? Tại sao lại nói đồng thịt? Tại sao lại nói cái gông? Tại sao nói hai con đường? Cành cây, nghĩa nó thế nào? Tại sao nói là con rồng?”

Thế Tôn bảo:

“Nhà tức là hình thể do sắc bốn đại tạo thành, nhận huyết mạch cha mẹ dần dần lớn lên, thường được nuôi dưỡng bằng thức ăn không để thiếu thốn, là pháp phân tán. Ban đêm có khói là chỉ cho tâm niệm của các loài chúng sanh. Ban ngày lửa cháy là chỉ cho hành động do thân, miệng, ý đã tạo. Bà-la-môn là A-la-hán. Người trí là người học.⁴² Đục núi là chỉ tâm tinh tấn. Con dao chính là chỉ trí huệ. Đồ gánh là năm kết sử.⁴³ Núi là kiêu mạn.⁴⁴ Con ếch là chỉ tâm sân hận. Đồng thịt là chỉ tham dục. Cái gông chỉ năm dục.⁴⁵ Hai đường là chỉ nghi ngờ. Cành cây là vô minh.⁴⁶ Rồng là chỉ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác.⁴⁷ Những lời vị thiên kia nói, nghĩa nó như vậy. Nay người hãy suy nghĩ cho kỹ, không lâu sẽ dứt sạch hữu lậu.”

Sau khi vâng lời Như Lai dạy, Ca-diếp ở nơi vắng vẻ mà tự tu hành, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, tu phạm hạnh, biết như thật rằng: ‘Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong,

⁴² Học nhân 學人, chỉ Thánh giả hữu học.

⁴³ Pāli: Bát đưng (*caṅgavāra*, Hán?), chỉ năm triền cái (*pañca nīvaraṇāṇaṃ*).

⁴⁴ Pāli: Không có.

⁴⁵ Pāli: Con dao mổ (*asisūna*) chỉ năm dục (*pañca kāmagaṇāṇaṃ*).

⁴⁶ Pāli: Then cửa (*laṅgī*) chỉ vô minh (*āviijā*).

⁴⁷ Pāli: Chỉ Tỳ-kheo lậu tận (*khīṇāsavassetaṃ bhikkhuno*).

Tăng nhất A-hàm

không còn tái sinh đời sau.’ Bấy giờ, Ca-diếp thành A-la-hán.

Ca-diếp, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10⁴⁸

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyet, cùng đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị. Mãn Nguyệt Tử⁴⁹ cũng dẫn theo [734a01] năm trăm Tỳ-kheo an cư ở sanh quán.⁵⁰

Bấy giờ, sau khi kiết hạ chín mươi ngày ở thành La-duyet, Thế Tôn đi du hóa trong nhân gian dần dần đến vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Các Tỳ-kheo phân tán trong nhân gian cũng đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

“Các người hạ an cư ở đâu?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Chúng con hạ an cư tại quê nhà.”

Thế Tôn bảo:

“Trong số các Tỳ-kheo các người an cư tại sanh quán, ai là người sống với hạnh a-lan-nhã, lại hay khen ngợi a-lan-nhã, tự hành khát thực, lại khuyến khích người khiến hành khát thực không mất thời nghỉ, tự đắp y vá nhiều

⁴⁸ Pāli, M. 24 Rathavinīta (R. i. 146). Hán, *Trung*, kinh 9.

⁴⁹ Mãn Nguyệt Tử. Pāli: Puṇṇa Mantāniputta.

⁵⁰ Puṇṇa Mantāniputta quê ở Donavatthu, gần Kapilavatthu.

mảnh,⁵¹ lại khuyến khích người khiến đắp y vá nhiều mảnh, tự tu tri túc, lại cũng ca ngợi hạnh tri túc, tự mình sống ít ham muốn, cũng lại ca ngợi hạnh ít ham muốn, tự thích nơi nhàn tĩnh, lại khuyến khích người khác ở nơi nhàn tĩnh; tự giữ hạnh ấy, lại khuyến khích người khác khiến giữ hạnh ấy, tự thân giới thanh tịnh đầy đủ, lại khuyến khích người khác khiến tu giới ấy, tự thân thành tựu tam-muội, lại khuyến khích người khác khiến hành tam-muội, tự thân thành tựu trí huệ, lại dạy người khác khiến hành trí huệ, tự thân thành tựu giải thoát, lại khuyến khích người khác khiến hành giải thoát, tự thân thành tựu giải thoát tri kiến, lại khuyến khích người khác khiến hành pháp này, tự thân cò thể giáo hóa không biết chán đủ, nói pháp không lười mỏi?”

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Tỳ-kheo Mãn Nguyên Tử ở trong chúng Tỳ-kheo này kham nhận giáo hóa. Tự thân tu hạnh a-lan-nhã, cũng lại khen ngợi hạnh a-lan-nhã, tự thân mặc y vá, ít ham muốn, biết đủ, tinh tấn, dũng mãnh, khát thực, thích ở nơi vắng vẻ, thành tựu giới, tam-muội, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến*, lại khuyến khích người khác khiến hành pháp này, tự mình có thể giáo hóa, nói pháp không biết chán đủ.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Sau khi nghe pháp xong, các Tỳ-kheo ngồi lại một lát, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng và ra đi.

Trong lúc ấy, cách Thế Tôn không xa, Xá-lợi-phất ngồi kiết già, chánh thân chánh ý, buộc niệm trước mặt. Khi ấy, Xá-lợi-phất [734b01] suy nghĩ như vậy: “Hôm nay

⁵¹ Bô nạp y 補納衣, đây chỉ y phân tảo.

Mãn Nguyên Tử được nhiều thiện lợi. Vì sao vậy? Các Tỳ-kheo phạm hạnh khen ngợi đức kia, và Thế Tôn lại xác nhận lời này, cũng không phản đối. Ngày nào ta sẽ cùng vị ấy được gặp nhau, và đàm luận với vị ấy?”

Bấy giờ, tại quê hương mình, Mãn Nguyên Tử giáo hóa đã xong, sau đó đi giáo hóa trong nhân gian, lần hồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thế Tôn thứ tự nói pháp cho nghe. Mãn Nguyên Tử sau khi nghe pháp xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi ra đi, lấy ni-sur-đàn vắt trên vai hữu, đi đến trong vườn Trú ám.

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ xa trông thấy Mãn Nguyên Tử lấy ni-sur-đàn vắt trên vai hữu, đi đến trong vườn kia. Thấy vậy, ông liền đến chỗ Xá-lợi-phất, bạch rằng:⁵²

“Thế Tôn thường khen ngợi Mãn Nguyên Tử. Thầy ấy vừa đến chỗ Như Lai nghe Phật nói pháp, nay đang đi vào trong rừng. Tôn giả nên biết thời thích hợp.”

Sau khi nghe Tỳ-kheo ấy nói, Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lấy ni-sur-đàn vắt lên vai phải, và đi đến trong khu rừng kia.

Bấy giờ, Mãn Nguyên Tử ngồi kiết già dưới một bóng cây. Xá-lợi-phất cũng lại ngồi kiết già tư duy ở dưới một bóng cây. Sau đó, Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Mãn Nguyên Tử. Đến nơi, sau khi cùng hỏi thăm nhau, rồi ngồi qua một bên. Xá-lợi-phất hỏi Mãn Nguyên Tử:

⁵² Đoạn này có thể do Hán dịch tự thêm thắt, vì mâu thuẫn với đoạn cuối, theo đó, Xá-lợi-phất cho tới khi kết thúc đoạn luận mới nhận ra người đối thoại là Mãn Nguyên Tử. Sự kiện này không phù hợp với tường thuật của Pāli, và *Trung A-hàm*.

“Thế nào, Mãn Nguyên Tử, có phải do⁵³ Thế Tôn mà ngài làm đệ tử tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Đúng vậy, đúng vậy.”

Xá-lợi-phất lại hỏi:

“Lại có phải nhân bởi⁵⁴ Thế Tôn mà được tu giới thanh tịnh⁵⁵ không?”

Mãn Nguyên Tử nói:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Có phải do tâm thanh tịnh⁵⁶ nên nương nơi Như Lai mà tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Có phải vì kiến thanh tịnh nên nương nơi Như Lai mà tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

⁵³ Biến cách 7 của Phạm ngữ đây dịch thành *sở do*, thay vì *sở y*. Nên hiểu: (chúng ta) ở nơi Thế Tôn, hay nương nơi Thế Tôn (*sở y*), mà tu phạm hạnh. Như vậy để có mạch lạc với những câu hỏi và câu trả lời đoạn sau.

⁵⁴ Biến cách 7, Hán dịch thành *sở do*, nên câu hỏi trở thành vô lý. Nên hiểu: “Có phải (chúng ta) nương nơi Thế Tôn (*sở y*, biến cách số 7) mà tu phạm hạnh ...?”

⁵⁵ Pāli: *sīlavisuddhattham*, (có phải) vì mục đích giới thanh tịnh?

⁵⁶ Pāli: *cittavisuddhattham*, vì mục đích tâm thanh tịnh.

Tăng nhất A-hàm

“Không phải”

Xá-lợi-phất nói:

“Thế nào, có phải vì không do dự⁵⁷ mà được tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Có phải do hành tích thanh tịnh⁵⁸ mà được tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Thế nào, có phải vì trí thanh tịnh ở trong đạo⁵⁹ mà được tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Thế nào, có phải vì tri kiến thanh tịnh [734c] mà được tu phạm hạnh không?”

⁵⁷ Pāli: *kaṅkhāvitaraṇavisuddhattham*, độ nghi tịnh, vì mục đích sự thanh tịnh do vượt qua hoài nghi.

⁵⁸ Pāli: *paṭipadāññānadassanavisuddhattham*, đạo tích kiến tịnh, vì mục đích thanh tịnh của tri kiến về phương pháp hành trì. Thứ tự trong bản Pāli, mục đích này ở sau đạo phi đạo kiến tịnh.

⁵⁹ Pāli: *maggāmaggaññānadassanavisuddhattham*, đạo phi đạo kiến tịnh, vì mục đích thanh tịnh về sự thấy rõ đâu là Thánh đạo và đâu là không phải. Xem cht. 58 trên.

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Những câu hỏi vừa rồi của tôi, ‘Có phải ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh không?’ Thầy lại đáp tôi rằng: ‘Đúng vậy.’”

Tôi lại hỏi: ‘Có phải do trí tuệ, tâm thanh tịnh, đạo tri kiến thanh tịnh, được tu phạm hạnh không?’

Thầy lại nói: ‘Không phải.’”

Vậy vì sao thầy ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Nghĩa⁶⁰ giới thanh tịnh là để khiến tâm thanh tịnh. Nghĩa* tâm thanh tịnh là để khiến kiến thanh tịnh. Nghĩa* kiến thanh tịnh là để khiến không do dự thanh tịnh. Nghĩa* không do dự thanh tịnh là để khiến hành tích thanh tịnh. Nghĩa* hành tích thanh tịnh là để khiến đạo thanh tịnh. Nghĩa* đạo thanh tịnh là để khiến tri kiến thanh tịnh. Nghĩa* tri kiến thanh tịnh là để khiến nhập nghĩa Niết-bàn.⁶¹ Đó gọi là ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh.”

Xá-lợi-phất hỏi:

“Nghĩa thầy nói hôm nay nhắm về đâu?”

Mãn Nguyên Tử nói:

⁶⁰ Hán: Nghĩa, nên hiểu là “mục đích.” Pāli: *atthaṃ*.

⁶¹ Pāli: *ñāṇadassanavisuddhi yāvadeva anupādāparinibbānatthā*, tri kiến thanh tịnh là vì mục đích vô dư Niết-bàn (không còn chấp thủ).

Tăng nhất A-hàm

“Nay tôi sẽ đưa ra thí dụ để giải thích nghĩa này. Người trí nhờ thí dụ mà hiểu nghĩa đó, người trí tự ngộ. Giống như hôm nay vua Ba-tư-nặc đi từ thành Xá-vệ đến nước Bà-kì, khoảng giữa hai nước bố trí bảy chiếc xe. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc ra khỏi thành, lên chiếc xe thứ nhất, đến chiếc thứ hai; lên chiếc thứ hai, bỏ chiếc thứ nhất lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ ba và bỏ chiếc thứ hai lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ tư và bỏ chiếc thứ ba lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ năm và bỏ chiếc thứ tư lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ sáu và bỏ chiếc thứ năm lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ bảy và bỏ chiếc thứ sáu lại để vào nước Bà-kì. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đã đến trong cung, nếu có người hỏi: ‘Hôm nay Đại vương đi cỗ xe nào đến cung này?’ thì vua ấy sẽ đáp thế nào?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Nếu có người hỏi thì sẽ đáp như vậy: ‘Tôi ra khỏi thành nước Xá-vệ, trước lên xe thứ nhất đến xe thứ hai; lại bỏ xe thứ hai, lên xe thứ ba; lại bỏ xe thứ ba, lên xe thứ tư; lại bỏ xe thứ tư, lên xe thứ năm; lại bỏ xe thứ năm, lên xe thứ sáu; lại bỏ xe thứ sáu, lên xe thứ bảy đến nước Bà-kỳ. Vì sao vậy? Vì tất cả nhờ xe trước đến xe thứ hai, lần lượt làm nhân cho nhau đến được nước kia.’ Nếu có người hỏi thì nên trả lời như vậy.”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Nghĩa* giới thanh tịnh cũng lại như [735a01] vậy. Do tâm thanh tịnh mà được kiến thanh tịnh; do kiến thanh tịnh mà đạt được trừ do dự; do nghĩa không do dự mà đạt được hành tích thanh tịnh; do nghĩa hành tích thanh tịnh mà đạt được đạo thanh tịnh; do nghĩa đạo thanh tịnh mà đạt được tri kiến thanh tịnh; do nghĩa tri kiến thanh tịnh mà đạt được nghĩa Niết-bàn, do đó mà ở nơi Như Lai

được tu phạm hạnh.

“Vì sao vậy? Vì nghĩa giới thanh tịnh là tướng chấp thủ⁶², nhưng Như Lai dạy khiến trừ chấp thủ*. Nghĩa tâm thanh tịnh cũng là tướng chấp thủ, nhưng Như Lai dạy trừ chấp thủ cho đến nghĩa tri kiến cũng là chấp thủ. Như Lai dạy trừ chấp thủ cho đến Niết-bàn, do đó mà ở nơi Như Lai được tu phạm hạnh. Nếu chỉ vì giới thanh tịnh mà nương nơi Như Lai tu phạm hạnh, thì ngay kẻ phạm phu cũng sẽ diệt độ.⁶³ Vì sao vậy? Vì kẻ phạm phu cũng có giới pháp này.⁶⁴ Thế Tôn đã dạy, theo thứ lớp thành đạo mà đến được Niết-bàn giới, chẳng phải chỉ có giới thanh tịnh mà đến được diệt độ. Giống như có người muốn lên trên lầu bảy tầng, phải theo thứ bậc mà đi lên. Nghĩa giới thanh tịnh cũng lại như vậy; dần dần mới đến tâm. Do tâm mà đạt đến kiến. Do kiến mà đạt đến không do dự. Do không do dự mà đạt đến hành tích thanh tịnh. Do hành tích thanh tịnh mà đến được đạo. Do đạo thanh tịnh mà đạt đến tri kiến. Do tri kiến mà đạt đến Niết-bàn.”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất liền khen:

“Lành thay, lành thay, nghĩa này được nói thật khéo léo. Thầy tên là gì? Các Tỳ-kheo phạm hạnh gọi thầy hiệu gì?”

Mãn Nguyên Tử nói:

⁶² Nguyên Hán: Thọ nhập chi mạo 受入之貌.

⁶³ Đoạn dịch Hán này tối nghĩa. So sánh Pāli: Xá-lợi-phất hỏi, “Phải chăng giới thanh tịnh là Niết-bàn không còn chấp thủ?” cho đến “tri kiến thanh tịnh là Niết-bàn không còn chấp thủ?” Mãn Nguyên Tử đều trả lời không phải. Nhưng ngoài các pháp được hỏi đó cũng không có pháp nào đề đến Niết-bàn. Nếu không, phạm phu cũng đạt đến Niết-bàn, vì phạm phu không có những pháp đó.

⁶⁴ Câu này Hán dịch rõ ràng sai. Vì các pháp mà Xá-lợi-phất vừa hỏi nhất định không thể có nơi phạm phu. Xem cht. 63 trên.

“Tôi tên là Mãn Nguyên Tử. Họ mẹ là Di-đa-na-ni.⁶⁵”

Xá-lợi-phất nói:

“Lành thay, lành thay, Mãn Nguyên Tử! Trong pháp Hiền thánh thật không ai sánh bằng thầy; trong lòng chứa đựng cam lồ, lại ban phát vô cùng. Nay tôi đã hỏi nghĩa rất sâu, thầy đều đã giải đáp tất cả. Cho dù các vị phạm hạnh đội thầy trên đầu mà đi khắp thế gian, cũng không thể báo đáp được ơn này. Những ai đến thân cận, hỏi han, người ấy sẽ được nhiều thiện lợi. Nay tôi cũng được lợi nhiều nhờ sự chỉ giáo đó.”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Lành thay, lành thay, như những lời thầy nói! Thầy tên là gì? Các Tỳ-kheo gọi thầy là gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tôi tên Ưu-ba-đề-xá. Mẹ tên Xá-lợi. Các Tỳ-kheo gọi tôi là Xá-lợi-phất.”

[735b01] Mãn Nguyên Tử nói:

“Hôm nay tôi cùng đã bàn luận với bậc Đại nhân. Vậy mà trước đó tôi không biết vị Đại tướng⁶⁶ của pháp đến nơi này! Nếu tôi biết Tôn giả Xá-lợi-phất đến đây thì không dám cùng biện luận đối đáp như vậy. Nhưng Tôn giả hỏi nghĩa rất sâu này, nên tiếp theo đó tôi đã giải đáp.

“Lành thay, Xá-lợi-phất! Vị Thượng thủ trong các đệ tử của Phật, thường an trú với pháp vị cam lồ. Dù cho các vị phạm hạnh đội Tôn giả Xá-lợi-phất trên đầu mà đi khắp

⁶⁵ Di-đa-na-ni 彌多那尼. Skt. Maitrāyaṇi, nhưng Pāli: Mantāni.

⁶⁶ Nguyên Hán: Đại chủ 大主. Xá-lợi-phất được xưng tụng là vị Đại tướng quân của Chánh pháp.

thế gian, từ năm này qua năm khác, cũng không thể báo đáp được ơn ấy chút nào. Ở đây, có chúng sanh nào đến hỏi thăm, thân cận Tôn giả, người ấy sẽ có được nhiều lợi. Chúng tôi cũng được lợi nhiều.”

Bấy giờ, hai hiền giả đàm luận với nhau trong khu vườn ấy như vậy.

Sau khi hai vị nghe những gì đã được nói, đều hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Đẳng pháp và Trú độ,
Dụ nước và thành quách,
Thức, Quân-đầu, hai luân,
Bà-mật và bảy xe.⁶⁷*

⁶⁷ Bản Hán, hết quyển 43.

40. PHẨM BẢY MẶT TRỜI

KINH SỐ 1¹

[735b20] Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, sau giờ ăn, các Tỳ-kheo tập trung ở giảng đường Phổ hội bàn luận như vậy: “Núi Tu-di này rất là rộng lớn, các núi khác không thể sánh, hết sức kỳ lạ, cao rộng hùng vĩ. Như vậy mà không bao lâu nữa sẽ bị tan rã, không còn sót thứ gì. Các núi lớn khác y tựa vào núi Tu-di, cũng sẽ tan rã.”

Bấy giờ, Thế Tôn bằng thiên nhĩ nghe các Tỳ-kheo bàn luận như vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ giảng đường kia và ngồi xuống. Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

“Các người ở đây đang bàn luận những gì? Đang định làm gì?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Chúng con tụ tập ở đây luận về pháp sự kia. Những điều vừa được thảo luận đều đúng như pháp.”

Thế Tôn bảo:

“Lành [735c] thay, Tỳ-kheo! Các người xuất gia cần phải thảo luận chánh pháp. Nhưng cũng không bỏ sự im lặng của Hiền thánh. Vì sao vậy? Khi các Tỳ-kheo tụ tập một chỗ thì nên làm hai việc. Những gì là hai? Một là luận

¹ Pāli, A. VII. 62 Suriya (R. iv.99), D. 27 Aggañña.

bàn như pháp; hai là im lặng như Thánh hiền. Các người làm hai việc này, luôn luôn được an ổn, không mất thời nghỉ. Vừa rồi, các người đã luận nghĩa như pháp những gì vậy?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Hôm nay, các Tỳ-kheo tụ tập tại giảng đường này để luận nghĩa như vậy: ‘Thật là kỳ lạ, núi Tu-di này hết sức cao rộng, nhưng núi Tu-di này như vậy không bao lâu sẽ bị tan rã. Các núi Thiết vi ở bốn phía cũng sẽ bị tan rã như vậy.’ Vừa rồi chúng con tụ tập ở đây bàn luận như pháp vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Các người có muốn nghe sự biến chuyển đưa đến bại hoại của cảnh giới thế gian này không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Nay là lúc thích hợp, cúi xin Thế Tôn hợp thời giảng nói, để cho chúng sanh được tâm giải thoát.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ luôn trong lòng.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Núi Tu-di thật rộng lớn, không núi nào có thể sánh bằng. Tỳ-kheo, nên biết, núi Tu-di nhô khỏi mặt nước cao tám vạn bốn ngàn do tuần và chìm dưới nước sâu cũng tám vạn bốn ngàn do tuần. Núi Tu-di được tạo nên

do bốn loại báu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Lại có bốn góc cũng được tạo thành do bốn loại báu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Thành vàng, quách bạc; thành bạc, quách vàng; thành thủy tinh, quách lưu ly; thành lưu ly, quách thủy tinh. Trên núi Tu-di có năm loại trời cư trú ở đó, đều do túc duyên mà sống nơi này. Những gì là năm? Trong thành bạc kia có trời Tế cước² cư trú; trong thành vàng kia có trời Thi-lợi-sa³ cư trú; trong thành thủy tinh kia có trời Hoan duyệt⁴ cư trú; trong thành lưu ly kia có trời Lực thịnh⁵ cư trú. Giữa thành vàng và bạc có Tì-sa-môn Thiên vương cư trú cùng với số lượng dạ-xoa không thể đếm xuể. Giữa thành vàng và thủy tinh có Tì-lưu-bác-xoa Thiên vương cư trú cùng với các Long thần. Giữa thành thủy tinh và lưu ly có Tì-lưu-lặc-xoa Thiên vương cư trú. Giữa thành lưu ly và vàng có Đề-đâu-lại-tra Thiên vương cư trú.

“Tỳ-kheo, nên biết, [736a] dưới núi Tu-di có a-tu-la cư trú. Khi a-tu-la muốn đánh nhau với trời Tam thập tam thì trước cùng đánh nhau với trời Tế cước. Nếu thắng, tiến đến thành vàng cùng đánh nhau với trời Thi-lợi-sa. Khi đã thắng trời Thi-lợi-sa, lại đến thành thủy tinh cùng đánh nhau với trời Hoan duyệt. Thắng rồi, chúng tiến đến thành lưu ly. Thắng đây rồi, chúng đánh nhau với trời

² Tế cước 細脚. Có lẽ *Câu-xá 11* (tr. 59c2) gọi là Kiên thủ 堅手 (Skt. Karotapāṇi).

³ Thi-lợi-sa 尸利沙. Cf. *Trường 20* tr. 129b13: Trong thành của a-tu-la có nghị trường tên là 七尸利沙. Thất-thi-lị-sa.

⁴ Hoan duyệt 歡悅. Có lẽ *Câu-xá 11* nói là Hằng kiều 恒僑 (Skt. Sadāmatṭa, nhưng đây đọc là Sadāmanas).

⁵ Lực thịnh 力盛. Có lẽ *Câu-xá 11* là Trì man (Skt. Māladhara, nhưng đây đọc là Malladhara).

Tam thập tam.⁶

“Tỳ-kheo, nên biết, trời Tam thập tam cư trú trên đỉnh núi Tu-di, ngày đêm phát ra ánh sáng; tự chiếu sáng cho nên như vậy. Nương vào núi Tu-di mà mặt trời, mặt trăng trôi đi. Nhật thiên tử có thành quách dài rộng năm mươi một do tuần. Nguyệt thiên tử có thành quách dài rộng ba mươi chín do tuần. Ngôi sao lớn nhất dài rộng một do tuần, sao nhỏ nhất dài rộng hai trăm bộ. Đỉnh núi Tu-di từ Đông sang Tây, từ Nam đến Bắc, dài rộng tám vạn bốn nghìn do tuần.

“Gần núi Tu-di, phía nam có núi Đại thiết vi⁷ dài rộng dài tám vạn bốn nghìn dặm, cao tám vạn dặm.

“Thêm nữa, ngoài núi này có núi Ni-di-đà⁸ bọc quanh núi ấy, cách núi Ni-di-đà lại có núi tên là Khur-la,⁹ cách núi này lại còn có núi tên Tì-sa,¹⁰ cách núi này lại còn có núi tên Mã đầu,¹¹ lại có núi tên Tỳ-na-da, kể núi Tỳ-na-da¹² lại có núi tên Thiết vi, Đại thiết vi.

“Chính giữa núi Thiết vi có tám địa ngục lớn, mỗi địa

⁶ Pāli, Jā. i. 204: Đế Thích đặt năm vòng đai bảo vệ cung thành Tam thập tam, từ dưới chân Tu-di đi lên: *nāga* (rồng), *garuḍa* (kim sí điểu), *kumbhaṇḍa* (cừu-bàn-trà), *yakkha* (dạ-xoa), và Tứ thiên vương.

⁷ Thiết vi 大鐵圍. Skt. (Mahā) Cakravāḍa. Pāli: Cakkavāḷa. Các núi bao quanh Tu-di, xem *Trường*, kinh 29 Thế ký, phẩm Diêm-phù-đề. *Câu-xá* 11, phẩm iii Thế gian. Thứ tự được kể trong bản Hán dịch này không phù hợp với các tài liệu dẫn trên.

⁸ Ni-di-đà 尼彌陀山, Skt. Nimimdhara. Pāli: Nemindhara.

⁹ Khur-la 佉羅. Skt. Khadiraka. Pāli: karavīka.

¹⁰ Tì-sa 俾沙. Skt. īśādhara. Pāli: īsadhara.

¹¹ Mã đầu 馬頭. Skt. Āśvakarṇa; Pāli: Assakaṇṇa.

¹² Tỳ-na-da 毘那耶. Skt. , Pāli: Vinataka.

ngục có mười sáu ngục phụ.¹³ Núi Thiết vi này giúp ích rất nhiều cho Diêm-phù-đề-lý-địa. Nếu không có núi Thiết vi này, Diêm-phù-đề-lý-địa thường là nơi hôi thối.

“Bên ngoài núi Thiết vi có núi Hương tích;¹⁴ cạnh đó có tám vạn bốn ngàn voi chúa trắng sinh sống nơi này. Mỗi con có sáu ngà được trang sức bằng vàng, bạc. Trong núi ấy có tám vạn bốn ngàn hang, các voi ấy cư trú ở đó. Con voi tối thượng được tạo bởi vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Thích Đề-hoàn Nhân thường tự thân cỡi nó. Chuyển luân Thánh vương cỡi voi nhỏ nhất. Cạnh núi Hương tích có ao nước Ma-đà¹⁵, sinh toàn hoa sen ưu-bát, hoa câu-mâu-đầu; những con voi kia nhờ rễ ăn. Cạnh ao nước Ma-đà có núi tên Ưu-xà-già-la¹⁶. Núi này sanh ra đủ loại cây cỏ, chim, thú, sâu bọ, hổ báo đều nương vào núi này mà ở, có nhiều người đắc thần thông cũng đều sống ở đây. Kế đó lại có núi tên Ban-trà-bà¹⁷, tiếp lại có núi tên Kỳ-xà-quật¹⁸. [736b01] Đây là chỗ y cứ của Diêm-phù-lý-địa.

“Các Tỳ-kheo nên biết, cho đến một lúc, khi thế gian này sắp băng hoại, trời không mưa, những lúa mạ đã gieo không tăng trưởng, các con sông suối nhỏ đều bị khô cạn, tất cả các hành đều qui về vô thường, không tồn tại lâu.

¹³ Hán: Cách từ 隔子.

¹⁴ Hương tích 香積. *Câu-xá 11* (tr. 58a20): Hương túy 香醉. Skt. Gandhamādana.

¹⁵ *Phiên Phạn ngữ 9* T54 tr.1045b7: “摩陀池 Ma-đà trì, cũng nói là 摩陀延 Ma-đà-diên, dịch là 醉 túy. Skt. mādana.

¹⁶ *Phiên Phạn ngữ*, dẫn trên, tr. 1043a7: “優闍伽羅 Ưu-xà-già-la, dịch là 覺 giác.” Skt. ujjāgara?

¹⁷ *Phiên Phạn ngữ*, dẫn trên, “般茶婆 Ban-trà-bà, dịch là 日 nhật, cũng nói là 姓 tánh.” Skt. ?

¹⁸ Các đoạn trên đều dịch La-duyet (-kỳ), hoặc Linh thứu.

“Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc bốn sông lớn như Hằng hà, Tu-đầu, Tử-đà, Bà-xoa cũng lại khô cạn không còn gì sót lại. Cũng vậy Tỳ-kheo, vô thường trăm lần biến đổi chính là vậy.

“Tỳ-kheo, cho đến một lúc, khi thế gian này có hai mặt trời xuất hiện, lúc ấy các loại cây cối thảo mộc đều điều tàn. Cũng vậy Tỳ-kheo, vô thường biến dịch, không được tồn tại lâu dài. Lúc ấy, nước các nguồn suối nhỏ đều khô cạn. Tỳ-kheo, nên biết, khi hai mặt trời xuất hiện, nước trong bốn biển lớn tất cả đều khô cạn đến cả trăm do tuần, dần dần đến bảy trăm do tuần, nước tự nhiên khô.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi ba mặt trời xuất hiện ở thế gian, nước bốn biển lớn trong vòng ngàn do tuần, tự nhiên khô cạn, dần dần cho đến bảy ngàn do tuần, nước tự nhiên khô cạn.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi bốn mặt trời xuất hiện, nước bốn biển lớn chỉ còn sâu khoảng một ngàn do tuần. Như vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường không tồn tại lâu dài được.

“Tỳ-kheo, cho đến một lúc, khi thế gian có năm mặt trời xuất hiện, lúc ấy nước trong bốn biển lớn chỉ còn bảy trăm do tuần nước, dần dần còn lại một trăm do tuần. Tỳ-kheo, nên biết, khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển chỉ còn một do tuần; dần dần nước khô không còn gì hết. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước chỉ còn bảy thước. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển khô hết không còn gì. Tỳ-kheo, nên biết, tất cả các hành đều vô thường, không tồn tại lâu dài được.

“Tỳ-kheo, cho đến một lúc, khi sáu mặt trời xuất hiện, mặt đất dày sáu vạn tám ngàn do tuần này đều bốc khói hết. Núi Tu-di cũng dần dần bị sụp lở. Khi sáu mặt trời

xuất hiện, ba ngàn đại thiên quốc độ này đều băng hoại. Giống như người thợ gốm nung đồ gốm. Lúc ấy, ba ngàn đại thiên quốc độ cũng lại như vậy, lửa cháy bùng bùng, lan khắp nơi.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi sáu mặt trời xuất hiện, tám địa ngục lớn cũng bị tiêu diệt, nhân dân qua đời. Năm loại trời nương vào núi Tu-di cũng mạng chung. Trời Tam thập tam, trời Diêm thiên, cho đến trời Tha hóa [736c01] tự tại cũng mạng chung; cung điện đều trống. Khi sáu mặt trời xuất hiện, núi Tu-di và ba ngàn đại thiên quốc độ đều trống không, không còn gì. Như vậy, Tỳ-kheo, các hành đều vô thường, không tồn tại lâu dài được.

“Tỳ-kheo, nên biết, cho đến một lúc, khi bảy mặt trời xuất hiện, bảy giờ đất tuy dày sáu vạn tám ngàn do tuần và ba ngàn đại thiên quốc độ đều bốc lửa. Khi bảy mặt trời xuất hiện, núi Tu-di này dần dần tan hoại, trăm ngàn do tuần tự nhiên sụp lở hoàn toàn không còn gì, cũng không còn thấy mây may khói bụi, huống gì là thấy tro!

“Khi ấy, cung điện trời Tam thập tam cho đến trời Tha hóa tự tại đều bốc lửa. Lửa bốc cháy nơi này cho đến trên Phạm thiên. Các thiên tử mới sinh ở thiên cung kia, vì xưa nay không thấy kiếp thiêu, nên khi thấy ánh lửa bốc cháy này trong lòng kinh hãi, lo bị lửa đốt. Song những vị thiên tử sống lâu, đã từng thấy kiếp thiêu liền đến an ủi những thiên tử mới sanh: ‘Các ông chớ có lo sợ. Lửa này hoàn toàn không thể lan đến nơi này.’

“Tỳ-kheo, nên biết, khi bảy mặt trời xuất hiện, từ nơi này đến sáu trời Dục giới, cho đến ba ngàn đại thiên quốc độ, đều thành tro bụi, cũng không còn dấu vết hình chất. Như vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không thể bảo tồn lâu, đều đưa đến hoại diệt. Bảy giờ, nhân dân qua đời, sinh về quốc độ khác, hoặc sinh lên trời. Chúng sanh

nào trong địa ngục, nếu tội trước đã hết thì sinh lên trời, hoặc quốc độ khác. Nếu chúng sanh địa ngục kia chưa hết tội thì lại dời đến quốc độ khác.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi bảy mặt trời xuất hiện, không còn dấu vết ánh sáng mặt trời, mặt trăng và tinh tú. Khi ấy mặt trời mặt trăng đã diệt, không còn ngày và đêm. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là vì quả báo nên đưa đến tan rã này.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi thành tựu kiếp trở lại, cho đến một lúc lửa tự nó tắt mất, trong hư không nổi lên mây lớn, dần dần mưa xuống. Khi ấy, ba ngàn đại thiên quốc độ này đều ngập nước. Nước dâng lên cõi Phạm thiên.

“Tỳ-kheo, nên biết, bảy giờ nước này dần dần ngưng lại và tự tiêu hết. Lại có cơn gió khởi lên tên là Tùy lam, thổi nước này tụ lại một chỗ. Lúc bảy giờ, gió này lại thổi dậy một ngàn núi Tu-di, một ngàn núi Kì-di-đà,¹⁹ một ngàn núi Ni-di-đà, một ngàn núi Khur-la, một ngàn núi Y-sa, một ngàn núi Tỳ-na, một ngàn núi Thiết vi, một ngàn núi Đại thiết vi. Lại sinh tám ngàn địa ngục, [737a01] lại sanh một ngàn núi Mã đầu, một ngàn núi Hương tích, một ngàn núi Ban-trà-bà, một ngàn núi Ưu-xà-già, một ngàn cõi Diêm-phù-đề, một ngàn cõi Cù-da-ni, một ngàn cõi Phất-vu-đãi, một ngàn cõi Uất-đơn-việt. Lại sinh nước một ngàn biển, lại sinh một ngàn cung Tứ thiên vương, một ngàn trời Tam thập tam, một ngàn Diêm thiên, một ngàn trời Đâu-suất, một ngàn trời Hóa tự tại, một ngàn trời Tha hóa tự tại.

“Tỳ-kheo, nên biết, cho đến một lúc, nước rút, đất bày trở lại. Khi ấy trên đất tự nhiên có lớp chất béo đất,²⁰ rất

¹⁹ Kì-di-đà 祇彌陀; có thể chép dư.

²⁰ Địa phì 地肥. Xem *Trường 6* (kinh 5 Tiểu duyên, tr. 37b27); *Trung 39* kinh 154 (tr. 674b24). Pāli, D 27 Agañña (R.iii. 85).

thơm ngon hơn cả cam lồ. Nên biết chất béo đất kia có mùi vị giống như rượu ngọt bồ đào.

“Tỳ-kheo, nên biết, cho đến một lúc, các vị trời Quang âm nói với nhau: ‘Chúng ta xuống Diêm-phù-đề để xem mặt đất kia khi phục hồi trở lại.’ Thiên tử Quang âm xuống đến thế gian, thấy trên mặt đất có chất béo đất này liền dùng ngón tay quét đưa vào miệng mà ăn thử. Khi ấy, thiên tử ăn nhiều chất béo đất nên không còn oai thần và ánh sáng nữa, thân thể trở nên nặng mà sanh ra xương thịt, mất thân tức không còn bay được. Thiên tử nào ăn ít chất béo đất thì thân thể không nặng, cũng không mất thân tức, có thể bay lại trên hư không.

“Lúc ấy, những thiên tử mất thân tức đều cùng nhau than khóc, nói với nhau: ‘Nay chúng ta thật là cùng khốn, lại mất thân tức, phải ở lại thế gian, không thể trở lên trời lại được.’ Rồi họ ăn chất béo đất này, và để ý nhan sắc nhau. Khi ấy, thiên tử nào có nhiều dục ý thì trở thành người nữ, rồi làm tình dục cùng nhau vui thích.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là lúc thế gian mới hình thành có pháp dâm này lưu truyền thế gian, là thường pháp tối sơ, khi người nữ xuất hiện ở đời; cũng lại là pháp xưa chẳng phải mới ngày nay.

“Lúc ấy, các vị trời Quang âm khác thấy các thiên tử đọa lạc liền đến quở trách rằng: ‘Vì sao các ông lại làm hạnh bất tịnh này.’ Lúc này, các chúng sanh lại tự nghĩ: ‘Chúng ta phải tìm cách nào để có thể nghỉ đêm với nhau mà mọi người không thấy.’ Dần dần chúng làm nhà cửa để tự che thân thể. Này Tỳ-kheo, đó gọi là do nhân duyên này mà ngày nay có nhà cửa.

“Tỳ-kheo, nên biết, cho đến một lúc chất béo đất tự nhiên lẫn xuống đất, sau đó sanh ra lúa gạo rất tươi sạch, cũng

không có vỏ ngoài, hết sức thơm ngon khiến người ăn được mập trắng. Sáng thu hoạch, chiều lại sinh; chiều thu hoạch, sáng lại sinh. Nay Tỳ-kheo, bấy giờ mới có tên lúa gạo này xuất hiện.

[737b01]“Tỳ-kheo, cho đến một lúc nhơn dân biếng nhác, không chuyên cần sinh hoạt. Có một người suy nghĩ: ‘Vì sao ngày nào ta cũng phải gặt hái lúa thóc này. Nên thu một lần cho cả hai ngày.’ Người đó liền đi thu hoạch lúa một lần cho hai ngày.

“Bấy giờ, nhân dân lần lượt mang thai, và do đó có sự sanh đẻ.

“Một lúc nọ, có một chúng sanh bảo chúng sanh kia: ‘Chúng ta cùng đi gặt lúa.’ Người kia đáp: ‘Tôi đã lấy lương thực đủ cho hai ngày.’ Người này nghe xong bèn nghĩ: ‘Ta phải chứa lương thực bốn ngày.’ Người ấy liền lo lương thực đủ bốn ngày. Lại có chúng sanh nói với chúng sanh ấy rằng: ‘Chúng ta cùng ra ngoài thâu lúa.’ Người này đáp: ‘Tôi đã lấy lương thực bốn ngày.’ Người kia nghe rồi liền nghĩ như vậy: ‘Ta phải lo lương thực tám ngày.’ Nó liền lo chứa thức ăn tám ngày. Do vậy, lúa kia không sinh trở lại.

“Bấy giờ, mọi người suy nghĩ như vậy: ‘Thế gian có tai họa lớn. Giờ lúa thóc này không như xưa nữa. Nay phải phân chia lúa thóc này.’ Tức thì chúng phân chia lúa thóc.

“Lúc ấy, có chúng sanh suy nghĩ như vậy: ‘Giờ ta hãy giấu lúa thóc mình. Nên ăn trộm lúa thóc người khác.’ Rồi chúng sanh ấy giấu lúa thóc mình, ăn trộm lúa thóc người khác. Chủ kia bắt gặp nó ăn trộm lúa thóc, liền nói với nó: ‘Sao ông lấy lúa thóc của tôi? Giờ tha tội ông, sau này chớ tái phạm.’ Bấy giờ, thế gian bắt đầu có tâm trộm cắp này.

Tăng nhất A-hàm

“Lúc này, lại có chúng sanh nghe lời này rồi liền nghĩ như vậy: ‘Giờ ta hãy giấu lúa thóc mình. Nên trộm lúa thóc người khác.’ Rồi, chúng sanh ấy liền cất vật của mình mà lấy vật người khác. Người chủ kia thấy vậy, nói với nó: ‘Sao ông lại lấy lúa thóc tôi?’ Nhưng người kia im lặng không đáp. Lúc ấy, chủ vật liền giơ nắm tay đánh: ‘Từ nay về sau chớ có xâm lấn nữa!’”

“Bấy giờ, mọi người dân nghe chúng sanh trộm lẫn nhau, bèn tụ tập và cùng bàn bạc: ‘Thế gian có phi pháp này, chúng trộm lẫn nhau. Nay phải lập người giữ ruộng để giữ gìn ruộng. Có chúng sanh kia thông minh tài giỏi nên lập làm chủ ruộng.’”

“Rồi họ bầu chọn chủ ruộng mà nói rằng: ‘Các vị nên biết, thế gian có sự trộm cắp phi pháp này. Nay ông hãy giữ ruộng, chúng tôi sẽ trả công cho. Những người dân nào đến lấy trộm lúa thóc người khác, hãy trị tội họ.’ Bấy giờ chủ ruộng được lập.

“Tỳ-kheo, nên biết, người giữ ruộng kia bấy giờ [737c01] được gọi là dòng sát-lợi, đều là pháp xưa chẳng phải pháp bây giờ.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ này:

*Dòng sát-lợi bắt đầu,
Đứng đầu trong các họ.
Người thông minh tài giỏi,
Được trời người kính ái.*

“Bấy giờ, có người kia xâm phạm vật người khác, nó liền bị sát-lợi bắt trị phạt. Nhưng người ấy lại không sửa đổi lỗi mà vẫn tái phạm. Chứa sát-lợi ra lệnh làm đao trượng, bắt người kia mà bêu đầu. Bấy giờ thế gian bắt đầu có sự sát sanh này. Khi ấy, mọi người dân nghe giáo lệnh này: ‘Nếu có ai trộm cướp lúa thóc người khác, Chứa sát-lợi

sẽ bắt giết.’ Tất cả sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng.

“Có người dựng am cỏ, ở trong ấy tọa thiền, tu phạm hạnh, nhất quyết xả bỏ gia nghiệp, vợ con thế thiếp. Độc cư nhàn tịnh quyết chí tu phạm hạnh. Nhân từ đó về sau có chủng tánh bà-la-môn. Bấy giờ liền có hai chủng tánh xuất hiện ở đời.

“Tỳ-kheo, nên biết, thời bấy giờ do trộm cắp nên có sát sanh; do sát nên có đao trượng.

“Bấy giờ, chúa sát-lợi bồ cáo nhân dân: ‘Người nào đẹp đẽ, tài cao, sẽ được giao thống lĩnh nhân dân này.’ Lại bồ cáo: ‘Nếu người dân nào trộm cắp sẽ bị trừng trị.’ Sau đó liền có dòng họ tỳ-xá này xuất hiện ở đời.

“Bấy giờ, có nhiều chúng sanh nghĩ như vậy: ‘Nay mọi người sát hại nhau, đều là do nghề nghiệp mà ra. Nay ta phải lui tới khắp nơi để mưu tự nuôi sống.’ Khi ấy liền có chủng tánh thú-đà-la xuất hiện ở đời.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ này:

*Đầu tiên lớp sát-lợi;
Kế đến bà-la-môn;
Thứ ba là tỳ-xá;
Tiếp nữa dòng thú-đà.
Có bốn dòng dõi này,
Dân dân sanh lẫn nhau,
Đều từ thân trời đến,
Và cùng một sắc da.*

“Tỳ-kheo, nên biết, khi có tâm sát sanh, trộm cắp này, nên không còn có lúa thóc tự nhiên này nữa. Bấy giờ, có năm loại hạt giống, một là hạt từ rễ, hai là hạt từ thân, ba [738a01] là hạt từ cành, bốn là hạt từ hoa, năm là hạt từ quả và sinh những loại hạt giống khác. Đó gọi là năm

Tăng nhất A-hàm

loại giống, đều do gió thổi từ các quốc độ nơi khác đến, được dùng để trồng, lấy đó để tự nuôi sống.

“Nhu vậy, Tỳ-kheo, thế gian có điềm báo này liền có sanh, già, bệnh, chết, cho đến khiến cho ngày nay có thân năm thủ uẩn này, không dứt được biên tế khổ.

“Đó gọi là sự biến đổi lúc kiếp thành bại của thế giới mà Ta nói cho các người.

“Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm, nay Ta đã nói hết cho các người. Hãy vui sống nơi chỗ nhàn tĩnh, nên nhớ nghĩ ngôi thiền, chớ sinh giải đãi. Nay không tinh thành, sau hối hận vô ích. Đây là những lời dạy dỗ của Ta.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2²¹

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại Ca-lan-đà trong vườn Trúc, tại thành La-duyet, cùng đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ, vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế ở giữa quần thần nói rằng:

“Nước Bạt-kỳ rất thịnh vượng, dân chúng đông đúc. Ta sẽ chinh phạt để thu phục nước ấy.”

Rồi vua A-xà-thế bảo bà-la-môn Bà-lợi-ca²² rằng:

“Ông hãy đến chỗ Thế Tôn, xưng tên họ ta mà hỏi thăm

²¹ Pāli, A.VII. 20 Vassakāra (R. iv. 16), *Trường 3* kinh 2; *Trung* 35 kinh 142.

²² Bà-lợi-ca 婆利迦. Pāli: Vassakāra.

Thế Tôn, đánh lễ, thưa sự, rồi thưa: ‘Vua A-xà-thế bạch Thế Tôn, vua có ý muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ, không biết có được không?’ Nếu Như Lai có dạy gì, ông hãy nhớ kỹ rồi về nói lại cho ta. Vì sao vậy? Như Lai không có nói hai lời.”

Bà-la-môn vâng lệnh vua, đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn bạch Phật rằng:

“Vua A-xà-thế kính lạy Thế Tôn, thưa sự, hỏi thăm.”

Rồi lại bạch:

“Ý vua muốn công phạt nước Bạt-kỳ, trước hết đến hỏi Phật, không biết có được không?”

Bấy giờ, bà-la-môn kia lấy y che kín đầu, chân mang giày ngà voi, hông đeo kiếm bén, không nên vì ông nói pháp.

Khi ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

“Nếu nhân dân nước Bạt-kỳ tu bảy pháp, quyết không bị giặc cướp bên ngoài tiêu diệt. Những gì là bảy?

1. “Nếu nhân dân nước Bạt-kỳ tập hợp lại một chỗ không phân tán, sẽ không bị nước khác phá hoại. Đó gọi là pháp thứ nhất không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

2. “Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ trên dưới hòa [738b01] thuận, nhân dân nước Bạt-kỳ sẽ không bị người ngoài cầm giữ. Đây A-nan, đó gọi là pháp thứ hai không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

3. “Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không tà dâm, đắm sắc người nữ khác, đó gọi là pháp thứ ba không bị giặc ngoại xâm phá hoại.

4. “Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không đem việc nơi này truyền đến nơi kia, cũng lại không đem việc

Tăng nhất A-hàm

nơi kia truyền đến nơi này, đó gọi là pháp thứ tư không bị giấc cướp bên ngoài phá hoại.

5. “Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ cúng dường sa-môn, bà-la-môn, thừa sự, kính lễ đồng phạm hạnh, đó gọi là pháp thứ năm không bị giấc cướp bên ngoài phá hoại.

6. “Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không tham đắm của báu người khác, đó gọi là pháp thứ sáu không bị giấc cướp bên ngoài phá hoại.

7. “Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ đều cùng một lòng, hướng²³ đến miếu thần, mà chuyên tinh ý mình, sẽ không bị giấc cướp bên ngoài phá hoại. Đó gọi là pháp thứ bảy không bị giấc ngoại xâm phá hoại.

“A-nan, đó gọi là người Bạt-kỳ tu bảy pháp này, quyết không bị giấc cướp bên ngoài phá hoại.”

Khi ấy, bà-la-môn bạch Phật:

“Giả sử người nước Bạt-kỳ thành tựu chỉ một pháp thôi, còn không thể hoại, hướng chỉ đến bảy pháp thì làm sao hoại nổi? Đây đủ thay, bạch Thế Tôn. Nhưng việc nước đa đoan, con muốn trở về.”

Bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Sau khi bà-la-môn đi được một lát, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói bảy pháp không thối chuyển, các người hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

²³ Bản Hán: Bất hướng 不向. Nghi chép dư chữ bất. Tham chiếu, *Trung 35*, *ibid*.

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Sao gọi là bảy pháp không thối chuyển?

1. “Tỳ-kheo, nên biết, nếu Tỳ-kheo cùng tập hợp lại một chỗ, đều cùng hòa thuận, trên dưới chăm sóc nhau, tiến dần lên trên²⁴, tu các pháp lành không thối chuyển, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ nhất.

2. “Lại nữa, chúng Tăng hòa hợp, thuận theo giáo pháp, tiến dần lên trên, không thối chuyển, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ hai.

3. “Lại nữa, Tỳ-kheo không bận rộn công việc, không huân tập nghiệp đời, tiến dần lên trên, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ ba.

4. “Lại nữa, Tỳ-kheo không tụng đọc sách tạp, trọn [738c01] ngày sách tấn tinh ý, tiến dần lên trên, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ tư.

5. “Lại nữa, Tỳ-kheo siêng tu pháp, trừ khử ngủ nghỉ, thường tự cảnh tỉnh, tiến dần lên trên, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ năm.

6. “Lại nữa, Tỳ-kheo không học toán thuật, cũng không khuyến khích người khác học, thích chỗ yên tĩnh, tu tập pháp, tiến dần lên trên, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ sáu.

²⁴ 轉進於上, nghĩa không rõ. Tham chiếu Pāli: *vuddhiyeva*,.

Trường: 轉更增盛, chuyển cánh tăng thịnh: Càng thêm hưng thịnh.

Tăng nhất A-hàm

7. “Lại nữa, Tỳ-kheo khởi tướng tất cả thế gian không đáng ưa thích, tập hạnh thiền, kham nhẫn pháp giáo, tiến dần lên trên, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ bảy.

“Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, hòa thuận với nhau, ma không thể tùy tiện.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

*Trừ bỏ mọi nghiệp đời,
Không tư duy loạn tướng.
Nếu không hành như vậy,
Không thể được tam-muội.*

*Người hay ưa thích pháp;
Phân biệt nghĩa pháp ấy;
Tỳ-kheo ưa hạnh này,
Sẽ dẫn đến tam-muội.*

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo :

“Nay, Ta sẽ nói về bảy sử,²⁵ các người hãy ghi nhớ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn nói:

“Những gì là bảy? Một là sử tham dục, hai là sử sân hận, ba là sử kiêu mạn, bốn là sử ngu si, năm là sử nghi, sáu là sử tà kiến, bảy là sử tham đắm thế gian.²⁶ Tỳ-kheo, đó gọi là có bảy sử này khiến chúng sanh, mãi mãi ở nơi tối tăm, thân bị trói buộc, trôi lăn mãi ở thế gian không có lúc dừng, cũng không thể biết cội nguồn của sanh tử.

“Ví như hai con trâu một đen, một trắng, cùng chung một cái ách, cùng lôi kéo nhau không thể xa rời nhau. Chúng sanh này cũng như vậy, [739a01] bị tham dục sử, vô minh sử này trói buộc không thể lìa nhau, năm sử còn lại cũng đuổi theo. Năm sử đuổi theo thì bảy sử cũng vậy. Nếu kẻ phàm phu bị bảy sử này trói buộc, trôi lăn mãi trong sanh tử không được giải thoát, không thể biết nguồn gốc khổ.

“Tỳ-kheo, nên biết, do bảy sử này mà có ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Do bảy sử này nên không thể vượt qua được cảnh giới tệ ma.

“Nhưng pháp bảy sử này lại có bảy phương thuốc (trị).

²⁵ Thất sử 七使; tức 7 tùy miên. Cf. Pāli, A. iv. 9: *sattime anusayā*, có 7 tùy miên. Xem *Tập dị môn* 17 Tr. 439a18: 七隨眠 thất tùy miên; *Tì-bà-sa* 50 tr. 257a18; *Câu-xá* 19 tr. 98c7.

²⁶ Pāli: *kāmarāga*, *paṭigha*, *diṭṭha*, *vicikicchā*, *māna*, *bhavarāga*, *avijjā*. *Tập dị môn*, dẫn trên: dục tham, sân, hữu tham, mạn, vô minh, kiến, nghi.

Tăng nhất A-hàm

Những là bảy? Sử tham dục, dùng niệm giác chi để trị. Sử sân hận, dùng trạch pháp giác chi để trị. Sử tà kiến, dùng tinh tấn giác chi để trị. Sử tham đắm thế gian, dùng hỷ giác chi để trị. Sử kiêu mạn dùng khinh an* giác chi để trị. Sử nghi, dùng định giác chi để trị. Sử vô minh, dùng xả* giác chi để trị. Tỳ-kheo, đó gọi là dùng bảy giác chi để trị bảy sử ấy.

“Tỳ-kheo, nên biết, xưa khi Ta chưa thành Phật, còn đang thực hành Bồ-tát hạnh, ngồi dưới cây, suy nghĩ như vậy: ‘Chúng sanh Dục giới bị những gì trói buộc?’ Lại nghĩ: ‘Chúng sanh này bị bảy sử cuốn trôi trong sanh tử, mãi không được giải thoát. Nay Ta cũng bị bảy sử này trói, không giải thoát được.’ Rồi Ta lại nghĩ: ‘Lấy gì để trị bảy sử này?’ Ta lại suy nghĩ: ‘Bảy sử này nên dùng bảy giác chi để trị. Ta hãy tư duy về bảy giác chi.’ Khi tư duy bảy giác chi, tâm dứt sạch hữu lậu, liền được giải thoát. Sau khi thành Đạo Vô thượng Chánh chơn, trong bảy ngày ngồi kiết già, Ta tư duy thêm nữa bảy giác chi này. Cho nên, các Tỳ-kheo, muốn dứt trừ bảy sử thì phải tu tập pháp bảy giác chi.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo :

“Có bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là phước điền

vô thượng thế gian. Những ai là bảy hạng người? Một là hành từ, hai là hành bi, ba là hành hỷ, bốn là hành xả*, năm là hành không, sáu là hành vô tướng, bảy là hành vô nguyện. Đó gọi là bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là [739b01] phước điền vô thượng thế gian. Vì sao vậy? Vì có chúng sanh nào hành bảy pháp này thì ở trong hiện pháp được quả báo.”

Khi ấy, A-nan bạch Thế Tôn :

“Vì sao không nói Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật mà lại nói bảy pháp này?”

Thế Tôn nói:

“Bảy hạng người, hành từ, v.v.. hành của họ cùng với Tu-đà-hoàn cho đến Phật không giống nhau. Tuy cùng dường Tu-đà-hoàn cho đến Phật cũng không được quả báo hiện tiền; nhưng cùng dường bảy hạng người này, ở hiện đời được báo. Cho nên, A-nan, cần phải nỗ lực dũng mãnh để thành tựu bảy pháp này. A-nan, hãy học điều này như vậy.”

A-nan, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

KINH SỐ 5

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại ao Di hâu, Tỳ-xá-ly, cùng đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị .

Bảy giờ, đến giờ khát thực, Thế Tôn khoác y, cầm bát, cùng A-nan vào Tỳ-xá-ly khát thực.

Lúc bảy giờ, trong thành Tỳ-xá-ly có gia chủ tên Tỳ-la-tiên nhiều của lắm báu không thể đếm xuể, nhưng lại

Tăng nhất A-hàm

tham lam keo kiệt, không có tâm huệ thí, chỉ hưởng phước cũ, không tạo thêm phước mới. Lúc ấy, gia chủ kia dẫn các thể nữ ở hậu cung ca múa vui đùa với nhau.

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến con đường ấy, biết mà vẫn hỏi A-nan:

“Tiếng đàn ca đang nghe phát ra từ nhà nào vậy?”

A-nan bạch Phật:

“Đó là từ nhà của gia chủ Tỳ-la-tiên.”

Phật bảo A-nan:

“Sau bảy ngày nữa, gia chủ này sẽ qua đời, sanh vào địa ngục Thế khốc.²⁷ Vì sao vậy? Đó là pháp thường. Nếu người nào đoạn hết căn lành, khi mạng chung đều sanh vào địa ngục Thế khốc. Nay gia chủ này đã hết phước cũ lại không tạo phước mới.”

A-nan bạch Phật:

“Có nhân duyên gì khiến gia chủ này sau bảy ngày không qua đời không?”

Phật bảo A-nan:

“Không có nhân duyên nào để không qua đời. Những hành vi đã tạo kiếp trước hôm nay đã hết. Điều này không thể tránh khỏi.”

A-nan bạch Phật:

“Có phương cách nào giúp gia chủ này không sanh vào địa ngục Thế khốc không?”

²⁷ Thế khốc 涕哭; TNM: 啼哭. Đề khốc. Có lẽ tên khác của địa ngục Khiếu hoán 叫喚. Cf. *Trường 19*.

Phật bảo A-nan:

“Có cách này có thể giúp gia chủ không vào địa ngục.”

A-nan bạch Phật:

“Nhân duyên nào để gia chủ không vào địa ngục?”

Phật bảo A-nan:

“Nếu Gia chủ này, cạo bỏ râu tóc, mặt ba pháp y, xuất gia học đạo, thì tránh khỏi [739c01] tội này được.”

A-nan bạch Phật:

“Nay con có thể khiến cho gia chủ này xuất gia học đạo!”

Rồi thì, A-nan từ giã Thế Tôn, đi đến nhà gia chủ này, đứng ở ngoài cửa. Khi ấy, gia chủ từ xa trông thấy A-nan đến, liền ra nghênh đón và mời ngồi. A-nan bảo gia chủ:

“Hiện tôi ở gần bậc Nhất thiết trí, nghe Như Lai báo trước về thân ông, sau bảy ngày nữa thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục Thế khốc.”

Gia chủ nghe rồi, trong lòng sợ hãi, lông tóc dựng đứng, thưa với A-nan: “Có cách nào giúp trong bảy ngày không qua đời không?”

A-nan đáp:

“Không có cách nào giúp trong bảy ngày thoát khỏi mạng chung.”

Gia chủ lại bạch:

“Có cách nào giúp con mạng chung không sanh vào địa ngục Thế khốc không?”

A-nan đáp:

“Thế Tôn có dạy như vậy: ‘Nếu gia chủ cạo bỏ râu tóc,

Tăng nhất A-hàm

mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, thì không vào trong địa ngục.’ Nay gia chủ có thể xuất gia học đạo để đến bờ kia.”

Gia chủ bạch:

“Ngài A-nan, hãy đi trước, tôi sẽ đến ngay.”

Sau đó, A-nan liền ra đi. Gia chủ tự nghĩ: “Bây giờ còn xa. Nay ta có thể tự vui thích ngũ dục, sau đó sẽ xuất gia học đạo.”

Hôm sau, A-nan lại đến nhà gia chủ, nói với gia chủ:

“Một ngày đã qua, chỉ còn lại sáu ngày, đúng lúc xuất gia!”

Gia chủ bạch:

“Ngài A-nan, hãy đi trước đi, tôi sẽ theo ngay.”

Nhưng gia chủ kia vẫn cố không đi. Qua hai ngày, ba ngày cho đến sáu ngày, lúc này A-nan đến nhà gia chủ bảo gia chủ:

“Đúng lúc hãy xuất gia, kéo sau hối hận không kịp. Nếu không xuất gia, hôm nay mạng chung sẽ sanh vào trong địa ngục Thế khốc.”

Gia chủ bạch A-nan: “Tôn giả hãy đi trước, tôi sẽ theo sau ngay.”

A-nan bảo:

“Gia chủ, hôm nay ông dùng thần túc gì để đến nơi ấy, mà bảo tôi đi trước? Nay cả hai phải đi cùng lúc.”

Lúc ấy, A-nan dẫn gia chủ này đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi bạch Phật:

“Gia chủ này, nay muốn xuất gia học đạo, cúi xin Như Lai cho phép cạo bỏ râu tóc, khiến được học đạo.”

Phật bảo A-nan:

“Nay ngươi hãy đích thân độ cho gia chủ này.”

Lúc ấy, A-nan vâng lời Phật dạy, liền [740a01] cạo bỏ râu tóc cho gia chủ, dạy cho đắp ba pháp y, cho học chánh pháp. Bấy giờ, A-nan dạy Tỳ-kheo kia rằng:

“Ông hãy nhớ nghĩ tu hành, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, niệm giới, niệm thí, niệm thiện, niệm tịch tĩnh, niệm an-ban, niệm thân, niệm sự chết. Hãy tu hành pháp như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo. Hành mười niệm này thì lập tức được quả báo lớn, được pháp vị cam lồ.”

Sau khi tu tập pháp như vậy rồi, ngay trong ngày hôm đó, ông ấy mạng chung sanh lên Tứ thiên vương.

Bấy giờ, A-nan liền hòa thiêu thân kia, rồi trở về chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn:

“Vừa rồi Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên đã qua đời. Ông sanh về nơi nào?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo này chết sanh lên Tứ thiên vương.”

A-nan bạch Phật:

“Ở đó mạng chung sẽ sanh nơi nào?”

Thế Tôn bảo:

“Ở đó mạng chung sẽ sanh lên trời Tam thập tam, rồi lần lượt sanh lên trời Diệm thiên, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại. Từ đó mạng chung, sanh trở lại cho đến trời Tứ thiên vương. Nay A-nan, đó gọi là Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên bảy phen chuyển vòng trong trời người, cuối cùng được làm thân người, xuất gia học đạo, sẽ dứt

Tăng nhất A-hàm

sạch gốc khổ. Vì sao vậy? Vì vị ấy có lòng tin ở Như Lai.

“A-nan nên biết, cõi Diêm-phù-đề này, nam bắc hai vạn một nghìn do tuần, đông tây bảy nghìn do tuần. Nếu có người cúng dường tất cả người cõi Diêm-phù-đề, phước đó có nhiều không?”

A-nan bạch Phật:

“Thật nhiều, thật nhiều, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo A-nan:

“Nếu chúng sanh nào chỉ trong khoảnh khắc, tín tâm không đứt đoạn, tu tập mười niệm, phước kia không thể lường, không có thể đo lường được. Như vậy, A-nan hãy tìm cầu phương tiện tu tập mười niệm.

“A-nan, hãy học điều này như vậy.”

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁸

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói pháp cực diệu, khoảng đầu, giữa, cuối đều thiện xảo, nghĩa lý sâu xa, đầy đủ tu phạm hạnh. Kinh này gọi là ‘pháp thanh tịnh các lậu,’ các người hãy nhớ nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

²⁸ Pāli, M.2. Sabbāsava (R. i. 6). Hán, *Trung* 2, kinh 10.

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng theo Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

[740b01]“Sao gọi là pháp thanh tịnh các lậu? Hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi thấy, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi thân cận, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi viễn ly, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi hỷ lạc, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi oai nghi, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi tư duy.”²⁹

1. “Sao gọi là hữu lậu được đoạn trừ bởi thấy? Ở đây, kẻ phạm phu không gặp Thánh nhân, không thuận theo pháp Như Lai, không thể thủ hộ pháp Hiền thánh, không thân cận thiện tri thức, không tùng sự với thiện tri thức; pháp đã được nghe cần tư duy mà không phân biệt; pháp không nên tư duy mà tư duy, khiến cho dục lậu chưa sinh liền sinh, dục lậu đã sinh liền tăng nhiều; hữu lậu chưa sinh liền sinh, hữu lậu đã sinh liền tăng nhiều; vô minh lậu chưa sanh liền sinh, vô minh lậu đã sinh liền tăng nhiều. Đó là pháp không nên tư duy mà tư duy.

²⁹ Trong đây chỉ kể sáu loại đoạn: 1. 見得斷 kiến đoạn, 2. 親近得斷 thân cận đoạn, 3. 遠離得斷 viễn ly đoạn, 4. 娛樂得斷 ngu lạc đoạn, 5. 威儀得斷 oai nghi đoạn, 6. 思惟得斷 tư duy đoạn.

Trung và *Pāli* đều kể bảy. *Trung* 2 (tr.432a10): 見斷 kiến đoạn, 護斷 hộ đoạn, 離斷 ly đoạn, 用斷 dụng đoạn, 忍斷 nhẫn đoạn, 除斷 trừ đoạn, 思惟斷 tư duy đoạn. *Pāli*: *dassanā pahātabbā*, đoạn trừ do kiến; *paṭisevanā pahātabbā*, đoạn trừ do thọ dụng; *parivajjanā pahātabbā*, đoạn trừ do viễn ly; *bhāvanā pahātabbā*, đoạn trừ do tu tập; *samvarā pahātabbā*, đoạn trừ do phòng hộ; *adhivāsanā pahātabbā*, đoạn trừ do kham nhẫn; *vinodanā pahātabbā*, đoạn trừ do trừ diệt. Có sự không thống nhất giữa các bản.

“Sao gọi là pháp nên tư duy, nhưng không tư duy³⁰? Pháp nên tư duy là do pháp đó mà dục lậu chưa sanh khiến không sinh, dục lậu đã sinh thì liền diệt; hữu lậu chưa sanh khiến không sinh, hữu lậu đã sinh thì liền diệt; vô minh lậu chưa sinh khiến không sanh, vô minh lậu đã sanh thì liền diệt. Đây gọi là pháp nên tư duy mà không tư duy.

“Điều không nên tư duy mà tư duy, điều nên tư duy lại không tư duy, khiến dục lậu chưa sinh liền sinh, dục lậu đã sinh liền tăng nhiều, hữu lậu chưa sinh liền sinh, hữu lậu đã sinh liền tăng nhiều, vô minh lậu chưa sinh liền sinh, vô minh lậu đã sinh liền tăng nhiều.

“Người kia khởi lên tư duy như vậy: ‘Có quá khứ lâu xa hay không? Ta có thể đã hiện hữu trong quá khứ lâu xa ấy.’ Hoặc lại tư duy: ‘Không có quá khứ lâu xa. Ta hiện hữu trong quá khứ lâu xa hay không? Ai hiện hữu trong quá khứ lâu xa? Có tương lai lâu xa hay không? Ta sẽ hiện hữu trong tương lai lâu xa.’ Hoặc lại nói: ‘Không tương lai lâu xa. Ta sẽ hiện hữu trong tương lai lâu xa hay không? Ai hiện hữu tương lai lâu xa? Vì sao có chúng sanh lâu xa này? Chúng sanh lâu xa này từ đâu mà đến? Từ đây mạng chung sẽ sinh về đâu?’

“Người kia khởi lên những ý nghĩ chẳng lành này liền khởi lên sáu kiến, lần lượt sinh tưởng tà: (1) Thấy rằng có ngã, có kiến này hay không? (2) Thấy rằng không có ngã, có phát sanh kiến này hay không? (3) Thấy rằng vừa có ngã, vừa không ngã, ở [740c01] trong đó có phát sanh kiến này hay không? (4) Lại do quán sát tự thân khởi lại kiến này: Ở nơi chính ta mà không thấy có ta. (5) Lại

³⁰ Pāli: dhammā manasikaraṇīyā ye dhamme na manasi karoti, pháp cần được tác ý mà không tác ý.

khởi lên kiến này: Ở nơi không có ta mà không thấy không có ta, ở trong đó khởi kiến này. (6) Bây giờ, người kia lại sinh tà kiến này: Ngã đời này cũng là ngã đời sau, tồn tại mãi ở đời không bị tan rã, cũng không biến dịch, lại không dời đổi.³¹ Đó gọi là tụ tà kiến. Tà kiến, tai họa, sâu bi, khổ não, đều từ đây sinh, không thể chữa trị, cũng lại không thể loại bỏ, làm tăng gốc khổ. Do đó không phải là hành của Sa-môn, đạo Niết-bàn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, đệ tử Hiền thánh tu hành pháp kia không mất thứ lớp, khéo biết thủ hộ, từng sự theo thiện tri thức. Vị ấy có thể phân biệt, biết rõ pháp không nên tư duy, cũng biết rõ pháp nên tư duy. Vị ấy không tư duy pháp không nên tư duy, và tư duy pháp nên tư duy.

“Pháp gì không nên tư duy mà vị ấy không tư duy? Ở đây, các pháp khiến dục lậu chưa sinh bèn sinh, dục lậu đã sinh bèn tăng nhiều; hữu lậu chưa sinh bèn sinh, hữu lậu đã sinh bèn tăng nhiều; vô minh lậu chưa sinh bèn sinh, vô minh lậu đã sinh bèn tăng nhiều. Đây gọi là pháp không nên tư duy.

“Pháp gì nên tư duy mà vị ấy tư duy? Ở đây, các pháp

³¹ Tham chiếu Pāli, sáu kiến chấp về ngã: 1. *atthi me attā*, có tự ngã của tôi; 2. *natthi me attā*, không có tự ngã của tôi; 3. *attanāva attānaṃ sañjānāmi*, do chính tôi, tôi nhận biết có tự ngã; 4. *attanāva anattānaṃ sañjānāmi*, do chính tôi, tôi nhận biết không có tự ngã; 5. *anattanāva attānaṃ sañjānāmi*, không do chính tôi, tôi nhận biết có tự ngã; 6. *yo me ayaṃ attā vādo vedeyyo tatra tatra kalyāṇapāpakānaṃ kammānaṃ vipākam paṭisaṃvedeti so kho pana me ayaṃ attā nicco dhuvo sassato avipariṇāmadhammo sassatisamaṃ tatheva ṭhassatī*, tự ngã này của tôi nói, nơi này nơi kia nó cảm thọ báo dị thực của nghiệp thiện ác, cho nên tự ngã này thường tồn, vĩnh cửu, không biến đổi, mãi mãi tồn tại như vậy.

khiến dục lậu chưa sinh khiến không sinh, dục lậu đã sinh liền diệt, hữu lậu chưa sinh khiến không sinh, hữu lậu đã sinh liền diệt, vô minh lậu chưa sinh khiến không sinh, vô minh lậu đã sinh liền diệt. Đây gọi là pháp nên tư duy. Vị ấy cũng không tư duy điều không nên tư duy, và tư duy điều nên tư duy. Vị ấy tư duy như vậy, liền diệt ba pháp. Những gì là ba? Thân tà, giới đạo, và nghi.³² Nếu không thấy không biết thì tăng hành hữu lậu, nếu thấy nghe nghĩ biết thì không tăng hành hữu lậu; đã biết, đã thấy thì hữu lậu liền không sinh. Đây gọi là lậu do kiến mà được đoạn.³³

2. “Sao gọi là lậu được đoạn bằng kham nhẫn³⁴? Ở đây, Tỳ-kheo chịu đựng đói lạnh, cần khổ, gió mưa, ruồi muỗi, lời ác, mạ nhục, thân sinh thống khổ, rất là đau buồn, mạng sắp muốn đứt, mà có thể nhẫn chịu. Nếu không như vậy, liền sinh khổ não. Nếu có thể kham chịu, thì không sinh như vậy. Đây gọi là lậu này [741a01] được đoạn bởi kham nhẫn*.

³² Ba kết (Pāli: *tīṇi saṃyojanāni*): Thân tà 身耶, tức (hữu) thân kiến (Pāli: *sakkāyadiṭṭhi*); giới đạo 戒盜, tức giới cấm thủ (Pāli: *sīlabbataparamāso*); nghi 疑 (Pāli: *vicikicchā*).

³³ Các lậu này, chính yếu là ba kết, được đoạn trừ ở kiến đạo, tức khi thấy bốn Thánh đế. Hán dịch này thiếu mất đoạn nói về thấy bốn Thánh đế, mà trong *Trung* kinh 10 và bản Pāli có nói rõ.

³⁴ Nguyên Hán: Cung kính sở đoạn 恭敬所斷; đây nên hiểu là kham nhẫn, theo nội dung được nói bởi Kinh. Xem cht. 29 trên. Trong liệt kê, không đề cập mục này. *Trung*: Lậu từng nhẫn đoạn 漏從忍斷. Pāli: *āsava adhvāsana pahātubbā*, các lậu được đoạn trừ do sức chịu đựng.

3. “Sao gọi là lậu được đoạn bằng thân cận?”³⁵ Ở đây, Tỳ-kheo nắm giữ tâm khi nhận ý, không vì trang sức mà chỉ muốn giữ gìn thân thể, muốn trừ lạnh nóng, muốn cho gió mưa không chạm vào thân mình; lại che thân thể không để lộ ra ngoài.

“Lại nữa, nắm giữ tâm theo thời khát thực, không khởi tâm nhiễm đắm, chỉ cốt giữ gìn thân thể khiến cho bệnh cũ được lành, mới không sinh; gìn giữ các hành không cho xúc phạm, an ổn lâu dài mà tu tập phạm hạnh lâu bền ở đời.

“Lại nắm giữ tâm ý, khi thọ dụng giường ghế, cũng không ham trang trí tốt đẹp, chỉ mong trừ đói lạnh, gió mưa, ruồi muỗi, giữ gìn thân mình để thực hành đạo pháp.

“Lại nữa, giữ tâm khi thọ dụng thuốc trị bệnh, không sanh tâm nhiễm đắm nơi thuốc trị bệnh kia, chỉ mong cho bệnh tật được trừ khỏi, thân thể được an ổn. Nếu không thọ dụng như vậy thì tai hại của hữu lậu sẽ phát sinh. Nếu thọ dụng như vậy thì tai hại của hữu lậu không sinh. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi thân cận.

4. “Sao gọi là lậu hoặc được đoạn bởi viễn ly?”³⁶ Ở đây, Tỳ-kheo trừ bỏ tướng loạn³⁷ do bởi voi dữ, lạc đà, bò ngựa, hổ sói, chó, rắn, hầm sâu, bờ hiểm, gai góc, sườn

³⁵ Thân cận sở đoạn 親近所斷. *Trung*: Lậu từng dụng đoạn 漏從用斷. Pāli: *āsavā paṭisevanā pahātabbā*, các lậu được đoạn trừ do thọ dụng.

³⁶ Viễn ly sở đoạn 遠離所斷. *Trung*: Lậu từng ly đoạn 漏從離斷. Pāli: *āsavā parivajjanā pahātabbā*, các lậu được đoạn trừ do bởi sự xa ly (tránh xa).

³⁷ Nên hiểu là tránh né những ác thú khi Tỳ-kheo sống trong rừng.

cao, bùn lầy; thấy đều nên tránh xa chúng. Chớ từng sự với ác tri thức, cũng lại không gần gũi với người ác, hay tư duy thuần thực không lìa khỏi đầu mối của tâm. Nếu không giữ gìn³⁸ thì sinh hữu lậu, nếu được giữ gìn thì không sinh hữu lậu. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi viễn ly.

5. “Sao gọi là hữu lậu được đoạn bởi hỷ lạc?”³⁹ Ở đây, Tỳ-kheo sinh tướng dục mà không xả ly; khởi tướng sân nhuế cũng không xả ly; lại khởi tướng tật đố cũng không xả ly. Nếu không xả ly thì sinh hữu lậu, nếu có thể xả ly liền có thể không khởi hữu lậu. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi ngu lạc.

6. “Sao gọi là lậu được đoạn nhờ oai nghi?”⁴⁰ Ở đây, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc không khởi tướng sắc, cũng không khởi tâm nhiễm ô, giữ nhìn nhãn căn đầy đủ, không để khuyết lậu. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết mịn láng, ý biết pháp đều không khởi tâm nhiễm ô, cũng không khởi đắm mà giữ gìn ý căn. Nếu không giữ gìn oai nghi mình thì sinh hữu lậu, nếu giữ gìn oai nghi mình thì không có tai hoạn hữu lậu. Đây gọi là lậu được đoạn bởi oai nghi.

³⁸ Nên hiểu, nếu không tránh xa.

³⁹ 娛樂所斷 ngu lạc sở đoạn. *Trung*: Lậu từng trừ đoạn 漏從除斷. Pāli: *āsavā vinodā pahātabbā*, lậu đoạn trừ do loại bỏ, trừ khử. Nội dung được nói tương đương với *Trung* và Pāli: Đoạn trừ do trừ diệt (*vinodanā*). Từ Hán dịch *ngu lạc* không phù hợp với nội dung. Có lẽ Hán dịch đọc nhầm với từ nào đó.

⁴⁰ 威儀所斷 oai nghi sở đoạn. *Trung*: Lậu từng hộ đoạn 漏從護斷. Pāli: *āsavā saṃvarā pahātabbā*, các lậu được đoạn trừ do phòng hộ (luật nghi). Nội dung tương đương với *Trung* và Pāli: đoạn trừ do phòng hộ (*saṃvāra*), tức thủ hộ các căn.

7. “Sao gọi là hữu [741b01] lậu được đoạn bởi tư duy⁴¹? Ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác chi, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu; tu trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an* giác chi, định giác chi, xả* giác chi, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu. Nếu không tu pháp này thì sinh tai hoạn hữu lậu. Nếu có thể tu pháp này thì không sinh tai hoạn hữu lậu. Đây gọi là lậu này được đoạn bởi tư duy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, ở nơi Tỳ-kheo mà những gì là hữu lậu được đoạn trừ bởi kiến, liền được đoạn trừ bởi kiến; được đoạn trừ bởi kham nhẫn* liền được đoạn trừ bởi kham nhẫn*; được đoạn trừ bởi thân cận liền được đoạn trừ bởi thân cận; được đoạn trừ bởi viễn ly liền được đoạn trừ bởi viễn ly; được đoạn trừ bởi oai nghi liền được đoạn trừ bởi oai nghi; được đoạn trừ bởi tư duy liền được đoạn trừ bởi tư duy. Đó gọi là Tỳ-kheo đầy đủ tất cả oai nghi có thể đoạn ái kết, xả ái dục, vượt qua bốn bậc lưu, dần dần thoát khổ. Đây Tỳ-kheo, đó gọi là pháp trừ hữu lậu.

“Những gì mà Chư Phật Thế Tôn cần làm, vì từ niệm đối với tất cả chúng sanh, nay Ta cũng đã làm xong. Các người nên luôn luôn vui thích chỗ vắng, ở dưới bóng cây, chuyên cần tinh tấn, chớ có giải đãi. Hiện tại không nỗ lực, sau hối hận cũng vô ích. Đây là những lời dạy dỗ của Ta.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁴²

⁴¹ 思惟所斷 tư duy sở đoạn. *Trung*: Lậu từng tư duy đoạn 漏從思惟斷. Pāli: *āsava bhāvanā pahātabbā*, các lậu được đoạn trừ do tu tập.

⁴² Bản Hán, hết quyển 34.

KINH SỐ 7⁴³

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở bên bờ sông A-du-xà,⁴⁴ cùng đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Lúc ấy, Đại Quân-đầu⁴⁵ đang ở tại chỗ nhàn tĩnh, tự nghĩ: “Có nghĩa này, mà thường tăng thêm công đức, hay không có lý này?”

Rồi Quân-đầu liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, và ngồi qua một bên. Bấy giờ Quân-đầu bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vừa rồi, khi ở chỗ nhàn tĩnh, con tự nghĩ: ‘Có lý này hay không, là những gì được làm cho [741c01] chúng Tăng được tăng thêm công đức?’ Nay con hỏi Thế Tôn, cúi xin dạy cho.”

Thế Tôn bảo:

“Có thể được tăng ích công đức.”

Quân-đầu bạch Phật:

“Thế nào là được tăng thêm công đức?”

Thế Tôn đáp:

“Có bảy sự kiện tăng ích, phước kia không thể kể được, cũng không ai có thể tính đếm được. Những gì là bảy? Ở đây, con trai thiện gia, hoặc con gái thiện gia, tạo dựng Tăng già-lam nơi chưa từng tạo dựng. Phước này không

⁴³ Tham chiếu, Hán, *Trung* 2, kinh 7.

⁴⁴ A-du-xà giang thủy 阿踰闍江水. Có lẽ đồng nhất Pāli, Ayojjhā, tên một vương quốc bên bờ sông Hằng. Cf. *Tây vực ký* 5 (tr. 896b04): A-du-đa quốc 阿踰陀國 (Skt. Ayodhyā).

⁴⁵ Đại Quân-đầu 大均頭. Pāli: Mahā-Cunda.

thê kể.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem giường ghế cúng dường Tăng già-lam kia, cùng Tăng Tỳ-kheo, này Quân-đầu, đây là phước thứ hai không thể kể hết.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem thức ăn cúng dường Tăng Tỳ-kheo kia; này Quân-đầu, đó là phước thứ ba không thể tính hết.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem áo che mưa cúng dường Tăng Tỳ-kheo kia, này Quân-đầu, đó là công đức thứ tư, phước kia không thể lường.

“Lại nữa, Quân-đầu, con trai, con gái thiện gia đem thuốc cúng dường Tăng Tỳ-kheo kia, này Quân-đầu, đó là phước thứ năm không thể tính hết.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đào giếng tốt nơi hoang dã, này Quân-đầu, đó là công đức thứ sáu cũng không thể tính hết.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ nào làm nhà dọc đường cho người qua lại có chỗ nghỉ đêm, này Quân-đầu, đó là công đức thứ bảy không thể tính xiết.⁴⁶

“Này Quân-đầu, đó gọi là pháp bảy công đức, phước kia không thể đo lường. Khi đi, hoặc ngồi, ngay đến khiến mạng chung, phước kia cũng theo sau như bóng theo hình, phước đức ấy không thể tính hết để có thể nói có bao nhiêu phước. Cũng như nước biển lớn, không thể dùng thăng đấu để đo lường để nói có bao nhiêu nước. Bảy công đức này cũng vậy, phước ấy không hạn lượng.

⁴⁶ Đối chiếu *Câu-xá 18* (tr. 96b15): Bảy hữu y phước nghiệp sự, bảy đối tượng bố thí với vật thí cụ thể: Khách, lữ hành, người bệnh, người nuôi bệnh, vườn rừng, thường thực, tùy thời nóng lạnh.

Tăng nhất A-hàm

Cho nên, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy công đức này.

“Quân-đầu, hãy học điều này như vậy.”

Quân-đầu, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành

KINH SỐ 8

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy tu hành, niệm tưởng về sự chết, tư duy về tưởng chết.”

Khi ấy, có một Tỳ-kheo đang ngồi ở chỗ kia, bạch Thế Tôn:

[742a01] “Con thường tu hành tư duy tưởng về sự chết.”

Thế Tôn bảo:

“Người tư duy tu hành tưởng về sự chết thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con tư duy về tưởng chết rằng: ‘Ý sẽ còn sống bảy ngày nữa, nên tư duy bảy giác chi, để ở trong pháp Như Lai được nhiều lợi ích, sau khi chết không hối hận.’ Thế Tôn, con tư duy về tưởng chết như vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Đây chẳng phải hành về tưởng chết. Đây gọi là pháp phóng dật.”

Lại có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Con có thể tu hành về tướng chết.”

Thế Tôn bảo:

“Ngươi tu hành tư duy về tướng chết thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con suy nghĩ: ‘Ý sẽ còn sống sáu ngày nữa, tư duy Chánh pháp Như Lai, rồi sau đó mạng chung. Như vậy mới có sự tăng ích.’ Con tư duy tướng chết như vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Đó cũng là pháp phóng dật, chẳng phải tư duy về tướng chết.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Ý sẽ tồn tại năm ngày, hoặc nói bốn ngày, hoặc nói ba ngày, hai ngày, một ngày.

Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Đây cũng là pháp phóng dật chẳng phải tư duy về tướng chết.”

Lúc ấy, lại có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Con có thể kham nhận tu hành về tướng chết.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đến giờ khát thực, con đắp y mang bát, vào thành Xá-vệ khát thực, rồi ra khỏi thành Xá-vệ, trở về nơi ở, vào trong tịnh thất, tư duy về bảy giác chi mà mạng chung. Đây là tư duy về tướng chết.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Những điều mà Tỳ-kheo các ngươi nói đều là hành phóng dật, chẳng phải là tu hành pháp

Tăng nhất A-hàm

tưởng chết.”

Lúc ấy, Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu ai có thể như Tỳ-kheo Bà-ca-lợi⁴⁷, đó gọi là tư duy về tưởng chết. Tỳ-kheo ấy có thể khéo tư duy về tưởng chết, nhàm tởm thân này là bất tịnh ghê tởm. Tỳ-kheo tư duy về tưởng chết, phải buộc ý trước mắt, tâm không di động, niệm số đếm hơi thở ra vào, đồng thời tư duy về bảy giác chi, như vậy ở trong pháp Như Lai mới được nhiều lợi ích. Vì sao vậy? Hết thấy các hành đều trống lạng, cái sanh và cái diệt đều như huyễn hóa, không có chơn thật. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy ở trong hơi thở ra vào tư duy về tưởng chết để [743b01] thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buồn rầu, khổ não.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc ra lệnh quần thần:

“Hãy nhanh chóng chuẩn bị xe lông chim báu. Ta muốn đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ thăm hỏi.”

Sau đó, đại vương ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Như Lai

⁴⁷ Bà-ca-lợi 婆迦利, tức trên kia, kinh 10 phẩm 46, phiên âm là Bà-ca-lê 婆迦梨. Pāli: Vakkali.

đang thuyết pháp cho vô số chúng đang vây quanh. Lúc ấy, có bảy Ni-kiền Tử, lại có bảy người lửa hình, lại có bảy bà-la-môn Đen⁴⁸, lại có bảy bà-la-môn lửa hình, đi qua cách Thế Tôn không xa.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc thấy những người này đi qua cách Thế Tôn không xa, liền bạch Phật:

“Xem những người này đi qua mà không dừng⁴⁹, đều là thiếu đức tri túc, không có gia nghiệp. Nay trong những vị A-la-hán ở thế gian này, những người này là tối thượng thủ. Vì sao vậy? Ở giữa mọi người, họ là những người rất là khổ hạnh, không tham lợi dưỡng.”

Thế Tôn nói:

“Đại vương hoàn toàn chưa biết chân A-la-hán. Không phải vì hình thể lửa lò mà gọi là A-la-hán. Đại vương, nên biết, đó đều chẳng phải là hạnh chân thật. Nên nhớ nghĩ quan sát sự biến đổi từ xa xưa đến nay, rồi lại nên quán ai đáng thân thì biết thân, ai đáng gần thì biết gần. Vì sao vậy?

“Thời quá khứ lâu xa có bảy bà-la-môn, cùng học một chỗ, tuổi đã cực kỳ suy sụp, lấy cỏ làm y phục, ăn rau quả, sinh các tà kiến. Họ đều nghĩ như vậy: ‘Chúng ta trì pháp khổ hạnh này để sau làm vua nước lớn. Hoặc cầu làm Thích, Phạm, Tứ thiên vương.’

Bấy giờ, có vị Thiên sư A-tư-đà⁵⁰ vốn là tổ phụ của các bà-la-môn ấy, biết những ý nghĩ trong tâm các bà-la-môn này, liền biến mất khỏi Phạm thiên, hiện đến chỗ bảy bà-

⁴⁸ Hắc phạm chí 黑梵志?

⁴⁹ 經過不住 cũng ngụ ý sống cuộc đời vô định, không trú xứ.

⁵⁰ Cf. Pāli, M. 93 Assalāyana (R. ii. 155): Asita Devala. Hán, *Trung* 37, kinh 151 (tr. 665c05).

Tăng nhất A-hàm

la-môn. Lúc ấy, Thiên sư A-tư-đà bỏ phục sức cõi trời, hiện hình bà-la-môn, kinh hành ở đất trống. Bảy bà-la-môn từ xa trong thấy A-tư-đà kinh hành, ai nấy đều nổi sân nhuế mà nói rằng: ‘Đây là người đắm dục nào mà đi trước những đồng phạm hạnh chúng ta? Nay phải chú thuật cho nó tiêu thành tro.’ Bảy bà-la-môn này liền lấy tay bụm nước rải lên bà-la-môn này và chú rằng: ‘Giờ ngươi hãy mau biến thành tro bụi.’ Nhưng bà-la-môn càng tức giận thì nhan sắc của Thiên sư A-tư-đà càng xinh đẹp. Vì sao vậy? Vì tâm từ hay [742c] diệt sân. Lúc ấy, bảy bà-la-môn tự nghĩ: ‘Cấm giới của ta đã bị suy giảm hay sao mà chúng ta càng nổi giận thì người ấy càng xinh đẹp thêm?’ Rồi bảy bà-la-môn liền nói với vị Thiên sư rằng:

*Là trời? Càn-thát-bà?
La sát? hay quỷ thần?
Thật sự người tên gì?
Chúng tôi đều muốn biết.*

“Thiên sư A-tư-đà liền nói kệ đáp rằng:

*Chẳng phải trời, Đạp-hòa,
La-sát hay quỷ thần
Mà ta đây chính là
Thiên sư A-tư-đà*

“Tôi biết ý nghĩ của các ông nên từ cõi trời Phạm thiên bay xuống đây. Phạm thiên cách đây rất xa. Thiên đế Thích cũng vậy. Dùng khổ hạnh để làm Chuyển luân Thánh vương còn không được, huống gì là làm Đế Thích, Phạm Thiên hay Tứ thiên vương.

“Lúc ấy, Thiên sư A-tư-đà liền nói kệ:

*Trong tâm đầy niệm tưởng,
Mà ngoại hình tôi tàn.*

*Nhưng siêng tu chánh kiến
Mới xa lìa ác đạo.
Giữ tâm cho thanh tịnh,
Thân, miệng cũng như vậy;
Xa lìa các niệm ác;
Chắc chắn sẽ sanh thiên.*

“Lúc ấy, bảy bà-la-môn hỏi: ‘Ngài có thật là Thiên sư không?’ Thiên sư A-tư-đà đáp: ‘Đúng vậy. Nhưng không phải do lỗi hành mà được sanh thiên. Vị tất tu khổ hạnh ấy mà được sanh lên trời Phạm thiên. Cũng chẳng phải phơi bày thân thể hay làm ngằn ấy khổ hạnh mà được sanh nơi ấy. Nhưng nếu có thể thu nhiếp tâm ý không cho lay động thì được sanh thiên. Không thể sanh nơi ấy bằng cách mà các ông đang làm.’

“Này Đại vương, quán sát ý nghĩa này, không phải do lỗi hành mà gọi là A-la-hán. Kẻ phạm phu không thể phân biệt được ai là bậc Chân nhân, nhưng bậc Chân nhân thì có thể phân biệt do hành vi nào được làm là phạm phu. Lại nữa, kẻ phạm phu không thể biết hành của của phạm phu; duy chỉ bậc Chân nhân mới biết hành của phạm phu. Đại vương, nên biết, do phương tiện mà biết rằng điều đó đã có từ trước lâu xa rồi, chứ không phải mới ngày nay. Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn rằng:

“Những điều Như Lai dạy rất là hay, người đời chẳng thể hiểu nổi. Nhưng việc nước quá [743a01] nhiều, con xin cáo về.”

Phật bảo vua:

“Vua hãy biết thời”

Vua đứng dậy, đánh lễ sát đất rồi ra đi.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10⁵¹

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Phật ở vườn Ny-câu-lâu thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ của dòng họ Thích, cùng đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Bấy giờ, sau khi ăn xong, Thế Tôn từ vườn Ni-câu-lâu đến trong xóm Tì-la-da-trí⁵² và ngồi ở một gốc cây.

Khi ấy, Cháp Trọng, họ Thích,⁵³ ra khỏi thành Ca-tỳ-la-việt, đến chỗ Thế Tôn, rồi đứng im lặng.

Sau đó, Cháp Trọng họ Thích hỏi Thế Tôn rằng: “Sa-môn dạy dỗ điều gì? Bàn luận những gì?”

Thế Tôn bảo: “Bà-la-môn nên biết, điều mà Ta luận thì trời rồng, quỷ thần không thể theo kịp,⁵⁴ chẳng dính mắc

⁵¹ Pāli, M. 18 Madhupiṇḍika (R. i. 108). Hán, *Trung* 28, kinh 115.

⁵² Tỳ-la-da-trí tụ 毘羅耶致聚. Pāli: *beluvalatthikāya mūle*, (ngồi) nơi gốc cây *beluvalatthika*, một loại trúc. *Trung* kinh 115: Trong một ngôi chùa của họ Thích, trong rừng trúc 竹林釋迦寺中.

⁵³ Cháp Trọng Thích chủng 執杖釋種. Pāli: Daṇḍapāṇipi Sakko.

⁵⁴ Hán: Phi ... sở năng cập 非 ... 所能及. Pāli: yathāvadī... na kenaci loke viggayha tiṭṭhati, yathā ca pana kāmehi viṣaṃyuttaṃ viharantaṃ taṃ brāhmaṇaṃ akathaṃkathim chinnakukkucçaṃ bhavābhavē vitataṇhaṃ saññā nānuseti, “điều mà Ta nói, không phải để tranh luận với bất cứ ai trong thế gian này; điều mà Ta nói là như bà-la-môn sống an trú mà không bị trói buộc bởi các dục, không hoài nghi, đoạn trừ ác tác, không còn khát ái nơi hữu và phi hữu, không có các tướng tiềm phục.” Chỗ này Hán dịch

thế gian, cũng chẳng trụ trong thế gian.⁵⁵ Điều mà Ta luận là như vậy.”

Khi ấy, Cháp Trọng họ Thích lắc đầu, thờ dài, rồi bỏ đi. Sau đó, Như Lai đứng dậy trở về tịnh xá.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vừa rồi, khi Ta đang ngồi trong vườn, có Cháp Trọng họ Thích đến gặp ta và hỏi ta rằng: ‘Sa-môn luận những gì?’ Ta đáp: ‘Điều mà Ta luận chẳng phải là điều mà chư thiên và thế gian có thể theo kịp, cũng chẳng dính mắc thế gian, cũng chẳng trụ trong thế gian. Điều mà Ta luận là như vậy.’ Lúc ấy, Cháp Trọng họ Thích nghe xong liền bỏ đi.”

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Thế nào là không dính mắc thế gian cũng không trụ ở thế gian?”

Thế Tôn bảo:

“Điều mà Ta luận hoàn toàn không dính mắc thế gian, cũng như nay được giải thoát khỏi tham dục, dứt trừ sự nghi ngờ của dòng họ Thích,⁵⁶ không có các tướng.⁵⁷

thiếu một đoạn, nhưng được thấy trong tường thuật tiếp theo.

Tham chiếu, *Trung kinh* 115 (tr. 0603b18).

⁵⁵ Dịch sát Hán. Có lẽ từ Phạn văn tương đương Pāli: *na kenaci loke viggayha tiṭṭhati* : “không tồn tại để tranh chấp (*viggayha*) với bất cứ ai trong thế gian”, nhưng bản Hán đọc là *na kenaci loke vigayha tiṭṭhati*, “không tồn tại để đắm chìm (*vigayha*) trong thế gian.”

⁵⁶ “Của dòng họ Thích”, cụm từ này có thể được chép dư trong Bản Hán. Xem cht. 54 trên.

⁵⁷ Đoạn Hán dịch trên có nhảy sót nên thiếu câu này. Tham chiếu Pāli, dẫn trên: (...) *tam brahmaṃ ... bhavābhavē vītataṇhaṃ*

Tăng nhất A-hàm

Điều mà Ta luận là như vậy.”

Nói xong, Thế Tôn liền đi vào tịnh thất.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nói với nhau: “Vừa rồi, Thế Tôn nói tóm lược ý nghĩa của luận ấy, mà ai có thể giảng rộng nghĩa này?”

Rồi các Tỳ-kheo nói với nhau: “Thế Tôn thường ca ngợi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên. Chỉ có Ca-chiên-diên có thể giảng rộng ý nghĩa này.”

Sau đó, các Tỳ-kheo nói với Ca-chiên-diên rằng:

“Vừa rồi Như Lai đã giảng tóm tắt ý nghĩa ấy. Cúi xin Tôn giả hãy giảng rộng thêm, phân biệt rõ ràng từng việc cho mọi người được hiểu.”

Ca-chiên-diên đáp:

“Ví dụ như có một người [743b01] đi ra khỏi làng để tìm lõi cây. Vừa thấy cây to, người ấy liền đốn ngã lấy cành lá mang đi mà bỏ cây lại. Hôm nay các vị cũng như vậy. Các vị đã bỏ Như Lai mà đi tìm lõi cây nơi cành lá. Nhưng Như Lai nhìn thấy tất cả, không đâu không cùng khắp. Ngài soi sáng thế gian, là Đạo sư của Trời Người. Như Lai là chủ chân thật của pháp. Các vị phải tùy theo thời gian thích hợp, tự nhiên sẽ được Như Lai giải thích cho ý nghĩa này.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đáp:

“Tuy Như Lai là chủ chân thật của pháp, sẽ diễn rộng nghĩa ấy. Nhưng Tôn giả đã được Thế Tôn ghi nhận, có khả năng nói rõ nghĩa ấy.”

saññā nānuseñti, các tướng không tiềm phục nơi người bà-la-môn mà tham ái, hữu ái và phi hữu ái đã bị loại trừ. Xem cht. 54 trên.

Ca-chiên-diên nói:

“VẬY các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ, tôi sẽ giảng nói phân biệt nghĩa ấy.”

Các Tỳ-kheo đáp: “Thưa vâng.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Ca-chiên-diên nói:

“Luận mà hôm nay Như Lai nói đến, không phải là điều mà trời rồng, quý thần có thể theo kịp, không dính mắc, cũng không trụ thế gian, nhưng ta được giải thoát đối với chúng, dứt sạch nghi ngờ không còn do dự. Như chúng sanh ngày nay ưa thích tranh đấu, kiện tụng, khởi các loạn tướng.

“Lại nữa, Như Lai nói, Ta không sanh tâm đắm nhiễm trong đó⁵⁸; đó là kết sử tham dục⁵⁹, kết sử sân nhuế, tà kiến, ham muốn thế gian⁶⁰, kết sử kiêu mạn, kết sử nghi, kết sử vô minh, và do đó đưa đến đau khổ vì dao gậy, mà tranh đấu kiện tụng với người, phát sanh bao nhiêu hành vi bất thiện, phát sanh loạn tướng.

“Khi mắt thấy sắc mà sanh ra thức tướng, nhân ba sự ấy mà có xúc⁶¹. Do có xúc* nên có thọ*. Do có thọ* nên có

⁵⁸ Xem cht. 55 trên.

⁵⁹ 貪欲使 dục tham sử, tức dục tham tùy miên; xem cht. 25-26 kinh 3 phẩm 40 trên.

⁶⁰ 欲世間使 dục thế gian sử, tức hữu tham tùy miên, phiền não khiến tham ái tồn tại trong các cõi hữu.

⁶¹ Nguyên Hán: Cánh lạc 更樂. Đây là định nghĩa về xúc; định cú Pāli: *cakkuñca... paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuvīññāṇaṃ tinnaṃ saṇati phasso*, duyên nơi mắt và sắc, thức con mắt khởi lên. Tổ hợp ba này (gồm mắt, sắc, và thức) là xúc. Hán thường nói “tam hòa hiệp xúc”.

giác tri. Do có giác tri nên có tướng. Do có tướng nên suy lường; từ đó mà có các niệm dính mắc nơi tướng.⁶² Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp mà sanh ra thức tướng, nhân ba sự ấy mà có xúc. Do có xúc* nên có thọ*. Do có thọ* nên có giác tri. Do có giác tri nên có tướng. Do có tướng nên suy lường; từ đó mà có các niệm dính mắc nơi tướng. Đó là kết sử tham dục, kết sử sân nhuế, tà kiến, kết sử ham muốn thế gian, kết sử kiêu mạn, kết sử nghi ngờ, kết sử vô minh, gây ra tai biến đao gây và bao nhiêu tai biến khác không thể tính hết.

“Nếu có ai nói không có mắt, không có sắc mà lại có xúc*, điều đó không đúng. Nếu có ai nói không có xúc* mà có [743c01] thọ* thì cũng không đúng. Nếu nói không có thọ* mà có tướng thì cũng không đúng. Nếu có ai nói không có tai, không có tiếng; không có mũi, không có mùi; không có lưỡi, không có vị; không có thân, không có sự xúc chạm; không có ý, không có pháp, mà nói là có thức, thì cũng không có lý. Nếu có ai nói không có xúc* mà có thọ* thì cũng không đúng. Nếu nói không có thọ* mà có tướng thì cũng không đúng.

“Nếu có ai nói, có mắt, có sắc và ở trong đó phát sanh ra thức, điều đó hợp lý. Nếu nói có tai, tiếng; mũi, hương; lưỡi, vị; thân, sự trơn láng; ý, pháp, và ở trong đó phát sanh ra thức, điều đó hợp lý.

“Các vị nên biết, do nhân duyên này nên Thế Tôn nói: ‘Điều mà Ta luận, không phải là điều mà Trời, Người, Ma, Thiên ma có thể theo kịp; không chấp trước thế gian, không trụ ở thế gian, nhưng Ta lại giải thoát khỏi tham dục, chấm dứt nghi ngờ, không còn do dự.’ Vì lý do này

⁶² Pāli: *yam vitakketi tam papañceti*, do tâm mà có hý luận.

Thế Tôn nói nghĩa ấy. Nếu ai chưa thông suốt thì hãy đến gặp Thế Tôn hỏi lại nghĩa ấy. Như Lai có dạy điều gì, hãy ghi nhớ mà phụng hành.”

Nghe Ca-chiên-diên giảng xong, các Tỳ-kheo không nói là đúng, cũng không nói là sai, mà tức thời đứng dậy, nói với nhau: “Chúng ta hãy đem ý nghĩa này đến hỏi Thế Tôn. Thế Tôn có dạy điều gì, sẽ theo đó mà phụng hành.”

Rồi thì, số đông các Tỳ-kheo đến gặp Thế Tôn, đánh lễ sát đất, rồi ngồi qua một bên, đem việc lúc nãy bạch với Thế Tôn.

Bấy giờ, Như Lai nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Tỳ-kheo Ca-chiên-diên thông minh, biện tài, đã giảng rộng nghĩa ấy. Nếu các ông đến hỏi Ta điều đó, thì Ta cũng giảng cho các ông như vậy mà thôi.”

Lúc ấy, A-nan đang đứng sau Như Lai. A-nan liền bạch Phật rằng:

“Ý nghĩa của kinh này rất sâu sắc. Giống như có người đi đường gặp cam lồ⁶³ liền lấy ăn. Thật hết sức thơm ngon, ăn không biết chán. Ở đây cũng như vậy, thiện nam, thiện nữ nghe kinh này sẽ không hề biết chán.”

A-nan lại hỏi:

“Kinh này tên là gì và phụng hành ra sao?”

Phật bảo A-nan:

“Kinh này tên là ‘Pháp vị cam lồ.’⁶⁴ Hãy ghi nhớ và

⁶³ Trung kinh 115: Mật hoàn 蜜丸, cục mật ong. Pāli: *madhupiṇḍikam*.

⁶⁴ Cam lộ pháp vị 甘露法味. Trung kinh 115: Mật hoàn dụ 蜜丸喻. Pāli: *madhupiṇḍika-pariyāyo*.

Tăng nhất A-hàm

phụng hành.”

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

41. PHẨM CHỖ SỢ

KINH SỐ 1¹

[744a02] Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Ny-câu-lâu thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ của dòng họ Thích, cùng đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Lúc ấy, Thích Ma-ha-nam đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất, ngồi qua một bên, rồi bạch Thế Tôn rằng:

“Tự thân con nghe Như Lai có dạy như vậy, thiện nam, thiện nữ nào đoạn trừ ba kết sử thành Tu-đà-hoàn, gọi là bất thối chuyển, ắt thành đạo quả, không còn tìm cầu đến các ngoại đạo dị học, cũng không xét đến các thuyết mà người khác nói. Không có trường hợp nào mà không phải như vậy.

“Nhưng khi con thấy bò, ngựa, lạc đà hung dữ, thì con sợ hãi đến rợn tóc gáy và nghĩ rằng: Nếu hôm nay mà ta gặp phải tai nạn này chắc sẽ qua đời và sẽ sanh về đâu?”

Thế Tôn bảo Ma-ha-nam :

“Chớ sợ, Ma-ha-nam! Giả sử hôm nay mạng chung, ông sẽ không đọa vào ba đường dữ. Vì sao vậy? Có ba thứ dẫn đến tiêu diệt. Ba thứ ấy là: như có người do tham đắm dâm dục mà phát sanh não loạn, lại có tâm làm hại

¹ Pāli, S. 55. 21. Mahānāma (R. v. 369); Pāli, M. 14 Cūḷadukkhakkhandha (R. i. 19). Hán, *Tạp* (Việt) kinh 1291, *Trung* kinh 100 Khổ ẩm.

người khác.² Nếu không có tâm tham dục này thì sẽ không có tâm sát hại, ở trong đời hiện tại không phát sanh khổ não. Những ai có pháp ác, bất thiện, thì sẽ tự hại mình. Nếu không có pháp ấy thì không bị nhiễu loạn, không có sầu ưu.

“Cho nên, này Ma-ha-nam, ba ý nghĩa này cho thấy các pháp ác thì đọa xuống dưới, các pháp lành thì nổi lên trên. Cũng như thả hủ bọ vào trong nước, rồi đập vỡ; các mảnh sành liền chìm xuống còn bọ thì nổi lên trên. Ở đây cũng vậy, các pháp ác bất thiện thì chìm xuống, các pháp lành thì nổi lên.

“Ma-ha-nam, nên biết, ngày xưa khi chưa thành Phật đạo,³ Ta siêng tu khổ hạnh suốt sáu năm tại Ưu-lưu-tì, không ăn thức ăn ngon. Thân thể ốm gầy giống như là người trăm tuổi, đều do không ăn mà ra. Khi Ta định đứng dậy, liền bị té xuống đất. Lúc ấy, Ta lại suy nghĩ: Nếu Ta bị chết lúc ấy thì sẽ sanh về đâu? Và Ta nghĩ rằng: Nếu hôm nay Ta chết thì sẽ không đọa ác đạo. Nhưng ý nghĩa không phải là từ lạc dẫn đến lạc, mà phải do từ khổ dẫn đến lạc.

“Sau đó, Ta sống trong hang Tiên nhân,⁴ có nhiều Ni-kiền Tử đang học đạo ở đấy. Lúc ấy, có Ni-kiền Tử đưa tay chỉ mặt trời, phơì thân ngoài nắng để học đạo. [744b01] Có người ngồi chồm hồm để học đạo. Bây giờ,

² Cf. *Trung*, dẫn trên: Nhiễm tâm uế, nhuế tâm uế, si tâm uế 染心穢, 恚心穢, 癡心穢. Pāli, M. 14 Cūḷadukkhakkhandha (R. i. 91): *lobho, doso, moho cittassa upakkilesa' ti*. Tham, sân, si, là cấu uế của tâm.

³ Tường thuật tương tự, Cf. M. 14. *ibid*.

⁴ Tiên nhân quật 仙人窟. Pāli: Isigila; tường thuật tương tự, cf. M. 14, *ibid*.

Ta đến chỗ họ, nói với họ rằng: ‘Vì sao các ông không ngồi mà lại dơ tay, kiễng chân vậy?’ Ni-kiền Tử nói: ‘Cù-đàm, nên biết, Thầy tôi [dạy rằng] trước kia đã làm việc bất thiện, sở dĩ chúng tôi khổ hạnh là để diệt tội ấy.⁵ Nay phơi bày thân thể tuy hơi nhức, nhưng tội ấy sẽ được diệt trừ. Cù-đàm, nên biết, hành diệt hết thì khổ cũng diệt hết; khổ diệt hết thì hành cũng diệt hết⁶; khổ hành dứt hết thì đạt đến Niết-bàn.’

“Khi ấy, Ta nói với các Ni-kiền Tử rằng: ‘Việc ấy không đúng. Không phải do hành diệt hết mà khổ diệt hết; cũng không phải do khổ diệt hết và hành diệt hết mà đạt Niết-bàn. Giả sử khổ hành diệt hết mà đạt đến Niết-bàn, điều đó đúng. Nhưng [cũng] không thể từ lạc mà dẫn đến lạc.’⁷ Ni-kiền Tử nói: ‘Vua Tần-tì-sa-la do từ lạc mà dẫn đến lạc, có gì là khổ?’ Khi ấy, Ta lại nói với Ni-kiền Tử rằng: ‘Cái vui của vua Tần-tì-sa-la làm sao bằng cái lạc của Ta?’ Ni-kiền Tử nói: ‘Cái vui của vua Tần-tì-sa-la

⁵ Hán dịch hoặc chép thiếu từ nên đoạn văn hơi vô lý; thêm từ trong ngoặc cho rõ nghĩa. Tham chiếu Pāli, *ibid.*: *nigaṇṭho nāṭaputto, sabbaññū...so evamāha pubbe pāpakammaṃkatam, tam imāya kaṭukāya dukkarakārikāya nijjiretha*, “Ni-kiền Tử, là đáng toàn trí, đã nói như vậy: Bằng sự khổ hạnh khốc liệt này, các người sẽ trừ diệt ác nghiệp đã làm trước kia.”

⁶ Đối chiếu Pāli: *kammakkhayā dukkhakkhayo*, nghiệp dứt sạch, nên khổ dứt sạch.

⁷ Trung, dẫn trên: Quan điểm của nhóm Ni-kiền tử: “... lạc không nhân nơi lạc, nhưng nhân nơi khổ mới có. Như sự lạc của vua Tần-tì-sa-la thì sa-môn Cù-đàm [587c] không bằng được.” Trong bản Pāli, cũng vậy: *na... sukkena sukhaṃ adhigantaṃ, dukkhena kho sukhaṃ adhigantabbam (...)* *bimbisāro sukhaṃ adhigaccheyya*, “lạc không thể đạt được bằng lạc; lạc phải đạt được bằng khổ. (Nếu không như vậy,) vua Bimbisara có thể đạt được lạc. Đây là lý luận cho lối tu khổ hạnh của Ni-kiền Tử mà Phật bác bỏ.

hơn cái lạc của ông.’ Ta lại nói với Ni-kiền Tử rằng: ‘Vua Tần-tì-sa-la có thể như Ta ngồi kiết già bảy ngày bảy đêm không lay động⁸ được không? Hoặc ngồi kiết già sáu, năm, bốn, ba, hai cho đến một ngày được không?’ Ni-kiền Tử đáp: ‘Không được, thưa Cù-đàm.’ Thế Tôn bảo: “Ta có thể ngồi kiết già mà thân hình không lay động*. Thế nào, Ni-kiền Tử, vậy ai lạc hơn?” Ni-kiền tử đáp: ‘Sa-môn Cù-đàm lạc hơn.’

“Này Ma-ha-nam, hãy do phương tiện này mà biết rằng: Lạc không thể đến từ lạc, mà lạc phải đến từ khổ.⁹ Này Ma-ha-nam giống như hai bên làng có ao nước lớn, dài rộng một do tuần, chứa đầy nước. Nếu có người đến đó lấy một giọt nước; này Ma-ha-nam, giọt nước đó nhiều hay nước trong hồ nhiều hơn?”¹⁰

Ma-ha-nam nói: “Nước trong hồ nhiều; chẳng phải một giọt nước nhiều.”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây cũng như vậy, đệ tử Hiền thánh đã vĩnh viễn chấm dứt các khổ, chỉ còn lại (một ít khổ) cũng như một giọt nước mà thôi. Người chứng quả thấp nhất trong chúng của Ta trải qua không quá bảy lần sanh, bảy lần chết nữa thì dứt sạch gốc khổ; nếu dũng mãnh, tinh tấn thì đạt đến Gia gia¹¹ rồi đắc đạo.”

⁸ Pāli, thêm chi tiết: Suốt bảy ngày bảy đêm an trú với cảm thọ duy nhất là lạc (*ekanta-sukham paṭisaṃvedī vāharitum*).

⁹ Tham chiếu *Trung*: “Ma-ha-nam, vì vậy nên biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn.”

¹⁰ Xem *Tạp* 5, kinh 109. Pāli, S. 13.2. Pokkharanī.

¹¹ Gia gia 家家, (Pāli: *kolamkola*); thứ sáu trong 18 bậc hữu học. Vị Tu-đà-hoàn còn ba lần tái sinh qua lại thiên giới và nhân giới

Rồi Thế Tôn lại nói thêm pháp [744c01] vì điều cho Ma-ha-nam nghe. Sau khi nghe pháp xong, ông đứng dậy ra về.

Ma-ha-nam sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Na-già-bà-la ở trong thành Lộc dã.

Bấy giờ, có một bà-la-môn tuổi đã già nua, vốn có đôi chút quen biết đối với Tôn giả Na-già-bà-la. Lúc ấy, bà-la-môn đó đến chỗ Tôn giả Na-già-bà-la, đánh lễ rồi ngồi qua một bên.

Bà-la-môn nói với Tôn giả Na-già-bà-la rằng:

“Ngài là người sung sướng nhất trong những người sung sướng.”

Tôn giả Na-già-bà-la nói:

“Vì sao ông nói tôi là người sung sướng nhất trong những người sung sướng?”

Bà-la-môn đáp:

“Trong vòng bảy ngày, bảy đứa con trai của tôi đều chết. Chúng đều dũng mãnh, tài cao, trí huệ, khó có ai sánh kịp. Trong vòng sáu ngày gần đây, mười hai người giúp việc qua đời. Họ đều là những người giúp việc siêng năng. Trong vòng năm ngày, bốn anh em tôi qua đời. Họ có nhiều nghề, làm gì cũng giỏi. Bốn ngày gần đây, cha

rồi nhập niết-bàn; vị ấy được gọi là gia gia. Xem *Trung 30*, kinh 127.

Tăng nhất A-hàm

mẹ tôi đã gần trăm tuổi bỏ tôi mà lia đời. Ba ngày gần đây, hai người vợ xinh đẹp hiếm có trên đời của tôi đã chết. Lại nữa trong nhà có tám hằm châu báu, hôm qua tìm mãi không thấy. Những khổ não mà tôi đang gặp không thể tính hết. Còn Tôn giả thì đã vĩnh viễn xa lia tai họa đó, không còn lo buồn, sống an vui với đạo pháp. Vì lý do đó tôi mới nói ngài là người sung sướng nhất trong những người sung sướng.”

Lúc ấy, Tôn giả Na-già-bà-la bảo bà-la-môn ấy rằng:

“Sao ông không tìm phương tiện cho những người ấy không qua đời.”

Bà-la-môn đáp:

“Tôi cũng làm nhiều phương tiện để không chết, không bị mất của, lại tùy thời bố thí, tạo các công đức, tế tự chư thiên, cúng dường các bà-la-môn trưởng lão, thủ hộ chư thần, tụng các chú thuật, lại có thể xem tinh tú, chế thuốc thang, bố thí đồ ăn uống ngon lành cho những người nghèo khổ. Những việc như vậy kể ra không hết nhưng lại không thể cứu mạng sống của họ.”

Bấy giờ, Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

*Thuốc thang và chú thuật,
Y phục, đồ ăn uống;
Tuy cho nhưng vô ích,
Vẫn ôm lấy khổ đau.*

[745a01] *Giả sử cúng tế thần,
Hương hoa và tắm gội.
Suy tính nguồn gốc này,
Không thể chữa trị được.*

*Giả sử cho các vật,
Tinh tấn giữ phạm hạnh,*

*Suy tính nguồn gốc này,
Không thể chữa trị được.*

Bà-la-môn hỏi:

“Phải làm cách nào để thoát khỏi tai họa khổ não này?”

Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

*Gốc ân ái, vô minh,
Phát sanh các khổ não.
Diệt sạch các thứ ấy,
Thì không còn khổ não.*

Nghe xong, bà-la-môn ấy liền nói kệ:

*Tuy già chẳng ngại già,
Hành sự như đệ tử;
Xin xuất gia học đạo
Để thoát tai nạn này.*

Rồi thì, Tôn giả Na-già-bà-la trao cho ông ba y, cho ông ấy xuất gia học đạo và bảo với ông ấy rằng:

“Ông nay là Tỳ-kheo. Hãy quán sát thân này từ đầu đến chân; xét xem tóc, lông, móng, răng, từ đâu mà đến, hình hài, da thịt, xương, tủy, ruột, bao tử, từ đâu mà đến. Nếu từ bỏ đây, thì sẽ đi về đâu? Vì vậy, Tỳ-kheo chớ có lo nghĩ nhiều về sự khổ não của thế gian, mà phải quán sát trong lỗ chân lông này, tìm phương tiện thành tựu bốn đế.

Bấy giờ, Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

*Trừ tướng, chớ lo nhiều;
Không lâu được pháp nhãn.
Hành vô thường, như điện
Không gặp phước lớn này.

Quán từng lỗ chân lông,
Nguồn gốc của sanh diệt.*

Tăng nhất A-hàm

Hành vô thường, như điện.

Bố thí hướng Niết-bàn.

Sau khi nghe giảng xong, Tỳ-kheo già ấy ngồi ở nơi vắng vẻ tư duy về mục đích mà thiện nam tử ấy cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo với lòng tin kiên cố, tu phạm hạnh vô thượng, biết như thật rằng: ‘Sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn thọ thai trở lại.’ Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy liền đắc quả A-la-hán.

Có vị thiên vốn là bạn cũ của Tỳ-kheo ấy, thấy vị ấy thành A-la-hán, liền đến chỗ Tôn giả Na-già-bà-la đứng trên hư không mà [745b01] nói kệ rằng:

Đã đắc giới cụ túc,

Ở nơi vắng vẻ ấy.

Đắc đạo, tâm không chấp;

Trừ sạch nguồn gốc ác.

Lúc ấy, vị thiên đó rải hoa trời cúng dường Tôn giả rồi biến mất.

Tỳ-kheo ấy và vị thiên, sau khi nghe những gì Tôn giả Na-già-bà-la nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3¹²

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy quán bảy xứ thiện, lại xét bốn pháp,¹³ ở ngay trong

¹² Tham chiếu Pāli, S. 22.; 57. Sattatthāna (R. iii. 62). Hán, *Tạp* (Việt) kinh 42.

đời này được gọi là thượng nhân.

“Này Tỳ-kheo, thế nào là quán bảy xứ thiện? Ở đây, Tỳ-kheo đem tâm từ rải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, bốn hướng và phương trên dưới cũng đều như vậy, làm cho tâm từ tràn đầy khắp thể gian. Với tâm bi, hỷ, xả*, không, vô tướng, vô nguyện cũng lại như vậy.¹⁴ Các căn đầy đủ, ăn uống điều độ, thường tự giác ngộ; Tỳ-kheo quán bảy pháp như vậy.

“Tỳ-kheo, xét bốn pháp như thế nào? Ở đây, Tỳ-kheo quán thân nơi nội thân, trừ khử sầu ưu, thân niệm xứ; quán thân nơi ngoại thân, thân niệm xứ; quán thân nơi ngoại thân, thân niệm xứ. Quán thọ nơi nội thọ*, thọ niệm xứ; quán thọ nơi ngoại thọ*, thọ niệm xứ; quán thọ nơi nội ngoại thọ*, thọ niệm xứ. Quán tâm nơi nội tâm, tâm niệm xứ; quán tâm nơi ngoại tâm, tâm niệm xứ; quán tâm nơi nội ngoại tâm, tâm niệm xứ; trừ khử sầu ưu, không còn các khổ hoạn. Quán pháp nơi nội pháp, pháp niệm xứ; quán pháp nơi ngoại pháp, pháp niệm xứ; quán pháp nơi nội ngoại pháp, pháp niệm xứ. Tỳ-kheo, hãy quan sát bốn pháp như vậy.

“Này Tỳ-kheo, quán bảy xứ thiện và xét bốn pháp ấy, ở ngay trong đời này là bậc thượng nhân. Vì vậy, Tỳ-kheo, hãy tìm câu phương tiện thành tựu bảy xứ thiện và xét bốn pháp ấy. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹³ *Tạp* (Việt) kinh 42: Thất xứ thiện, tam chủng quán nghĩa 七處善種觀義. Pāli, S.22: *sattatṭhānakusalo, tividhāpaparikkhī*.

¹⁴ Xem kinh 3, phẩm 30.

KINH SỐ 4

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Ni-câu-lâu, nước Ca-tỳ-la-vệ, giữa những người họ Thích cùng đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Chúng con muốn đến phương Bắc để du hóa.”

[745c01] Thế Tôn nói:

“Nên biết thời.”

Rồi Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo:

“Các người đã từ già Tỳ-kheo Xá-lợi-phất chưa?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Chưa, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông hãy đến từ già Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Vì sao vậy? Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thường xuyên giáo giới cho những đồng phạm hạnh, thuyết pháp không hề mệt mỏi.

Rồi Thế Tôn nói pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Các Tỳ-kheo, sau khi nghe pháp xong, rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu Phật ba vòng, rồi ra đi.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất đang ở một tháp miếu của những người họ Thích. Các Tỳ-kheo đến chỗ Xá-lợi-phất, chào hỏi, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Chúng tôi muốn đến phương Bắc du hóa trong nhân

gian. Nay xin từ giả Tôn giả¹⁵.”

Xá-lợi-phất nói:

“Này các Thầy, nên biết, nhân dân, sa-môn, bà-la-môn ở phương Bắc đều thông minh, trí huệ khó ai bì. Nếu có người muốn thử, đến hỏi các vị rằng, ‘Chư Hiền có chủ trương gì?’ Các Thầy sẽ trả lời như thế nào?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Nếu có ai đến hỏi, chúng tôi sẽ trả lời bằng nghĩa lý này: ‘Sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó là khổ. Cái gì khổ, cái đó là vô ngã. Vô ngã là không. Do không, vô ngã nên chúng rỗng không. Đó là điều mà người trí quán sát. Thọ, tưởng, hành, thức, cũng vậy, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Những gì là không, vì nó vô ngã nên không. Đó là điều mà người trí học. Năm uẩn này đều rỗng không, vắng lặng. Những gì tụ hội bởi nhân duyên, đều sẽ tiêu diệt, không tồn tại lâu dài. Con đường tám nhánh cùng tu với bảy chi. Những điều mà Tôn Sư của chúng tôi dạy chính là như vậy.’ Nếu có người sát-lợi, bà-la-môn hay nhân dân đến hỏi, chúng tôi sẽ trả lời với nghĩa lý như vậy.”

Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các Thầy hãy kiên trì tâm ý, chớ có khinh suất.”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói pháp vi diệu đầy đủ cho các Tỳ-kheo nghe. Các Tỳ-kheo nghe xong, rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Khi số đông các Tỳ-kheo đi chưa bao xa, Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

¹⁵ Trong bản: Thế Tôn.

Tăng nhất A-hàm

“Như thế nào là thực hành con đường tám nhánh và pháp bảy chi?”

Số đông các Tỳ-kheo, bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Chúng tôi từ xa đến đây là để nghe ý nghĩa ấy. Xin hãy giảng cho chúng tôi.”

Xá-lợi-phất [746a01] đáp:

“Các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ. Tôi sẽ nói.”

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Xá-lợi-phất nói:

“Ai nhất tâm niệm chánh kiến, tức là niệm giác chi không rối loạn. Chánh tư duy,¹⁶ là nhất tâm niệm hết thấy các pháp, tức là pháp giác chi. Chánh ngữ,¹⁷ là thân, ý tinh tấn, tức là tinh tấn giác chi. Chánh nghiệp,¹⁸ là hết thấy các pháp được sanh, tức là hỷ giác chi. Chánh mạng,¹⁹ là biết đủ đối với tài sản Hiền thánh, xả bỏ tài sản thế tục, nhẹ nhàng thân thể, tức là khinh an* giác chi. Chánh tinh tấn,²⁰ là chứng đắc bốn Thánh đế, trừ sạch các kết sử, tức là định giác chi. Chánh niệm,²¹ là quán sát bốn niệm xứ,²² thân không bèn chắc, thấy đều rỗng không, vô ngã, tức là xả* giác chi. Chánh tam muội,²³ là đạt được những gì chưa đạt, độ thoát những gì chưa độ thoát, chứng đắc

¹⁶ Đẳng trị 等治.

¹⁷ Đẳng ngữ 等語.

¹⁸ Đẳng nghiệp 等業.

¹⁹ Đẳng mạng 等命.

²⁰ Đẳng phương tiện 等方便.

²¹ Đẳng niệm 等念.

²² Tứ ý chi 四意止.

²³ Đẳng tam-muội 等三昧.

những gì chưa chứng đắc.²⁴

“Nếu có người đến hỏi rằng, ‘Như thế nào là tu tám đạo và bảy pháp ấy,’ các Thầy hãy trả lời như vậy. Vì sao vậy? Bởi vì Tỳ-kheo nào tu tám đạo và bảy pháp này, tâm liền được giải thoát khỏi hữu lậu.

“Tôi nhắc lại cho các Thầy rõ, Tỳ-kheo nào tu hành tu duy con đường tám nhánh và bảy pháp này, Tỳ-kheo ấy liền thành tựu hai quả không nghi ngờ gì. Hoặc chứng quả A-la-hán. Vả, hãy gác qua việc đó. Nếu không thể tu tập nhiều, nhưng trong một ngày mà tu hành con đường tám nhánh và bảy pháp này, phước báo không thể tính hết. Hoặc đắc A-na-hàm hoặc A-la-hán.²⁵

“Vì vậy, các Thầy phải tìm cầu phương tiện tu hành con đường tám nhánh và bảy pháp này, nhất định sẽ chứng đắc đạo không có gì nghi ngờ.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ca-diếp:

²⁴ Hán dịch sót: Định giác ý (giác chi) 定覺意.

²⁵ Việt dịch sát. Nhưng Hán dịch đoạn này lộn xộn. Nói theo thứ tự: tu tám Thánh đạo và bảy giác chi trong 7 năm, hoặc chỉ trong 7 ngày, cho đến một ngày, có thể chứng một trong hai quả: hoặc A-la-hán ngay trong đời này, hoặc nếu còn hữu dư, chứng A-na-hàm, tái sinh Tịnh cư thiên và nhập Niết-bàn trên đó.

Tăng nhất A-hàm

“Nay ông đã cao tuổi, ý lực không còn trẻ khỏe, hãy nhận y áo và đồ ăn của các gia chủ.”

Ca-diếp bạch Phật rằng:

“Con không thể nhận y áo và đồ ăn của họ. Nay với con, mặc y vá mảnh này, và tùy thời khát thực, không còn an lạc nào hơn. Vì sao vậy? Trong tương lai sẽ có các Tỳ-kheo thân thể yếu ớt, tâm tham y đẹp, thức ăn ngon, nên giảm sút tọa thiền, không kham hành khổ hạnh, nhưng người ấy lại nói, ‘Quá khứ trong thời Phật, các Tỳ-kheo cũng nhận sự cung thỉnh của người, nhận y áo, thức ăn. Vì sao chúng ta không làm theo Thánh nhân ngày xưa?’ Do tham đắm y áo, thức ăn, họ sẽ [746b01] cởi bỏ y phục làm bạch y, khiến cho các vị Thánh hiền không còn oai thần, chúng bốn bộ dần dần suy giảm. Thánh chúng đã giảm bớt thì tháp miếu Phật cũng sẽ bị hủy hoại. Tháp miếu Phật bị hủy hoại cho nên kinh sách bị thất lạc. Lúc ấy, chúng sanh không còn tinh quang. Do không còn tinh quang nên tuổi thọ rất ngắn. Bây giờ, chúng sanh sau khi mạng chung đều đọa vào ba đường dữ. Cũng như ngày nay, chúng sanh tạo phước nhiều nên đều được sanh thiên; chúng sanh trong tương lai vì tạo tội nhiều nên đều đọa địa ngục.”

Thế Tôn nói:

“Lành thay, lành thay, Ca-diếp! Ông đã làm nhiều lợi ích, làm ruộng phước và bần lành của mọi người.

“Ca-diếp, nên biết, hơn một ngàn năm sau khi Ta nhập Niết bàn sẽ có Tỳ-kheo sút giảm thiền định, không còn thực hành pháp đầu đà, cũng không có đắp y vá mảnh và đi khát thực, chỉ thích nhận y áo, thức ăn do gia chủ mang lại. Không còn ai sống ở gốc cây, tại chỗ nhàn tĩnh, mà chỉ ưa trang sức phòng xá. Cũng không dùng đại tiểu

tiện làm thuốc,²⁶ mà chỉ thích các loại dược thảo rất ngon ngọt. Hoặc ở đây lại tham đắm tài sản, tiếc lẫn phòng xá, thường xuyên tranh chấp với nhau. Lúc bấy giờ, đàn-việt thí chủ, dốc lòng chí tín Phật pháp, ưa hành huệ thí, không tiếc lẫn tài vật. Đàn-việt thí chủ ấy sau khi mạng chung thấy đều sanh lên trời. Nhưng Tỳ-kheo lười biếng thì vào địa ngục.

“Nhu vậy, Ca-diếp, hết thấy các hành là vô thường, không tồn tại dài lâu.

“Lại nữa, Ca-diếp, nên biết, trong đời tương lai có Tỳ-kheo tuy cạo đầu nhưng vẫn hành theo nghiệp thế tục; tay trái ẵm con trai, tay phải ẵm con gái; lại cầm đàn, sáo mà khát thực trên đường phố. Lúc ấy, thí chủ đàn việt còn thọ phước vô cùng huống gì ngày nay những người khát thực đều tu hành chân chánh.

“Này Ca-diếp, tất cả các hành đều vô thường, không thể tồn tại lâu dài.

“Ca-diếp nên biết, trong tương lai, Sa-môn Tỳ-kheo sẽ xả bỏ con đường tám nhánh và bảy pháp này, cũng như Pháp bảo mà ngày hôm nay Ta đã tích tụ trong ba a-tăng-kỳ kiếp. Trong tương lai, các Tỳ-kheo khát thực để tự nuôi sống bằng sự ca hát giữa đám đông. Đàn-việt thí chủ cho cơm cho chúng Tỳ-kheo đó mà còn được phước, huống là ngày nay mà không được phước sao? Nay Ta đem pháp này giao cho Tỳ-kheo Ca-diếp và A-nan. Vì sao vậy? Hôm nay, Ta đã gần tám mươi tuổi. Không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ. Nay [746c] đem Pháp bảo

²⁶ Đại tiểu tiện vi dược 大小便為藥. Dịch ý của từ hủ lạn dược 腐爛藥, loại thuốc quy định cho Tỳ-kheo. Pāli: *pūtimatta*, cũng được hiểu là nước đái quý. Nhưng ngữ nguyên của từ này không rõ ràng.

giao phó cho hai người. Hãy ghi nhớ đọc tụng, lưu truyền ở thế gian, đừng để đoạn tuyệt. Nếu ai ngăn cản ngôn giáo của Thánh nhân, người ấy sẽ đọa vào biên địa. Hôm nay ta đã giao phó Kinh pháp cho ông, đừng để bị thất thoát.”

Lúc ấy, Ca-diếp và A-nan liền rời khỏi chỗ ngồi, quỳ xuống chấp tay, bạch Thế Tôn rằng:

“Vì sao lại đem giáo Pháp giao phó cho hai con mà không giao cho vị khác? Lại nữa, trong chúng Như Lai, các vị có thần thông bậc nhất không thể đếm hết, sao Như Lai không phó chúc cho các vị đó?”

Thế Tôn bảo Ca-diếp rằng:

“Trên trời, trong loài người, ta không thấy người nào có thể thọ trì Pháp bảo sánh với Ca-diếp và A-nan. Trong chúng Thanh văn cũng không có ai vượt hơn được hai người này. Chư Phật trong quá khứ cũng có hai người thọ trì kinh pháp như Ca-diếp và A-nan ngày nay, rất là hy hữu. Vì sao vậy? Tỳ-kheo hành đầu đà trong thời Phật quá khứ, khi Pháp còn thì vị ấy còn, khi Pháp diệt vị ấy cũng mất. Tỳ-kheo Ca-diếp của Ta ngày nay lưu lại ở thế gian cho đến khi Phật Di-lặc ra đời rồi mới nhập diệt. Do đó Tỳ-kheo Ca-diếp hơn các Tỳ-kheo thời quá khứ. Còn Tỳ-kheo A-nan vì sao lại hơn các thị giả của chư Phật quá khứ? Thị giả của chư Phật quá khứ nghe các Ngài giảng sau đó mới hiểu; nhưng Tỳ-kheo A-nan ngày nay Như Lai chưa nói đã hiểu; Như Lai không nói cũng đều biết hết. Do bởi nhân duyên này Tỳ-kheo A-nan hơn các thị giả của chư Phật quá khứ.

“Vì vậy, hôm nay Ta giao phó Pháp bảo cho Ca-diếp và A-nan, đừng để bị khuyết giảm.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Hết thấy hành vô thường.
Có sanh ắt có diệt.
Không sanh thì không chết.
Diệt ấy đệ nhất lạc.*

Bấy giờ, Đại Ca-diếp và A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.²⁷

²⁷ Bản Hán, hết quyển 35.

THIÊN TÁM PHÁP

42. PHẨM TÁM NẠN

KINH SỐ 1¹

[747a07] Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Kẻ phạm phu không được nghe, không được biết thời tiết thuyết pháp. Tỳ-kheo, nên biết, có tám thời tiết mà lúc đó con người không nghe, không được tu hành. Những gì là tám?

“Khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, dẫn đến Niết-bàn, sở hành của Như Lai, nhưng chúng sanh này ở trong địa ngục nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ nhất.

“Khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này ở trong loài súc sanh nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ hai.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này ở trong loài ngạ quỷ nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ ba.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này sanh lên trời Trường thọ

¹ Pāli, A. III. 29 Akkhaṇa (R. iv. 225). Hán, *Trung* 29, kinh 124.

nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ tư.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này sanh ở biên địa, phi báng Hiền thánh, tạo các tà nghiệp. Đó gọi là nạn thứ năm.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp dẫn đến Niết-bàn, chúng sanh này tuy sinh ở trung tâm đất nước, nhưng sáu căn không đầy đủ, cũng lại không phân biệt được pháp thiện ác. Đó gọi là nạn thứ sáu.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, chúng sanh này sinh ở trung tâm đất nước, tuy sáu căn lại hoàn toàn, không có thiếu sót; nhưng chúng sanh này tâm thức tà kiến, cho rằng không có người cho, không có vật bố thí, không có người nhận, không có quả báo thiện ác, không có đời này, đời sau, cũng không có cha mẹ; đời không có Sa-môn, Bà-la-môn nào thành tựu được A-la-hán, tự thân chứng ngộ mà an trú. Đó gọi là nạn thứ bảy.

“Lại nữa, [747b01] Như Lai không xuất hiện ở đời, không nói giáo pháp dẫn đến Niết-bàn, dẫu chúng sanh này sinh ở trung tâm đất nước, đầy đủ sáu căn, có thể thọ nhận giáo pháp, thông minh tài giỏi, nghe pháp liền hiểu, tu hành chánh kiến, tin có vật bố thí, có người bố thí, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này, đời sau, đời có sa-môn, bà-la-môn, tu chánh kiến, tác chứng đắc A-la-hán. Đó gọi là nạn thứ tám, khiến đồng phạm hạnh không thể tu hành. Tỳ-kheo, đó gọi là có tám nạn này, khiến phạm hạnh không thể tu hành.

“Ở đây, Tỳ-kheo, có một pháp thời tiết mà người phạm hạnh có thể tu hành. Một ấy là gì? Ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, mà

Tăng nhất a-hàm

người này sinh ở trung tâm đất nước, thể trí biện thông, đôi vật đều sáng tỏ, tu hành chánh kiến, có thể phân biệt pháp thiện ác, tin có đời này, đời sau, đời có sa-môn, bà-la-môn tu chánh kiến, tác chứng, đắc A-la-hán. Đó gọi là một pháp khiến người phạm hạnh có thể tu hành, đắc đến Niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tám nạn chẳng một loại,
Khiến người không đắc đạo.
Như nay thời hiện tại,
Thế gian rất khó gặp.*

*Nên hãy học chánh pháp,
Chớ mất cơ hội này.
Nhớ lại về quá khứ,
Đã từng sinh địa ngục;*

*Nên đoạn trừ, vô dục,
Mà tư duy chánh pháp.
Lâu dài trong thế gian,
Không khi nào dứt tuyệt;*

*Nên đoạn trừ, vô dục,
Mà tư duy chánh pháp.
Đoạn hẳn nguồn sinh tử
Lâu dài trong thế gian.*

*Nay đã được thân người,
Phân biệt pháp chánh chơn.
Những người không đắc quả
Tất sống trong tám nạn.*

*Nay nói có tám nạn,
Yếu hành của Phật pháp.
Một nạn vẫn nguy kịch,*

Như ván nổi ngoài biển.²

*Tuy sẽ là một nạn,
Dẫu cho có lý này;
Nếu là một, bốn đế,
Vĩnh viễn là chánh đạo.*

*Cho nên phải chuyên tâm
Tư duy lý vi diệu;
[747c01]Chỉ thành nghe chánh Pháp
Đạt đến chỗ vô vi.*

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện xa là nơi tám nạn, chớ mong ở trong đó.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ:

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám địa ngục lớn. Những gì là tám? Một địa ngục Hoàn hoạt, hai địa ngục Hắc thắng, ba địa ngục Đẳng hại, bốn địa ngục Thế khốc, năm địa ngục Đại thế khốc, sáu địa ngục A-tỳ, bảy địa ngục Viêm, tám địa ngục Đại

² Ngụ ý, con rùa mù tám ván trôi ngoài biển, rất khó hội ngộ.

Tăng nhất a-hàm

viêm.”³

Bảy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Hoàn hoạt và Hắc thăng,
Đẳng hại và Thế khóc
Ngũ nghịch ngục A-tỳ
Địa ngục Viêm, Đại viêm.*

*Đó là tám địa ngục
Trong ấy không thể ở
Đều do gốc hành ác
Mười sáu lớp ngấn quanh.*

*Còn trên ngục sắt kia
Bị lửa thường thiêu đốt;
Trần ngập một do tuần,
Lửa cháy dậy hừng hực.*

*Bốn thành bốn cửa ngõ
Ở trong rất bằng phẳng
Lại dùng sắt làm thành
Ván sắt che trên đó.*

“Đây là do duyên tội báo chúng sanh, khiến chúng sanh kia chịu khổ vô cùng, máu thịt tiêu hết, chỉ còn có xương.

“Vì những duyên có gì gọi là địa ngục Hoàn hoạt? Những chúng sanh kia thân hình thẳng đơ, không cử động, bị khổ bức bách không thể di chuyển, thân thể không còn máu thịt. Lúc đó, chúng sanh nói với nhau: ‘Chúng sanh sống lại!’ Khi ấy, chúng sanh kia tức thì sống lại. Do nhân duyên này nên gọi là địa ngục Hoàn hoạt.

³ Xem *Trường 19*, kinh 30 Thế ký, phẩm “Địa ngục.” Cf. Pāli, Jā v. 266, 271: Sañjīva, Kālasutta, Saṅgha, Jalaroruva, Dhūmaroruva, Mahāvīci, Tapana, Mahātapana.

“Lại vì nhân gì mà gọi là địa ngục Hắc thẳng? Vì chúng sanh kia hình thể gân, mạch, đều hóa thành dây, để cưa vào thân. Cho nên gọi là địa ngục Hắc thẳng.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đẳng hại? Lúc ấy, chúng sanh kia tụ tập lại một chỗ, đã chém đầu mà giây lát sống trở lại. Vì nhân duyên này [748a01] gọi là địa ngục Đẳng hại.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Thế khốc? Chúng sanh kia đã đoạn mất căn lành, không còn sót chút lông tóc, ở trong địa ngục kia chịu vô số khổ não; ở đó kêu gào oán hận, tiếng kêu không dứt. Vì nhân duyên này nên gọi là địa ngục Thế khốc.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đại thế khốc? Chúng sanh kia ở trong địa ngục chịu vô lượng khổ sở, không thể tính hết. Ở trong đó kêu gào, đấm ngực, tự tát vào mặt, đồng thanh gào thét. Vì nhân duyên này gọi là địa ngục Đại thế khốc.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục A-tỳ? Các loài chúng sanh giết hại cha mẹ, phá hoại tháp Phật, gây rối loạn chúng Tăng, hành theo tà kiến điên đảo, tương ưng với tà kiến, không thể chữa trị. Vì vậy cho nên gọi là địa ngục A-tỳ.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Viêm? Các loài chúng sanh trong địa ngục kia, thân thể bốc khói, thấy đều tan rã. Cho nên gọi là địa ngục Viêm.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đại viêm? Các chúng sanh trong địa ngục này đều không thấy sót lại cái gì của tội nhân. Cho nên gọi là địa ngục Đại viêm.

“Tỳ-kheo, đó là những nhân duyên để gọi tên tám địa

ngục lớn. Mỗi một địa ngục có mười sáu ngục nhỏ.⁴ Tên chúng là địa ngục Ưu-bát, địa ngục Bát-đầu, địa ngục Câu-mâu-đầu, địa ngục Phân-đà-lợi, địa ngục Vị-tăng-hữu, địa ngục Vĩnh vô, địa ngục Ngu hoặc, địa ngục Súc tỵ, địa ngục Đào sơn, địa ngục Thang hòa, địa ngục Hỏa sơn, địa ngục Khôi hà, địa ngục Kinh cức, địa ngục Phát thi, địa ngục Kiểm thọ, địa ngục Nhiệt thiết hoàn.⁵

Như vậy, mười sáu ngục nhỏ này không thể ước tính hết, khiến chúng sanh kia sinh trong địa ngục. Hoặc có chúng sanh phá hủy chánh kiến, phỉ báng Chánh pháp mà tránh xa, sau khi mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục Hoàn hoạt.

“Những chúng sanh nào ham thích sát sinh, sẽ sinh vào trong địa ngục Hắc thăng.

“Những chúng sanh giết mổ bò, dê và các loại khác, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đẳng hại.

“Những chúng sanh lấy của không cho, ăn trộm vật của người khác, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Thế khốc.

“Những chúng sanh thích dâm dật, lại nói dối, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đại thế khốc.

“Những sanh giết hại cha mẹ, phá hoại chùa tháp, gây

⁴ Nguyên Hán: cách từ 隔子.

⁵ Tên các địa ngục, đồng nhất Pāli: Ưu-bát (Uppala), Bát-đầu (Paduma), Câu-mâu-đầu (Kumuda), Phân-đà-lợi (Puṇḍarika), Vị-tăng-hữu (Abbuda; bản Hán đọc là Abbhuta), Vĩnh vô (Nirabbuda; Bản Hán đọc là Nibbhuta), Ngu hoặc (Ababa; bản Hán đọc là Bala?), Súc tỵ (?), Đào sơn (Khuradhāra), Thang hòa (Kukkuḷa), Hỏa sơn (?), Khôi hà (Khārodakanadī), Kinh cức (Sattisūla), Phát thi (Gūṭha), Kiểm thọ (Asipattavana), Nhiệt thiết hoàn (?).

đầu loạn Thánh [748b01] chúng, phỉ báng Thánh nhân, hành theo tà kiến điên đảo, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục A-tỳ.

“Những chúng sanh nghe lời ở đây truyền đến nơi kia, nghe nơi kia truyền đến nơi này, cầu người phương tiện, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Viêm.

“Lại có chúng sanh gây loạn hai bên, tham lam của người, khởi tâm ganh tị, trong lòng nghi kỵ, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đại viêm.

“Nếu có chúng sanh tạo các tạp nghiệp, sau khi mạng chung sinh vào mười sáu địa ngục nhỏ đó. Bấy giờ, ngục tốt hành hạ chúng sanh kia khô sở khôn lường, hoặc bị chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc chặt tay chân, hoặc xẻo mũi, hoặc cắt tai mũi, hoặc lấy gỗ ván ép lên, hoặc lấy cỏ nhét vào bụng, hoặc lấy tóc treo ngược, hoặc lột da, hoặc cắt thịt, hoặc xẻ làm hai phần, hoặc may dính trở lại, hoặc xẻ làm năm, hoặc dùng lửa nướng một bên, hoặc tưới nước sôi nóng chảy lên, hoặc phanh thây làm năm, hoặc kéo dài thân, hoặc dùng búa bén chặt đầu mà giây lát sống trở lại, chỉ khi nào những tội đã tạo ra ở nhơn gian trả hết, sau đó mới ra khỏi.

“Bấy giờ, ngục tốt bắt chúng sanh kia dùng chùy lớn đập nát thân thể nó, hoặc róc xương gân. Lại rượt đuổi cho lên cây kiếm, rồi lại rượt đuổi cho xuống, rồi sau đó có chim mỏ sắt đến mổ; lại bắt trói chặt năm chi, không được động đậy; lại đem bỏ vào trong vạc nước sôi lớn, dùng thêm chia sắt hại thân, khi gió thổi qua, thân kia sống lại như cũ. Lúc ấy, ngục tốt lại bắt chúng sanh lên núi đao, núi lửa, không cho dừng nghỉ. Ở trong đó chịu khổ không thể nào nói hết, chỉ khi nào những tội đã tạo ra ở nhơn gian trả hết, sau đó mới ra khỏi.

Tăng nhất a-hàm

“Bấy giờ, người có tội không chịu nổi đau khổ, lại tìm vào trong địa ngục tro nóng chịu vô lượng khổ đau. Từ trong đó ra, lại vào trong địa ngục gai nhọn chích ngược; ở trong ấy gió thổi đến đau đớn không thể tả. Từ trong đó ra, lại vào trong địa ngục phần nóng. Trong địa ngục phần nóng lúc ấy, có loại trùng nhỏ xíu ăn xương thịt nó. Khi ấy, chúng sanh không kham chịu khổ đau, lại dời đến địa ngục cây kiếm, thân thể thương tổn, đau không thể chịu đựng nổi.

“Khi ấy, ngục tốt bảo với chúng sanh kia: ‘Các ngươi từ đâu đến?’ Tội nhân đáp: ‘Bọn chúng tôi cũng [748c01] không biết là từ đâu lại?’ Lại hỏi: ‘Sẽ đi về đâu?’ Đáp: ‘Cũng lại không biết đến chỗ nào.’ Lại hỏi: ‘Muốn gì?’ Đáp: ‘Chúng tôi đói khát quá.’ Ngục tốt liền lấy viên sắt nóng bỏ vào miệng tội nhân, thiêu chín thân thể, đau đớn không thể chịu nổi. Chỉ khi nào trả hết những tội trước kia đã tạo ra, sau đó mới mạng chung. Lúc ấy, tội nhân lại trải qua bao nhiêu địa ngục, ở trong đó chịu khổ hàng ngàn vạn năm, sau đó mới ra.”

“Tỳ-kheo, nên biết, bấy giờ Diêm-la vương tự nghĩ: ‘Những chúng sanh nào mà thân, miệng, ý hành ác, phải chịu hết những tội như vậy. Những chúng sanh nào mà thân, miệng, ý hành thiện, những người như vậy đều sẽ sinh về trời Quang âm.’”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người ngu thường nhờn nhờn
Như trời Quang âm kia.
Người trí thường lo sợ
Giống như ở địa ngục.*

“Bấy giờ, này Tỳ-kheo, giáo lệnh của Diêm-la vương được nghe: ‘Ước mong ngày nào ta diệt hết những tội đã

tạo ra xưa kia, để mạng chung ở đây, được thọ hình người, sinh ở trung tâm đất nước, theo thiện tri thức, cùng gặp cha mẹ dốc lòng tin Phật pháp, được xuất gia học đạo ở trong chúng Như Lai, ngay trong đời hiện tại mà dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu. Nay ta nói lại lần nữa với các người, hãy cố gắng dụng tâm để lìa xa tám nạn, được sanh tại trung tâm đất nước, gặp được thiện tri thức, được tu phạm hạnh, được thành chánh quả như ước nguyện.”

“Này các Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào muốn lìa tám địa ngục lớn và mười sáu ngục nhỏ, phải tìm cầu phương tiện tu tám chánh đạo.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁶

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Nại thị,⁷ thành Tỳ-xá-ly, cùng năm trăm Tỳ-kheo, lần hồi đi du hóa trong nhân gian.

Lúc ấy, Thế Tôn quay lại nhìn thành Tỳ-xá-ly rồi nói bài kệ này:

⁶ Cf. D. 18. Mahāparinibbāna; No 135; No 136; No 1(2).

⁷ Nại thị 奈氏, để bản chép nhầm là Nại kỳ 奈祇. Pāli:

Ambapālavana, khu rừng của kỹ nữ Ambapālī (Nại nữ) cúng cho Phật. Cf. *Trường 2* (tr. 13b19 tt); Pāli, M. 18 (R.ii. 95). Từ đây trở đi, tường thuật đoạn đường cuối cùng của Phật đi đến rừng tịch diệt.

Tăng nhất a-hàm

[749a01] *Nay ngắm Tỳ-xá-ly
Sau không ngắm lại nữa
Cũng không vào lại nữa
Nơi đó, sẽ từ biệt.*

Lúc ấy, nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly nghe bài kệ này, trong lòng sầu ưu, đi theo sau Thế Tôn, ai ai cũng đều rơi lệ, nói với nhau:

“Không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ, thế gian sẽ mất ánh sáng.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi! Các người chớ ôm lòng sầu ưu. Vật phải chịu hủy hoại mà muốn nó không bị hủy hoại, không hề có lý này. Trước đây, Ta đã có nói, do bốn sự mà được tác chứng. Ta cũng đã dạy cho chúng bốn bộ bốn sự này. Những gì là bốn? Tất cả hành là vô thường, đó gọi là pháp thứ nhất. Tất cả hành là khổ, đó gọi là pháp thứ hai. Tất cả hành vô ngã, đó gọi là pháp thứ ba, Niết-bàn là diệt tận, đó là pháp thứ tư. Như vậy, không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ. Các người nên biết gốc bốn pháp này, hãy giải giảng ý nghĩa đó cho khắp tất cả chúng sanh.”

Bấy giờ, Như Lai muốn cho nhân dân thành Tỳ-xá-ly quay trở về, liền hóa ra một hồ lớn. Như Lai đưa các Tỳ-kheo sang bờ kia. Nhân dân nước ấy ở lại bên bờ này. Rồi Thế Tôn ném bát của mình lên hư không cho nhân dân ấy, lại nói rằng:

“Các người khéo cúng dường bát này. Cũng nên cúng dường pháp sư tài giỏi thì mãi mãi sẽ được phước vô lượng.”

Sau khi cho họ bát mình rồi, Thế Tôn liền đến nước Câu-

thi-na-kiệt.⁸

Lúc ấy, hơn năm trăm người Lực sĩ⁹ ở nước Câu-thi-na-kiệt tập hợp lại một chỗ, bàn luận với nhau:

“Chúng ta cùng nhau làm việc kỳ lạ để sau khi mạng chung, vang danh cùng khắp, con cháu cùng truyền: ‘Ngày xưa, các Lực sĩ Câu-thi-na-kiệt có sức mạnh không ai bì.’”

Sau đó, họ lại nghĩ: “Nên làm công đức gì?”

Bấy giờ, cách nước Câu-thi-na-kiệt không xa có tảng đá vuông lớn, dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ. “Chúng ta hãy dựng đứng nó lên.” Họ dùng hết sức lực để dựng nó, nhưng không thể dựng được. Không lay động nổi, huống gì là nâng lên.

Lúc đó, Thế Tôn liền đi đến chỗ họ, nói rằng:

“Các đồng tử, các cậu muốn làm gì?”

Các đồng tử bạch Phật:

“Vừa rồi, chúng con có bàn như vậy: ‘Chúng ta sẽ dời tảng đá này đi, để được vang danh đời đời. Thi công, từ đó [749b01] đến nay đã bảy ngày, nhưng không thể làm cho tảng đá này chuyển động.’”

Phật bảo các đồng tử:

⁸ Câu-thi-na-kiệt 拘尸那竭. Pāli: Kusinārā. Bản kinh này nhảy tắt. *Trường* 2, 3 và Pāli M.18, từ Tỳ-xá-ly, Phật đi qua nhiều chỗ rồi cuối cùng mới đến Câu-thi-na; tại đây Phật sẽ nhập diệt.

⁹ Lực sĩ 力士, danh từ riêng chỉ bộ tộc chứ không phải danh từ chung; phiên âm là Mạt-la 末羅. Một trong các bộ tộc lớn thời Phật, lãnh địa là thành Câu-thi-na và Ba-bà. Pāli: Mallā, với hai từ phù Pāvā và Kusinārā.

Tặng nhất a-hàm

“Các cậu có muốn Như Lai dựng tảng đá này đứng dậy không?”

Các đồng tử đáp:

“Nay chính là lúc thích hợp, cúi xin Thế Tôn đặt lại tảng đá này.”

Khi ấy, Thế Tôn liền dùng bàn tay phải nâng khối đá này đặt lên bàn tay trái, rồi ném lên hư không. Tảng đá ấy lên đến Phạm thiên.

Lúc ấy, các người Lực sĩ Câu-thi-na-kiệt không thấy tảng đá nữa, bèn bạch Thế Tôn:

“Nay tảng đá đi đâu? Giờ tất cả chúng con đều không thấy.”

Thế Tôn bảo:

“Tảng đá đã lên đến Phạm thiên.”

Các đồng tử bạch Phật:

“Khi nào tảng đá này sẽ trở lại trên Diêm-phù-lý-địa?”

Thế Tôn bảo:

“Nay ta sẽ đưa ra ví dụ. Người trí nhờ thí dụ sẽ tự hiểu. Nếu có người lên đến Phạm thiên, cầm tảng đá này ném xuống cõi Diêm-phù-lý-địa, thì mười hai năm mới đến. Nhưng nay do cảm ứng oai thần Như Lai, nó sẽ trở lại ngay bây giờ.”

Sau khi Như Lai nói lời này xong, giây lát tảng đá rơi trở lại. Giữa hư không mưa xuống hàng trăm loại hoa trời. Bây giờ, hơn năm trăm các đồng tử kia, từ xa nhìn thấy tảng đá rơi xuống, mọi người đều chạy tán loạn, không ai đứng yên chỗ cũ.

Phật bảo các đồng tử:

“Chớ có sợ hãi. Như Lai biết lúc nào thích hợp.”

Khi ấy, Thế Tôn duỗi tay trái, từ xa đón tảng đá ấy đặt vào bàn tay phải, rồi dựng đứng nó lên. Lúc ấy, ba ngàn đại thiên thể giới chấn động sáu cách, các trời thần diệu giữa hư không rải các loại hoa sen ưu-bát. Lúc ấy, năm trăm đồng tử đều khen là thật kỳ lạ, hiếm có, oai thần của Như Lai thật không gì có thể sánh kịp. Tảng đá này dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ, mà Như Lai có thể dùng một tay để đặt, để nó.

Năm trăm đồng tử bèn bạch Phật rằng:

“Như Lai dùng lực gì để dời tảng đá này? Dùng sức thần túc, hay dùng sức trí tuệ để đặt lại tảng đá này?”

Phật bảo các đồng tử:

“Ta không dùng sức thần túc, cũng không dùng sức trí tuệ. Nay Ta dùng sức cha mẹ cho để đặt lại tảng đá này.”

Các đồng tử bạch Phật:

“Không rõ Như Lai dùng sức cha mẹ, là nghĩa thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta sẽ đưa ra một thí dụ. Người trí nhờ thí dụ sẽ tự hiểu. Các đồng tử, sức mười con lạc đà không bằng sức của một [749c01] con voi thường. Lại nữa, sức mười con lạc đà và một con voi thường không bằng sức của một con voi Ca-la-lặc.¹⁰ Lại nữa, sức của mười con lạc đà, một con voi thường và sức voi Ca-la-lặc không bằng sức của một con voi Cưu-đà-diên.¹¹ Giả sử ngay sức mười

¹⁰ Ca-la-lặc. Cf. *Trung 36* (tr. 656c17): Gia-la-lê 加羅梨. Pāli: *kāḷarīkā*, M. i. 178.

¹¹ Cưu-đà-diên 鳩陀延. Pāli (?).

con lạc đà, một con voi thường cho đến sức con voi Cưu-đà-diên không bằng sức của một con voi Bà-ma-na.¹² Lại tính sức con voi này không bằng sức một con voi Ca-nê-lưu.¹³ Lại tính hết sức những con voi trên lại không bằng sức một con voi Ưu-bát.¹⁴ Lại tính sức bao nhiêu voi trên lại không bằng sức một con voi Câu-mâu-đà. Lại gom bao nhiêu sức các voi trên, lại không bằng sức một con voi Phân-đà-lợi. Lại gom tính hết những con voi trên đó, lại không bằng sức một con Hương tượng.¹⁵ Lại tính hết sức những con trên gộp lại không bằng sức một con Ma-ha-na-cực.¹⁶ Lại tính gom tất cả sức lực trên, lại không bằng sức một vị Na-la-diên.¹⁷ Lại tính gộp tất cả sức trên cũng không bằng sức một Chuyển luân Thánh vương. Lại tính tất cả sức trên hợp lại cũng không bằng sức một vị A-duy-việt-trí.¹⁸ Lại tính gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của một vị Bồ-tát bồ xứ. Lại gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của một vị Bồ-tát ngồi dưới cây Đạo thọ. Lại gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của thân thể cha mẹ di truyền của Như Lai. Nay

¹² Bà-ma-na. *Trung 36*: Bà-hòa-ngỗ 婆惹瑯. Pāli, ibid.:

vāmanikā.

¹³ Ca-nê-lưu 迦泥留. *Trung 36*: gia-lê-ngỗ 加梨瑯. Pāli: Pāli, ibid.: Kaṇeru (?).

¹⁴ Ưu-bát (Pāli: *uppala*), câu-mâu-đà (Pāli: *kumuda*), phân-đà-lợi (Pāli: *punḍarīka*), đều là tên các loại sen.

¹⁵ Hương tượng 香象; cf. *Câu-xá 27* (tr. 140c9); Skt.

gandhahastin, gandhagaja.

¹⁶ Ma-ha-na-cực 摩訶那極. *Câu-xá 27*: Ma-ha-nặc-kiện 摩訶諾健. Pāli, ibid. *mahānāga*.

¹⁷ Na-la-diên 那羅延. *Câu-xá 27* (tr.). Skt. Nārāyaṇa, tên một vị trời.

¹⁸ A-duy-việt-trí 阿維越致. Skt. *avaivartika*, Bồ tát Bất thối chuyển.

Ta đã dùng sức ấy để đặt lại tảng đá này.”

Lúc ấy, năm trăm đồng tử lại bạch Thế Tôn:

“Lực thần túc của Như Lai thì thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Trước đây Ta có đệ tử tên Mục-kiền-liên có thần túc bậc nhất. Lúc ấy, Ta cùng vị ấy du hóa ở trong thôn Trúc viên Tỳ-la-nhã.¹⁹ Lúc ấy, trong nước này đang đói kém, nhân dân ăn thịt lẫn nhau, xương trắng đầy đường. Người xuất gia học đạo khát thực khó được. Thánh chúng gầy ốm, sức lực hư cạn. Lại nữa, nhân dân trong làng đều đói khát, lại cũng không nơi nương cậy. Mục-kiền-liên, bấy giờ đến chỗ Ta bạch với Ta: ‘Nay Tỳ-la-nhã này rất là đói kém, không nơi nào khát thực được. Nhân dân khốn khổ, không còn đường sống. Con tự thân nghe từ Như Lai những lời dạy này: Phần dưới đất này có chất béo đất rất thơm ngon. Cúi xin Thế Tôn cho phép đệ tử lật lớp béo đất này lên trên để nhân dân này có được thức ăn và khiến Thánh chúng cũng được [750a01] khí lực sung mãn.’ Khi ấy, Ta bảo Mục-liên: ‘Các côn trùng mềm yếu trong đất sẽ được để ở đâu?’ Mục-liên bạch: ‘Một tay con sẽ hóa ra giống như đất này, và một tay sẽ lật ngược lớp mỡ đất này, khiến những côn trùng mềm yếu đều ở yên tại chỗ của chúng.’ Bấy giờ, Ta lại bảo Mục-liên: ‘Ông muốn lật đất này lên bằng tâm thức gì?’ Mục-liên bạch: ‘Nay con lật đất này lên giống như người lực sĩ lật một lá cây, không có gì khó khăn.’ Lúc ấy, Ta lại bảo Mục-liên: ‘Thôi, thôi, Mục-liên! Không cần lật đất mỡ này. Vì sao

¹⁹ Tỳ-la-nhã thôn Trúc viên 毘羅若竹園村. Chuyện được kể trong *Tứ phần luật* (tr. 569a10): Phật trú dưới bóng cây na-lân-la-tân-mạn-chu-đà-la (Pāli: Nālerupicumanda) trong thôn Tỳ-la-nhã (Pāli: Verañja).

vậy? Chúng sanh thấy việc này, sẽ sinh lòng sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng, tháp miếu của chư Phật cũng sẽ bị hư hoại.’ Mục-liên lại bạch với Phật: ‘Cúi xin Thế Tôn cho phép Thánh chúng đến Uất-đan-viết khát thực.’ Phật bảo Mục-liên: ‘Trong đại chúng này, những người không có thần túc sẽ làm sao đến đó khát thực?’ Mục-liên bạch Phật: ‘Những người không có thần túc, con sẽ đưa đến đất ấy.’ Phật bảo Mục-liên: ‘Thôi, thôi, Mục-liên! Thánh chúng cần gì phải đến đó khát thực? Vì sao vậy? Đời tương lai cũng sẽ có lúc đói kém như vậy, khát cầu khó được, người không nhan sắc. Lúc ấy các gia chủ bà-la-môn sẽ nói với Tỳ-kheo: ‘Sao các ông không đến Uất-đan-viết khát thực? Ngày xưa các đệ tử họ Thích có thần túc, gặp lúc đói kém, đều cùng nhau đến Uất-đan-viết khát thực để tự nuôi sống. Ngày nay đệ tử Thích ca không có thần túc, cũng không có hành vi oai thần của sa-môn.’ Rồi coi thường Tỳ-kheo, khiến cho các cư sĩ gia chủ kia đều sinh tâm kiêu mạn, mắc vô lượng tội. Mục-kiền-liên, nên biết, vì nhân duyên này, các chúng Tỳ-kheo không nên đến hết đó khát thực.’

“Các đồng tử, nên biết, thần túc của Mục-liên có oai đức của nó như vậy. Tính sức thần túc của Mục-liên tràn khắp ba ngàn đại thiên thế giới, không có một khe hở, nhưng không bằng một phần hàng trăm, ngàn, ức, vạn lần sức thần túc của Thế Tôn; không thể dùng thí dụ để so sánh. Thần túc của Như Lai, oai đức không thể đo lường được.”

Các đồng tử bạch Phật:

“Sức trí huệ của Như Lai thì thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Trước đây, Ta cũng có đệ tử tên Xá-lợi-phất là bậc nhất trong hàng có trí huệ. Như một biển lớn dài rộng tám vạn

bốn ngàn do tuần, nước đầy trong đó. Lại có núi [750b01] Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do tuần, chìm vào nước cũng như vậy. Diêm-phù-lý-địa, nam đến bắc là hai vạn một ngàn do tuần; đông sang tây là bảy ngàn do tuần. Nay lấy chúng để so sánh. Dùng nước trong bốn biển lớn làm mực; lấy núi Tu-di làm giấy; lấy cỏ cây hiện có Diêm-phù-địa làm bút; lại khiến người trong cả ba ngàn đại thiên thế giới đều viết, để tả hành nghiệp trí huệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Song, các đồng tử nên biết, nước mực trong bốn biển lớn cạn, bút hết, người dần dần mạng chung, cũng không thể khiến trí huệ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cạn kiệt hết. Cũng vậy, các đồng tử, trong các đệ tử của ta, trí tuệ bậc nhất không ai vượt hơn trí huệ Xá-lợi-phất. Tính trí huệ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới không có một khe hở, nhưng muốn so với trí huệ của Như Lai thì gấp trăm, nghìn, ức, vạn lần, không thể thí dụ để so sánh. Sức trí huệ Như Lai chúng là như vậy.”

Các đồng tử lại bạch Phật:

“Còn có sức nào hơn các sức này không?”

Thế Tôn bảo:

“Cũng có sức này vượt trên các sức này. Đó là gì? đó chính là sức mạnh của vô thường. Nửa đêm hôm nay, Như Lai ở giữa song thọ, bị lực vô thường dắt đến diệt độ.”

Lúc ấy, các đồng tử đều cùng rơi lệ than:

“Như Lai diệt độ sao chóng vậy! Thế gian sắp mất con mắt!”

Tăng nhất a-hàm

Lúc ấy, Tỳ-kheo ni Quân-trà-la Hệ Đầu²⁰ là con gái bia chủ Bà-la-đà. Tỳ-kheo ni này tự nghĩ: ‘Ta nghe Thế Tôn không bao lâu nữa sẽ diệt độ, song số ngày đã hết. Giờ ta phải đến chỗ Thế Tôn để hầu thăm.’ Tỳ-kheo ni này ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn.²¹ Từ xa, bà trông thấy Như Lai dẫn các Tỳ-kheo và năm trăm đồng tử đang đi đến rừng song thọ. Khi ấy, Tỳ-kheo ni đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Con nghe Thế Tôn sắp diệt độ, không còn ở đời bao lâu.”

Thế Tôn nói:

“Đúng vào nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ diệt độ.”

Tỳ-kheo ni bạch Phật:

“Nay con xuất gia học đạo, lại không kết quả như sở nguyện mà Thế Tôn đã bỏ con diệt độ. Cúi xin Thế Tôn nói pháp vi diệu cho con được như sở nguyện.”

Thế Tôn bảo:

“Nay cô hãy tư duy về nguồn gốc của khổ.”

Tỳ-kheo ni lại bạch Phật:

“Thật khổ, bạch Thế Tôn! Thật khổ, bạch [750c01] Như Lai!”

Thế Tôn bảo:

²⁰ Quân-trà-la Hệ Đầu 君荼羅繫頭. Pāli: Kuṇḍalakesā. Bà nguyên tên là Bhaddā, trước đó theo Ni-kiên tử tu khổ hạnh, tóc bà bị quấn, nên có biệt danh là Kuṇḍalakesā (Tóc quấn). Sau khi tranh luận với Xá-lợi-phất, bà trở thành Tỳ-kheo ni và đắc quả A-la-hán. Trên kia, kinh 5 phẩm 5, tên bà được phiên âm là Bạt-đà Quân-đà-la 拔陀軍陀羅.

²¹ Theo các nguồn Pāli, từ Vesāli (Tỳ-xá-ly) đến Kusiṇārā khoảng 19 do-tuần.

“Cô quán sát ý nghĩa gì mà nói là khổ?”

Tỳ-kheo ni bạch Phật rằng:

“Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, sầu bi não khổ, oán tắng hội khổ, ân ái biệt ly khổ. Tóm lại mà nói năm thủ uẩn là khổ. Bạch Thế Tôn, con đã quán nghĩa này như vậy, cho nên bảo là khổ.”

Tỳ-kheo ni sau khi tư duy nghĩa này, liền ngay ở trên chỗ ngồi đạt được ba đạt trí.²² Lúc ấy, Tỳ-kheo ni bạch Phật:

“Con không thể kham thấy Thế Tôn diệt độ. Cúi xin cho phép con diệt độ trước.”

Lúc ấy, Thế Tôn im lặng chấp nhận.

Tỳ-kheo ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, ở trước Phật, thân bay lên hư không, làm mười tám phép biến hóa, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc kinh hành, thân phát ra khói lửa, vọt lên hạ xuống tự do không có gì trở ngại, hoặc phun ra nước lửa đầy khắp hư không. Sau khi biến hóa đủ cách như vậy rồi, liền ở trong Niết-bàn giới vô dư mà diệt độ. Ngay lúc bà diệt độ, tám vạn thiên tử được mất pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong các Thanh văn của Ta, Tỳ-kheo ni có trí huệ nhanh nhạy đứng đầu chính là Tỳ-kheo ni Quân-trà-la.”²³

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

“Ngươi đến giữa song thọ trải chỗ nằm cho Như Lai.”

A-nan Đáp:

²² Ba đạt trí 三達智, tức ba minh.

²³ Cf. A. i. 25: *khippābhiññānaṃ yadidaṃ bhaddā kuṇḍalakesā*, đệ nhất thắng trí nhạy bén là Bhaddā Kuṇḍalakesā.

Tăng nhất a-hàm

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Theo lời Phật dạy, A-nan đến giữa song thọ, trải tòa cho Như Lai, rồi trở về chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Con đã trải tòa xong, đầu về hướng bắc. Cúi xin Thế Tôn biết thời.”

Thế Tôn liền đến giữa song thọ, vào chỗ đã trải tòa sẵn. Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

“Vì có nhân duyên gì Như Lai bảo trải chỗ nằm xoay đầu về hướng bắc?”

Phật bảo A-nan:

“Sau khi ta diệt độ, Phật pháp sẽ ở Bắc Thiên-trúc. Vì nhân duyên này nên khiến trải tòa hướng bắc.”

Lúc ấy, Thế Tôn phân biệt²⁴ ba y.

A-nan bạch Phật:

“Vì sao hôm nay Như Lai phân biệt ba y?”

Phật bảo A-nan:

“Ta vì đàn-việt thí chủ trong đời tương lai nên phân biệt y này. Vì muốn cho những người kia hưởng phước này nên ta phân biệt y như vậy.”

Bấy giờ, trong chốc lát, từ miệng Thế Tôn phát ra ánh

²⁴ Phân biệt, từ dịch khác của tác tịnh 作淨. Pāli: *kappakata*; Vin. iv. 286: *samaṇacīvaram nāma kappakatena vuccati*, y của Sa-môn là y đã được tác tịnh (phân biệt). Y mới của Tỳ-kheo trước khi dùng cần được hợp pháp hóa (xác nhận sở hữu hợp pháp) bằng cách chấm một điểm ở góc (điểm tịnh 點淨, Pāli: *kappabindu*). Cf. *Tứ phần 16* (tr. 676c14.); *Căn bản 16* (T23n1442, tr. 711a28).

sáng năm màu, chiếu khắp mọi nơi. Lúc ấy, A-nan lại bạch Phật:

“Vì nhân duyên gì hôm nay từ miệng của Như Lai phát ra [751a01] ánh sáng năm màu?”

Thế Tôn bảo:

“Vừa rồi, Ta nghĩ như vậy: ‘Khi chưa thành đạo, ở trong địa ngục lâu dài, nuốt hòn sắt nóng, hoặc ăn cây cỏ để nuôi thân tứ đại; hoặc làm la, lừa, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, hoặc làm ngựa quý nuôi bốn đại; hoặc sinh làm thân người,²⁵ mang hình chịu nạn thọ thai, hoặc hưởng phước trời ăn cam lồ tự nhiên. Nay Ta đã thành Như Lai, dùng căn lực ngộ đạo mà thành thân Như Lai. Vì nhân duyên này nên miệng phát ra ánh sáng năm màu.’”

Một lát sau, từ miệng Như Lai lại phát ra ánh sáng vi diệu hơn ánh sáng trước. Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

“Vì nhân duyên gì Như Lai lại phát ra ánh sáng hơn ánh sáng trước?”

Thế Tôn bảo:

“Vừa rồi Ta tự nghĩ: ‘Chư Phật Thế Tôn trong quá khứ khi diệt độ thì pháp để lại không tồn tại lâu dài trên đời.’ Ta suy nghĩ lại: ‘Bằng phương tiện nào để pháp của ta tồn tại lâu dài ở đời?’ Thân Như Lai là thân kim cang, ý muốn nghiền nát thân này như hạt cải cho lưu bố trên thế gian, khiến những đàn-việt có lòng tin đời tương lai, tuy không thấy hình tượng Như Lai, nhưng chọn lấy đó cúng dường, nhờ duyên phước lành này sẽ sinh vào nhà bốn giai cấp, nhà Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Diêm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự

²⁵ Cụm từ này sót trong đề bản. Đây y theo bản TNM thêm vào.

Tăng nhất a-hàm

tại. Nhờ phước lành này mà sanh vào cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc lại đắc đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật hoặc thành Phật đạo. Vì nhân duyên này nên phát ra ánh sáng này như vậy.”

Lúc ấy, Thế Tôn tự thân gấp tăng-già-lê thành bốn lớp, nằm nghiêng qua hông phải, hai bàn chân chồng lên nhau. Lúc ấy, Tôn giả A-nan thương khóc rơi nước mắt, không thể tự chế, lại tự trách mình chưa được thành đạo, còn bị kết sử trói buộc, mà nay Thế Tôn đã bỏ mình diệt độ, sẽ nương tựa vào ai?

Lúc ấy, Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo A-nan đang ở đâu?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tỳ-kheo A-nan đang ở sau giường Như Lai, buồn khóc rơi lệ, không thể tự chế, lại tự trách đã không thành Đạo, lại chưa dứt sạch kết sử, mà nay Thế Tôn đã bỏ mình Niết-bàn.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

“Thôi! Thôi! A-nan, chớ có sầu ưu. Phàm vật ở đời đáng phải tan rã, muốn cho không biến đổi thì việc này không thể, cần nỗ lực tinh tấn nhớ tu tập chánh pháp, như vậy [751b01] không bao lâu cũng sẽ hết gốc khổ, thành hạnh vô lậu. Thời quá khứ, các Như Lai Chánh đẳng Chánh giác²⁶ cũng có thị giả như vậy. Giả sử hằng sa chư Phật trong tương lai cũng sẽ có thị giả như Tỳ-kheo A-nan.

“Chuyển luân Thánh vương có bốn pháp hiếm có. Sao gọi là bốn? Ở đây, khi Chuyển luân Thánh vương đi ra khỏi nước, nhân dân thấy, không một ai không vui vẻ.

²⁶ Đề bản: Đa-tát a-kiệt a-la a-tam-da-tam-phật.

Bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương có dạy điều gì thì những ai nghe không một ai không vui mừng, nghe những lời dạy này không biết chán. Bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương im lặng. Giả sử người dân thấy vua im lặng thì cũng lại hoan hỷ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là bốn Pháp hiếm có của Chuyển luân Thánh vương.

“Tỳ-kheo, nên biết, nay A-nan cũng có bốn pháp hiếm có. Sao gọi là bốn? Giả sử Tỳ-kheo A-nan im lặng đến giữa đại chúng, nếu có ai thấy, không ai không vui vẻ. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói điều gì; ai nghe những lời này cũng đều vui vẻ. Giả sử A-nan im lặng thì cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo A-nan đi vào trong bốn chúng như sát-lợi, bà-la-môn, quốc vương, cư sĩ, họ đều vui vẻ, sinh lòng cung kính, nhìn mà không biết chán. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói những điều gì thì người nghe dạy pháp cũng nghe không biết chán. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là bốn pháp hiếm có của Tỳ-kheo A-nan.”

Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

“Nên giao thiệp với người nữ như thế nào, khi mà đến giờ Tỳ-kheo đắp y, cầm bát, khát thực từng nhà để tạo phước cho chúng sanh?”

Phật bảo A-nan:

“Chớ có nhìn họ. Nếu có nhìn thì chớ có nói chuyện. Nếu nói chuyện thì phải chuyên tâm ý.”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Chớ giao du người nữ;
Cũng chớ có trò chuyện.
Ai có thể xa lìa,*

Tăng nhất a-hàm

*Thì tránh được tám nạn.*²⁷

[751c07] “Nên đối xử với Tỳ-kheo Xa-na như thế nào?”²⁸

Thế Tôn bảo:

“Cần phải trừng phạt bằng pháp phạm-đàn²⁹.”

A-nan bạch Phật:

“Trừng phạt bằng pháp phạm-đàn là thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Không được nói chuyện gì cùng Tỳ-kheo Xa-na, không nói điều tốt, cũng không nói xấu. Tỳ-kheo này cũng không được nói chuyện gì với ông.”

A-nan bạch Phật:

“Nếu Tỳ-kheo ấy vẫn không chịu phục tùng, tội ấy há không nặng thêm sao?”

Thế Tôn bảo:

“Chỉ không nói chuyện tức là trừng phạt bằng pháp phạm-đàn. Nhưng nếu vẫn không sửa đổi, cần phải đưa ra giữa chúng để mọi người cùng quyết định trục xuất,³⁰ không

²⁷ Bản Hán, hết quyển 36.

²⁸ Tỳ-kheo Xa-na 車那比丘, cũng thường phiên âm là Xa-nặc. *Trường 4*, tr. 26a19, phạm đàn 梵壇. Pāli: Channa. Nguyên quân hầu của Thái tử, tính tình ương bướng không chịu các Tỳ-kheo khuyên bảo.

²⁹ Phạm pháp 梵法, hay nói đủ là Phạm-đàn, biện pháp trừng phạt Tỳ-kheo bằng mặc tẩn: Không ai được phép quan hệ, nói chuyện, với Tỳ-kheo bị phạt phạm-đàn. Pāli: *brahmadāṇa*.

³⁰ Trục xuất ở đây có nghĩa là truất một số quyền lợi tỳ-kheo, chứ không phải tẩn xuất ra khỏi Tăng, bắt hoàn tục. Tăng tác pháp yết-ma ha trách đối với Tỳ-kheo ương bướng. Tỳ-kheo bị phạt

cho thuyết giới chung, cũng không được tham dự pháp hội.”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Muốn trả lại oán thù,
Cho kẻ oán gia kia,
Thường nhớ chớ nói chuyện;
Ác này không đi quá.³¹*

Lúc ấy, nhân dân Câu-thi-na-kiệt nghe Như Lai sắp diệt độ vào nửa đêm nay. Lúc này nhơn dân cả nước liền đi đến rừng Song thọ. Đến rồi, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, nhân dân bạch Thế Tôn:

“Nay nghe Như Lai sắp diệt độ, chúng con phải làm gì để biểu lộ sự tôn kính?”

Lúc ấy, Thế Tôn quay lại nhìn A-nan. A-nan liền tự nghĩ: “Hôm nay thân thể Như Lai mệt mỏi, muốn sai ta chỉ bày cách thức cho họ.”

Rồi A-nan quỳ gối phải sát đất chấp tay bạch Thế Tôn:

“Hôm nay có hai dòng họ, một tên là Bà-a-đà, một tên là Tu-bạt-đà³² đến quy y Như Lai Thánh chúng. Cúi xin Thế Tôn cho phép họ làm ưu-bà-tắc, từ đây về sau không sát sanh nữa.

Lại có người tên Đế-xa, người thứ hai tên Ưu-ba-đế-xa.

này sẽ không được tham dự các pháp yết-ma của Tăng. Xem *Tứ phần*, đã dẫn.

³¹ *Trường A-hàm*, và Pāli tương đương, không có bài kệ này.

³² Bà-a-đà 婆阿陀 và Tu-bạt-đà 須拔陀, có lẽ Pāli: Bhadda và Subhadda. Nhưng cả hai không thấy đề cập trong *Trường A-hàm* và Pāli tương đương vào dịp này.

Tăng nhất a-hàm

Lại có người tên Phật-xá, người thứ hai tên Kê-đầu.³³ Những người này đều đến quy y Như Lai. Cúi xin Thế Tôn nhận họ làm ưu-bà-tắc, [752a01] từ nay về sau không sát sanh nữa, vâng giữ năm giới.

Lúc ấy, Thế Tôn thuyết pháp rộng rãi cho họ. Sau đó bảo họ trở về. Bấy giờ, chúng năm trăm người Ma-la liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi. Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

“Những đệ tử chúng ngộ cuối cùng của Ta chính là năm trăm Ma-la ở Câu-thi-na-kiệt.”

Bấy giờ, bà-la-môn Tu-bạt từ nước kia³⁴ đi đến Câu-thi-na-kiệt. Từ xa trông thấy năm trăm người này, liền hỏi:

“Các vị từ đâu đến?”

Năm trăm người đáp:

“Tu-bạt, nên biết, hôm nay Như Lai sẽ diệt độ giữa cây song thọ.”

Lúc ấy, Tu-bạt liền tự nghĩ:

“Như Lai xuất hiện ở đời, rất là khó gặp. Sự xuất thế của Như Lai lâu lâu mới có. Như hoa Ưu-đàm-bát, ức kiếp mới xuất hiện. Nay ta có những pháp chưa được thông tỏ, còn ít nhiều hồ nghi. Chỉ có Sa-môn Cù-đàm kia có thể giải thích hồ nghi cho ta. Nay ta hãy đi đến chỗ Sa-môn

³³ Đế-xa 帝奢, Ưu-ba-đế-xa 優波帝奢, Phật-xá 佛舍, Kê-đầu 雞頭, tên những cư sỹ cuối cùng này không thấy đề cập trong *Trường A-hàm* và Pāli tương đương.

³⁴ Đề bản: Bì quốc 彼國; đây chỉ Vương quốc của người Ma-la (Pāli: Malla). Ba bản Tổng-Nguyên-Minh: Từ nước Ba-ba 波波 (Pāli: Pāva), một trong hai thị trấn của người Ma-la, Câu-thi-na (Kusinārā) và Ba-ba (Pāva).

Cù-đàm kia mà hỏi nghĩa này.”

Rồi bà-la-môn Tu-bạt đến chỗ song thọ, đến chỗ A-nan, thưa A-nan:

“Tôi nghe hôm nay Thế Tôn sẽ diệt độ; không biết có thật vậy không?”

A-nan đáp:

“Thật có việc này.”

Tu-bạt bạch:

“Song hôm nay tôi còn có hồ nghi. Cúi xin cho phép tôi bạch Thế Tôn lời này: Mọi người không rõ những điều Lục sư nói. Tôi có thể biết những điều Sa-môn Cù-đàm nói chăng?”³⁵

A-nan nói:

“Thôi! Thôi! Tu-bạt, chớ có quấy nhiễu Như Lai!”

Ba lần như vậy. Ông lại thưa với A-nan:

“Như Lai xuất thế rất là khó gặp. Như hoa Ưu-đàm-bát, lâu lâu mới có. Như Lai cũng vậy, lâu lâu mới xuất hiện. Nay tôi xét thấy Như Lai có khả năng giải thích những hồ nghi cho tôi. Nay, ý nghĩa mà tôi muốn hỏi, thật không đủ lời để nói. Bây giờ A-nan lại không cho tôi đến thưa hỏi Thế Tôn. Lại nghe Như Lai có thể thấy xa đến vô cùng, có thể thấy khoảng trước đến vô cực, mà hôm nay tôi vẫn không được tiếp nhận.”

Ngay khi ấy, Thế Tôn bằng thiên nhãn, từ xa nghe Tu-bạt bàn với A-nan như vậy. Thế Tôn bảo A-nan:

³⁵ *Trường 4*, tr. 25a20 : Có sáu Tôn sư. Sa-môn Cù-đàm có thể biết rõ thuyết của họ chăng? Pāli, D. ii. 152: Có sáu vị Tôn sư, tự tuyên bố là đã giác ngộ. Có thật họ đã giác ngộ?

Tăng nhất a-hàm

“Thôi, thôi, A-nan! Chớ ngăn bà-la-môn Tu-bạt. Vì sao vậy? Ông ấy đến hỏi nghĩa, thật có nhiều lợi ích. Nếu Ta nói pháp, ông ấy sẽ được độ thoát.”

A-nan bèn bảo Tu-bạt:

“Lành thay, lành thay! Nay Như Lai đã cho phép ông vào trong hội pháp.”

Sau khi nghe những lời ấy rồi, Tu-bạt vui mừng hơn hờ không xiết kể. [752b01] Tu-bạt đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Tu-bạt bạch Thế Tôn:

“Nay con có điều muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn cho phép.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Tu-bạt:

“Nay chính đúng lúc, nên có thể hỏi.”

Lúc ấy, Tu-bạt bạch Phật:

“Các sa-môn khác, thừa Cù-đàm, biết các toán thuật, hơn hẳn nhiều người. Đó là Bất-lan Ca-diếp, A-di-sù, Cù-da-lâu, Chi-huru Ca-chiên, Tiên-tỷ-lô-trì, Ni-kiền Tử.³⁶ Những hạng Tông sư như vậy có biết việc ba đời không? Hay là không rõ? Trong Lục sư kia lại có ai hơn được Như Lai không?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, Tu-bạt! Chớ nên hỏi điều đó. Phiền gì phải hỏi có ai hơn Như Lai không? Song hôm nay Ta ngay trên chỗ ngồi này, sẽ nói pháp cho Ông. Hãy ghi nhớ kỹ.”

Tu-bạt bạch Phật:

“Nay, con sẽ hỏi nghĩa lý sâu xa. Bấy giờ là lúc thích

³⁶ Xem kinh 11 phẩm 38.

hợp, cúi xin Thế Tôn hãy nói.”

Thế Tôn bảo:

“Lúc Ta mới học đạo, năm hai mươi chín tuổi, vì muốn độ mọi người. Cho đến năm ba mươi lăm tuổi,³⁷ học ở trong ngoại đạo. Từ đó đến nay, Ta không thấy ai là sa-môn, bà-la-môn. Trong các đại chúng nào mà không có tám đạo Hiền thánh thì ở đó không có bốn quả sa-môn. Nay Tu-bạt, đó gọi là thế gian trống rỗng, không có ai là chân nhân đắc đạo. Trong đạo Hiền thánh nào có pháp Hiền thánh thì ở đó có bốn kết quả sa-môn. Vì sao vậy? Sở dĩ có bốn kết quả sa-môn là do có tám phẩm đạo Hiền thánh. Nay Tu-bạt, nếu như Ta mà không đắc Đạo Vô thượng Chánh chơn, ấy là do không có tám phẩm đạo Hiền thánh. Do có tám phẩm đạo Hiền thánh nên Ta mới thành Phật đạo. Cho nên, Tu-bạt, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu đạo Hiền thánh.”

Tu-bạt bạch Phật:

“Con cũng rất muốn ưa nghe tám phẩm đạo Hiền thánh, cúi xin Thế Tôn giảng nói.”

Thế Tôn bảo:

“Tám đạo Hiền thánh là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định³⁸. Nay Tu-bạt, đó gọi là tám phẩm đạo Hiền thánh.”

Lúc ấy, Tu-bạt ngay trên chỗ ngồi đắc pháp nhãn tịnh. Bấy giờ, Tu-bạt đi đến nói với A-nan:

³⁷ Đề bản: Ba mươi lăm. Tống-Nguyên-Minh: Hai mươi lăm. Kể từ xuất gia, cho đến sáu năm khổ hạnh.

³⁸ Đề bản: Đăng kiến, Đăng tri, Đăng ngữ, Đăng mạng, Đăng nghiệp, Đăng phương tiện, Đăng niệm, Đăng tam muội.

Tăng nhất a-hàm

“Nay tôi đã được thiện lợi. Ước Thế Tôn cho phép tôi làm sa-môn.”

A-nan đáp:

“Ông hãy tự đến chỗ Thế Tôn mà thỉnh cầu làm sa-môn.”

Tu-bạt bèn đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi bạch Thế Tôn:

“Cúi xin [752c01] Thế Tôn cho phép con làm sa-môn.”

Bấy giờ, Tu-bạt liền thành sa-môn, thân mặc ba pháp y. Khi Tu-bạt ngược nhìn dung nhan Thế Tôn, liền ngay trên chỗ ngồi tâm được giải thoát khỏi hữu lậu.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

“Đệ tử cuối cùng của Ta chính là Tu-bạt.”

Lúc ấy, Tu-bạt bạch Phật:

“Con nghe, nửa đêm nay Thế Tôn sẽ Bát Niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn cho phép con Niết-bàn trước. Con không kham chịu thấy Như Lai diệt độ trước.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng chấp nhận. Vì sao vậy? Vì đệ tử chứng ngộ cuối cùng của hàng sa chú Phật Thế Tôn quá khứ đều Bát Niết-bàn trước, sau đó Như Lai mới diệt độ. Đó là thường pháp của chư Phật Thế Tôn, chẳng phải mới ngày nay. Lúc ấy, Tu-bạt thấy Thế Tôn đã hứa khả, liền đến trước Như Lai, chánh thân chánh ý, buộc niệm trước mặt, ở trong vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ. Lúc ấy, cõi đất này chấn động sáu cách.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Hết thầy hành vô thường.

Có sanh thì có chết.

Không sanh thì không chết.

Tịch tĩnh là an lạc.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

“Từ nay về sau hãy bảo các Tỳ-kheo, khi giao tiếp, không được gọi nhau là “bạn”³⁹, mà hãy xưng bậc lớn là “Tôn giả”, bậc nhỏ xưng là “Hiền giả”. Hãy xem nhau như anh em. Từ nay về sau không được xưng tên do cha mẹ đặt.”⁴⁰

Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

“Nay, như các Tỳ-kheo phải tự xưng danh hiệu thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo nhỏ gọi Tỳ-kheo lớn là Trưởng lão. Tỳ-kheo lớn gọi Tỳ-kheo nhỏ bằng tên họ. Lại, các Tỳ-kheo muốn đặt tên thì phải y vào Tam bảo. Đó là lời dạy bảo của Ta.”

A-nan, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4⁴¹

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Lộc uyển,⁴² nước Xá-vệ,

³⁹ Hán: Khanh bộc 卿僕. Pāli, khi Phật tại thế, các Tỳ-kheo, không kể lớn nhỏ, đều gọi nhau là “āvuso” mà Hán thường dịch là “Hiền giả.”

⁴⁰ Pāli. D. ii. 254: Tỳ-kheo Thượng tọa (*Thera*) gọi Tỳ-kheo niên thiếu bằng tên (*nāma*) hay họ (*gotta*), hay Hiền giả (*āvuso*: này bạn). Tỳ-kheo niên thiếu gọi Tỳ-kheo Thượng tọa là Đại đức (*bhante*) hay Trưởng lão (*āyusamā*).

⁴¹ Pāli tương đương, A. viii. 19 Asurinda. Hán, No 26(35).

Tăng nhất a-hàm

cùng với năm trăm Tỳ-kheo.

Lúc ấy, a-tu-la Ba-ha-la⁴³ và thiên tử Mâu-đề-luân⁴⁴ phi thời⁴⁵ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy, Như Lai hỏi A-tu-la rằng:

“Các người rất thích biển lớn phải không?”

A-tu-la bạch Phật:

“Rất thích, chẳng phải là không thích”

Thế Tôn bảo:

“Biển cả có pháp kỳ lạ gì, [753a01] mà các người thấy rồi, lại vui thích ở trong đó?”

A-tu-la bạch Phật:

“Biển cả có tám pháp hiếm có nên các a-tu-la thích nó. Những gì là tám? Biển cả rất sâu rộng. Đó gọi là pháp hiếm có thứ nhất.

“Lại nữa, biển cả có đức thần này: bốn sông lớn, mỗi sông có năm trăm nhánh khi đổ vào biển liền mất tên cũ. Đó gọi là pháp hiếm có thứ hai.

“Lại nữa, biển cả đều cùng một vị. Đó gọi là pháp hiếm có thứ ba.

⁴² Lộc dã uyển 鹿野苑, không rõ ở đâu tại Xá-vệ. No 26(35):

Phật ở tại Tỳ-lan-nhã 鞞蘭若, trong vườn Hoàng lô 黃蘆園.

Pāli, ibid.: *verañjāyam, naḷerupucimandamūle*.

⁴³ Ba-ha-la a-tu-luân 波呵羅阿須倫, No 26 (35): Bà-la-la a-tu-la vương Mâu-lê-giá a-tu-la Tử 婆羅邏阿修羅王牟梨遮阿修羅子, tên một người, nhưng trong bản Hán dịch này đọc là hai. Pāli, ibid.: *Pahārado asurindo*.

⁴⁴ Mâu-đề-luân Thiên tử 牟提輪天子, xem cht. 43 trên.

⁴⁵ No 26 (35): Đến vào lúc đêm gần tàn.

“Lại nữa, trong biển cả thủy triều lên xuống đúng giờ. Đó gọi là pháp hiêm có thứ tư.

“Lại nữa, biển cả là nơi ở của các loài quý thần; các loài có hình, không loài nào không ở trong ấy. Đó gọi là pháp hiêm có thứ năm.

“Lại nữa, biển cả dung chứa loài có hình cực lớn; hình hàng trăm do tuần đến hình bảy ngàn do tuần cũng không trở ngại. Đó gọi là pháp hiêm có thứ sáu.

“Lại nữa, trong biển cả sản xuất nhiều loại trân báu khác nhau, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly. Đó gọi là pháp hiêm có thứ bảy.

“Lại nữa, đáy biển có cát bằng vàng, lại có núi Tu-di do bốn loại châu báu tạo thành. Đó gọi là pháp hiêm có thứ tám. Đây gọi là tám pháp hiêm có khiến cho các A-tu-la vui thích ở trong ấy.”

Bấy giờ, A-tu-la bạch Phật:

“Trong pháp Như Lai có gì kỳ đặc khiến các Tỳ-kheo vui thích ở trong ấy?”

Phật bảo A-tu-la:

“Có tám pháp hiêm có khiến các Tỳ-kheo vui thích ở trong đó. Sao gọi là tám? Trong pháp của Ta đầy đủ giới luật, không có hành phóng dật. Đó gọi là pháp hiêm có thứ nhất, các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích ở trong đó, như biển cả kia rất sâu và rộng.

“Lại nữa, trong pháp của Ta có bốn chủng tánh. Ở trong pháp Ta làm sa-môn, họ không còn giữ tên họ cũ, mà đặt lại tên khác.⁴⁶ Giống như biển lớn kia, bốn sông lớn đều

⁴⁶ No 26(35): Xả bỏ tên họ cũ, đồng gọi là “Sa-môn.”

Tăng nhất a-hàm

đổ vào biển mà cùng một vị, không còn có tên khác. Đó gọi là pháp hiêm có thứ hai.

“Lại nữa, trong pháp của Ta, cảm giới được chế lập lần lượt tiếp nối nhau, không vượt thứ tự.”⁴⁷ Đó gọi là pháp hiêm có thứ ba.

“Lại nữa, pháp của Ta đều cùng một vị, đó là vị tám phẩm đạo Hiền thánh.”⁴⁸ Đó gọi là pháp hiêm có thứ tư, [753b01] như biển cả kia đều cùng một vị.

“Lại nữa, trong pháp của Ta sung mãn mọi pháp khác nhau: Đó là bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chánh đạo.”⁴⁹ Các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó. Như biển lớn kia các vị thần cư trú trong ấy. Đó gọi là pháp hiêm có thứ năm.

“Lại nữa, trong pháp của Ta có các loại châu báu như: niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi”⁵⁰. Đó gọi là pháp hiêm có thứ sáu, các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó, như biển cả sản sinh các loại châu báu.

“Lại nữa, trong pháp của Ta, các chúng sanh cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, ở trong vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ; nhưng pháp Ta không có tăng giảm. Như biển cả kia, các sông đổ vào mà vẫn không có tăng giảm. Đó gọi là pháp hiêm có thứ bảy, các Tỳ-kheo thấy

⁴⁷ No 26(35): Trong Chánh Pháp Luật này, sự tu học tiến dần từ cạn đến sâu.

⁴⁸ Chánh pháp luật của Phật đều đồng một vị: Vị vô dục, vị giác ngộ, vị tịch tĩnh, vị đạo. Pāli, ibid.: *ayaṃ dhammavinayo ekaraso, vimuttiraso*, chánh pháp luật này chỉ một vị: Vị giải thoát.

⁴⁹ Nguyên Hán: Bát chân trực hành 八真直行.

⁵⁰ Đề bản: Niệm giác ý, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, y giác ý, định giác ý, hộ giác ý.

rồi, vui thích ở trong đó.

“Lại nữa, trong pháp của Ta có định kim cang, có định diệt tận, định nhất thiết quang minh, định vô sanh⁵¹, các loại định không thể tính hết,⁵² các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó; như dưới đáy biển cả kia có cát vàng. Đó gọi là pháp hiếm có thứ tám, các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó.

“Ở trong pháp của Ta có tám pháp vị tăng hữu này, các Tỳ-kheo rất tự vui thích ở trong đó.”

Lúc ấy, a-tu-la bạch Thế Tôn:

“Như trong pháp của Như Lai, giả sử có một pháp hiếm có thì cũng hơn tám pháp hiếm có trong biển kia, gấp trăm, gấp ngàn lần, không thể so sánh, đó chính là bát đạo Hiền thánh. Lành thay! Thế Tôn đã nói những điều này.”

Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt nói cho họ nghe về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là họa lớn, giải thoát là pháp vi diệu. Sau khi Thế Tôn đã thấy tâm ý họ khai mở, như những gì chư Phật Thế Tôn thường thuyết pháp, Ngài nói hết cho họ về Khổ, tập, diệt, đạo.

Lúc này, a-tu-la liền tự nghĩ: ‘Đáng ra có năm đế, nay Thế Tôn chỉ nói bốn đế cho mình. Cho chư thiên thì nói năm đế!’

Trong lúc ấy, vị thiên tử liền ngay trên chỗ ngồi mà được pháp nhãn thanh tịnh.

A-tu-la bạch Thế Tôn:

⁵¹ Nguyên Hán: Bất khởi tam-muội 不起三昧.

⁵² No 26(35), thay các định (tam-muội) này bằng các Thánh quả, A-la-hán cho đến Tu-đà-hoàn.

Tăng nhất a-hàm

“Lành thay! Thế Tôn đã nói những điều này. Nay con muốn trở về chỗ ở.”

Thế Tôn bảo:

“Nên biết hợp thời.”

A-tu-la rời chỗ ngồi [753c01] đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi theo đường mà đi.

Lúc ấy, thiên tử bảo A-tu-la:

“Những gì ông đã nghĩ hôm nay thật là không tốt! Nghĩ rằng: ‘Sao Như Lai vì chư thiên nói năm đế, vì ta nói bốn đế?’ Vì sao vậy? Vì chư Phật Thế Tôn không bao giờ nói hai lời, chư Phật không bao giờ bỏ chúng sanh, nói pháp cũng không biết mệt mỏi, nói pháp cũng lại vô tận, cũng lại không lựa người mà nói pháp, mà nói pháp với tâm bình đẳng. Chỉ có bốn đế là khổ, tập, diệt, đạo, nay ông chớ có nghĩ vậy mà đổ lỗi Như Lai nói có năm đế.”

A-tu-la đáp:

“Nay con đã gây việc không tốt, tự sẽ sám hối. Tôi phải đến chỗ Như Lai để hỏi nghĩa này.”

A-tu-la và Thiên tử sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5⁵³

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁵³ A.viii. 70 Bhūmicāla. Hán, No 26(36).

“Trời đất chấn động mạnh là do tám nhân duyên. Những gì là tám?

“Tỳ-kheo, nên biết, đất Diêm-phù-ly này nam bắc dài hai vạn một ngàn do tuần, đông tây bảy ngàn do tuần, dày sáu vạn tám ngàn do tuần, nước dày tám vạn bốn ngàn do tuần, lửa dày tám vạn bốn ngàn do tuần, dưới tầng lửa có tầng gió dày sáu vạn tám ngàn do tuần, dưới tầng gió có bánh xe kim cương, xá lợi của chư Phật trong quá khứ đều ở trong đó.

“Tỳ-kheo, nên biết, hoặc có lúc gió lớn chính động, lửa cũng động; lửa đã động thì nước liền động; nước đã động thì đất liền động. Đó gọi là nhân duyên thứ nhất khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào trong thai mẹ, lúc ấy mặt đất cũng động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ hai khiến đại địa động.

“Lại nữa, khi Bồ-tát giáng thần ra khỏi thai mẹ, lúc ấy trời đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ ba khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, Bồ-tát xuất gia học đạo, thành Vô thượng Chánh chơn, Đăng chánh giác, lúc đó trời đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ tư khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, khi Như Lai nhập vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ, lúc đó trời đất động mạnh. Đó là nhân duyên thứ năm khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo có thần túc lớn, tâm được tự tại, tùy ý hành vô số biến hóa, hoặc phân thân thành cả trăm ngàn, rồi trở lại thành một, phi hành trên hư không, xuyên qua vách đá, vọt lên lặn xuống tự [754a01] tại, quán đất không có tướng đất, rõ tất cả đều rỗng không,

Tăng nhất a-hàm

lúc này đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ sáu khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, chư thiên có thần túc lớn, thần đức vô lượng. Từ nơi ấy mạng chung, sinh vào cõi kia; nhờ phước hành đời trước nên các đức đầy đủ, bỏ hình trời cũ, được làm Đế Thích, hoặc làm Phạm thiên vương, lúc ấy đất động mạnh. Đó gọi là nguyên nhân thứ bảy khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, nếu chúng sanh nào khi mạng chung hết phước; lúc ấy, các quốc vương không thích nước mình, nên họ công phạt lẫn nhau, hoặc chết vì đói thiếu, hoặc chết vì đao, kích, lúc ấy trời đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ tám khiến đất động mạnh.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6⁵⁴

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, tôn giả A-na-luật du hành tại nơi mà bốn Phật đã từng cư trú.

Lúc ấy, A-na-luật ở nơi vắng vẻ, suy nghĩ: “Trong các đệ tử của Thích-ca Văn Phật, những vị thành tựu giới đức, trí tuệ đều nương vào giới luật, được nuôi lớn trong chánh pháp này. Trong các Thanh văn, người nào giới luật không đầy đủ, những vị ấy đều xa lìa chánh pháp, không tương ưng với giới luật. Nay như hai pháp này, giới và văn, pháp nào hơn? Nay ta đem gốc nhân duyên này đến hỏi Như Lai, việc này như thế nào?”

⁵⁴ Pāli, A.viii. 30 Anurudha. Hán, No 26(74). No 46.

A-na-luật lại suy nghĩ: “Pháp này là sở hành của người biết đủ, chẳng phải là sở hành của người không biết chán đủ; là sở hành của người ít muốn, chẳng phải là sở hành của người nhiều ham muốn. Pháp này là sở hành của người thích nơi vắng vẻ, chẳng phải sở hành của người ở nơi ồn ào. Pháp này là sở hành của người trì giới, chẳng phải sở hành của người phạm giới. Là sở hành của người có định, chẳng phải sở hành của người động loạn. Là sở hành của người trí huệ, chẳng phải là sở hành của người ngu. Là sở hành của người nghe nhiều, chẳng phải sở hành của người ít nghe.”

Rồi A-na-luật suy nghĩ: “Ta hãy đến chỗ Thế Tôn để hỏi về nghĩa này, về tám điều suy niệm của bậc đại nhơn này.”

Bấy giờ, Thế Tôn đang ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Trong thời gian ấy, vua Ba-tư-nặc thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo hạ an cư chín mươi ngày.

Rồi thì, A-na-luật dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian, lần hồi đi đến nước [754b01] Xá-vệ, đến chỗ Như Lai, đánh lễ sát chân Phật và ngồi qua một bên. Lúc ấy, A-na-luật bạch Thế Tôn:

“Ở nơi vắng vẻ, con đã suy nghĩ nghĩa này: Giới và văn; trong hai pháp này, pháp nào hơn?”

Thế Tôn liền nói kệ này cho A-na-luật:

*Nay ông khởi hồ nghi:
Giới hơn, hay văn hơn?
Giới luật hơn hẳn kinh,
Điều đó, có gì nghi?*

“Vì sao vậy? A-na-luật, nên biết, Tỳ-kheo nào thành tựu giới, vị ấy đắc định. Đã đắc định, liền được trí huệ. Đã có

trí huệ, liền được đa văn. Đã được đa văn, liền được giải thoát. Đã giải thoát, sẽ ở trong vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ. Do đây mà biết giới là hơn hết.”

Khi ấy, A-na-luật nói với Thế Tôn về tám điều suy niệm của bậc đại nhân. Phật bảo A-na-luật:

“Lành thay, lành thay, A-na-luật! Những điều nay ông nghĩ, chính là những điều bậc đại nhân tư duy. Ít muốn, biết đủ, ở nơi vắng vẻ, thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn. Nay A-na-luật, ông hãy xác lập ý, tư duy về tám điều suy niệm của bậc đại nhân. Thế nào là tám? Đây là pháp sở hành của người tinh tấn, chẳng phải là sở hành của người biếng nhác. Vì sao vậy? Vì Ta nhờ sức tinh tấn mà siêu việt, thành Phật trước, còn Bồ-tát Di-lặc phải trải qua ba mươi kiếp mới thành Vô thượng Chánh chơn Đẳng chánh giác.

“A-na-luật, nên biết, Chư Phật Thế Tôn đều giống nhau, cũng đồng giới luật, giải thoát, trí huệ không có gì khác; cũng đồng không, vô tướng, vô nguyện, có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân mình, nhìn không biết chán, với đỉnh đầu không thể nhìn thấy. Tất cả những việc trên đều giống nhau, chỉ có tinh tấn là không đồng. Trong chư Phật Thế Tôn ở quá khứ và vị lai, Ta là vị tinh tấn bậc nhất. Cho nên, nay A-na-luật, ở đây tám điều suy niệm của bậc đại nhân này là hơn hết, là tôn là quý, không thể so sánh. Giống như do sữa mà có lạc, do lạc mà có tô, do tô mà có đề-hồ; nhưng ở trong đó, đề-hồ lại là không có gì so sánh. Ở đây cũng vậy, trong điều tám suy niệm của bậc Đại nhân, niệm tinh tấn là hơn hết, thật không gì để so sánh.

“Cho nên, nay A-na-luật, phải phụng hành tám điều suy niệm của bậc đại nhân. Và cũng nên phân biệt nghĩa của

nó [754c01] cho chúng bốn bộ. Nếu tám điều suy niệm của bậc đại nhân được lưu truyền ở đời, đệ tử Ta đều sẽ thành đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Vì sao vậy?

“Vì pháp của Ta là sở hành của người ít muốn, chẳng phải là sở hành của người muốn nhiều; pháp của Ta là sở hành của người biết đủ, chẳng phải là sở hành của người không biết đủ. Pháp của Ta là sở hành của người ở nơi vắng vẻ, chẳng phải là sở hành của người ở chốn đông người. Pháp của Ta là sở hành của người trì giới, chẳng phải là sở hành của người phạm giới. Pháp của Ta là sở hành của người có định, chẳng phải là sở hành của người động loạn. Pháp của Ta là sở hành của người trí, chẳng phải là sở hành của người ngu. Pháp của Ta là sở hành của người nghe nhiều, chẳng phải là sở hành của người ít nghe. Pháp của Ta là sở hành của người tinh tấn, chẳng phải là sở hành của người biếng nhác. Cho nên, này A-na-luật, chúng bốn bộ hãy tìm câu phương tiện hành tám điều suy niệm của bậc đại nhân.

“Này A-na-luật, cần phải học điều này như vậy.”

A-na-luật, sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7⁵⁵

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁵⁵ Pāli, A.viii. 69 Parisā. Trường kinh 2.

Tăng nhất a-hàm

“Có tám chúng, các người nên biết. Những gì là tám? Chúng sát-lợi, chúng bà-la-môn, chúng gia chủ, chúng Tứ thiên vương, chúng trời Tam thập tam, chúng Ma, chúng Phạm thiên.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi xưa Ta đã từng vào trong chúng sát-lợi để cùng thăm hỏi, đàm luận, trong đó không có ai ngang bằng Ta. Ta đi một mình, không bạn lữ, không ai cùng hàng; Ta ít muốn, biết đủ, ý nghĩ không tán loạn, thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn, thành tựu tinh tấn.

“Ta lại nhớ, khi đến trong chúng bà-la-môn, chúng gia chủ, chúng sa-môn, chúng Tứ thiên vương, chúng trời Tam thập tam, chúng Ma, chúng Phạm thiên cùng thăm hỏi, bàn luận. Ta đi một mình, không bạn lữ, không ai cùng hàng; ở trong đó, Ta tối tôn, không ai sánh ngang; ít muốn, biết đủ, ý không tán loạn, thành tựu giới, thành tựu tam muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn, thành tựu tinh tấn.

“Khi ấy, Ta ở trong tám bộ chúng, đi một mình, không bạn lữ, làm cây lọng lớn cho các chúng sanh. Bấy giờ, tám bộ chúng không ai có thể thấy [55a01] đánh, cũng không dám nhìn dung nhan, hướng là cùng luận nghĩa. Vì sao vậy? Vì Ta cũng không thấy có ai trong chúng trời, người, Ma, Ma thiên, sa-môn, bà-la-môn, có thể thành tựu tám pháp này, trừ Như Lai còn không kể. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành tám pháp này.

“Các Tỳ-kheo, cần phải học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc⁵⁶ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Gia chủ:

“Trong nhà gia chủ có bố thí rộng rãi không?”

Gia chủ bạch Phật:

“Bần gia huệ thí suốt ngày đêm trong bốn cổng thành, chợ lớn, trong nhà, đường đi, cùng Phật và Tăng Tỷ-kheo. Đó là tám nơi bố thí. Như vậy, Thế-tôn, tùy chỗ cần của họ, cần áo bố thí áo, cần thức ăn bố thí thức ăn, hay trần bảo trong nước, quyết không trái nghịch. Nói chung y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị liệu bệnh, tất cả đều cung cấp cho họ. Cũng có chư thiên đến chỗ con, ở giữa hư không bảo con: ‘Hãy phân biệt tôn ti, người này trì giới, người này phạm giới; cho đây thì được phước, cho kia không quả báo.’ Nhưng tâm con chân chánh không có đây, kia, không khởi tâm thêm bớt, rải lòng từ bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Các chúng sanh nương vào mạng căn mà hình tồn tại, có thức ăn thì tồn tại, không có thức ăn thì mạng không cứu được. Bố thí cho hết thấy chúng sanh thì được vô lượng phước báo, hưởng quả báo ấy không có tăng giảm.”

Phật bảo gia chủ:

“Lành thay, lành thay, Gia chủ! Người bố thí bình đẳng thì phước tối tôn đệ nhất. Nhưng tâm chúng sanh thì lại

⁵⁶ A-na-bân-đề.

Tặng nhất a-hàm

có hơn, có kém. Bồ thí cho người trì giới thì hơn người phạm giới.”

Lúc ấy, thiên thần trong hư không vô cùng hoan hỷ, liền nói bài kệ này:

*Phật nói thí có chọn,
Kẻ ngu có tặng giảm.
Cầu ruộng phước tốt kia,
Đâu qua Chúng Như Lai.*

“Nhưng những điều Thế Tôn dạy nay thật là hay thay! Bồ thí người trì giới hơn người phạm giới.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Nay Ta sẽ nói cho ông nghe về chúng Hiền thánh. Hãy nên ghi nhớ kỹ và ghi nhận trong lòng. Hoặc có trường hợp bố thí ít mà được phước nhiều; hoặc bố thí nhiều được phước nhiều.”

Gia chủ Cấp Cô Độc bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn diễn bày nghĩa kia. Sao gọi là bố thí ít mà được phước nhiều? Sao gọi là thí nhiều được phước nhiều?”

Phật bảo Gia chủ:

“Hương A-la-hán, đắc A-la-hán; hương A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hương Tu-đà-hàm, đắc Tu-đà-hàm; hương Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn. Nay Gia chủ, đó gọi là chúng Hiền thánh. Ở đó, thí ít mà được phước nhiều, thí nhiều được phước nhiều.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người thành tựu bốn hương,
Người thành tựu bốn quả:
Đó là chúng Hiền thánh.*

Bố thí được nhiều phước.

“Chư Phật Thế Tôn trong quá khứ lâu xa cũng có chúng Hiền thánh này như Ta hôm nay không khác. Giả sử chư Phật Thế Tôn trong vị lai xuất hiện ở đời, cũng có chúng Hiền thánh như vậy. Cho nên, Gia chủ hãy cúng dường chúng Hiền thánh với tâm vui vẻ.”

Lúc ấy, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho ông gia chủ, xác lập trong địa vị bất thối chuyển. Gia chủ sau khi nghe pháp xong, vô cùng hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi lui đi.

Gia chủ Cấp Cô Độc, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9⁵⁷

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu thiện nam, thiện nữ nào dùng của cải huệ thí thì thu được tám công đức. Những gì là tám? Một là huệ thí đúng thời, chẳng phải phi thời. Hai là bố thí trong sạch, chẳng phải là ô uế. Ba là tự tay ban phát, chẳng sai người khác. Bốn là thệ nguyện huệ thí, không tâm kiêu. Năm là huệ thí cõi mở,⁵⁸ không trông chờ quả báo. Sáu là huệ thí cầu tịch diệt, không cầu sanh thiên. Bảy là huệ thí cầu ruộng tốt, không huệ thí nơi đất hoang. Tám là đem công

⁵⁷ Pāli, A.viii. 37 Sappurisa.

⁵⁸ Giải thoát huệ thí 解脫惠施; Pāli: *muttacāga*, giải thoát thí, bố thí một cách rộng rãi, hào phóng.

Tăng nhất a-hàm

đức này huệ thí cho chúng sanh, không tự vì mình. Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào đem của cải huệ thí thì sẽ được tám công đức như vậy.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người trí tùy thời thí,
Không có tâm keo kiệt.
[755c] Những công đức đã tạo
Đều đem huệ thí người.*

*Thí này là hơn hết,
Được chư Phật khen ngợi.
Hiện đời hưởng quả kia;
Qua đời hưởng phước trời.*

“Cho nên, Tỳ-kheo ai muốn cầu quả báo kia nên hành tám việc này. Báo kia vô lượng, không thể kể hết, sẽ được châu báu cam lồ, dần dần đưa đến diệt độ.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về con đường đưa đến địa ngục và con đường hướng đến Niết-bàn, hãy ghi nhớ kỹ chớ để quên sót.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thế nào là con đường đưa đến địa ngục và con đường hướng đến Niết-bàn?

“Tà kiến là đường đến địa ngục, chánh kiến là con đường hướng Niết-bàn. Tà tư duy⁵⁹ là đường đến địa ngục, chánh tư duy⁶⁰ là con đường hướng Niết-bàn. Tà ngữ là đường đến địa ngục, chánh ngữ là con đường hướng Niết-bàn. Tà nghiệp là đường đến địa ngục, chánh nghiệp là con đường hướng Niết-bàn. Tà mạng là đường đến địa ngục, chánh mạng là con đường hướng Niết-bàn. Tà tinh tấn là đường đến địa ngục, chánh tinh tấn là con đường hướng Niết-bàn. Tà niệm là đường đến địa ngục, chánh niệm là con đường hướng Niết-bàn. Tà định là đường đến địa ngục, chánh định là con đường hướng Niết-bàn. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là con đường đưa đến địa ngục, con đường hướng đến Niết-bàn.

“Những gì chư Phật Thế Tôn đã cần nói, nay Ta cũng đã hoàn tất. Các người hãy ở nơi vắng vẻ, ngồi dưới bóng cây, niệm hành thiện pháp, chớ có biếng nhác. Nay không siêng thực hành, sau hối hận không kịp.”

“Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Phi thời, địa ngục, đạo,
Trời, Tu-luân, đất động,*

⁵⁹ Đề bản: Tà trị.

⁶⁰ Đề bản: Chánh trị.

Tăng nhất a-hàm

*Tám niệm đại nhân, chúng
Thiện nam tử thí, đạo.⁶¹*

⁶¹ Bản hán, hết quyển 37.

43. PHẨM THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI TÁM CHÍNH

KINH SỐ 1¹

[756a06] Tôi nghe như vậy.

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Khi thiên tử Mã Huyết,² vào lúc giữa đêm,³ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Vừa rồi, con có ý nghĩ như vậy: ‘Trên mặt đất có thể đi bộ qua hết thế giới này được không?’ Nay con xin hỏi Thế Tôn có thể bằng đi bộ để đi đến tận cùng thế giới này không?”⁴

Thế Tôn bảo:

“Nay ông với ý nghĩa nào mà hỏi điều này?”

Thiên tử bạch Phật:

¹ A. iv. 45 Rohitassa. Hán, *Tạp* (Việt) kinh 1221.

² Mã Huyết thiên tử 馬血天子. *Tạp* (Việt) kinh 1221: Xích Mã thiên tử 赤馬天子. Pāli: Rohitasso devaputto.

³ Nguyên Hán: Phi nhân chi thời 非人之時, thời gian sinh hoạt của loài phi nhân. *Tạp* ibid.: Sau giữa đêm. Pāli: *abhikkantāya rattiya*.

⁴ *Tạp* ibid.: “Có thể vượt qua biên tế của thế giới này để đi đến chỗ không sinh, không già, không chết chăng?” Pāli: yattha nu kho, bhante, na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, sakkā nu kho so, bhante, gamanena lokassa anto ñātum vā datṭhum vā pāpuṇitum vā’ ti?

“Ngày xưa, có một lần con đến chỗ Phạm Thiên Bà-già.⁵ Phạm Thiên thấy con từ xa đến, liền nói với con: ‘Hoan nghinh, Thiên tử Mã Huyết! Nơi này là cõi vô vi, không sanh, không già, không bệnh, không chết, không bắt đầu, không kết thúc, không sầu ưu, khổ não.’⁶ Khi ấy, con suy nghĩ: ‘Đây có phải là con đường dẫn đến Niết-bàn? Vì sao vậy? Vì trong Niết-bàn không có sanh, già, bệnh, chết, sầu ưu, khổ não. Đó là chỗ tận cùng của thế giới. Nếu đó đúng là chỗ tận cùng của thế giới thì có thể đi bộ qua thế gian.’”

Thế Tôn bảo:

“Vậy thần túc của ông như thế nào?”

Thiên tử bạch Phật:

“Giống như lực sĩ giỏi thuật bắn, mũi tên bay đi mà không bị cản.⁷ Ở đây đức thần túc của con cũng không bị chướng ngại như vậy.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Nay Ta hỏi ông, tùy theo sở thích mà trả lời. Giống như có bốn người nam giỏi thuật bắn tên. Bốn người bắn về bốn hướng. Nếu có người đi đến, với ý muốn thu hết tên bốn hướng, khiến không rơi xuống đất. Thế nào, Thiên tử, người này rất là mau lẹ phải không, mới có thể khiến cho tên không rơi xuống đất? Thiên tử, nên biết, trước khi mặt trời, mặt trăng lên, có vị thiên tử đi bộ nhanh.

⁵ Bà-già Phạm thiên 婆伽梵天 (Pl.: Baka Brahmā). *Tạp* ibid. Bà-cú Phạm thiên 婆旬梵天.

⁶ *Tạp* (Việt) kinh 1096, (Hán) kinh 1195, tr. 324b04. Cf. Pāli, , S. 6. 4. Bako-Brahmā.

⁷ *Tạp* ibid.: “Dùng mũi tên nhọn trong khoảnh khắc bắn xuyên qua bóng cây đa-la.”

Ông đi lại, tiến dừng, còn nhanh chóng hơn người gom tên này. Nhưng cung điện mặt trời, mặt trăng đi còn lẹ hơn cả người gom tên và vị thiên tử này. Tính gom sự mau lẹ của người kia, vị thiên tử, cùng cung điện mặt trời mặt trăng, vẫn không bằng sự mau lẹ của trời Tam thập tam. Tính [756b01] sự mau lẹ của trời Tam thập tam không bằng sự mau lẹ của trời Diêm. Thần đức mà các chư thiên có được như vậy đều không bằng nhau. Giả sử nay ông có thần đức này như các vị thiên kia, từ kiếp này sang kiếp khác cho đến trăm kiếp, ông cũng không thể nào đi đến chỗ tận cùng của thế giới. Vì sao vậy? Vì phương vực địa giới không thể tính toán được.

“Thiên tử, nên biết, vào đời quá khứ lâu xa, Ta từng làm vị tiên tên Mã Huyết giống tên như ông, dục ái đã sạch, bay giữa hư không không gì ngăn ngại. Khi ấy, thần túc của Ta khác với mọi người, trong khoảnh khắc búng ngón tay, đã có thể thu những mũi tên từ bốn hướng này khiến không cho rơi xuống. Lúc ấy, do có thần túc này nên Ta suy nghĩ: ‘Nay Ta có thể bằng thần túc này đi đến tận cùng mé bờ thế giới hay không?’ Ta liền đi khắp thế giới nhưng không thể đến chỗ tận cùng bờ cõi của nó. Sau khi qua đời, ta liền tiến tu đức nghiệp mà thành Phật đạo. Dưới cây thọ vương, ngồi ngay thẳng tư duy về những việc làm đã từng trải xưa kia. Trước kia vốn là Tiên nhơn, đã dùng thần đức này mà vẫn không thể đến chỗ tận cùng mé bờ của nó. Vậy phải dùng thần lực gì để đến chỗ cứu cánh tận cùng của nó? Bây giờ Ta lại suy nghĩ: ‘Cần phải nương vào tám phẩm đạo Hiền thánh, sau đó mới đạt đến chỗ tận cùng biên tế sanh tử.’⁸

⁸ *Tap* ibid.: “Nay Ta chỉ bằng cái thân một tâm để nói về thế giới, về sự tập khởi của thế giới, về sự diệt tận của thế giới, về con đường đưa đến sự diệt tận của thế giới.”

“Những gì là tám phẩm đạo Hiền thánh? Đó là, chánh kiến, chánh tư duy*, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn*, chánh niệm và chánh định*. Thiên tử, lại nữa, nên biết, đó gọi là tám phẩm đạo Hiền thánh, khiến đạt đến chỗ tận cùng biên tế của thế giới. Hằng sa chư Phật trong quá khứ đã đạt đến chỗ tận cùng của thế giới, tất cả đều bằng tám phẩm đạo Hiền thánh này để đạt cứu cánh thế giới. Giả sử chư Phật trong tương lai mà xuất hiện, cũng sẽ bằng tám phẩm đạo Hiền thánh này để đạt đến chỗ tận cùng biên tế.”

Bây giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ này:

*Chân bước không cứu cánh
Đến tận cùng thế giới.
Mặt đất rộng vô cùng,
Thần túc chẳng thể vượt.*

*Kẻ phàm ý giả tưởng,
Khởi mê hoặc trong đó.
Không rõ pháp chơn chánh,
Trôi lăn trong năm đường.*

*Tám phẩm đạo Hiền thánh,
Lấy đó làm thuyền bè,
Sở hành của chư Phật,
Đạt cùng tận thế gian.*

*Giả sử Phật tương lai,
Di-lặc cùng tất cả,
[756c01] Cũng bằng tám phẩm đạo
Đến tận cùng thế giới.*

*Cho nên, người có trí
Tu đạo Hiền thánh này,
Ngày đêm hành tu tập,
Liền đến chỗ vô vi.*

Thiên tử Mã Huyết sau khi nghe Như Lai nói tám phẩm đạo Hiền thánh, liền ở trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Lúc ấy, thiên tử liền đánh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi. Ngay ngày hôm ấy, thiên tử kia liền dùng đủ loại hoa trời rải lên Như Lai, rồi nói kệ này:

*Trôi lăn mãi sanh tử,
Muốn đi tận thế giới.
Tám phẩm đạo Hiền thánh,
Không biết lại không thấy.*

*Nay con đã kiến đế,
Lại nghe tám phẩm đạo,
Liền được tận bờ mé,
Nơi Chư Phật đã đến.*

Thế Tôn ẩn khả những điều thiên tử kia nói. Thiên tử kia thấy Thế Tôn đã ẩn khả, liền đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi lui đi.

Thiên tử kia, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁹

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói trai pháp tám quan của Hiền thánh.¹⁰ Các

⁹ Pāli, A. viii. 41 Samkhitta.

¹⁰ Bát quan trai pháp 八關齋法. Pāli: *aṭṭhaṅgasamannāgato uposatho*.

ngươi hãy ghi nhớ kỹ, tùy hỷ mà phụng hành.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Sao gọi là trai pháp tám quan? Một là không sát sanh, hai là không lấy của không cho, ba là không dâm dục, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu, sáu là không ăn phi thời, bảy là không nằm ngòai trên giường cao rộng, tám là tránh xa việc đờn ca xướng hát và xoa hương thơm vào mình. Tỳ-kheo, đó gọi là trai pháp tám quan của Hiền thánh.”

Lúc ấy, Ưu-ba-ly bạch Phật:

“Tu hành trai pháp tám quan như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Này Ưu-ba-ly, thiện nam, thiện nữ vào ngày thứ 8, 14, 15¹¹ đến chỗ Sa-môn hoặc Tỳ-kheo trưởng lão, tự xưng tên họ rằng, ‘Con từ sáng đến tối,¹² như A-la-hán, giữ tâm không di động, không dùng dao gậy gia hại chúng sanh, ban vui khắp tất cả. Nay con thọ trai pháp, nhất thiết không vi phạm, không khởi tâm sát. Con tu tập [757a01] giáo pháp Chân nhân kia, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không ăn quá ngọ, không ngòai chỗ cao rộng, không tập ca múa xướng hát và thoa hương vào mình.’ Nếu người có trí tuệ, hãy nói như vậy. Nếu là người không có trí huệ, nên dạy nói như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo kia nên chỉ dạy từng điều một, đừng để sai sót, cũng đừng để vượt quá. Lại nên dạy cho phát

¹¹ Mỗi nửa tháng.

¹² Nguyên Hán: Tòng triều chí mộ 從朝至暮; Hán dịch không chính xác. Nên hiểu: Từ sáng cho đến hết đêm, tức đến sáng hôm sau.

thệ nguyện.”

Ưu-ba-ly bạch Phật:

“Nên phát nguyện như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Người ấy nguyện rằng: ‘Nay con bằng trai pháp tám quan này sẽ không đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng không rơi vào nơi tám nạn, không ở biên địa, không rơi vào nơi tệ ác, không theo tri thức ác; con phụng sự cha mẹ chân chánh không có tà kiến, sanh vào trung bộ, được nghe pháp thiện, tư duy phân biệt, thành tựu pháp tùy pháp; đem công đức trai pháp này nhiếp lấy pháp lành của tất cả chúng sanh; đem công đức này huệ thí cho họ giúp cho người kia thành Đạo Vô thượng Chánh chơn; đem phước của thệ nguyện này bố thí để thành tựu ba thừa khiến cho không bị thối lui giữa chừng. Lại đem trai pháp tám quan này để học Phật đạo, Bích-chi-phật đạo, A-la-hán đạo. Những người học chánh pháp ở các thế giới cũng đều tập theo nghiệp này.

“Giả sử trong tương lai, khi Phật Di-lặc xuất hiện ở đời, Như Lai, Chí chơn Đẳng chánh giác, người nào gặp hội kia thì sẽ được độ ngay. Khi Phật Di-lặc xuất hiện ở đời, có ba hội Thanh văn. Hội đầu có chín mươi sáu ức chúng Tỳ-kheo. Hội thứ hai có chín mươi bốn ức chúng Tỳ-kheo. Hội thứ ba có chín mươi hai ức chúng Tỳ-kheo, đều là A-la-hán các lậu đã sạch. Cũng gặp vua ấy¹³ cùng giáo thọ sư của đất nước ấy.’ Dạy như vậy, không để cho thiếu sót.”

Ưu-ba-ly bạch Thế Tôn:

¹³ Vua Chuyển luân hiệu Tương-già (Pāli: Saṅkha), đồng thời với Phật Di-lặc; xem *Trường*, kinh 6 “Chuyển luân vương tu hành”.

Tăng nhất a-hàm

“Nếu thiện nam, thiện nữ kia tuy trì trai tám quan nhưng không phát thệ nguyện, há không được công đức lớn hay sao?”

Thế Tôn bảo:

“Tuy được phước kia, nhưng phước không đáng nói. Vì sao vậy? Nay Ta sẽ nói.

“Trong đời quá khứ, có vua tên là Bảo Nhạc cai trị bằng pháp, không có tà vạy, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này. Bấy giờ, có Phật tên Bảo Tạng Như Lai, Chí chơn Đẳng chánh giác, Minh Hạnh Túc*, Thiện Thệ* Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự trượng phu*, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn* xuất hiện ở đời. Vua kia có người con gái tên Mâu-ni, dung mạo đặc thù, mặt [757b01] như màu hoa đào, đều do đời trước cúng dường chư Phật mà được như vậy. Bấy giờ, Phật kia cũng có ba hội chúng. Hội đầu tiên gồm chúng một ức sáu vạn tám ngàn Tỳ-kheo. Hội thứ nhì gồm chúng một ức sáu vạn Tỳ-kheo. Hội thứ ba gồm chúng một ức ba vạn Tỳ-kheo, đều là A-la-hán các lậu hoặc đã sạch.

“Khi ấy, Phật kia thuyết pháp như vậy cho các đệ tử: ‘Các Tỳ-kheo, hãy nhớ nghĩ tọa thiền, chớ có biếng nhác. Lại hãy tìm cầu phương tiện tụng tập kinh, giới.’ Thị giả của Phật kia tên là Mãn Nguyên, đa văn đệ nhất, như Tỳ-kheo A-nan đa văn tối thắng hôm nay của Ta. Lúc ấy, Tỳ-kheo Mãn Nguyên kia bạch Phật Bảo Tạng: ‘Có những Tỳ-kheo các căn ám độn, cũng không siêng năng đối với pháp thiền định, lại cũng không tụng tập, Thế Tôn đặt họ vào nhóm nào?’

“Phật Bảo Tạng bảo: ‘Nếu có Tỳ-kheo nào các căn ám độn, không thể hành pháp thiền, nên tu ba nghiệp pháp thượng nhân. Thế nào là ba? Tọa thiền, tụng kinh,

khuyến hóa.’ Như vậy, Phật kia thuyết pháp vì điều cho các đệ tử như thế.

“Bấy giờ, có Tỳ-kheo trưởng lão không thể tu hành pháp thiền. Tỳ-kheo ấy suy nghĩ nghĩ: ‘Nay ta tuổi già yếu, không thể tu pháp thiền kia. Vậy ta nên thỉnh nguyện hành pháp khuyến trợ.’ Lúc ấy, Tỳ-kheo trưởng lão kia vào trong thành Dã mã xin dầu mè đốt đuốc, hàng ngày đến cúng dường Như Lai Bảo Tạng, khiến cho ánh sáng không dứt.

“Khi ấy, Công chúa Mâu-ni thấy Tỳ-kheo trưởng lão này đi khắp các nẻo đường để cầu xin, liền hỏi: ‘Tỳ-kheo, hôm nay thầy cầu xin vật gì vậy?’ Tỳ-kheo đáp: ‘Công chúa, nên biết, tuổi tôi đã già yếu, không thể hành pháp thiền, cho nên cầu xin dầu để cúng dường Phật, thắp sáng liên tục cho Phật.’ Công chúa khi nghe danh hiệu Phật, vui mừng hơn hờ không thể tự chế, bạch với Tỳ-kheo trưởng lão: ‘Tỳ-kheo, thầy chớ cầu xin ở nơi khác. Chính tôi sẽ cung cấp, cúng dường hết cả dầu lẫn đèn.’

“Từ đó, Tỳ-kheo trưởng lão nhận sự bố thí của cô ấy, hàng ngày lấy dầu cúng dường Như Lai Bảo Tạng và nguyện đem công đức này hồi hướng Đạo Vô thượng Chánh chơn, miệng tự nói rằng: ‘Con tuổi đã già yếu, các căn lại chậm lụt, không có trí huệ để tu thiền, xin nhờ công đức này mà khỏi đọa vào ác [757c01] thú, trong tương lai được gặp Thế Tôn giống như Như Lai Bảo Tạng ngày nay, gặp Thánh chúng như Thánh chúng ngày nay, thuyết pháp cũng như ngày nay.’ Như Lai Bảo Tạng biết được tâm niệm của Tỳ-kheo ấy liền mỉm cười, miệng phát ra ánh sáng năm màu và nói rằng: ‘Trái qua vô số a-tăng-kỳ kiếp nữa ông sẽ thành Phật, hiệu là Như Lai

Đăng Quang¹⁴, Chí chơn đăng chánh giác.’ Bấy giờ, Tỳ-kheo trưởng lão hết sức vui mừng, thân tâm kiên cố, ý không thôi chuyển, vẻ mặt rạng rỡ khác với ngày thường.

“Khi thấy Tỳ-kheo ấy có nhan sắc khác thường, công chúa Mâu-ni liền hỏi: ‘Hôm nay nhan sắc của thầy cực kỳ vi diệu, rạng rỡ khác với ngày thường. Có điều gì đặc ý chăng?’ Tỳ-kheo đáp: ‘Công chúa nên biết, vừa rồi, tôi đã được Như Lai rưới nước cam lộ lên đánh đầu.’ Công chúa Mâu-ni hỏi, ‘Như Lai rưới nước cam lồ lên đánh là như thế nào?’ Tỳ-kheo đáp: ‘Tôi được Như Lai Bảo Tạng thọ ký rằng qua vô số a-tăng-kỳ kiếp trong tương lai tôi sẽ thành Phật, hiệu là Như Lai Đăng Quang, Chí chơn đăng chánh giác, nên thân tâm tôi kiên cố, ý không thôi chuyển. Công chúa, tôi đã được Như Lai ấy thọ ký như vậy.’ Công chúa hỏi: ‘Đức Phật ấy có thọ ký cho tôi không?’ Tỳ-kheo trưởng lão đáp: ‘Tôi cũng không biết Ngài có thọ ký cho cô hay không?’

“Sau khi nghe Tỳ-kheo nói, công chúa liền đi cỡi xe lộng lẫy* đến chỗ Như Lai Bảo Tạng, đánh lễ sát chân Ngài rồi ngồi qua một phía, và bạch Phật rằng: ‘Nay con là thí chủ thường cúng dường, nhưng Thế Tôn không thọ ký, mà thọ ký Tỳ-kheo kia.’ Như Lai Bảo Tạng đáp: ‘Phát tâm cầu nguyện còn được phước khó lường, huống gì là đem của cải bố thí.’ Công chúa Mâu-ni nói: ‘Nếu Như Lai không thọ ký cho con thì con sẽ tự đoạn mạng căn.’ Bảo Tạng Như Lai đáp: ‘Phàm mang thân người nữ thì không thể mong làm Chuyển luân Thánh vương, không thể mong làm Đế Thích, không thể mong làm Phạm Thiên,

¹⁴ Đăng Quang 燈光, trên kia dịch là Định Quang 定光; xem kinh 3 phẩm 20, cht. 4. Cũng gọi là Phật Nhiên Đăng 燃燈 (Skt. Dīpaṅkara). Nội dung chuyện kể dưới đây đồng nhất với chuyện kể trong kinh 3 phẩm 20, nhưng với nhiều chi tiết bất nhất.

không thể mong làm Ma vương, cũng không thể mong làm Như Lai.’ Công chúa hỏi, ‘Con nhất định không thể thành đạo Vô thượng hay sao?’ Phật Bảo Tạng đáp: ‘Có thể. [758a01] Nay Mâu-ni nữ, cô có thể thành đạo Vô thượng Chánh chơn. Nhưng, công chúa nên biết, vô số a-tăng-kỳ kiếp trong tương lai có Phật xuất thế, là thiện tri thức của cô. Vị Phật ấy sẽ thọ ký cho cô.’ Khi ấy, công chúa bạch Phật rằng: ‘Người nhận thanh tịnh, còn thí chủ thì uế trược hay sao?’ Phật Bảo Tạng bảo: ‘Điều Ta nói ở đây là tâm ý thanh tịnh, phát nguyện kiên cố.’ Công chúa nói xong, liền đứng dậy, đánh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng rồi ra đi.

“Ưu-ba-ly, nên biết, qua vô số a-tăng-kỳ kiếp, Phật Đăng Quang mới xuất hiện ở đời, hóa độ nước lớn Bát-đầu-ma¹⁵, có chúng Tỳ-kheo gồm mười sáu vạn tám ngàn người vây quanh, được nhà vua và nhân dân đến cúng dường. Lúc ấy, trong nước có vua tên Đề-ba-diên-na¹⁶ trị đời đúng pháp, thống lãnh cảnh giới Diêm phù này.

“Bấy giờ, vua thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo thọ thực. Vào buổi sáng, Phật Đăng Quang khoác y, cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo vào thành.

“Bấy giờ, có con trai bà-la-môn¹⁷ tên Di-lặc¹⁸, dung mạo tuấn tú, một mình nổi bật trên tất cả đại chúng, y như

¹⁵ Bát-đầu-ma đại quốc 鉢頭摩大國; trên kia dịch là Bát-ma đại quốc 鉢摩大國. Xem kinh 3 phẩm 20 cht. 5.

¹⁶ 提波延那.

¹⁷ 梵志子 phạm chí tử; đoạn dưới gọi là Ma-nạp 摩納, thiếu niên bà-la-môn.

¹⁸ Di-lặc 彌勒, phiên âm từ Megha (không phải là Maitreya, hiệu Phật tương lai), trên kia dịch là Vân Lô 雲雷; xem kinh 3 phẩm 20 cht. 7.

Tặng nhất a-hàm

Phạm Thiên; tụng đọc thông suốt các bộ kinh, hiểu rõ các bộ sách và các chú thuật, thông suốt thiên văn địa lý; không thứ gì không biết. Khi từ xa trông thấy Phật Đăng Quang có dung mạo đặc biệt hiếm có trên đời, các căn vắng lặng, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, trang nghiêm thân, ông ấy liền sanh tâm hoan hỷ, phát sanh thiện tâm, suy nghĩ rằng: ‘Trong sách có nói Như Lai xuất hiện ở đời là việc rất khó gặp, lâu lắm mới có một lần, cũng như hoa Ưu đàm lâu lắm mới nở. Ta cần phải đến xem thử.’”

“Bà-la-môn bèn tự tay cầm năm bông hoa đến chỗ Thế Tôn, và nghĩ rằng: ‘Ai có ba mươi hai tướng, người ấy được gọi là Phật.’ Ông đem năm nhành hoa rải lên thân Như Lai, và tìm ba mươi hai tướng nhưng chỉ thấy ba mươi tướng, còn hai tướng nữa thì không thấy, tức thì trong lòng hồ nghi rằng, vì sao ta quan sát Thế Tôn mà không thấy tướng lưỡi dài và tướng mã âm tàng. Ông ấy liền nói kệ:

*Nghe có ba hai tướng
Của bậc Đại trượng phu.
Nay không thấy hai tướng.
Có đủ tướng hảo chăng?*

*Thiếu tướng mã âm tàng,
Trình khiết không dâm chăng?
Không thấy tướng lưỡi dài,
Liếm tai, che khắp mặt.*

*[758b01] Mong hiện tướng cho thấy,
Để con sạch nghi ngờ.
Xin cho con được thấy
Tướng mã âm và lưỡi.*

“Khi ấy, Phật Đăng Quang liền nhập định, khiến cho bà-

la-môn thấy hai tướng đó. Phật Đăng Quang lại hiện tướng lưới rộng dài liếm đến hai tai và phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy sau đó trở vào đỉnh đầu. Khi bà-la-môn thấy Như Lai có đầy đủ ba mươi hai tướng, hết sức vui mừng, nói rằng: ‘Cúi nguyện Thế Tôn xem xét, con xin dâng lên Như Lai năm bông hoa này và xin đem thân này cúng dường Thế Tôn.’ Sau khi vị ấy phát nguyện, năm bông hoa liền biến thành đài báu trên không trung hết sức vi diệu, có bốn trụ, bốn cổng; thấy có đài lưới ngọc; vị ấy rất vui mừng, lại phát nguyện rằng: ‘Xin cho trong tương lai con được làm Phật như Phật Đăng Quang. Đệ tử đi theo cũng y như vậy.’

“Biết những ý nghĩ trong tâm bà-la-môn, Phật Đăng Quang liền mỉm cười. Theo thường pháp của chư Phật Thế Tôn, nếu khi thọ ký Thế Tôn mỉm cười thì miệng phát ra ánh sáng năm màu, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Khi ánh sáng đã chiếu ba nghìn đại thiên thế giới thì ánh sáng mặt trời mặt trăng không còn. Sau đó, ánh sáng trở vào trên đỉnh. Nếu lúc Như Lai thọ ký làm Phật thì ánh sáng nhập vào trên đỉnh. Nếu lúc thọ ký Bích-chi-phật thì ánh sáng từ miệng phát ra rồi vào lại trong miệng.¹⁹ Nếu thọ ký Thanh văn thì ánh sáng nhập vào vai. Nếu thọ ký sanh thiên thì lúc ấy ánh sáng nhập vào trong cánh tay. Nếu thọ ký sanh làm người thì lúc ấy ánh sáng nhập vào hai bên hông. Nếu thọ ký sinh ngạ quỷ thì ánh sáng vào nách. Nếu thọ ký sinh súc sanh thì ánh sáng vào đầu gối. Nếu thọ ký sinh địa ngục thì ánh sáng vào gót chân.

“Lúc ấy, bà-la-môn thấy ánh sáng vào đỉnh, vui mừng hớn hở không xiết kể, liền trải tóc lên đất và nói lời này:

¹⁹ Có bản chép là nhĩ 耳: Lỗ tai.

Tăng nhất a-hàm

‘Nếu Như Lai không thọ ký cho con thì ngay chỗ này con tự đoạn các căn.’ Phật Đăng Quang biết những ý nghĩ trong tâm bà-la-môn, Phật Đăng Quang liền bảo: ‘Ông hãy mau đứng dậy. Đời vị lai Ông sẽ thành Phật, hiệu Thích-ca Văn Như Lai, Chí chơn đẳng chánh giác.’

“Ma-nạp sau khi nghe Phật thọ ký, sinh lòng hớn hờ không xiết kể, [758c01] liền ngay nơi đó mà đặc biệt hiện tam-muội, vọt lên hư không cách mặt đất bảy nhẫn, chấp tay hướng về Như Lai Đăng Quang.

“Này Ưu-ba-ly, Ông chớ có nhận xét ai khác. Tỳ-kheo trưởng lão vào thời Như Lai Bảo Tạng lúc bấy giờ, không ai khác mà chính là Như Lai Đăng Quang lúc ấy. Còn công chúa Mâu-ni lúc ấy chính là Ta bây giờ. Lúc ấy, Như Lai Bảo Tạng đã đặt tên hiệu cho Ta là Thích-ca Văn. Nay Ta vì nhân duyên ấy nên nói trai pháp tám quan này. Hãy phát thệ nguyện. Không nguyện thì không quả. Vì sao vậy? Nếu người nữ kia phát thệ nguyện, ngay kiếp ấy thành tựu sở nguyện đó. Nếu Tỳ-kheo trưởng lão không phát thệ nguyện, thì trọn không thành Phật đạo. Phước của thệ nguyện không thể ghi kể, dẫn đến chỗ cam lồ diệt tận.

“Này Ưu-ba-ly, Ông hãy học điều này như vậy.”

Ưu-ba-ly, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3²⁰

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại nước Ma-kiệt, gần bên bờ

²⁰ Pāli, Dārukkhandha, S. iv. 179.

sông,²¹ cùng năm trăm đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn thấy giữa dòng sông có một khúc gỗ lớn bị nước cuốn trôi, liền ngồi tại một gốc cây bên bờ sông. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy khúc gỗ bị nước cuốn trôi không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy!”

Thế Tôn bảo:

“Nếu khúc gỗ này không vướng bờ này, không vướng bờ kia, không chìm giữa dòng, không bị tập lên bờ, không bị người vớt, không bị phi nhân vớt, không bị dòng nước xoáy, không bị mục rã, nó sẽ trôi dần đến biển. Vì sao vậy? Vì biển là nguồn gốc của các dòng sông.

“Tỳ-kheo, các người cũng như vậy. Nếu không đắm bờ này, không đắm bờ kia, không chìm giữa dòng, không tập lên bờ, không bị người bắt giữ, không bị phi nhân bắt giữ, cũng không bị nước xoáy, cũng không bị mục rã, dần dần các người sẽ xuôi đến Niết-bàn. Vì sao vậy? Xuôi đến Niết-bàn là chánh kiến,²² chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn*, chánh niệm, chánh định. Đó là nguồn gốc của Niết-bàn.”

Bấy giờ, có người chăn bò tên Nan-đa²³ đang đứng chống gậy. Người chăn bò từ xa nghe những lời nói như vậy, bèn đi lần đến chỗ Thế Tôn mà đứng. Bấy giờ người

²¹ Pāli: Phật ở bên bờ sông Hằng (Gaṅgā), địa phận Kosambi.

²² Pāli: *nibbānaninnā, bhikkhave, sammādiṭṭhi nibbānapoṇā nibbānapabbhārā*”ti, “xuôi về Niết-bàn, nghiêng về phía Niết-bàn, dốc về Niết-bàn, là chánh kiến.”

²³ Nan-đa (mục ngưu nhân) 牧牛人難陀. Pāli: Nando gopālakko.

Tăng nhất a-hàm

chăn bò bạch Thế Tôn:

“Nay con cũng không vương bờ này, không vương [759a01] bờ kia, không chìm giữa dòng, không tấp lên bờ, không bị người vớt, chẳng bị phi nhân vớt, không bị dòng nước xoáy, cũng chẳng mục rã, dần dần xuôi về Niết-bàn. Cúi xin đức Thế Tôn cho phép con ở trong đạo này được làm sa-môn.”

Thế Tôn bảo:

“Người hãy trả bò cho chủ rồi sau đó mới được làm sa-môn.”

Người chăn bò Nan-đà thưa:

“Những con bò này nhớ ghé con, nên chúng nó tự sẽ về nhà. Cúi xin Thế Tôn cho phép con đi theo đạo này.”

Thế Tôn bảo:

“Những con bò này tuy sẽ tự trở về nhà, nhưng ông cần phải về giao lại cho chủ.”

Lúc ấy, người chăn bò vâng lời Phật dạy, trở về giao bò, rồi trở lại chỗ Phật, bạch Thế Tôn:

“Nay con đã giao bò. Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm sa-môn.”

Như Lai liền chấp thuận ông làm sa-môn, thọ giới cụ túc.

Có một Tỳ-kheo khác bạch Thế Tôn:

“Sao gọi là bờ này? Sao gọi là bờ kia? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là tấp lên bờ? Thế nào là bị người bắt giữ? Thế nào là bị phi nhân bắt giữ? Thế nào là bị dòng nước xoáy? Thế nào là bị mục rã?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Bờ này là chỉ thân. Bờ kia là thân diệt tận. Chìm giữa dòng là dục ái. Tấp lên bờ là năm dục. Bị người bắt giữ là, như có thiện gia nam tử phát thệ nguyện này: ‘Do phước lành công đức này tôi sẽ làm vua nước lớn, hoặc làm đại thần.’ Bị phi nhân bắt giữ là, như có Tỳ-kheo phát nguyện như vậy: ‘Tôi sẽ sinh lên trời Tứ thiên vương²⁴ mà hành phạm hạnh. Nay ta đem công đức nguyện sanh về các cõi trời.’ Đó gọi là bị phi nhân bắt giữ. Bị dòng nước xoáy, đó là tà nghi. Mực rã là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Đó là mực rã.”

Bảy giờ, Tỳ-kheo Nan-đà ở tại chỗ vắng vẻ, tự khắc cần tu tập, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến, tự biết rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Ông ở ngay trên chỗ ngồi thành A-la-hán.

Nan-đà, sau khi nghe những gì nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4²⁵

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại Ca-lan-đà, trong Trúc viên, thành La-duyet, [759b01] cùng năm trăm Tỳ-kheo.

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa* đã mất thần túc. Thái tử A-xà-thế mỗi ngày sai đem năm trăm cỗ cơm cúng dường ông. Khi các Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa đã mất thần túc, lại được A-xà-thế cúng dường, cùng nhau dẫn đến chỗ Phật,

²⁴ Các bản TNM thêm “và chư thiên”.

²⁵ Pāli, Saropama, M. i. 192.

Tăng nhất a-hàm

đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đề-bà-đạt-đa oai lực rất lớn, nay được vua A-xà-thế cúng dường mỗi ngày năm trăm chỗ cơm.”

Thế Tôn nghe những lời này rồi, bèn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chớ đẩy lên ý tưởng này, ham lợi dưỡng của Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa. Kẻ ngu kia vì lợi dưỡng này sẽ tự diệt vong. Vì sao vậy? Ở đây Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa sẽ không đạt kết quả như ước nguyện đối với mục đích xuất gia học đạo.

“Tỳ-kheo, nên biết, như có người ra khỏi làng xóm, tay cầm búa bén, đi đến cây lớn, ý mong muốn trước hết là mong cây lớn²⁶, nhưng khi kịp đến cây kia thì chỉ mang cành lá trở về. Nay Tỳ-kheo này cũng như vậy, vì tham đắm lợi dưỡng. Vì lợi dưỡng này, tự khen mình trước mọi người, chê bai người khác, nên những việc làm của Tỳ-kheo không đạt kết quả như sở nguyện. Người ấy vì lợi dưỡng này nên không tìm cầu phương tiện khởi tâm đồng mãnh như người kia tìm không được lõi cây,²⁷ bị người trí vứt bỏ.

“Giả sử có Tỳ-kheo sau khi được lợi dưỡng, không tự khen, lại không chê bai người khác; nhưng có lúc lại đến người khác tự khoe rằng: ‘Tôi là người trí giới. Kia là kẻ phạm giới.’ Những sở nguyện của Tỳ-kheo cũng không được kết quả, như người bỏ gốc mang cành²⁸ về nhà. Người trí thấy vậy bèn nói: ‘Người này chỉ mang cành về

²⁶ Nên hiểu: Tìm lõi cây. Cf. Pāli: *sāratthiko sārāgavesī*.

²⁷ Trong bản: 求寶 cầu bảo. Chép nhầm, nên sửa lại là 求實 cầu thật.

²⁸ Nên hiểu: Bỏ qua lõi cây, chỉ mang lấy cành.

nhà mà không biết được lỗi.’ Ở đây, Tỳ-kheo cũng như vậy, vì có được lợi dưỡng, vâng giữ giới luật, gồm tu phạm hạnh và thích tu tam-muội. Vì ấy do tâm tam-muội này mà tự khen với người khác: ‘Nay tôi đắc định. Người khác không đắc định.’ Những pháp cần làm của Tỳ-kheo này cũng không được kết quả.

“Cũng như có người muốn tìm lỗi cây, đi đến cây lớn mong được lỗi cây, bỏ cành lá cây, lấy gốc mang gốc về. Người trí thấy vậy, nói rằng: ‘Người này được riêng phần gốc.’ Nay Tỳ-kheo cũng vậy, phát sinh lợi dưỡng, nhưng vâng giữ giới luật, không tự khen, lại chẳng chê bai người khác. Tu hành tam-muội cũng như vậy, [759c01] lần lượt hành trí huệ. Ở trong pháp này, trí huệ là bậc nhất. Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa ở trong pháp này đã không được trí huệ, tam muội, cũng không đầy đủ pháp giới luật.”

Có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Vì sao gọi Đề-bà-đạt-đa kia không hiểu pháp giới luật? Ông đó có thần đức, thành tựu các hành, có trí huệ này, vì sao gọi là không hiểu pháp giới luật? Có trí huệ thì có tam-muội, có tam-muội thì có giới luật.”

Thế Tôn bảo:

“Pháp giới luật là việc thường của thế tục, thành tựu tam-muội cũng là việc thường của thế tục. Thần túc phi hành cũng là việc thường của thế tục. Chỉ thành tựu trí huệ, đó là pháp trên hết.”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Do thiên được thần túc,
Không rút ráo đi lên;
Không được bờ vô vi
Lại rơi vào năm dục.*

Tăng nhất a-hàm

*Trí huệ là tối thượng,
Không ưu, không gì lo,
Cứu cánh được chánh kiến,
Cắt đứt cội sanh tử.*

“Tỳ-kheo, nên biết, do phương tiện này mà biết Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa không hiểu pháp giới luật, cũng không hiểu hành trí tuệ và tam-muội.

“Tỳ-kheo, các người chớ có tham đắm lợi dưỡng như Đề-bà-đạt-đa. Phàm người lợi dưỡng đọa vào cội ác, không đến thiện xứ. Nếu đắm lợi dưỡng liền tập tà kiến, lìa chánh kiến, tập tà tư duy, lìa chánh tư duy, tập tà ngữ, lìa chánh ngữ, tập tà nghiệp, lìa chánh nghiệp, tập tà mạng, lìa chánh mạng, tập tà tinh tấn*, lìa chánh tinh tấn, tập tà niệm, lìa chánh niệm, tập tà định, lìa chánh định.

“Cho nên, Tỳ-kheo chớ khởi tâm lợi dưỡng, chế phục khiến không khởi. Đã khởi tâm lợi dưỡng, hãy tìm cầu phương tiện mà diệt nó.

“Các Tỳ-kheo, cần phải học điều này như vậy.”

Khi Phật nói pháp vi diệu này, hơn sáu mươi Tỳ-kheo xả bỏ pháp phục, sống đời bạch y. Lại có sáu chục Tỳ-kheo khác tâm giải thoát khỏi hữu lậu, các trần cấu sạch, được pháp nhãn thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay ta sẽ nói ví dụ thuyền bè. [760a01] Các người hãy suy nghĩ kỹ và ghi nhớ trong tâm.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.” Các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Thế nào là ví dụ thuyền bè? Khi các người đi đường bị giặc bắt giữ, cần làm chủ tâm ý, không khởi niệm ác, phải khởi tâm từ, bi, hỷ, xả* tràn đầy khắp mọi nơi, vô lượng, vô hạn không thể tính đếm. Giữ tâm phải như đất; giống như đất này vừa nhận vật sạch, vừa nhận vật dơ, phân tiểu ô uế, đều nhận hết; nhưng đất không khởi tâm tăng giảm, không nói: ‘Đây tốt, đây xấu.’

“Nay sở hành các người cũng phải như vậy. Nếu bị giặc cướp bắt giữ, chớ sanh ác niệm, không khởi tâm tăng giảm, cũng như đất, nước, lửa, gió, xấu cũng nhận, tốt cũng nhận, đều không tâm tăng giảm; hãy sanh tâm từ bi hỷ xả* đối với hết thảy chúng sanh. Vì sao vậy? Vì pháp hành thiện còn phải bỏ huống chỉ pháp ác mà có thể tập hành sao?

“Như có người gặp chỗ có tai nạn đáng sợ, muốn vượt qua chỗ nạn đến nơi yên ổn, tùy ý rong ruổi tìm nơi an ổn. Người ấy gặp sông lớn, rất sâu rộng, cũng không có cầu thuyền để có thể qua đến bờ bên kia được, mà nơi đang đứng thật là đáng sợ. Bờ kia là vô vi. Bấy giờ, người kia liền suy nghĩ: ‘Sông này rất sâu rộng. Ta hãy gom góp cây gỗ, cỏ, lá kết thành một chiếc bè để vượt qua. Nhờ bè này mà từ bờ này đến được bờ kia.’ Bấy giờ người kia, liền thu thập cây gỗ, cỏ lá kết bè vượt qua, từ

bờ này đến bờ kia.

“Người kia đã vượt qua bờ kia, lại nghĩ: ‘Chiếc bè này đối với ta có nhiều lợi ích. Nhờ chiếc bè này cứu được nguy nan, từ nơi đáng sợ đến chỗ an lành. Ta không bỏ bè này. Hãy mang theo bên mình.’ Thế nào, Tỳ-kheo, người kia đã đến nơi rồi, có nên mang bè theo bên mình? Hay không nên?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Không nên, bạch Thế Tôn. Sở nguyện người kia đã đạt kết quả, thì mang chiếc bè theo làm gì?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thiện pháp còn phải xả, huống gì là phi pháp.”

Bây giờ, có một Tỳ-kheo bạch với Thế Tôn:

“Sao gọi là pháp còn phải xả huống là phi pháp? Chúng con há chẳng phải nhờ pháp mà học đạo hay sao?”

Thế Tôn bảo:

“Y kiêu mạn diệt kiêu mạn, mạn mạn, tăng thượng (quá) mạn,²⁹ tự mạn, tà kiến mạn, [760b01] mạn trung mạn, tăng thượng mạn.³⁰ Bằng không mạn diệt mạn mạn, diệt

²⁹ Nguyên Hán: Tăng thượng mạn, trùng lập với mạn thứ bảy. Đây nên đọc là tăng thượng quá mạn, tức mạn quá mạn kể trong *Câu-xá*.

³⁰ Kiêu mạn, mạn mạn, tăng thượng mạn, tự mạn, tà kiến mạn, mạn trung mạn, tăng thượng mạn 憍慢 慢慢 增上慢 自慢 邪見慢 慢中慢 增上慢; bảy mạn, xem *Câu-xá* 19 (tr. 101a12): Mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ty mạn, tà mạn 1. 慢, 2. 過慢, 3. 慢過慢, 4. 我慢, 5. 增上慢, 6. 卑慢, 7. 邪慢. Bản Hán liệt kê trên của Kinh, trùng lập tăng thượng mạn nhưng thiếu mạn quá mạn.

tăng thượng quá mạn.³¹ Bằng chánh mạn, diệt tà mạn, tăng thượng mạn, diệt hết bốn mạn.

“Xưa kia, khi Ta chưa thành Phật đạo, ngồi dưới bóng gốc thọ vương, suy nghĩ như vậy: ‘Trong dục giới, ai là cao trọng nhất để Ta sẽ hàng phục. Trong cõi dục này, trời và người, không ai không bị hàng phục.’ Rồi Ta lại tự nghĩ: ‘Nghe có tỳ ma Ba-tuần. Ta sẽ chiến đấu với chúng. Do hàng phục Ba-tuần, nên tất cả chư thiên cao quý đều bị hàng phục.’ Lúc ấy, Tỳ-kheo, Ta mỉm cười trên chỗ ngồi, khiến cảnh giới ma Ba tuần đều chấn động. Giữa hư không nghe tiếng nói kệ:

Bồ pháp Chân Tịnh vương,³²

Xuất gia học cam lồ;

Dù có thế nguyện rộng:

Dọn trống ba đường ác.

Nay ta họp binh chúng,

Xem mặt Sa-môn kia.

Nếu y không theo ta;

Nắm chân liệng ngoài biển.³³

“Lúc bấy giờ, Tỳ ma Ba-tuần vô cùng thịnh nộ, bảo đại tướng Sư Tử rằng, ‘Hãy nhanh chóng tập họp bốn bộ binh chúng đi công phạt Sa-môn. Lại xem ông ấy có thể lực gì mà dám chiến đấu với ta?’ Khi ấy Ta lại suy nghĩ: ‘Giao chiến với phàm phu mà còn không im lặng, huống gì là với hạng cường hào của cõi Dục ư? Dù sao Ta cũng cần phải cạnh tranh với chúng.’”

³¹ Nguyên Hán: Vô mạn; có lẽ chép nhầm.

³² Chân Tịnh vương 真淨王, tức vua Tịnh Phạn (Pāli. Suddhodhana). Xem kinh 5, phẩm 24.

³³ Bản Hán, hết quyển 38.

Tặng nhất a-hàm

“Các Tỳ-kheo, khi ấy Ta bận áo giáp nhân từ, tay cầm cung tam-muội, tên trí huệ, chờ đợi đám đại quân kia. Bây giờ, Tỳ ma, đại tướng và mười tám ức binh chúng, tướng mạo khác nhau như vượn, khỉ, sư tử, đi đến chỗ Ta. Trong đó, chúng la-sát hoặc một thân nhiều đầu, hoặc vài chục thân chung một đầu, hoặc hai vai có ba cổ, ngay tim có miệng; hoặc có một tay, hoặc có [760b20c] hai tay, hoặc có bốn tay; hoặc hai tay nâng đầu, miệng ngậm xác rắn, hoặc trên đầu bốc lửa, miệng phun ra lửa, hoặc hai tay vạch miệng, muốn nuốt chừng phía trước, hoặc vạch bụng hướng nhau, tay cầm đao kiếm, vai vác giáo mác, hoặc cầm chày cối, hoặc gánh núi vác đá, gánh vác cây lớn, hoặc hai chân chống lên trời đầu chúc xuống đất, hoặc cỡi voi sư tử, hổ, sói, trùng độc, hoặc đi bộ đến, hoặc bay trên không. Ma Ba-tuần dẫn binh chúng như vậy vây quanh đại thọ.

“Ma Ba-tuần ở bên trái Ta, nói với Ta rằng, ‘Sa-môn đứng dậy ngay!’ Tỳ-kheo, khi ấy Ta im lặng không đáp. Ba lần như vậy.

“Ma nói với Ta, ‘Sa-môn có sợ ta không?’ Ta bảo, ‘Ta nắm giữ tâm, không sợ hãi điều gì.’

“Ma Ba-tuần nói, ‘Sa-môn có thấy chúng bốn bộ của ta không? Ông chỉ có một mình, không có binh khí, đao trượng, trọc đầu, thân thể phơi trần, chỉ khoác ba y này, mà lại nói: Ta không sợ gì!’ Ta bèn nói ma Ba tuần bài kệ này:

*Giáp nhân, cung tam-muội,
Tay cầm tên trí tuệ,
Phước nghiệp là binh chúng,
Ta sẽ phá quân ông.*

“Ma Ba tuần lại nói với Ta, ‘Ta làm nhiều điều ích lợi

cho Sa-môn. Sa-môn nếu không nghe lời ta, lập tức ta làm cho hình hài ông tan mất thành tro. Lại nữa, Sa-môn tướng mạo đẹp đẽ, tuổi tráng thịnh đáng yêu, xuất xứ từ Chuyển luân vương dòng Sát-lợi. Hãy kíp rời nơi này mà vui hưởng ngũ dục. Ta sẽ đưa ông lên làm Chuyển luân Thánh vương.’ Ta liền bảo Ba-tuần, ‘Những điều ngươi nói là vô thường biến dịch, không thể tồn tại lâu dài, cần lìa bỏ, chẳng phải là điều Ta ham muốn.’

“Tệ ma Ba tuần lại hỏi Ta, ‘Sa-môn, nay ông cầu mong điều gì, chí nguyện vật gì?’ Ta đáp, ‘Điều ta mong là nơi chốn không sợ hãi, yên ổn, tịch tĩnh trong thành Niết-bàn, để dẫn những chúng sanh trôi nổi sanh tử, chìm đắm trong khổ não này về đường chính.’

“Ma nói Ta, ‘Giờ nếu Sa-môn không kíp rời khỏi chỗ ngồi, ta sẽ nắm chân ông ném vào biển.’

Ta bảo Ba tuần, ‘Ta nhận thấy trên trời dưới đất, Ma hoặc Thiên ma, người hoặc phi nhơn, cùng chúng bốn bộ của ông, không ai có thể làm lay động một sợi lông Ta.’ Ma nói với Ta, ‘Sa-môn, nay muốn giao chiến với [761a01] ta hay chẳng?’ Ta đáp, ‘Ta đang nghĩ đến giao chiến.’ Ma hỏi Ta, ‘Kẻ địch của ông là những ai?’ Ta đáp, ‘Chính là kiêu mạn, như tăng thượng mạn, tự mạn, tà mạn, mạn trong mạn.’ Ma hỏi Ta, ‘Ông diệt các mạn này vì mục đích gì?’ Ta đáp, ‘Ba-tuần, nên biết, có từ tam-muội, bi tam-muội, hỷ tam-muội, xả* tam-muội, không tam-muội, vô nguyện tam-muội, vô tướng tam-muội. Do từ tam-muội mà thành tựu bi tam-muội. Do bi tam-muội mà đắc hỷ tam-muội. Do hỷ tam-muội mà đắc xả tam-muội. Do xả tam-muội mà đắc không tam-muội. Do không tam-muội mà đắc vô nguyện tam-muội. Do vô nguyện tam-muội mà đắc vô tướng tam-muội. Do lực tam-muội này mà Ta chiến đấu với ông. Hành diệt thì

Tăng nhất a-hàm

khổ diệt. Khổ diệt thì kết sử diệt. Kết sử diệt thì đạt đến Niết-bàn.'

"Ma nói với Ta, 'Sa-môn, pháp được diệt bởi pháp chăng?' Ta đáp, 'Pháp cần được diệt bởi pháp.' Ma lại hỏi Ta, 'Thế nào là pháp được diệt bởi pháp?' Ta nói, 'Chánh kiến được diệt bởi tà kiến; tà kiến diệt được bởi chánh kiến; chánh tư duy* diệt tà tư duy*, tà tư duy* diệt chánh tư duy*, chánh ngữ diệt tà ngữ, tà ngữ diệt chánh ngữ; chánh nghiệp diệt tà nghiệp, tà nghiệp diệt chánh nghiệp; chánh mạng diệt tà mạng, tà mạng diệt chánh mạng; chánh tinh tấn* diệt tà tinh tấn*, tà tinh tấn* diệt chánh tinh tấn*; chánh niệm diệt tà niệm, tà niệm diệt chánh niệm; chánh định diệt tà định, tà định diệt chánh định.'

"Ma nói với Ta: 'Mặc dù Sa-môn có nói vậy, nhưng trường hợp này khó chấp nhận. Ông đứng dậy nhanh lên, đừng để ta ném xuống biển.'

"Bấy giờ, Ta lại nói với Ma Ba-tuần: 'Ngươi trước kia làm phước chỉ với một lần bố thí mà nay được làm Ma vương Dục giới. Xưa kia Ta đã tạo công đức không thể kể hết. Nay những lời nói của ngươi mới thật là khó chấp nhận.' Ma Ba-tuần đáp: 'Những phước mà ta đã làm, ở đây ông làm chứng. Còn Ông tự xưng rằng đã tạo ra vô số phước, ai là người làm chứng?'

"Tỳ-kheo, khi ấy Ta liền duỗi cánh tay phải, dùng ngón tay chỉ xuống đất, nói với Ma Ba-tuần, 'Những công đức Ta đã làm, đất chứng biết.' Khi Ta vừa nói lời này, thần Đất từ dưới đất vọt lên, chấp tay bạch, 'Bạch Thế Tôn, con xin làm chứng biết.' Thần đất nói lời này xong, Ma Ba-tuần sầu ưu khổ não, liền biến mất.

"Tỳ-kheo, hãy bằng phương tiện này mà biết rằng, pháp

còn diệt huống gì là phi pháp. Ta trong thời gian dài đã nói kinh ‘Nhất giác dụ’³⁴ cho các người, không ghi văn của nó, [761b01] huống gì là hiểu rõ nghĩa nó.³⁵ Vì sao vậy? Vì pháp này sâu huyền, vị Thanh văn, Bích-chi-phật nào, tu pháp này thì được công đức lớn, được đến chỗ vô vi cam lồ. Vì sao nó được dụ là nương bè? Có nghĩa là nương mạn diệt mạn. Mạn đã diệt hết thì không còn các niệm tưởng nào loạn nữa. Giống như da chồn hoang được thuộc kỹ, nắm tay mà đám cũng không gây tiếng động, không chỗ nào cứng. Đây cũng như vậy, nếu Tỳ-kheo nào hết kiêu mạn, không còn gì tăng giảm.

“Cho nên, nay Ta bảo các người, giả sử ai bị giặc bắt giữ, chớ sanh ác niệm, phải đem tâm từ ban khắp mọi nơi, giống như da cục mềm kia, trong lâu dài sẽ đạt đến chỗ vô vi. Các Tỳ-kheo, cần phải suy nghĩ như vậy.”

Khi Phật nói pháp này, ba ngàn thiên tử dứt sạch bụi trần, ngay trên chỗ ngồi được mắt pháp thanh tịnh; sáu mươi Tỳ-kheo khác cởi bỏ pháp phục, trở về đời sống bạch y; sáu mươi Tỳ-kheo khác diệt tận các lậu, tâm giải thoát,³⁶ được mắt pháp thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo, sau nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³⁴ Nhất giác dụ kinh 一覺喻經, Tổng-Nguyên-Minh: ‘Duyên nhất giác dụ kinh 緣一覺喻經.’ *Duyên nhất giác* là từ dịch khác của Bích-chi-phật; xem *Lục độ tập kinh*.

³⁵ 不錄其文，況解其義， dịch sát, nhưng chưa rõ ý.

³⁶ Nguyên Hán: Lậu tận ý giải, 漏盡意解, chính xác, nên hiểu: Diệt tận các lậu, vô lậu, tâm giải thoát. Định cú Pāli: *āsavaṇṇa khayā anāsavaṇṇa cetovimuttiṃ*.

KINH SỐ 6³⁷

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại miếu thần, bên bờ sông Hằng,³⁸ nước Ma-kiệt, cùng với năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Cũng như người chăn bò Ma-kiệt³⁹ ngu si ít trí, muốn đưa đàn bò từ bờ này sông Hằng sang bờ kia, nhưng không chịu dò xem chỗ cạn sâu bờ bên này, bên kia, mà lừa bò xuống nước. Trước tiên, cho qua những con bò gầy, và những con bê còn nhỏ. Ở giữa dòng nước, chúng hết sức yếu đuối không thể đến bờ kia được. Tiếp lại cho qua những con bò trung bình không mập không gầy. Chúng cũng không qua được, mà ở giữa dòng chịu khổ não. Cuối cùng cho qua những con bò khỏe mạnh nhất, cũng bị mắc khốn ở giữa dòng.⁴⁰

“Nay, Tỳ-kheo trong chúng của Ta cũng lại như vậy. Tâm ý ám độn không có trí sáng, không phân biệt đường đi sanh tử, không phân biệt cầu, thuyền của Ma. Muốn vượt qua dòng sanh tử mà không tập tu pháp cấm giới, liền bị Ma Ba-tuần chi phối. Tìm cầu Niết-bàn mà theo tà đạo để mong được diệt độ, rốt cuộc không được kết quả, tự tạo tội nghiệp, lại đẩy người khác sa đọa vào tội lỗi.

³⁷ Pāli, *Gopālaka*, M. i. 225. Hán, *Tạp* (Việt) kinh 908.

³⁸ Thần kỳ Hằng thủy 神祇恒水. Pāli: Tại làng Ukkacelā, bên bờ sông Hằng, vương quốc Vajji. *Cela*, trong bản Hán là *Cetiya*: Linh miếu (thần kỳ).

³⁹ Ma-kiệt mục ngư nhân 摩竭牧牛人. Pāli: *māgadhako gopālako*, người chăn bò người xứ Māgadha.

⁴⁰ Hán dịch thiếu chính xác. Nên hiểu: Vì không quan sát và chọn bờ để qua, khiến cho cả bò khỏe cũng bị nước nhận chìm. Xem nội dung được giải thích đoạn sau.

“Cũng như người chăn bò Ma-kiệt thông tuệ nhiều trí, ý muốn đưa bò từ bờ này sang bờ kia. Trước hết thăm dò nơi sâu, cạn, rồi đưa những con bò khỏe mạnh nhất đến bờ kia trước.⁴¹ Kế đó [761c01] đưa những con bò trung bình không mập không ốm, cũng sang được đến bờ bên kia. Kế đến đưa những con gầy nhất cũng vượt qua không xảy ra việc gì. Những con bê còn nhỏ⁴² theo sau cùng mà được qua an ổn.

“Tỳ-kheo, ở đây cũng vậy, Như Lai khéo quán sát đời này đời sau, quán sát biển sanh tử, con đường đi của Ma. Tự mình bằng bát chánh đạo mà vượt qua hiểm nạn sanh tử, lại bằng đường này để độ người chưa được độ.

“Cũng như con bò chính dẫn đầu, một con đi đúng thì những con khác đều đi theo. Đệ tử của Ta cũng như vậy, sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng mà tự an trú, vượt cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

“Cũng như con bò khỏe mạnh kia vượt qua sông Hằng đến được bờ bên kia. Hàng Thanh văn của Ta cũng như vậy, đoạn năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, ở trên kia mà vào Bát-niết-bàn, không còn trở lại cõi này nữa, qua cảnh giới ma đến chỗ vô vi.

“Cũng như những con bò trung bình không mập không ốm, qua được sông Hằng không có gì trở ngại. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, đoạn trừ ba kết; dâm, nộ, si mỏng,

⁴¹ Hán dịch thiếu chính xác. Nên hiểu, đưa các con bò lớn và khỏe đi trước để cản dòng xiết cho các con bò yếu nương theo mà vượt qua.

⁴² Tiểu độc từng mẫu 小犢從母, chính xác là những con bê mới sinh nhưng Hán dịch không tìm ra từ để dịch. Pāli: *vacchako taruṇako tāvadeva jātako*.

Tăng nhất a-hàm

thành Tư-đà-hàm, trở lại đời này một lần nữa, rồi tận cùng mé khổ, qua cảnh Ma giới đến chỗ vô vi.

“Cũng như những con bò gầy kia dẫn theo những con bê qua được dòng sông Hằng kia. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, đoạn trừ ba⁴³ kết, thành Tu-đà-hoàn, tất đến chỗ được độ, qua cảnh giới Ma, thoát khỏi nạn sanh tử.

“Cũng như những con bê nhỏ kia theo mẹ lội qua được. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, tùy tín hành,⁴⁴ tùy pháp hành,⁴⁵ đoạn trừ các sự trói buộc của Ma, đến chỗ vô vi.”⁴⁶

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bị Ma vương bắt giữ
Không vượt bờ sinh tử.
Như Lai đã suốt cùng,
Trí soi tỏ thế gian.⁴⁷*

*Điều chư Phật tỏ ngộ,
Bà-la-môn không hiểu.
Còn trong bờ sanh tử,
Lại độ người chưa độ.*

⁴³ Trong bản không có. Y theo bản Tống-Nguyên-Minh thêm vào cho đủ nghĩa.

⁴⁴ Trì tín 持信; đây chỉ hạng tùy tín hành, hàng Dự lưu độn căn.

Pāli: *saddhānusārino*.

⁴⁵ Phụng pháp 奉法; đây chỉ hạng tùy pháp hành, hàng Dự lưu lợi căn. Pāli: *dhammānusārino*.

⁴⁶ Pāli: *tepi tiriyaṃ māraṣṣa sotam chetvā sotthinā pāram gamissanti*, cắt ngang dòng nước của Ma, qua bờ bên kia an toàn.

⁴⁷ Pāli: *ayaṃ loko paro loko, jānatā suppakāsito; yañca mārena sampattam, appattam yañca maccunā*, bậc Tri giả (Phật) đã minh giải rõ ràng đời này, đời sau, nơi nào Ma đến được, nơi nào không đến được.

*Nay năm hạng người này,⁴⁸
Còn lại không thể kể,
Muốn thoát nạn sanh tử,
Thảy nhờ oai lực Phật.*

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy chuyên tâm mình, sống không phóng dật, tìm cầu phương tiện thành tựu tám đạo phẩm Hiền thánh. Nương vào đạo Hiền thánh sẽ có thể vượt khỏi biển sanh tử. Vì sao vậy? Như người chẵn bò ngu si kia, chính là [762a01] bà-la-môn ngoại đạo, tự chìm trong dòng sanh tử, lại đẩy người khác đắm vào trong tội. Nước sông Hằng kia tức là biển sanh tử. Người chẵn bò thông tuệ kia chính là Như Lai, đã vượt hiểm nạn sinh tử do tám đạo phẩm của Hiền thánh. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bát Thánh đạo.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7⁴⁹

Tôi nghe như vậy.

Một thời, đức Phật ở trong vườn lê của Kỳ-bà-già⁵⁰ tại thành La-duyet, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi

⁴⁸ Năm hạng người, năm bậc Thánh kể trên: A-la-hán, A-na-hàm, Từ-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Tùy tín hành và tùy pháp hành; dụ với đàn bò gồm năm hạng của người chẵn bò.

⁴⁹ Pāli: Samaññaphala, D. i. 48. Hán No 1(27), 22.

⁵⁰ Kỳ-bà-già lê viên 耆婆伽梨園. No 1(27): Kỳ-bà đồng tử Am-bà viên 耆舊童子菴婆園. Pāli: *jīvakaṣṣa komārabhaccassa ambavane*, trong vườn Xoài của Y sỹ nhi Kỳ-bà.

Tăng nhất a-hàm

đệ tử, đều là A-la-hán, các lậu hoặc đã sạch, thấu suốt sáu thông, chỉ trừ một người là Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, vào ngày 15 tháng 7, ngày thọ tuệ,⁵¹ vua A-xà-thế, vào lúc nửa đêm sao sáng đã xuất hiện, nói với phu nhân Nguyệt Quang:⁵²

“Hôm nay là ngày rằm, trăng tròn sáng quá, nên làm gì?”

Phu nhân đáp:

“Hôm nay là ngày rằm, là ngày thuyết giới⁵³, nên đàn ca, tự mình hưởng thụ năm dục.”

Vua nghe xong những lời này mà không hài lòng. Vua lại hỏi thái tử Ưu-đà-da:⁵⁴

“Đêm nay, thật trong sáng, nên làm gì?”

Thái tử Ưu-đà-da bạch vua:

“Như nửa đêm nay thật trong sáng, nên tập hợp bốn loại binh đi chinh phạt ngoại địch các nước khác nào chưa hàng phục.”

Sau khi vua A-xà-thế nghe những lời này xong, cũng lại

⁵¹ Pāli: *tadahuposathe pannarase komudiyācātumāsiniyā*, ngày bố tát, ngày 15, tháng Kattika, sau mùa hạ an cư.

⁵² Nguyệt Quang Phu nhân 月光夫人; không rõ Pāli.

⁵³ 說戒之日, Pāli nói là *taduposathe pannarase*, vào ngày thứ 15, ngày bố tát, tức ngày trai giới, ngày những người bà-la-môn cúng tế thần linh; vào ngày này Tăng tỳ-kheo tụng giới bốn nên Luật gọi là ngày thuyết giới; nguyên nghĩa của nó không chỉ sự thuyết giới. Trong đoạn Hán dịch, nói là “ngày thuyết giới, nên đàn ca...”, câu văn trở thành vô lý.

⁵⁴ Ưu-đà-da thái tử 優陀耶太子. Pāli: Udayabhaddo kumāro, nhưng không được đề cập trong đoạn này.

không vừa ý, lại hỏi thái tử Vô Úy:⁵⁵

“Như nay, đêm thật trong sáng, nên làm những gì?”

Vương tử Vô Úy đáp:

“Nay Bất-lan Ca-diếp,⁵⁶ rành về các toán số, biết cả về thiên văn địa lý, được mọi người tôn ngưỡng, có thể đi đến hỏi ông về những nghi nạn này, vị ấy sẽ nói lý rất vi diệu cho Tôn vương, hoàn toàn không có điều gì ngung trở.”

Sau khi nghe xong những lời này, cũng không vừa ý, vua lại hỏi đại thần Tu-ni-ma:⁵⁷

“Như đêm nay, thật trong sáng, nên làm những gì?”

Tu-ni-ma tâu vua rằng:

“Như nửa đêm nay, thật là trong sáng. Gần đây không xa có A-di-sùý⁵⁸ hiểu biết rộng, xin Đại vương đến hỏi những điều nghi ngờ.”

Vua nghe xong những lời này, cũng không vừa ý, lại hỏi bà-la-môn Bà-sa⁵⁹:

“Như nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm những gì?”

⁵⁵ Vô Úy Vương tử 無畏王子. Pāli: Abhaya-kumāra; anh em đệ bào của A-xà-thế; cũng không được đề cập trong đoạn này. Hán có thể nhầm, vì Vương tử Vô Úy là Phật tử, chắc không khuyên Vua đi phông đạo với ngoại đạo.

⁵⁶ Bất-lan Ca-diếp 不蘭迦葉. No 1 (27): Bà-la-môn Vũ xá đề nghị Bất-lan Ca-diếp. Pāli: Pūraṇa kassapo.

⁵⁷ Tu-ni-ma 須尼摩. No 1(27): Tu-ni-đa 須尼陀. Pāli: Một đại thần không nêu tên, *aññataropi kho rājāmacco*.

⁵⁸ A-di-sùý (chuyên) 阿夷耑. No 1(27): Diên Tác đề nghị. Pāli: Ajita Kesakambala.

⁵⁹ Bà-sa 婆沙. Có lẽ đại thần Vassakāra, theo Pāli.

Bà-la-môn [762b01] đáp:

“Nhu nay ngày mười lăm, thật là trong sáng. Gần đây không xa có Cù-da-lâu,⁶⁰ cúi xin Đại vương đến đó hỏi nghĩa này.”

Sau khi nghe những lời này xong, cũng không hợp ý mình, vua lại hỏi bà-la-môn Ma-đặc⁶¹ rằng:

“Nhu nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm việc gì?”

Bà-la-môn đáp:

“Đại vương nên biết, gần đây không xa có Ba-huru Ca-diên,⁶² cúi xin đại vương đến hỏi sự tình ông ấy.”

Vua nghe những lời này xong cũng không hợp ý, lại hỏi điển binh Sách-ma⁶³: “Nhu nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm những gì?”

Sách-ma đáp:

“Gần đây không xa có Tiên-tất Lô-trì⁶⁴ rành về thuật toán số, có thể đến đó hỏi đạo nghĩa.”

Vua nghe những lời này xong, cũng không hợp ý mình, lại bảo đại thần Tối Thắng⁶⁵ rằng:

“Nhu nay ngày mười lăm, thật là trong sáng, nên làm những gì?”

⁶⁰ Cù-da-lâu 瞿耶樓; do Tu-ni-đa đề nghị. Pāli: Makkhali Gosāla.

⁶¹ Ma-đặc 摩特.

⁶² Ba-huru Ca-diên 彼休迦旃. No 1(27): Do viên tướng giữ cửa tên Già-la 伽羅守門將 đề nghị. Pāli: Pakudha-Kaccāyana.

⁶³ Sách-ma điển binh sư 索摩典兵師, vị tướng chỉ huy quân đội.

⁶⁴ Tiên-tất Lô-trì 先畢盧持. No 1(27) Ưu-đa-di Mạn-đề Từ 優陀夷漫提子 đề nghị Pāli: Saṅjaya-Belaṭṭhi-putta.

⁶⁵ Tối Thắng 最勝.

Tối Thắng tâu vua rằng:

“Nay có Ni-kiền Tử⁶⁶ đọc rộng các kinh, là tối thượng trong các thầy, cúi xin Đại vương đến đó hỏi đạo nghĩa.”

Vua nghe những lời này xong, không hạp ý, bèn suy nghĩ: ‘Những người này đều là những kẻ ngu muội, không phân biệt chơn ngụy, không có phương tiện thiện xảo.’

Bấy giờ, vương tử Kỳ-bà-già đang đứng bên trái vua. Vua quay lại hỏi Kỳ-bà-già rằng:

“Như nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm những gì?”

Kỳ-bà-già liền quỳ trước vua tâu rằng:

“Hiện Như Lai đang du hóa ở gần đây không xa, trong vườn của hạ thần,⁶⁷ dẫn theo một nghìn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo. Cúi xin Đại vương đến đó hỏi đạo nghĩa. Vì Như Lai là ánh sáng, là mặt trời, không có điều gì bế tắc, thông suốt việc ba đời, không gì là không thấu suốt. Chính Ngài sẽ giảng nói sự ấy cho Vua, những hồ nghi của Vua sẽ tự nhiên sáng tỏ.”

Sau khi nghe những lời Kỳ-bà-già, vua A-xà-thế vui mừng hơn hở, phát sanh tâm thiện, liền khen Kỳ-bà-già rằng:

“Lành thay, lành thay! Vương tử⁶⁸ khéo nói lời này. Vì

⁶⁶ Ni-kiền Tử 尼犍子. Vương tử Vô Úy đề nghị. Pāli: Nigaṇṭha Nāta-putta.

⁶⁷ Nguyên Hán: Bần tụ viên 貧聚園; xem cht. 50 trên.

⁶⁸ Vương tử 王子. Pāli: Komārabhacca, người được Vương tử (kumāra) nuôi dưỡng (Sở giải Pāli: *kumārena bhatoti komārabhacco*). Hán dịch có thể nhầm, vì Kỳ-bà là y sỹ của Vua chứ không phải là “vương tử” (con vua).

Tăng nhất a-hàm

sao vậy? Hiện thân tâm ta đang thật là bức sốt, vì vô có đã bắt giết Phụ vương. Lâu nay ta lúc nào cũng tự suy nghĩ, ai có thể tỏ ngộ tâm ý ta? Nay những lời Kỳ-bà-già vừa nói thật hợp ý ta. Kỳ diệu thay, nghe đến tiếng Như Lai, ta tự nhiên bừng tỉnh.”

Lúc ấy, Vua hướng về Kỳ-bà-già nói kệ này:

*Đêm nay trăng cực sáng;
Tâm ý không được tỏ.
[762c01] Các khanh mỗi người nói,
Nên đến ai hỏi đạo.*

*Bất-lan, A-di-sùỵ,
Ni-kiên, đệ tử Phạm:
Bọn họ, không thể cậy,
Không thể giúp được gì.*

*Đêm nay thật cực sáng,
Trăng tròn không tỳ vết;
Nay hỏi Kỳ-bà-già
Nên đến ai hỏi đạo.*

Lúc ấy, Kỳ-bà-già trả lời vua bằng bài kệ:

*Nghe âm thanh nhu nhuyển,
Thoát khỏi cá ma-kiệt.
Mong đúng thời đến Phật,
Nơi vĩnh viễn không sợ.*

Vua lại đáp bằng bài kệ:

*Trước đây ta đã làm
Việc vô ích chống Phật:
Hại con Phật chân chánh*

*Tên là Tần-bà-sa.⁶⁹
Nay hết sức hổ thẹn,
Mặt mũi nào gặp Phật?
Vì sao nay ông bảo
Khiến ta đi gặp Người?*

Kỳ-bà-già lại trả lời vua bằng bài kệ:

*Chư Phật không kia, đây;
Kết sử đã trừ hẳn;
Tâm bình đẳng không hai;
Đó là nghĩa Phật pháp.*

*Nếu dùng hương chiên đàn,
Thoa lên tay phải Phật;
Cầm dao chặt tay trái,
Tâm không sanh tăng giảm.*

*Như thương con La-vân,
Con duy nhất, không hai.
Tâm đối với Đề-bà,
Oán thân không có khác.*

*Nguyện Đại vương khuất tất,
Đến thăm gặp Như Lai.
Nghỉ ngơi sẽ được dứt,
Chớ có điều e ngại.*

Rồi Vua A Xà Thế bảo vương tử* Kỳ-bà-già rằng:

“Vây ông hãy nhanh chóng chuẩn bị năm trăm con voi đực và năm trăm con voi cái, đốt năm trăm ngọn đèn.”

Kỳ-bà-già đáp:

⁶⁹ Tần-bà-sa 頻婆娑, vua cha của A-xà-thế; là Phật tử nhiệt thành.

Tăng nhất a-hàm

“Vâng, thưa Đại vương!”

Vương tử* Kỳ-bà-già liền chuẩn bị một ngàn con voi, và đốt năm trăm ngọn đèn, rồi đến trước tàu vua rằng:

“Xe cộ đã chuẩn bị xong, Vua biết đúng thời!”

Lúc ấy, vua A-xà-thế dẫn theo những người tùy tùng đến trong vườn lê, giữa đường lại sinh lòng sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng, quay qua bảo vương tử* Kỳ-bà-già rằng:

“Nay ta không bị ông gạt đó chứ? [763a01] Không đem ta nạp cho kẻ thù chứ?”

Kỳ-bà-già tàu vua:

“Thật sự không có lý này. Cúi xin Đại vương tiến lên trước tí nữa. Như Lai cách đây không xa.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế trong lòng còn lo sợ, hỏi lại Kỳ-bà-già rằng:

“Ta không bị người dụ hoặc chăng? Ta nghe nói Như Lai dẫn đầu một nghìn hai trăm năm mươi đệ tử, sao giờ không nghe một tiếng động?”

Kỳ-bà-già đáp:

“Đệ tử Như Lai thường nhập định, không có loạn tưởng. Cúi xin Đại vương hãy tiến tới trước chút nữa.”

Vua A-xà-thế liền xuống xe, đi bộ qua cổng, đến trước giảng đường, rồi đứng im lặng quán sát Thánh chúng, và quay sang hỏi Kỳ-bà-già rằng:

“Như Lai hiện đang ở đâu?”

Bấy giờ, tất cả Thánh chúng đều nhập hỏa quang tam-muội chiếu sáng khắp giảng đường kia, không đâu không sáng. Khi ấy, Kỳ-bà-già lập tức quỳ xuống, đưa tay phải

chỉ hướng Như Lai và nói:

“Như Lai đang ngồi chính giữa, như mặt trời phá tan mây.”

Vua A-xà-thế nói với Kỳ-bà-già rằng:

“Thật kỳ diệu thay, Thánh chúng này tâm định đến như vậy! Vì do duyên gì lại có ánh sáng này?”

Kỳ-bà-già tâu vua:

“Do sức tam-muội mà phát ra ánh sáng.”

Vua lại bảo:

“Như hôm nay ta quan sát Thánh chúng, thấy rất là yên lặng. Mong cho thái tử Ưu-đà-da của ta cũng nên vô vi yên lặng như vậy.”

Rồi vua A-xà-thế lại chấp tay tự giới thiệu:

“Cúi xin Thế Tôn soi xét đến.”

Thế Tôn bảo:

“Xin chào Đại vương!”

Vua nghe tiếng nói của Như Lai trong lòng hết sức hoan hỷ. Ông đến gặp Như Lai, tự nói vương hiệu.

Bấy giờ, vua A-xà-thế đi đến trước Phật, năm vóc gieo xuống đất, đặt hai tay lên chân Như Lai, tự xưng tên hiệu, và nói rằng:

“Cúi xin Thế Tôn rủ lòng thương tưởng nhận sự hối lỗi của con. Phụ vương vô tội mà con đã bắt giết. Cúi xin nhận sự sám hối, từ đây con sửa đổi lỗi lầm quá khứ, tu dưỡng điều tương lai.”

Thế Tôn bảo:

Tăng nhất a-hàm

“Nay thật đúng thời, thích hợp để hỏi lỗi, đừng để sai sót. Phàm người sống ở đời, ai biết tự sửa đổi lỗi lầm của mình, người đó được gọi là thượng nhân. Pháp của Ta rất là rộng lớn, nên trong đó hợp thời sám hối.”

Vua bèn đánh lễ sát chân Như Lai, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua bạch Phật:

“Con có điều muốn hỏi. Cúi xin Như Lai cho phép, con mới dám hỏi.”

Phật bảo vua:

“Có nghi nan, hợp thời cứ hỏi.”

Vua bạch Phật:

“Đời này tạo phước có lãnh thọ báo ứng hiện tại chăng?”⁷⁰

Phật bảo [763b01] vua:

“Xưa nay Vua đã từng hỏi ai đạo nghĩa này chưa?”

Vua bạch Phật:

“Trước đây con đã từng đem ý nghĩa này hỏi người khác. Con đã hỏi Bất-lan Ca-diếp rằng ‘Thế nào, Bất-lan Ca-diếp, đời này tạo phước có lãnh thọ báo ứng hiện tại chăng?’ Bất-lan Ca-diếp đáp con rằng: ‘Không có phước, không có bố thí, không báo thiện ác đời này đời sau; trong đời không có người thành tựu A-la-hán.’⁷¹ Bấy giờ,

⁷⁰ Hán dịch câu này không hết ý. Tham khảo, No 1(27): Người làm các doanh nghiệp, nhận được kết quả này trong hiện tại. Người tu đạo, có nhận được báo ứng hiện tại không? Pāli: *dittveha dhamme sandiṭṭhikam sāmāññaphalam paññāpetun’ti?* Có kết quả thiết thực của Sa-môn ngay trong đời này chăng?

⁷¹ No 1(27): Thuyết của Mạt-già-lê Câu-xá-lê. Đoạn trên, kinh 11, phẩm 38 nói đây là thuyết của A-di-sù-y. Hán dịch bất nhất.

con đang hỏi về sự thọ lãnh kết quả báo ứng, vị ấy trả lời là không. Như có người hỏi ý nghĩa của dừa, lại được trả lời bằng lý của mận, nay Bất-lan Ca-diếp cũng như vậy. Lúc ấy, con tự nghĩ: ‘Bà-la-môn này đã không soi tỏ cho ta. Ý nghĩa mà nhà Vua thuộc dòng hào tộc hỏi, người này tìm cách dẫn báo việc khác.’ Bạch Thế Tôn, lúc ấy con muốn chém đầu ông ấy liền. Vì không chấp nhận lời ông ấy nói nên con khiến đuổi đi.

“Rồi con đến chỗ A-di-sùý hỏi về ý nghĩa này. A-di-sùý nói với con rằng: ‘Nếu ở bên trái sông⁷² giết hại chúng sanh, gây vô số tội thì cũng không có tội, không có quả báo xấu.’⁷³ Bạch Thế Tôn, lúc ấy con lại tự nghĩ: ‘Ta hỏi về ý nghĩa thọ báo đời này, người ấy bèn đem việc giết hại trả lời ta. Giống như có người hỏi ý nghĩa của lê lại được trả lời bằng mận.’ Con liền bỏ đi.

“Con lại đến chỗ Cù-da-lâu mà hỏi ý nghĩa này. Người ấy đáp con rằng: ‘Ở bên phải sông⁷⁴ tạo các công đức không thể tính hết, trong trường hợp đó cũng không có báo lành.’⁷⁵ Lúc ấy, con lại tự nghĩ: ‘Ý nghĩa mà nay ta hỏi, rốt cùng không được trả lời hợp lý.’ Con lại bỏ đi.

“Con lại đến chỗ Ba*-huru Ca-diên mà hỏi ý nghĩa này.

Sāmaññaphala, thuyết đoạn diệt (uccheda) của Ajita kesakambala.

⁷² No 1(27): Hằng thủy nam 恒水南, bờ Nam sông Hằng.

Sāmaññaphala: *dakkhiṇaṃ cepi gaṅgāya tīraṃ*.

⁷³ No 1(27) thuyết của Bất-lan Ca-diếp. Đoạn trên, kinh 11, phẩm 38 nói đây là thuyết của Cù-da-lâu. Sāmaññaphala: Thuyết vô nghiệp (*akiriya*: phi hành động) của Pūraṇa Kassapa.

⁷⁴ No 1(27): Hằng thủy bắc ngạn 恒水北岸; trong đoạn về thuyết của Bất-lan Ca-diếp; xem cmt. 56 trên.

⁷⁵ Đoạn trên, kinh 11, phẩm 38, nói đây là thuyết của Ba-huru Ca-diên. Hán dịch bất nhất.

Người đó đáp: ‘Chỉ có một người ra đời, một người chết, một người qua lại lãnh thọ khổ, vui.’⁷⁶ Lúc ấy, con lại tự nghĩ: ‘Nay những điều ta hỏi về quả báo đời này, bèn đem việc sống chết tương lai đáp.’ Con lại bỏ đi.

“Con đến Tiên-tỳ Lô-trì hỏi ý nghĩa này. Người đó đáp con rằng: ‘Quá khứ đã diệt không sanh trở lại nữa; tương lai chưa đến cũng lại không có; hiện tại không dừng, không dừng tức là biến đổi.’⁷⁷ Con lại tự nghĩ: ‘Điều mà nay ta hỏi là báo đời này, lại được trả lời bằng ba thời; điều này không phù hợp chánh lý.’ Con lại bỏ đi.

“Con lại đến chỗ Ni-kiền Tử mà hỏi nghĩa này: ‘Thế nào, Ni-kiền Tử, đời này làm phước có được thọ báo đời này không?’ Ông đáp [763c01] con rằng: ‘Chúng sanh bị trời buộc không nhân, không duyên. Chúng sanh thanh tịnh cũng không có nhân, cũng không có duyên.’⁷⁸ Lúc ấy, con lại tự nghĩ: ‘Những bà-la-môn này thật là ngu muội, không phân biệt được chơn, ngụy, như người mù không mắt, rốt cùng không trả lời được ý nghĩa của những câu hỏi tựa như đùa cợt với người thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương.’ Sau đó con lại bỏ đi.

“Bạch Thế Tôn, nay con hỏi ý nghĩa ấy: ‘Đời này làm phước có nhận hiện báo không?’ Cúi xin Thế Tôn giảng dạy nghĩa ấy.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Đại vương! Nay Ta hỏi Đại vương, tùy theo sở thích mà trả lời. Đại vương, có hay không những người phụ trách

⁷⁶ Hán dịch bất nhất, khác với đoạn trên, xem kinh 11, phẩm 38, thuyết của Ba-hưu Ca-chiên.

⁷⁷ Hán dịch tiền hậu bất nhất; xem kinh 11 phẩm 38 trên.

⁷⁸ Cf. Pāli, *Sāmaññaphala*, thuyết luân hồi tịnh hóa (*samsārasuddhi*) của Makkhali Gosāla.

rượu, bếp, chấp chương việc thưởng phạt, quản lý tài vật, những người phục dịch?”

Vua bạch Phật :

“Thưa có.”

“Nếu những người phục dịch ấy làm lụng mệt nhọc qua một thời gian lâu dài, Đại vương có tưởng thưởng họ không?”

Vua bạch Phật:

“Tùy theo công sức mà chu cấp vật dụng, không để có oán trách.”

Phật bảo vua rằng:

“Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước được thọ báo hiện tiền. Thế nào, Đại vương, đã ở địa vị cao, thương xót dân đúng lễ nghĩa, rồi lại còn ban thưởng cho họ nữa không?”

Vua bạch Phật:

“Vâng, bạch Thế Tôn, con cho thức ăn ngon ngọt để nuôi sống, khiến không oán hận.”

Phật bảo vua:

“Do phương tiện này mà biết, người ấy ngày xưa xuất thân thấp hèn, dần dần tích chứa công lao mà được hoan lạc đồng với vua. Vì vậy cho nên, đời này làm phước được thọ báo hiện tại.”

Phật bảo vua:

“Người có công lao ấy, trải qua nhiều năm, đến tâu với vua rằng: ‘Chúng tôi đã lập công lao, vua đã biết rõ. Nay có ước nguyện muốn thỉnh cầu Vua.’ Vua sẽ cho phép không?”

Tăng nhất a-hàm

Vua bạch Phật:

“Tùy theo sở nguyện họ, con sẽ không phản đối.”

Phật bảo vua:

“Người có công ấy muốn được phép từ biệt vua, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, tu hạnh thanh tịnh, Vua cho phép không?”

Vua bạch Phật:

“Vâng, cho phép.”

Phật bảo vua:

“Giả sử vua thấy người ấy đã cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, đang ở gần Ta, Vua sẽ làm gì?”

Vua bạch Phật:

“Con sẽ tôn kính, cúng dường và tùy thời lễ lạy.”

Phật bảo vua:

“Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước thì được thọ báo hiện tiền. Giả sử người có công lao ấy, giữ giới hoàn toàn không có hủy phạm, Vua sẽ làm gì?”

Vua bạch Phật:

“Con sẽ suốt đời cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngựa cưỡi, thuốc men chữa bệnh, không để thiếu thốn.”

Phật [764a01] bảo vua:

“Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước thì được thọ báo hiện tiền. Giả sử người ấy lại đã làm sa-môn, dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, tự thân tác chứng mà tự an trú, biết như thật rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã

xong, không còn tái sinh đời sau nữa’, Vua sẽ làm gì?”

Vua bạch Phật:

“Con sẽ thừa sự, cúng dường suốt đời y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, không để thiếu thốn.”

Phật bảo vua:

“Do nhờ phương tiện này mà biết, đời này làm phước được thọ báo hiện tiền. Giả sử nếu khi người ấy tuổi thọ đã hết, và bát Niết-bàn vào trong Niết-bàn giới vô dư, thì Vua sẽ làm gì?”

Vua bạch Phật:

“Con sẽ xây tháp lớn ở tại ngã tư đường và dùng hương hoa cúng dường, treo tràng phan bảo cái, thừa sự lễ kính. Vì sao vậy? Vì đó là thân trời, chẳng phải là thân người.”

Phật bảo vua:

“Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước được thọ báo hiện tiền.”

Vua bạch Phật:

“Nay, con nhờ những thí dụ này mà hiểu rõ. Hôm nay Thế Tôn giảng thêm ý nghĩa này, con từ nay về sau tin nhận ý nghĩa này. Cúi xin Thế Tôn hãy nhận con làm đệ tử, con quy y Phật, Pháp, Tăng Tỳ-kheo. Nay con lại sám hối, vì con đã ngu si nhầm lẫn, Phụ vương vô tội mà bắt giết. Nay đem thân mạng tự quy y. Cúi xin Thế Tôn trừ tội lỗi kia, giảng nói diệu pháp để con mãi mãi được an lạc. Như con tự biết đã tạo những tội báo, không có căn lành.”

Phật bảo vua:

Tăng nhất a-hàm

“Có hai hạng người không tội mà mạng chung được sinh lên trời trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay. Sao gọi là hai? Một là người không tạo gốc tội mà tu thiện; hai là người cải hối tội mà mình đã tạo. Đó gọi là hai hạng người khi mạng chung sẽ sanh lên trời không có gì nghi ngờ.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người làm việc rất ác;
Hối lỗi, chuyển thành nhẹ.
Sám hối không lười nghĩ,
Gốc tội được nhổ hẳn.*

“Cho nên, Đại vương hãy trị dân đúng pháp, chớ dùng phi pháp. Phàm người theo pháp giáo hóa cai trị, khi chết sẽ được sinh lên trời, thiện xứ. Sau khi mạng chung, danh tiếng sẽ được vang dội khắp bốn phương. Người sau cùng truyền tụng: ‘Xưa có vị Vua lấy chánh pháp [764b01] giáo hóa cai trị, không có cong vạy.’ Mọi người xưng tụng nơi sanh của người ấy. Tuổi thọ được thêm, không bị chết yểu.

“Cho nên, Đại vương hãy phát tâm hoan hỷ hướng về Tam bảo Phật, Pháp, Thánh chúng.

“Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi lui đi. Vua đi không xa, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Vua A-xà-thế này nếu không hại phụ vương thì hôm nay đã chứng đắc sơ quả Sa-môn, ở trong hàng bốn đôi tám bậc, cũng đắc tám phẩm đạo của Hiền thánh, trừ bỏ tám ái, vượt tám nạn. Tuy vậy, nay còn được hạnh phúc lớn,

được tín tâm vô căn.⁷⁹ Cho nên, Tỳ-kheo, người đã tạo tội hãy tìm cầu phương tiện thành tựu tín tâm vô căn. Trong ưu-bà-tắc của Ta, người được tín vô căn chính là vua A-xà-thế.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8⁸⁰

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám pháp thế gian⁸¹ theo đó chúng sanh xoay chuyển. Những gì là tám? 1. lợi, 2. hại, 3. vinh, 4. nhục, 5. khen, 6. chê, 7. khổ, 8. lạc. Tỳ-kheo, đó là có tám pháp mà thế gian theo đó xoay chuyển. Các Tỳ-kheo, hãy nên tìm cầu phương tiện trừ tám pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁷⁹ Vô căn tín 無根信. Tín mà không có thiện căn, có tín (hay bốn chứng tịnh, Pāli: *avecca-pasāda*) nhưng không có gốc rễ trong kiến đạo. Xem giải thích của *Tỳ-bà-sa 103*, tr. 536b09.

⁸⁰ Pāli, A. viii. 5. Lokaparivattā.

⁸¹ Thế bát pháp 世八法. Xem *Trường 8 kinh 9* “Chúng tập”, tr. 52b11, thế bát pháp: Lợi (đắc), suy (thất), hỷ (nhục), dự (vinh), xưng (khen), cơ (chê), khổ, lạc 利,衰,毀,譽,稱,譏,苦,樂. Pāli: *aṭṭhime lokadhammā: lābho, alābho, yaso, ayaso, nindā, pasamsā, sukhaṃ, dukkhaṃ*.

KINH SỐ 9

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhu Lai xuất hiện thế gian, lại thành Phật đạo ở thế gian, nhưng không bị tám pháp thế gian lôi cuốn.

“Ví như hoa sen sinh ra từ bùn lầy, hết sức tươi sạch, không nhiễm nước bùn, được chư thiên yêu kính, ai thấy đều vui vẻ trong lòng. Như Lai cũng lại như vậy, được sanh từ bào thai, ở trong đó được nuôi lớn, được thành thân Phật.

“Cũng ví như ngọc lưu-ly là loại báu làm sạch nước, không bị bụi nhơ làm nhiễm. Như Lai cũng lại như vậy, cũng sanh ở thế gian, không bị tám pháp thế gian nhiễm đắm.

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy nên tinh tấn tu hành tám pháp.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

[764c01] Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám hạng người lưu chuyển sinh tử mà không trụ

sinh tử. Sao gọi là tám? Hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tu-đà-hàm, đắc Tu-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc A-la-hán. Đây Tỳ-kheo, đó gọi là có tám hạng người lưu chuyển sinh tử mà không trụ sinh tử. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thoát nạn sinh tử.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Huyết Mã, trai, Nan-đà,
Đề-bà-đạt, thuyền bè.
Chấn bò, tín vô căn,
thế pháp, thiện, tám người.⁸²*

⁸² Bản Hán, hết quyển 39.

THIÊN CHÍN PHÁP

44. CHÍN CHÚNG SANH CƯ

KINH SỐ 1¹

[764c20] Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có chín nơi cư trú chúng sanh,² là nơi ở của chúng sanh. Những gì là chín?

1. “Hoặc có chúng sanh nhiều thân khác nhau, và nhiều tướng khác. Đó là chỉ cho trời và người.³
2. “Hoặc có chúng sanh có nhiều thân, nhưng một tướng. Đó là chỉ trời Phạm-ca-di xuất hiện đầu tiên.⁴
3. “Hoặc có chúng sanh có một thân, và nhiều tướng. Đó

¹ Pāli, A. IX. 24. Sattāvāsa.

² Cửu chúng sanh cư xứ 九眾生居處. Cf. *Trường*, kinh 9 “Chúng tập”: Cửu chúng sanh cư 九眾生居. *Tập dị* 19, tr. 446b14: Cửu hữu tình cư 九有情居. *Câu-xá* 8 tr. 43b8. Pāli, Saṅgītisutta, D.iii. 263: *nava sattāvāsā*.

³ *Tập dị*: Người và một phần trời. Pāli: *manussā ekacce ca devāekacce ca vinipātikā*, loài người, một phần chư thiên, và chúng sanh trong cõi dữ. Một phần chư thiên, chỉ chư thiên Dục giới.

⁴ *Tập dị*: Chư thiên trên Phạm chúng thiên trong thời kỳ kiếp sơ. Pāli: *devā brahmakāyikā paṭhamābhiniḍḍā*.

là trời Quang âm.⁵

4. “Hoặc có chúng sanh đồng một thân, và đồng một tướng. Đó là trời Biến tịnh.⁶

5. “Hoặc có chúng sanh vô lượng không. Đó là trời Không xứ.⁷

6. “Hoặc có chúng sanh vô lượng thức. Đó là trời Thức xứ.⁸

7. “Hoặc có chúng sanh Vô sở hữu xứ. Đó là trời Vô sở hữu xứ.⁹

8. “Hoặc có chúng sanh có tướng, không tướng. Đó là trời Phi tướng phi phi [765a01] tướng xứ.¹⁰

“Tên gọi của những chỗ được sinh ra có chín. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là chín nơi cư trú của chúng sanh. Các loài quần manh đã từng ở, đang ở, sẽ ở.

“Cho nên Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thoát ly chín nơi này.

⁵ Quang âm thiên 光音天. *Câu-xá*: Cực quang tịnh thiên 極光淨天. Pāli: *devā ābhassarā*.

⁶ Biến tịnh thiên 遍淨天. Pāli: *devā subhakiṇhā*.

⁷ Không xứ thiên 空處天. Hán dịch này nhảy sót mất một tầng thứ năm. *Tập dị*, hữu tình cư thứ năm: Vô tướng hữu tình thiên 無想有情天, Pāli: *devā asaññasattā*; hữu tình cư thứ sáu, Không vô biên xứ thiên 空無邊處天. Pāli: *ākāśānañcāyatanūpagā*.

⁸ Thức xứ thiên 識處天. *Tập dị*: Hữu tình cư thứ bảy, Thức vô biên xứ thiên 識無邊處天. Pāli: *viññāṇaṇcāyatanūpagā*.

⁹ Bất dụng xứ thiên 不用處天. *Tập dị*, hữu tình cư thứ tám, Vô sở hữu xứ thiên 無所有處天. Pāli: *ākīñcaṇṇāyatanūpagā*.

¹⁰ Hữu tướng vô tướng xứ thiên 有想無想處天. *Tập dị*: Phi tướng phi phi tướng xứ thiên 非想非非想處天. Pāli: *nevasaññānāsaññāyatanūpagā*.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói về chín đức của sân nguyên¹¹, các người hãy suy nghĩ kỹ, nay Ta sẽ diễn giải ý nghĩa này.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật giáo giới. Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là chín đức của sân nguyên? Tỳ-kheo nên biết, thí chủ đàn-việt phải thành tựu ba pháp; vật được thí cũng phải thành tựu ba pháp; người nhận vật cũng phải thành tựu ba pháp.

“Thế nào là thí chủ đàn-việt kia phải thành tựu ba pháp? Thí chủ đàn-việt này thành tựu tín, thành tựu thệ nguyện, không sát sinh. Đó gọi là thí chủ đàn-việt thành tựu ba pháp.

“Thế nào là vật được thí cũng phải thành tựu ba pháp? Vật được thí này phải thành tựu sắc, thành tựu hương, thành tựu vị. Đó gọi là vật được thí thành tựu ba pháp.

“Thế nào là người nhận vật phải thành tựu ba pháp?

¹¹ Sân nguyên 嗔願, trên kia, và tiếp theo dưới, dịch là đạt-sân 達嗔, Pāli: *dakkhinā* (Skt. *dakṣiṇā*), thí tụng, bài kệ chú nguyện thí chủ sau khi nhận cúng dường.

Tăng nhất a-hàm

Người nhận vật này thành tựu giới, thành tựu trí tuệ, thành tựu tam-muội. Đó gọi là người nhận thí thành tựu ba pháp.

“Nhu vậy, nếu sự đạt-sản¹² thành tựu chín pháp này, sẽ đưa đến quả báo lớn, đến chỗ cam lồ diệt tận. Phàm ai là thí chủ muốn cầu phước này hãy tìm cầu phương tiện thành tựu chín pháp này.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Để thành tựu chín pháp.¹³ Những gì là chín? Mặt gương,¹⁴ chịu nhục, tâm tham, keo kiết, tâm niệm không xả ly, hay quên, ít ngủ, che dấu dâm dật,¹⁵ và không biết đền trả là chín. Tỳ-kheo, đó gọi là thành tựu chín pháp.

“Tỳ-kheo ác cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Ở đây, Tỳ-kheo ác làm mặt gương, chịu nhục, tâm tham, keo kiết, hay quên, ít ngủ, dâm dật che dấu, không biết

¹² Đạt-sản, xem cht. 11 trên; xem thêm cht. 14 kinh 2 phẩm 33.

¹³ Đoạn văn thiếu; ý nghĩa đầy đủ, xem đoạn kết.

¹⁴ Hán: Cường nhan 強顏, mặt gương làm vui.

¹⁵ Ẩn nặc dâm dật 隱匿姪洩; có bản chép không có chữ *dâm*.

Đoạn dưới chép là dâm dật ẩn (có bản chép *tĩnh*) nặc 姪洩隱/靜匿.

đền trả, [765b01] niệm không xả ly. Đó là chín.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác làm mất gương? Ở đây, Tỳ-kheo ác, điều không đáng tìm cầu mà tìm cầu, trái với hạnh samôn. Tỳ-kheo như vậy gọi là mất gương.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác chịu nhục? Ở đây, Tỳ-kheo ác ở chỗ các Tỳ-kheo hiền thiện mà tự khen ngợi mình, hủy báng người khác. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo ác chịu nhục.

“Thế nào là Tỳ-kheo sinh tâm tham? Ở đây, Tỳ-kheo thấy tài và vật của người khác đều sinh tâm tham. Đó gọi là tham.

“Thế nào là Tỳ-kheo keo kiệt? Ở đây Tỳ-kheo được y bát không cho người dùng chung, thường cất dấu cho riêng mình. Như vậy gọi là keo kiệt.

“Thế nào là Tỳ-kheo hay quên? Ở đây, Tỳ-kheo ác thường hay để rơi rớt những lời hay, thiện; cũng không tư duy phương tiện, lại luận bàn về chuyện quốc gia binh chiến. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ác thành tựu điều hay quên này.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác ít ngủ? Ở đây, Tỳ-kheo ác, những pháp cần tư duy mà không tư duy. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ác ít ngủ.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác che dấu dâm dật? Ở đây, Tỳ-kheo ác che dấu những việc làm, không nói cho người khác, nghĩ rằng, ‘Mong người khác không biết những việc làm¹⁶ của ta.’ Như vậy gọi là Tỳ-kheo che dấu những việc làm dâm dật.

¹⁶ Nguyên Hán: Hành dâm 行姪. Tống-Nguyên-Minh: Sở hành 所行. Bản khác chép không có chữ *dâm*.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác không biết đền trả? Ở đây Tỳ-kheo ác không có tâm cung kính, không hầu hạ sư trưởng, và tôn kính những vị đáng quý trọng. Tỳ-kheo ác như vậy gọi là không biết đền trả.

“Nếu Tỳ-kheo ác thành tựu chín pháp này¹⁷, niệm không xả ly, trọn không thành đạo quả. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy suy niệm xả bỏ các pháp ác.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chim không tước thành tựu chín pháp. Những gì là chín? Ở đây, chim không tước hình dáng xinh đẹp, tiếng kêu trong suốt, bước khoan thai, đi đúng lúc, ăn uống điều độ, thường nghĩ biết đủ, niệm không phân tán, ít ngủ nghỉ, lại cũng ít ham muốn biết đền trả. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là chim không tước thành tựu chín pháp.

“Tỳ-kheo hiền thiện cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Ở đây, Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo xinh đẹp, tiếng nói trong suốt, bước khoan thai, [765c01] hành đúng lúc, ăn uống có điều độ, thường nghĩ biết đủ, niệm

¹⁷ Phần trên chỉ giải thích tám pháp, thiếu “niệm không xả ly 念不捨離.”

không phân tán, ít ngủ nghỉ, ít ham muốn biết đền trả.

“Sao gọi là Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo xinh đẹp? Tỳ-kheo kia ra, vào, lui, tới, đi, đứng thích hợp, trọn không mất tư cách. Như vậy gọi là Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo đoan chánh.

“Sao gọi là Tỳ-kheo tiếng nói trong suốt? Ở đây, Tỳ-kheo khéo phân biệt nghĩa lý, trọn không lẫn lộn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo tiếng nói trong suốt.

“Sao gọi là Tỳ-kheo bước khoan thai? Ở đây, Tỳ-kheo biết đúng thời mà đi, không để mất thứ lớp; lại biết khi đáng tụng thì biết tụng; khi đáng tập thì biết tập; khi đáng im lặng thì biết im lặng; khi nên dậy thì biết dậy. Như vậy gọi là Tỳ-kheo bước khoan thai.

“Sao gọi là Tỳ-kheo hành đúng lúc? Ở đây, Tỳ-kheo khi nên đi thì đi, khi nên đứng thì đứng, tùy thời nghe pháp. Như vậy gọi là Tỳ-kheo hành đúng lúc.

“Sao gọi là Tỳ-kheo ăn uống điều độ? Ở đây, Tỳ-kheo được thức ăn dư còn lại, phân chia cho người, không tiếc những cái mình có. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ăn uống điều độ.

“Sao gọi là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ? Ở đây, Tỳ-kheo vào đầu đêm tập tỉnh thức, tập ba mươi bảy phẩm đạo không để rơi rớt, hằng làm thanh tịnh ý bằng kinh hành, khi nằm, khi tỉnh thức; lại vào giữa đêm tư duy pháp sâu xa, đến lúc cuối đêm nằm nghiêng hông phải sát đất, hai chân xếp lên nhau, tư duy về tướng ánh sáng, rồi đứng lên kinh hành mà làm thanh tịnh ý. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ.

“Sao gọi là Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đền trả? Ở đây, Tỳ-kheo thờ phụng Tam Tôn, vâng kính sư trưởng. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đền trả. Như vậy là

Tăng nhất a-hàm

Tỳ-kheo hiền thiện thành tựu chín pháp, các người hãy niệm tưởng phụng hành.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5¹⁸

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người nữ thành tựu chín pháp để trói buộc người nam. Những gì là chín? Ca, múa, kịch,¹⁹ nhạc, cười, khóc, trau chuốt nghi dung,²⁰ huyền thuật mê hoặc,²¹ nhan sắc thể hình.²² Trong tất cả hình thức ấy, chỉ có xúc²³ trói người chặt nhất, gấp trăm nghìn lần, không có gì để so sánh.

“Ở đây Ta thấy ý nghĩa này, xúc* trói người chặt nhất không cho thoát khỏi; [766a01] đó là sợi dây buộc chặt người nam vào người nữ. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng xả bỏ chín pháp này.

¹⁸ Pāli, A.viii. 17 Bandha. Hán, No 26(106), kinh Tường.

¹⁹ Nguyên Hán: Kỹ 伎, trong định cú ca vũ kỹ 歌舞伎, chỉ chung các loại ca kịch (Pāli: *nāṭa*).

²⁰ Nguyên Hán: Thường cầu phương nghi 常求方宜.

²¹ Nguyên Hán: Tự dĩ huyền thuật 自以幻術.

²² Pāli, ibid., tám hình thức người nữ trói buộc người nam:

ruṇṇena: khóc, *hasitena*: cười, *bhaṇitena*: trò chuyện, *ākappena*: phục sức, *vanabhāṇigena*: hoa quả, *gandhena*: hương, *rasena*: vị, *phassena*: xúc,

²³ Nguyên Hán: Cánh lạc 更樂.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁴

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở Ưu-ca-la,²⁵ trong vườn trúc,²⁶ cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói pháp vi diệu cho các ông, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối thiện, nghĩa lý sâu nhiệm, tu hành phạm hạnh thanh tịnh. Kinh này gọi là ‘Gốc của tất cả các pháp.’²⁷ Các người nên suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Phật bảo:

“Thế nào là gốc của tất cả các pháp? Ở đây, Tỳ-kheo, người phạm phu không gặp lời dạy của Hiền thánh, cũng không gìn giữ lời dạy của Như Lai, không gần gũi thiện tri thức, không chịu nghe lời dạy của thiện tri thức. Chúng quán sát đất này mà biết như thật rằng, ‘Đây là

²⁴ Tham chiếu Pāli, Mūlapariyāya, M. i. 1. Hán, *Trung kinh* 106.

²⁵ Ưu-ca-la 優迦羅. Pāli: Ukkatthā, một thị trấn thuộc Kosala, gần Himalaya.

²⁶ Pāli: Trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Sa-la vương.

²⁷ Pāli: *sabbadhammamūlapariyāyam*, pháp môn căn bản của tất cả các pháp.

đất; như thật là đất.²⁸ Cũng vậy²⁹, đây là nước, là lửa, là gió. Bốn thứ này hợp lại thành con người.³⁰ Đó là sự vui thích của người ngu.³¹ Hoặc Trời tự biết là Trời, thích ở cõi Trời.³² Phạm thiên tự biết là Phạm thiên. Đại Phạm thiên tự biết là Đại Phạm thiên, không ai vượt qua. Trời Quang âm trở lại tự biết do trời Quang âm đến. Trời Biến tịnh tự biết là trời Biến tịnh. Trời Quả thật³³ tự biết là trời Quả thật mà không lầm lẫn. Trời A-tỳ-da-đà³⁴ tự biết là trời A-tỳ-da-đà. Trời Không xứ tự biết là trời Không xứ. Trời Thức xứ tự biết là trời Thức xứ. Trời Vô sở hữu xứ tự biết là trời Vô sở hữu xứ. Trời Phi tướng phi phi tướng xứ tự biết là trời Phi tướng phi phi tướng xứ.

“Thấy, tự biết là thấy; nghe, tự biết là nghe; muốn, tự biết là muốn; trí, tự biết là trí,³⁵ một loại tự biết là một loại;

²⁸ Pāli: *pathaviṃ pathavito sañjānāti*; *pathaviṃ pathavito saññatvā pathaviṃ maññati*, ở đất mà có ấn tượng là đất, tư duy là đất.

²⁹ Để bản chép dư một số chữ, lược bỏ.

³⁰ Pāli: *pathaviṃ maññati, pathaviyā maññati, pathavito maññati, pathaviṃ meti maññati*, nó tư duy đất, tư duy về đất, tư duy từ đất, nghĩ rằng “Đất là của ta.” No 26(106): “Nơi đất tưởng là đất, (nghĩ rằng), đất là Thần (ngã), đất là sở hữu của Thần (ngã)...”

³¹ Pāli: *pathaviṃ abhinandati*, người ấy hoan hỷ đất.

³² Trong bản chép dư chữ thiên. Tham chiếu Pāli: *deve devato sañjānāti*, đối với chư thiên, nó có ấn tượng (tưởng) chư thiên.” Nghĩa các đoạn sau, chuẩn theo đây.

³³ Quả thật 果實, hoặc Quảng quả thiên. Pāli: *Vepphala*, tầng cao nhất thuộc tứ thiên của phàm phu.

³⁴ A-tỳ-da-đà 阿毘耶陀; theo thứ tự Pāli, sau *Vepphala* được kể là *Abhibhū* (Thắng thiên). Có lẽ Skt. *Avṛha*, Vô phiên thiên, tầng thứ nhất trong 5 Tịnh cư thiên.

³⁵ Hán: kiến 見... văn 聞... dục 欲... trí 智; chính xác nên hiểu là kiến, văn, giác, trí; xem đoạn dưới. Pāli: *diṭṭham*, cái được thấy;

nhiều loại tự biết là nhiều loại;³⁶ thấy đầy đủ tự biết là thấy đầy đủ; Niết-bàn tự biết là Niết-bàn, ở trong đó mà tự vui thích. Vì sao vậy? Vì chẳng phải là những lời nói của người trí.³⁷

“Thánh đệ tử đến gặp bậc Thánh, vâng thọ pháp người, hầu hạ thiện tri thức, thường thân cận thiện tri thức,³⁸ quán sát đất, thấy đều biết rõ ràng từ đâu đến, cũng không đắm trước vào đất, [766b01] không có tâm nhiễm ô. Nước, lửa, gió, cũng như vậy. Người, Trời, Phạm vương, Quang âm, Biến tịnh, Quả thật, trời A-tỳ-da-đà, Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ; thấy, nghe, nhớ, biết; một loại, nhiều loại, cho đến đối Niết-bàn cũng không đắm ở Niết-bàn, không khởi tướng Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì tất cả đều do khéo phân biệt khéo quán sát.

“Nếu Tỳ-kheo kia là A-la-hán lậu tận, việc cần làm đã xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã dứt sạch nguồn gốc sinh tử, bình đẳng giải thoát.³⁹ Vị ấy có thể phân biệt đất, thấy không khởi tướng đắm đất. Người, Trời, Phạm vương cho đến Hữu tướng vô tướng xứ, cũng vậy; cho đến đối Niết-bàn, cũng không đắm Niết-bàn, không khởi

sutam, cái được nghe; *mutam*, cái được tri giác; *viññāta*, cái được nhận thức (giác quan).

³⁶ Hán: Nhất loại 一類, nhược can loại 若干類. Pāli: *ekattam*, đồng nhất, và *nānattam*, đa thù tính.

³⁷ Pāli: *apariññātam tassā 'tivadāmi*, “Ta nói, người ấy không biến tri về (những) cái đó.”

³⁸ Pāli: *yopi so, bhikkhave, bhikkhu sekkho appattamānaso anuttaram yoggakkhamam patthayamāno viharati*, Tỳ-kheo thuộc bậc hữu học, tâm chưa chứng đắc, đang tìm cầu sự an ổn tối thượng.

³⁹ Hán: Bình đẳng giải thoát 平等解脫. Pāli: *sammadaññā vimutto*, bằng chánh trí mà giải thoát.

Tăng nhất a-hàm

tướng Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì đều do đã diệt trừ dâm, nộ, si mà được như vậy.

“Tỳ-kheo, nên biết, Như Lai, Chí chơn Đẳng chánh giác, đối với đất khéo hay phân biệt, cũng không đắm trước nơi đất, không khởi tưởng về đất. Vì sao vậy? Vì do phá được lưới ái mà được như vậy. Nhân hữu mà có sinh, nhân sinh mà có lão, tử, thấy đều trừ hết.⁴⁰ Cho nên Như Lai thành Vô thượng Chánh giác.”

Khi đức Phật nói những lời này, các Tỳ-kheo không lãnh thọ những lời dạy này.⁴¹ Vì sao? Vì do Ma Ba-tuần làm bế tắc tâm ý.

“Kinh này gọi là: ‘Gốc rễ của tất cả các pháp.’ Nay Ta nói đầy đủ. Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm, nay Ta đã làm đầy đủ. Các người hãy nghĩ tưởng ở nơi nhàn tĩnh, dưới bóng cây, chánh ý ngồi thiền, tư duy diệu nghĩa. Nay không làm, sau hối vô ích. Đây là những lời giáo giới của Ta.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở Ca-lan-đà, trong vườn trúc, thành La-duyệt, cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

⁴⁰ Pāli: *nandī dukkhassa mūlan'ti— iti viditvā 'bhavā jāti bhūtaṣṣa jarāmaṇan'ti*, vì biết rằng, hỷ ái là gốc rễ của khổ; do hữu có sanh; và có già, chết đối với sinh vật.”

⁴¹ Pāli: *na te bhikkhū ... abhinanduntī*, các Tỳ-kheo không hoan hỷ. Trung, ibid.: Các Tỳ-kheo hoan hỷ.

Bấy giờ, trong thành La-duyet có một Tỳ-kheo mang trọng bệnh, rất khốn khổ, nằm đại tiểu tiện, không thể tự đứng dậy, cũng chẳng có Tỳ-kheo nào đến chăm sóc. Ngày đêm ông xưng danh hiệu Phật: “Sao ta không được Thế Tôn thương tưởng đến?”

Lúc ấy Như Lai bằng thiên nhĩ nghe Tỳ-kheo kia đang than oán kêu la, hướng về Như Lai. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta với các người cùng đi xem xét các phòng, thăm viếng các trú xứ.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Thế Tôn [766c] cùng với các Tăng Tỳ-kheo vây quanh lần lượt đi qua các phòng. Khi ấy Tỳ-kheo bệnh từ xa trong thấy Thế Tôn đến, liền từ chỗ ngồi muốn đứng dậy, mà không thể cử động được. Thế Tôn đến chỗ Tỳ-kheo, bảo rằng:

“Thôi, được rồi, Tỳ-kheo! Chớ cử động. Ta đã có chỗ ngồi dọn sẵn để ngồi.”

Lúc ấy Tỳ-Sa-môn Thiên vương biết ý nghĩ của Như Lai, biến mất khỏi thế giới Dã mã, hiện đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân rồi đứng sang một bên.

Thích Đề-hoàn Nhân biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, liền đi đến chỗ Phật.

Phạm thiên vương cũng biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, bèn biến mất khỏi Phạm thiên, hiện đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên.

Tứ thiên vương cũng biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên.

Tăng nhất a-hàm

Bấy giờ, Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

“Bệnh khổ của ngươi nay có giảm, không tăng thêm chăng?”

Tỳ-kheo thưa:

“Bệnh khổ của đệ tử có tăng chứ không giảm, rất ít có ai để nhờ cậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người chăm sóc bệnh hiện ở đâu? Người nào đến chăm sóc bệnh?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con mắc bệnh này, nhưng không người chăm sóc.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Trước kia, khi ngươi chưa bệnh, có đến thăm hỏi người bệnh không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con không hề đến thăm hỏi những người bệnh.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ngươi ở không được điều ích lợi ở trong chánh pháp. Vì sao? Tất cả do không đến thăm hỏi bệnh. Nay Tỳ-kheo, ngươi chớ lo sợ, Ta sẽ tự thân cấp dưỡng ngươi, không để thiếu thốn. Như Ta nay, trên trời và giữa người, đi một mình không bạn lữ, nhưng vẫn có thể chăm sóc tất cả bệnh nhơn; cứu giúp những ai không có người cứu giúp; làm con mắt cho những ai mù tối; cứu chữa những ai tật bệnh.”

Rồi Thế Tôn tự mình dọn các thứ bất tịnh, lại trải tọa cụ cho. Lúc ấy Tỳ-Sa-môn Thiên vương cùng Thích Đề-

hoàn Nhân bạch Phật:

“Chúng con sẽ tự mình chăm sóc Tỳ-kheo bệnh này. Như Lai chớ lại nhọc sức.”

Phật bảo chư Thiên:

“Các Ông, thôi đi được rồi, Như Lai sẽ tự biết thời. Như Ta nhớ lại, thừa xưa khi chưa thành Phật đạo, đang tu hạnh Bồ-tát, đã từng xả bỏ mạng căn cho một con chim bồ câu, hướng chi ngày nay đã thành Phật đạo mà bỏ Tỳ-kheo này sao? Quyết không có việc này. Lại nữa, trước kia Thích Đề-hoàn Nhân không chăm sóc Tỳ-kheo bệnh này; Tỳ-Sa-môn Thiên vương, Chủ hộ thế, cũng không chăm [767a01] sóc.”

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân cùng Tỳ-Sa-môn Thiên vương đều im lặng không đáp.

Bấy giờ, Như Lai tự tay cầm chổi quét dọn đất dơ, rồi trái bày tọa cụ, lại giặt giũ ba pháp y cho ông, nâng đỡ Tỳ-kheo bệnh cho ngồi vào trong nước sạch mà tắm gội. Chư Thiên ở trên dùng nước thơm tưới xuống.

Thế tôn sau khi đã tắm gội cho Tỳ-kheo rồi, dịu ngồi lại lên giường, tự tay trao thức ăn. Khi Thế Tôn thấy Tỳ-kheo ăn xong, bèn rửa bát và bảo Tỳ-kheo kia:

“Nay ngươi nên xả bệnh ba đời. Vì sao? Tỳ-kheo, nên biết, sinh có sự nguy khốn là ở trong bào thai. Sinh thì có già. Phàm người già, hình suy khí cạn. Nhân già có bệnh. Phàm người bệnh, ngồi nằm rên rỉ, bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh đều đến cùng lúc. Nhân bệnh có chết. Phàm người chết, thân và xác phân ly, nhắm theo đường lành dữ. Nếu ai tội nhiều sẽ vào địa ngục, núi đao rừng kiếm, xe lửa, lò than, ăn uống đồng sôi. Hoặc làm súc sanh, bị người sai sử, ăn toàn rơm cỏ, chịu khổ vô cùng. Lại ở trong vô số

Tăng nhất a-hàm

kiếp không thể tính đếm làm thân nọ quý, thân dài mười do tuần, cổ nhỏ như cây kim, lại bị nước đồng sôi rót vào miệng. Trải qua vô số kiếp, mới được làm thân người, lại bị đánh đập, tra khảo, không thể kể hết. Lại được sinh lên trời ở trong vô số kiếp, cũng trải qua ân ái, hội họp, lại gặp ân ái biệt ly, tham dục không chán đủ. Khi được đạo Hiền thánh, bây giờ mới là khổ.

“Có chín hạng người lia được khổ hoạn. Những gì là chín? Hướng A-la-hán, đắc A-la-hán; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn, và người chủng tánh⁴² là chín.

“Này Tỳ-kheo, Như Lai xuất hiện thế gian được nói là rất khó gặp, thân người khó được, sinh nhằm trung bộ cũng khó được, gặp gỡ thiện tri thức cũng vậy. Nghe pháp được giảng thuyết cũng rất khó. Pháp pháp tương sinh, thật lâu mới có một lần.

“Tỳ-kheo nên biết, nay Như Lai xuất hiện ở thế gian, người được nghe chánh pháp, các căn không thiếu để có thể nghe chánh pháp kia, mà nay không ân cần, sau này hối không kịp. Đây là những lời giáo giới của Ta.”

Bây giờ, Tỳ-kheo bệnh kia sau khi nghe Như Lai dạy, được nhìn rõ tôn nhan, liền ngay trên chỗ ngồi mà đạt được [767b01] ba minh, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.⁴³ Phạt bảo Tỳ-kheo:

⁴² Chủng tánh nhân 種性人, đoạn dưới: Hướng chủng tánh nhân 向種性人, thấp, dưới hướng Tu-đà-hoàn. Pāli, cf. A. iv. tr. 372: *gotrabhū*, hạng phàm phu đang hướng đến Tu-đà-hoàn đạo (Sotāpattimagga). Xem cht. 46 dưới.

⁴³ Nguyên Hán: Ý giải 意解.

“Ngươi đã hiểu rõ nguồn gốc của bệnh rồi chưa?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con đã hiểu rõ căn nguyên bệnh. Xa lìa sinh, già, bệnh, chết này đều là nhờ thân lực của Như Lai gia bị, nhờ bốn vô lượng tâm bao trùm khắp tất cả, không lường, không giới hạn, không thể kể hết. Thân, khẩu, ý trong sạch.”

Đức Thế Tôn sau khi thuyết pháp đầy đủ rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Bảy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Ngươi hãy đánh kiền chùy, gọi các Tỳ-kheo có mặt tại thành La-duyet tập trung tất cả tại giảng đường Phổ hội.”

A-nan vâng lời Phật dạy, họp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ hội, rồi đến trước Phật bạch rằng:

“Các Tỳ-kheo đã họp. Cúi xin Thế Tôn biết thời.”

Thế Tôn đi đến chỗ giảng đường, ngồi lên chỗ đã dọn sẵn. Bảy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người xuất gia học đạo vì sợ quốc vương, giặc cướp chẳng? Hay là, Tỳ-kheo, do bởi tín tâm kiên cố mà tu phạm hạnh vô thượng, muốn được xả ly sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não, và cũng muốn dứt lìa mười hai sự lôi kéo⁴⁴?”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thật như vậy, Thế Tôn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Vì mục đích mà các người xuất gia học đạo, cùng một Thầy, hòa một như nước với sữa, nhưng lại không chăm

⁴⁴ Hán: Thập nhị khiên liên 十二牽連.

Tăng nhất a-hàm

sóc lẫn nhau. Từ nay về sau hãy chăm sóc lẫn nhau. Nếu Tỳ-kheo bệnh nào không có đệ tử, trong chúng hãy cử người theo thứ tự chăm sóc người bệnh. Vì sao? Ngoài đây ra, Ta không thấy nơi nào mà sự bố thí có phước hơn chăm sóc người bệnh. Chăm sóc người bệnh cũng như chăm sóc Ta không khác vậy.”

Rồi Thế Tôn bèn nói kệ này:

*Nếu có cúng dường Ta,
Cùng chư Phật quá khứ;
Phước đức thí cho Ta,
Như nuôi bệnh không khác.*

Thế Tôn sau khi dạy những lời này xong, bảo A-nan:

“Từ nay về sau, các Tỳ-kheo hãy nên chăm sóc lẫn nhau. Nếu có Tỳ-kheo nào biết mà không làm sẽ căn cứ vào pháp luật mà xử trị. Đây là những lời giáo giới của Ta.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8⁴⁵

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có chín hạng người đáng kính, đáng quý, cúng dường họ thì được phước. Những gì là chín? Hướng [767c] A-la-hán, đấng A-la-hán; hướng A-na-hàm, đấng A-na-hàm; hướng Tư-đà-hàm, đấng Tư-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn,

⁴⁵ Pāli, A. IX. 10. Ahuneyya.

đắc Tu-đà-hoàn và người hướng chúng tánh⁴⁶ là thứ chín.

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là chín hạng người mà ai cũng dường đến sẽ được phước, trọn không mảy may giảm thiểu.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở Ca-lan-đà, trong vườn trúc, thành La-duyet, cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, vương tử Vũ-hô⁴⁷ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy vương tử Vũ-hô bạch Thế Tôn:

“Con từng nghe, Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc⁴⁸ cùng bà-la-

⁴⁶ Hán: (hướng) Chúng tánh nhân 向種性人. Pāli: *gotrabhū* giai đoạn chuyển chúng tánh, tương đương với phàm phu (*puthujjana*, A. ix. 9), từ phàm phu bước vào Thánh đạo; giai đoạn hiện quán Thánh đế, đủ năng lực để thành bậc hữu học, trong sát-na vô gián sẽ trở thành vị hướng Tu-đà-hoàn. (Sớ giải Pāli: *sotāpattimagga anantarapaccayena sikhāpattabalavavipassanācittena samannāgato*).

⁴⁷ Nguyên Hán âm: Mãn-hô 滿呼. Hán chép nhầm, cần sửa lại 雨呼 *vũ-hô* cho phù hợp âm gốc Phạn. Pāli tương đương: Uposatha(-kumāra), chuyện kể trong Jātaka iv. 133. Xem kinh 4, phẩm 50.

⁴⁸ Chu-lợi Bàn-đặc 朱利槃特. Xem kinh 12, phẩm 12. Pāli: Cūḷapanthaka.

Tăng nhất a-hàm

môn Lô-ca-diên⁴⁹ luận biện với nhau, nhưng Tỳ-kheo này không trả lời được. Con cũng từng nghe, trong chúng đệ tử Như Lai, người có các căn ám độn, không có tuệ sáng, không ai hơn Tỳ-kheo này.

“Trong hàng ưu-bà-tắc Như Lai ở tại gia, người Cù-đàm họ Thích trong thành Ca-tỳ-la-vệ có các căn ám độn, tình ý bê tắc.”

Phật bảo vương tử:

“Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc có sức thần túc, được pháp thượng nhơn, không học tập theo lối đàm luận của thế gian. Hơn nữa, Vương tử nên biết, Tỳ-kheo này có được diệu nghĩa.”

Wương tử Vũ-hô bạch Thế Tôn:

“Tuy Phật có nói như vậy, nhưng trong ý con vẫn có suy nghĩ này: ‘Sao có thần lực lớn mà không thể biện luận với ngoại đạo dị học?’ Nay con thỉnh Phật cùng Tăng Tỳ-kheo, chỉ trừ một người Chu-lợi-bàn-đặc.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh. Sau khi thấy Thế Tôn đã nhận lời thỉnh rồi, vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi lui đi. Liền đêm đó, ông sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ngon ngọt, trái tóa cụ tốt. Sau đó, đến trình đã đúng giờ.

Bấy giờ, Thế Tôn đưa bát cho Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc giữ ở lại sau, rồi dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau vào thành La-duyet, đến chỗ vương tử kia, mọi người theo thứ lớp mà ngồi. Bấy giờ, vương tử bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Như Lai trao bát cho con. Con sẽ tự tay dâng

⁴⁹ Lô-ca-diên 盧迦延. Trên kia, kinh 10 phẩm 17, dịch nghĩa là Thế Điển 世典. Pāli: Lokāyatika.

thức ăn cho Như Lai.”

Phật bảo Vương tử:

“Bát ở chỗ Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc, không mang đến đây.”

Vương tử bạch Phật:

“Cúi xin Thế [768a01] tôn sai một Tỳ-kheo đến lấy bát lại.”

Phật bảo Vương tử:

“Ông hãy tự mình đến đó lấy bát của Như Lai mang lại đây.”

Bảy giờ Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc hóa làm năm trăm cây hoa. Dưới mỗi cây đều có Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc ngồi. Vương tử sau khi nghe Phật dạy bèn đi lấy bát. Từ xa nhìn thấy dưới năm trăm cây đều có Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc đang ngồi thiền, buộc niệm ở trước không bị phân tán, ở dưới gốc cây. Thấy vậy, ông suy nghĩ: ‘Người nào là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc?’ Rồi vương tử Vũ-hô trở lại chỗ Thế Tôn, bạch Phật:

“Con đến trong vườn kia, thấy toàn là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc, không biết người nào là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc.”

Phật bảo Vương tử:

“Ông hãy quay trở lại khu vườn, đứng chính giữa mà búng ngón tay, nói như vậy: Vị nào thật sự là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, xin rời chỗ ngồi đứng dậy.”

Vương tử Vũ-hô vâng lời dạy, trở lại khu vườn, đứng ở giữa vườn mà nói như vậy: ‘Vị nào thật sự là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc, xin ngài liền từ chỗ ngồi đứng lên.’ Vương tử nói lời này xong, tức thì năm trăm Tỳ-kheo biến hóa kia tự nhiên biến mất, chỉ còn lại một Tỳ-kheo

Châu-lợi-bàn-đặc.”

Vương tử Vũ-hô cùng Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ vương tử Vũ-hô bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn, con nay xin sám hối, tự trách mình không tin những lời dạy của Như Lai. Tỳ-kheo này thật có thần túc, có oai lực lớn.”

Phật bảo Vương tử:

“Ta nhận lời Ông sám hối. Những gì Như Lai nói, không có hai lời. Lại nữa, thế gian này có chín hạng người qua lại. Thế nào là chín? Một, đoán biết ý nghĩ của người; hai, nghe rồi mới biết; ba, xem tướng sau đó mới biết; bốn, quán sát nghĩa lý sau đó mới biết; năm, biết vị nếm⁵⁰ sau đó mới biết; sáu, biết nghĩa biết vị nếm⁵¹ sau đó mới biết; bảy, không biết nghĩa không biết vị*; tám học ở sức thần túc tư duy;⁵² chín, nghĩa được nhận rất ít. Vương tử, đó là chín hạng người xuất hiện thế gian. Như vậy, Vương tử, người xem tướng kia, trong tám hạng người, là tốt bậc nhất, không ai hơn được.

“Nay Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc chỉ tập thần túc, chứ không học pháp khác. Tỳ-kheo này thường dùng thần túc thuyết pháp cho người.

“Ở đây Tỳ-kheo A-nan của Ta xem tướng [768b01] mà

⁵⁰ Nguyên Hán: Vị 味; nên hiểu là văn cú hay âm vận. Ở đây, sau khi nghe văn cú của người kia rồi mới nhận biết. Xem cht. 51 dưới.

⁵¹ Hán: Tri nghĩa, tri vị 知義知味, “theo nghĩa và văn mà biết.” Pāli: *atthato byañjanato*.

⁵² Tư duy thần túc 思惟神足 (Pāli: *vīmaṃsā-iddhipāda*); một trong bốn thần túc (Pāli: *cattāro iddhipādā*).

đoán biết ý nghĩ của người, biết Như Lai cần cái này, không cần cái này; cũng biết Như Lai sẽ nói việc này, bảo xa lìa việc này. Tất cả đều biết rõ ràng. Như nay, không có ai vượt lên trên Tỳ-kheo A-nan về việc xem rộng các nghĩa kinh không đâu không khắp.

“Lại nữa, Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc này có thể hóa một thân thành nhiều thân, rồi hiệp trở lại thành một. Tỳ-kheo này ngày sau sẽ diệt độ ở giữa hư không. Ta không thấy người nào khác diệt độ như Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc này.”

Bấy giờ, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, biến hóa thân hình cò thể lớn hay nhỏ, không có ai để sánh như Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc.”

Bấy giờ, vương tử Vũ-hô tự tay châm đồ ăn thức uống cúng dường chúng Tăng. Rửa bát xong, ông dọn chỗ ngồi nhỏ ngồi trước Như Lai, chấp tay bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc thường đến nhà con. Tùy theo chỗ cần dùng như y phục, các đồ linh tinh khác của Sa-môn, thầy đều nhận tại nhà con. Con sẽ cung cấp những thứ cần dùng suốt đời.”

Phật bảo Vương tử:

“Vương tử, Ông hướng về Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc sám hối, tự mình thừa thỉnh. Vì sao? Người không trí mà muốn phân biệt người có trí; trường hợp này khó gặp. Nói rằng người trí có thể phân biệt người trí, lý này có thể có.”

Bấy giờ vương tử Vũ-hô tức thì hướng về Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc lễ và tự xưng danh tánh, cầu sám hối:

Tăng nhất a-hàm

“Tỳ-kheo đại thần túc, con đã sinh ý khinh mạn! Từ nay về sau không dám tái phạm. Cúi xin ngài nhận sự sám hối. Con không dám tái phạm.”

Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc đáp:

“Tôi nhận Ông hối lỗi. Sau chớ tái phạm, cũng chớ hủy báng Hiền thánh nữa. Vương tử, nên biết, chúng sanh nào hủy báng Thánh nhơn tất sẽ bị đọa vào ba đường ác, sinh vào trong địa ngục. Vương tử hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ Phật nói pháp vi diệu cho vương tử Vũ-hô, khuyến khích khiến hoan hỷ, rồi ngay trên chỗ ngồi diễn nói chú nguyện này:

*Tể tự: Lửa trên hết;
Kinh sách: tụng trên hết;
Cõi người: vua là tôn;
Các sông: biển đứng đầu;
Các sao: trăng sáng nhất;
Ánh sáng: mặt trời nhất;
[768c] Trên dưới cùng bốn phương,
Những vật có hình dáng,
Trời cùng người thế gian:
Phật là đáng tối tôn.
Ai muốn cầu phước kia
Cùng đường Phật chánh giác.⁵³*

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này xong, rời chỗ ngồi đứng dậy. Bấy giờ, vương tử Vũ-hô nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁵³ Nguyên Hán: Tam-phật 三佛, phiên âm từ *sambuddha*. Xem kinh 4 phẩm 18.

KINH SỐ 10

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn:

“Nói thiện tri thức, đó là một nửa của người phạm hạnh,⁵⁴ hướng dẫn đường lành, cho đến vô vi.”

Phật bảo A-nan:

“Chớ nói vậy, rằng thiện tri thức, đó là một nửa của người phạm hạnh. Vì sao? Thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh, cùng giúp đỡ, trông coi, hướng dẫn nhau theo con đường lành. Ta cũng do thiện tri thức mà thành Vô thượng Chánh chơn Đẳng chánh giác. Do thành đạo quả, độ thoát chúng sanh không thể kể hết, thấy đều thoát sinh, lão, bệnh, tử. Do phương tiện này mà biết, thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh.

“Lại nữa, A-nan, nếu người thiện nam kẻ tín nữ thân cận thiện tri thức thì tín căn sẽ được tăng thêm, các phẩm đức văn, thí, huệ thấy đều đầy đủ.

“Ví như trăng đang lúc tròn đầy, ánh sáng càng tăng dần gấp bội hơn trước. Đây cũng như vậy, nếu có người thiện nam, kẻ tín nữ nào gần gũi thiện tri thức thì tín, văn, thí, huệ thấy đều tăng thêm. Do phương tiện này mà biết thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh.

“Nếu ngày xưa Ta không thân cận thiện tri thức, chắc

⁵⁴ Bán phạm hạnh chi nhân 半梵行之人. Cf. No 99(1238). Pāli: *upadāḍhamidaṃ, bhante, brahmacariyassa–yadidaṃ kalyāṇamittatā* (...), “Bạch Thế Tôn, một nửa đời sống phạm hạnh này là thiện hữu.”

Tăng nhất a-hàm

chấn không gặp Phật Đăng Quang để được thọ ký. Vì thân cận thiện tri thức nên Ta được gặp Phật Đề-hòa-kiệt-la⁵⁵ thọ ký. Do phương tiện này mà biết thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh.

“A-nan, hiện tại nếu thế gian không có thiện tri thức sẽ không có trật tự của tôn ti; cha mẹ, sư trưởng, anh em, tông thân, tất sẽ cùng loài với heo, chó không khác, tạo các duyên ác, gieo tội duyên địa ngục. Nhờ thiện tri thức mà phân biệt có cha mẹ, sư trưởng, anh em, tông thân.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thiện hữu, phi ác hữu,
Thân pháp, không vì ăn⁵⁶,
[769a01]Dẫn dắt lên đường lành.
Phật nói, thân đó nhất.*

“Cho nên, A-nan, chớ nói rằng thiện tri thức là một nửa phạm hạnh.”

Bấy giờ, A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11⁵⁷

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyet, cùng với đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

⁵⁵ Đề-hòa-kiệt-la 提和竭羅, phiên âm của từ Dīpaṃkāra, tức dịch nghĩa Đăng Quang 燈光 ở trên. Cũng dịch là Nhiên Đăng, Đỉnh Quang.

⁵⁶ Hân: phi vị thực 非為食. Thức ăn, đây chỉ các hương thụ vật chất.

⁵⁷ Pāli: A.ix. 24 Sattāvasa.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân biến mất khỏi trời Tam thập tam, hiện đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

“Trời cùng con người có niệm tưởng gì? Ý cầu mong những gì?”

Phật bảo:

“Thế gian trôi nổi, tánh chất không đồng, định hướng khác biệt, niệm tưởng chẳng phải một.

“Thiên Đế nên biết, vô số a-tăng-kỳ kiếp xưa kia, Ta cũng sinh ý nghĩ này: Loài trời và chúng sanh, ý thú hướng về đâu? Ước nguyện điều gì? Từ kiếp đó đến nay, Ta không thấy tâm của một ai giống nhau.

“Thích Đề-hoàn Nhân nên biết, chúng sanh thế gian khởi tưởng điên đảo: Vô thường chấp tưởng thường, không phải lạc cho là tưởng lạc, không ngã chấp có tưởng ngã, không phải tịnh chấp có tưởng tịnh, đường chánh khởi tưởng đường tà, ác khởi tưởng phước, phước khởi tưởng ác. Do phương tiện này nên biết, căn tánh của các loài chúng sanh thật khó lường, tánh hạnh chúng khác biệt nhau.

“Nếu tất cả chúng sanh đều cùng một tưởng, không có nhiều tưởng, thì không thể nhận biết có chín chỗ cư trú của chúng sanh⁵⁸, cũng khó phân biệt được chín nơi cư trú của chúng sanh này; chỗ thần thức y tựa cũng lại khó rõ, cũng không biết có tám địa ngục lớn, cũng khó biết nơi hướng đến của súc sanh, không phân biệt có sự khổ của địa ngục, không biết có sự hào quý của bốn dòng họ, không biết con đường dẫn đến chỗ a-tu-la, cũng lại không

⁵⁸ Cửu chúng sanh cư 九眾生居處. Xem kinh 1, phẩm 44, và cht.

2. Pāli: *nava sattāvāsā*.

Tăng nhất a-hàm

biết có trời Tam thập tam.

“Giả sử tất cả đều cùng một tâm, sẽ như trời Quang âm. Vì chúng sanh có nhiều loại thân khác nhau, nhiều tướng niệm cũng khác nhau, cho nên biết có chín nơi cư trú của chúng sanh, chín nơi thân thức y tựa; biết có tám địa ngục lớn, ba đường ác, cho đến trời Tam thập tam. Do phương tiện này mà biết tánh của các loài chúng sanh không đồng, những điều chúng làm đều khác.”

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Thế Tôn:

“Kỳ diệu thay, những điều Như Lai đã nói! Tánh và hành của chúng sanh không đồng, tướng niệm mỗi khác. Vì hành vi của chúng sanh kia [769b] không đồng, nên đưa đến xanh, vàng, trắng, đen,⁵⁹ cao thấp không đều.

“Bạch Thế Tôn, chư thiên bận rộn nhiều việc, con muốn quay trở về trời.”

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

“Nên biết đúng thời.”

Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi lui đi.

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Chín cư, thân, không tước
Trói buộc, căn bản pháp,
Bệnh, cúng dường, Bàn-đặc*

⁵⁹ Màu sắc, đây chỉ các sắc dân.

Phẩm chín chúng sanh cư

*Phạm hạnh, tướng đa dạng.*⁶⁰

⁶⁰ Bản Hán, hết quyển 40.

45. PHẨM MÃ VƯƠNG

KINH SỐ 1¹

[769b15] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, trong Trúc viên, thành La-duyet, cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Lúc bấy giờ trong thành ấy có một người bà-la-môn tên là Ma-hê-đề-lợi², rất thông suốt các kinh thư, kỹ thuật của ngoại đạo. Thiên văn, địa lý, không thứ gì là không thành thạo. Những gì là pháp tắc ứng đối trong đời, ông thầy đều thông suốt. Bà-la-môn này có một người con gái tên là Ý Ái³, cực kỳ thông minh, nhan sắc xinh đẹp hiếm có trên đời.

Bấy giờ, người bà-la-môn này suy nghĩ như vậy: “Trong kinh điển bà-la-môn có nói rằng, có hai con người xuất hiện ở đời, rất là khó gặp. Hai con người ấy là ai? Đó là, Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, và Chuyển luân Thánh vương. Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, bấy giờ bảy bảo vật tự nhiên hưởng ứng. Ta nay có nữ bảo này, nhan sắc xinh đẹp lạ lùng; là bậc nhất trong các ngọc nữ. Nhưng nay không có Chuyển luân Thánh

¹ Tham chiếu, *Trung* 34 kinh 136 “Thương nhân cầu tài”.

² 摩醯提利 Ma-hê-đề-lợi. *Phiên Phạn ngữ* 6 (T54 tr. 1020b15):

“Ma-hê-đề-lợi 摩醯提利, nên nói là Ma-hiễn-đà-la 摩顯陀羅, dịch là Đại Thiên chủ 大天主”. Theo định nghĩa này, Sanskrit: Mahendriya. Từ này gần âm Pāli: Māgandīya, tên người bà-la-môn có con gái tên là Māgandīyā, được kể trong Truyện pháp cú. Cf. Dh. 179 (DhA. iii. 193 tt).

³ 意愛 Ý Ái, xem cht. 2 trên.

vương. Ta nghe nói con trai của Chân Tịnh Vương tên là Tất-đạt có ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân và tám mươi vẻ đẹp, đã xuất gia học đạo. Nếu người ấy sống tại gia chắc chắn sẽ là Chuyển luân Thánh vương. Nếu xuất gia học đạo, chắc chắn thành Phật. Nay ta hãy đem con gái này đến cho Sa-môn ấy.”

Rồi người Bà-la-môn dẫn cô gái đến chỗ Thế Tôn. [769c01] Trước mặt Thế Tôn, ông thưa rằng:

“Mong Sa-môn hãy nhận ngọc nữ này.”

Bấy giờ Phật bảo người bà-la-môn:

“Thôi, thôi, Bà-la-môn! Ta không cần đến con người dính trước dục vọng này.”

Người bà-la-môn ba lần thưa với Phật:

“Hãy nhận Ngọc nữ này. So sánh cả thế gian, không ai bằng đứa con gái này.”

Phật bảo bà-la-môn:

“Ta đã thọ nhận ý của ông. Nhưng Ta đã xả bỏ gia đình, không còn quen thói dục vọng nữa.”

Khi ấy có một vị Tỳ-kheo trưởng lão đứng sau Như Lai, đang cầm quạt, quạt Phật. Trước lão này liền bạch Như Lai:

“Thế Tôn! Cúi mong Như Lai thọ nhận cô gái này. Nếu Như Lai không cần đến, hãy cho con để sai khiến.”

Thế Tôn bèn bảo trưởng lão này:

“Người thật là ngu hoặc, mới dám trước mặt Như Lai phun ra lời nói xấu xa ấy. Sao người lại để cho tâm ý bị buộc chặt vào cô gái này? Phạm là nữ nhân, đều có chín pháp xấu. Chín pháp đó là gì? Một, người nữ vốn xú uế,

Tăng nhất a-hàm

bất tịnh. Hai, người nữ hay ác khẩu. Ba, người nữ không biết trả ơn. Bốn, người nữ hay ganh tị. Năm, người nữ hay keo kiệt. Sáu, người nữ hay ưa đi chơi. Bảy, người nữ có nhiều sân hận. Tám, người nữ nói dối nhiều. Chín, người nữ hay nói lời thiếu suy nghĩ.

“Này các Tỳ-kheo người nữ có chín pháp là các hành xấu xa như vậy.”

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ này:

*Thường vui cười, khóc lóc;
Về thân mà không thân.
Hãy tìm phương tiện khác.
Các người chớ loạn niệm.*

Tỳ-kheo Trưởng lão bạch Phật:

“Mặc dù người nữ có chín pháp xấu xa ấy; nhưng ở đây con quán sát cô gái này, không thấy có tỳ vết gì.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ngươi, kẻ ngu si này, không tin điều được nói bởi chính thần khẩu của Như Lai sao? Nay Ta sẽ nói cho ngươi biết:

“Trong quá khứ lâu xa,⁴ trong thành Ba-la-nại có một người lái buôn tên là Phổ Phú. Ông dẫn năm trăm khách buôn đi vào biển tìm châu báu. Thế nhưng bên cạnh biển lớn kia có nơi vốn là trú xứ của La-sát hay ăn thịt người.

“Khi ấy trong biển nổi gió, thổi thuyền của họ đến bộ La-sát kia. Các La-sát thấy bọn khách buôn đến thì vui mừng khôn kể. Chúng ẩn hình La-sát, biến thành người nữ, xinh đẹp không thể sánh, rồi nói với các khách buôn:

⁴ Từ đây trở xuống, chuyện kể tương đương Pāli, J. 196 Valāhassa.

‘Chào mừng các bạn đến đây. Bến bảo vật này không khác gì Thiên cung kia, có nhiều trân bảo đến hằng nghìn trăm loại; có đủ các thứ đồ ăn thức uống; lại có các cô gái xinh đẹp, [770a01] thấy đều không chồng. Các bạn hãy ở đây vui thú với chúng tôi.’

“Tỳ-kheo, nên biết, trong bọn khách buôn kia những kẻ ngu hoặc khi thấy các cô gái liền móng tâm say đắm. Thương chủ Phổ Phú liền suy nghĩ như vậy, ‘Trong biển lớn này là chỗ ở của loài phi nhân, làm sao có các cô gái này ở đó? Đây nhất định là La-sát, không nghi ngờ gì nữa.’ Rồi vị thương chủ bảo cô gái ấy, ‘Thôi đủ rồi, các cô em! Chúng tôi không tham nữ sắc.’

“Thời bấy giờ vào các ngày thứ tám, thứ mười bốn và mười lăm mỗi nửa tháng, Mã vương⁵ bay vòng trong hư không nói lời răn dạy này: ‘Ai muốn vượt qua hiểm nạn của biển lớn, ta sẽ chở qua.’ Trong khi ấy vị thương chủ kia leo lên cây cao trông thấy Mã vương ở đằng xa, nghe tiếng dội của âm thanh, hoan hỷ phần khởi khôn xiết. Ông đi đến chỗ Mã vương, nói rằng, ‘Chúng tôi gồm có năm trăm khách buôn bị gió thổi đến chỗ cực kỳ hiểm nạn này. Chúng tôi muốn vượt qua biển. Xin ngài giúp vượt qua.’ Mã vương bảo các khách buôn, ‘Các ông hãy lại hết đây. Tôi sẽ mang các ông đến bờ biển.’ Thương chủ Phổ Phú bèn bảo các khách buôn, ‘Mã vương đang ở gần đây, chúng ta tất cả hãy đến chỗ đó để cùng vượt qua hiểm nạn của biển.’ Bọn khách buôn nói, ‘Thôi, thôi, ông chủ. Chúng ta tốt hơn nên ở lại đây mà cùng hưởng vui thú. Sợ dĩ ở tại Diêm-phù-đề phải cần lao khổ nhọc nên chúng ta đi tìm chỗ sung sướng. Chốn này có đủ bảo vật trân kỳ, cùng ngọc nữ xinh đẹp. Nên ở lại đây mà hưởng

⁵馬王 Mã vương = Vân mã vương; Pāli: Valāhassa.

Tặng nhất a-hàm

thụ năm thứ dục lạc. Những ngày tiếp theo, chúng ta thâm thập tài bảo hàng hóa rồi sẽ cùng nhau vượt qua hiểm nạn này.’ Vị đại thương chủ nói với mọi người, ‘Thôi đủ rồi, các người ngu si. Ở đây không có nữ nhân đâu. Trong biển cả làm gì có chỗ ở của loài người.’ Bọn khách buôn nói, ‘Hãy thôi đi, ông chủ. Chúng tôi không thể bỏ chỗ này mà đi được.’

“Bấy giờ Thương chủ Phổ Phú bèn nói bài kệ rằng:

*Chúng ta gặp chốn hiểm
Chớ tưởng nam hay nữ
Đó là bọn La-sát
Sẽ ăn dần chúng ta.*

“Nếu các bạn không đi theo tôi, các bạn hãy bảo bọc lấy nhau. Nếu tôi có điều gì xúc phạm do bởi thân, miệng, ý, mong các bạn bỏ qua cho, chớ để trong lòng.’ Các khách buôn khi ấy cũng nói bài kệ để chia tay:

*Chúng tôi gởi lời thăm
Bà con tại Diêm-phù.
[770b01] Nay vui thú chốn này
Chưa rõ ngày về quê.*

“Vị thương chủ đáp lại bằng bài kệ:

*Các bạn đang lâm nạn;
Mê hoặc, không chịu về.
Như vậy, không bao lâu,
Bị quỷ ăn thịt hết.*

“Nói kệ xong, ông bỏ đi. Đến chỗ Mã vương, ông đánh lễ sát chân, rồi cười đi. Bọn người kia, sau khi từ xa thấy thương chủ đã cười Mã vương đi rồi, trong số đó hoặc có người kêu réo, hoặc có người lớn tiếng hờn trách. Trong

khi ấy, chúa tể đại La-sát nói với các La-sát bằng bài kệ này:

*Đã rơi miệng sư tử,
Thoát ra thật quá khó.
Huống gì vào bãi ta,
Muốn ra, thật quá khó.*

“Bấy giờ, Chúa tể La-sát hóa làm một người con gái cực kỳ xinh đẹp, lấy hai tay chỉ vào bụng mà nói, ‘Nếu ta chẳng ăn thịt người thì ta rốt lại không làm La-sát.’

“Trong lúc đó, Mã vương chở thương chủ vượt qua bờ biển bên kia; năm trăm khách buôn còn lại thấy đều bị khốn hết.

“Lúc bấy giờ Vua Phạm-ma-đạt đang cai trị nhân dân trong thành Ba-la-nại. Khi ấy có La-sát đuổi theo sau vị đại thương chủ, nói rằng, ‘Chao ôi, ta mất chồng rồi.’

“Khi thương chủ về đến nhà, La-sát hóa hình ả một bé trai, đi đến trước vua Phạm-ma-đạt tâu rằng, ‘Thế gian có điều hết sức tai quái, xin hãy trừ diệt cho sạch.’ Vua hỏi, ‘Thế gian có điều tai quái gì mà phải diệt cho sạch?’ La-sát tâu, ‘Tôi bị chồng bỏ, mà chẳng có lỗi gì với chồng cả.’ Phạm-ma-đạt thấy cô gái này cực kỳ xinh đẹp lạ thường, liền nổi tâm niệm say đắm. Ông bảo người nữ, ‘Chồng của Cô là người không có nghĩa nên mới bỏ Cô mà đi.’ Rồi Phạm-ma-đạt khiến người đi gọi người chồng đến, hỏi rằng, ‘Có thật ngươi bỏ người vợ xinh đẹp này không?’ Thương chủ đáp, ‘Đó là La-sát chứ không phải người nữ.’ Nữ La-sát lại tâu vua, ‘Người này không có đạo nghĩa làm chồng. Nay đã bỏ tôi, lại mắng chửi tôi là La-sát.’ Vua hỏi, ‘Nếu ngươi thật sự không cần dùng, ta sẽ thu nhận.’ Thương chủ tâu, ‘Nó là La-sát. Tùy Thánh ý của Vua.’

Tăng nhất a-hàm

“Bấy giờ Phạm-ma-đạt liền mang cô gái này để trong thâm cung, thỉnh thoảng tiếp nạp, không để cho giận hờn. Sau đó, [770c01] phi nhân La-sát bắt vua mà ăn thịt, chỉ chừa lại xương, rồi bỏ đi.

“Tỳ-kheo, chớ nghĩ là ai khác lạ. Thương chủ lúc đó là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất bấy giờ. La-sát lúc đó nay là Tỳ-kheo Trưởng lão vậy. Mã Vương lúc đó chính là Ta. Năm trăm khách buôn lúc bấy giờ nay là năm trăm Tỳ-kheo. Bằng phương tiện này mà biết rằng, dục là vọng tưởng bất tịnh. Vậy mà ông còn khởi lên ý tưởng say đắm sao?”

Bấy giờ Tỳ-kheo ấy liền lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

“Thế Tôn, cúi xin nhận sự sám hối và tha thứ lỗi lầm nghiêm trọng này của con. Từ nay trở đi, con không còn dám tái phạm.”

Tỳ-kheo này, sau khi nhận lời răn dạy của Như Lai bèn một mình ở tại chỗ nhàn tĩnh khắc kỷ tu tập. Sở dĩ thiện nam tử siêng năng tu hành là muốn đạt được phạm hạnh vô thượng. Bấy giờ Tỳ-kheo ấy thành A-la-hán.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁶

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại Thích-sí,⁷ trong vườn trái cây Âm-

⁶ Tham chiếu Pali, M. 67 Cātumā (R.i. 456). Hán, No 137.

bà-lê quả,⁸ cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên, sau khi tọa hạ ở đó, dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi du hóa trong nhân gian; lần hồi đi đến trong một ngôi làng của Thích-sí.*

Khi ấy các Tỳ-kheo mới đến, và các Tỳ-kheo đã trú ở đó cùng bàn luận, cùng thăm hỏi nhau, cao giọng lớn tiếng. Thế Tôn nghe các Tỳ-kheo cao giọng lớn tiếng, bèn hỏi A-nan:

“Trong khu vườn này, tiếng của ai mà vang lớn thế? Giống như tiếng cây, đá gãy, vỡ.”

A-nan bạch Phật:

“Nay Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến đây. Các Tỳ-kheo mới đến và các Tỳ-kheo cũ ở đây chào hỏi nhau nên có tiếng ồn ấy.”

Phật bảo A-nan:

“Ông hãy đuổi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đi chỗ khác ngay. Chớ có trú ở đó.”

A-nan vâng lời Phật dạy, đi đến chỗ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, bảo họ rằng:

“Thế Tôn có dạy, các Thầy hãy mau rời khỏi đây; chớ có trú nơi này.”

Xá-lợi-phất đáp:

⁷ Thích-sí 釋翅, phiên âm, tương đương Pali: Sakkesu, “giữa những người họ Thích.” Nhưng, M 67, ibid.: Trú tại Cātumā, trong khu rừng Xoài.

⁸ Ám-bà-lê quả viên 闇婆梨果園, khu vườn xoài. Pali, Cātumā, một ngôi làng của người họ Thích.

“Thưa vâng! Kính vâng lời dạy.”

Rồi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên tức thì rời khỏi khu vườn ấy, dẫn năm trăm Tỳ-kheo bước lên đường mà đi.

Lúc bấy giờ những người họ Thích nghe Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên bị Phật đuổi, liền đi đến chỗ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên [771a01], đánh lễ sát chân, và bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Các Hiền giả, nay muốn đi đâu?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Chúng tôi bị Như Lai đuổi, đang đi tìm chỗ an nghỉ.”

Những người họ Thích bạch Xá-lợi-phất:

“Thưa các Hiền giả, các ngài hãy chờ đây một lát. Chúng tôi sẽ đến sám hối với Như Lai.”

Rồi những người họ Thích đi đến chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn tha thứ lỗi lầm cho các Tỳ-kheo ở xa đến. Cúi xin Thế Tôn tùy thời thích hợp răn dạy những vị mới học đạo trong các Tỳ-kheo từ xa đến ấy. Những người mới vào trong Chánh pháp chưa được nhìn thấy Tôn nhan dễ sinh tâm biến đổi thoái thất. Giống như chồi non mà không được tưới nhuần thì không thể phát triển. Các Tỳ-kheo này cũng vậy. Họ chưa được nhìn thấy Như Lai mà phải bỏ đi, e rằng tâm sẽ bị biến đổi thoái thất.”

Khi ấy Phạm Thiên vương biết được những điều suy nghĩ trong tâm của Như Lai, trong khoảnh khắc như lực sỹ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, hiện đến chỗ Như Lai, cúi lạy dưới chân rồi đứng sang một bên. Bấy giờ Phạm thiên vương bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn tha thứ những lỗi lầm mà các Tỳ-kheo

xa đến đã gây ra, tùy thời thích hợp mà răn dạy. Trong số đó hoặc có vị chưa đạt đến cứu cánh, sẽ sanh tâm biến đổi thoái thất. Những ai chưa được nhìn thấy dung mạo của Như Lai, tâm ý bị biến đổi, họ sẽ quay trở về nghiệp cũ. Cũng như con nghé mới sinh mà mất mẹ, nó buồn rầu, bỏ ăn. Ở đây cũng vậy, nếu Tỳ-kheo tân học mà không được nhìn thấy Như Lai, chắc sẽ rời bỏ Chánh pháp này.”

Bây giờ Thế Tôn nhận lời can gián của những người họ Thích, và thí dụ nghé con của Phạm Thiên vương. Rồi Thế Tôn quay liếc nhìn A-nan, A-nan nghĩ rằng, “Như Lai đã chấp nhận lời can gián của mọi người, và của Phạm thiên vương.” A-nan bèn vội đi đến chỗ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên mà nói như vậy:

“Như Lai muốn gặp chúng Tăng. Trời và người thầy đều bày tỏ nghĩa lý này.”

Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Các thầy hãy thu thập y, bát. Chúng ta cùng đi đến chỗ Thế Tôn. Bởi vì Như Lai đã chấp nhận cho chúng ta sám hối.”

Rồi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

“Ta vừa rồi đuổi Tăng Tỳ-kheo đi. Ý ông nghĩ sao?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Vừa rồi Như Lai đuổi chúng Tăng đi, con [771b01] suy nghĩ như vậy, ‘Như Lai ưa sống nơi chỗ nhàn tĩnh, một mình, vô vi, không ưa chỗ ồn ào. Do đó mà đuổi chúng

Tăng nhất a-hàm

Tăng đi vậy.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Sau đó ông suy nghĩ gì? Khi ấy Thánh chúng sẽ do ai dắt dẫn?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Thế Tôn, khi ấy con lại suy nghĩ, ‘Ta cũng nên sống một mình nơi chỗ nhàn tĩnh, không ở giữa chốn ồn ào.’”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Chớ nói như vậy. Chớ có ý nghĩ như vậy, rằng ‘Ta cũng nên sống một mình nơi chỗ nhàn tĩnh.’ Như nay, người dắt dẫn chúng Tăng há không phải là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên chăng?”

Thế Tôn lại hỏi Đại Mục-kiền-liên:

“Khi Ta đuổi chúng Tăng đi, ông suy nghĩ gì?”

Mục-kiền-liên bạch Phật:

“Khi Như Lai đuổi chúng Tăng, con suy nghĩ như vậy, ‘Như Lai muốn được sống một mình, vô vi, nên đuổi chúng Tăng đi vậy.’”

Phật bảo Mục-kiền-liên:

“Sau đó ông lại có ý nghĩ gì?”

Mục-kiền-liên bạch Phật:

“Nay Như Lai đuổi chúng Tăng đi, chúng con cần phải nhóm họp trở lại, không để cho tan rã.”

Phật bảo Mục-kiền-liên:

“Lành thay, Mục-kiền-liên! Lành thay, Mục-kiền-liên! Như điều ông nói. Đứng đầu trong chúng, duy chỉ Ta và hai

ông thôi. Từ nay về sau Mục-kiền-liên hãy dạy bảo các Tỳ-kheo hậu học, để cho trong lâu dài, sống nơi chốn an ổn, không để cho nửa chừng bị rơi rụng, đọa lạc sinh tử.

“Tỳ-kheo nào thành tựu chín pháp sẽ không thể phát triển lớn lên ngay trong hiện pháp. Những gì là chín? Thân cận tùng sự với ác tri thức; không sự việc mà hằng ưa đi rong; thường xuyên ốm bệnh lâu dài; ham thích cất chứa tài vật, tham đắm y bát; phần nhiều trống rỗng, hư dối; ý loạn không định; không có sự sáng suốt của huệ; không hiểu rõ nghĩa lý; không tùy thời thích hợp sám hối. Nay Mục-kiền-liên, đó là chín pháp mà Tỳ-kheo nào thành tựu thì trong hiện pháp không thể tăng trưởng lớn mạnh, không được thấm nhuần.

“Có chín pháp mà Tỳ-kheo nào thành tựu thì có thể hoàn tất những điều cần làm. Những gì là chín? Tùng sự với thiện tri thức; tu hành Chánh pháp, không dính mắc nghiệp tà; hằng sống nơi chốn đơn độc, không ưa thích chỗ đông người; ít bệnh, không hoạn; không cất chứa các thứ tài bảo, cũng không tham đắm y bát; cần hành tinh tấn; tâm không loạn động; nghe nghĩa lý liền hiểu rõ không cần phải nhắc lại; tùy thời thích hợp nghe pháp mà không biết chán. Nay Mục-kiền-liên, đó là chín pháp mà Tỳ-kheo nào thành tựu thì ngay trong hiện tại [771c01] được nhiều lợi ích. Cho nên, Mục-kiền-liên, hãy nhớ chuyên cần đi đến dạy dỗ các Tỳ-kheo, khiến họ trong lâu dài đạt đến chỗ vô vi.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Thường niệm tự giác ngộ;
Chớ đắm nhiễm phi pháp;
Tu tập phải chánh hành;
Vượt được nạn sinh tử.*

Tăng nhất a-hàm

*Làm vậy, mà được vậy,
Làm điều này, phước này.
Chúng sinh trôi nổi lâu,
Đoạn trừ già, bệnh, chết;
Không tập điều cần làm;
Rồi lại hành phi pháp.
Người buông lung như vậy,
Tác thành hành hữu lậu.
Nếu có tâm tinh cần,
Hằng ở tại đầu tâm;
Lần lượt dạy bảo nhau,
Sẽ thành bậc vô lậu.*

“Cho nên, này Mục-kiền-liên, hãy cùng răn dạy các Tỳ-kheo như vậy; hãy nhớ nghĩ học như vậy.”

Rồi Thế Tôn nói pháp cực kỳ vi diệu cho các Tỳ-kheo, khiến họ phát tâm hoan hỷ.

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe pháp này, trong chúng đó có hơn sáu mươi Tỳ-kheo được lậu tận, tâm giải thoát.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào sống nương tựa thôn xóm mà pháp thiện tiêu diệt, pháp ác cứ tăng trưởng; thì Tỳ-kheo ấy

nên học như vậy: ‘Ta nay sống nơi thôn xóm mà pháp ác cứ tăng, pháp thiện giảm dần, niệm không chuyên nhất, không thể dứt sạch các lậu, không đạt đến nơi chốn vô vi an ổn. Những gì mà ta có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngựa cưỡi, thuốc men trị bệnh, thấy đều khó nhọc mới thu hoạch được.’ Rồi Tỳ-kheo ấy nên học như vậy: ‘Ta nay sống trong thôn xóm này, mà pháp ác cứ tăng, pháp thiện thì tiêu diệt. Ta cũng không phải vì áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngựa cưỡi, thuốc men trị bệnh mà làm Sa-môn. Điều mà ta mong cầu ước nguyện nay vẫn chưa có kết quả.’ Tỳ-kheo ấy nên rời bỏ thôn xóm ấy mà đi.

“Lại nữa, hoặc có Tỳ-kheo nào sống nương nơi thôn xóm, mà pháp thiện tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt. Những gì có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngựa cưỡi, thuốc men trị bệnh, thấy đều khó nhọc mới có, Tỳ-kheo ấy nên học như vậy: ‘Ta nay nương nơi thôn xóm này mà sống, thiện pháp tăng trưởng, pháp ác [772a01] tiêu diệt. Những gì có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngựa cưỡi, thuốc men trị bệnh, thấy đều khó nhọc mới có. Nhưng ta không vì áo chăn mà xuất gia học đạo, tu tập phạm hạnh. Điều mà ta mong cầu ước nguyện bởi học đạo ắt sẽ thành tựu. Ta hãy trọn đời thừa sự, cúng dường pháp ấy.’”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Áo chăn và ẩm thực,
Giường chõng, và chỗ nghỉ,
Chớ móng tâm tham đắm,
Chớ trở lại đời này.*

*Không phải vì cơm áo
Mà xuất gia học đạo.
Người sợ dĩ học đạo,*

Tất đạt thành sở nguyện.

Tỳ-kheo nên thích thời

Suốt đời sống thôn kia;

Ở đó bát-niết-bàn

Dứt sạch gốc rễ mạng.

“Ở đây, Tỳ-kheo kia hoặc sống giữa nhân gian, thôn xóm nhàn tĩnh, mà pháp thiện tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt, Tỳ-kheo ấy nên suốt đời sống tại thôn xóm đó, không nên rời bỏ đi xa.”

Khi ấy A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Nhu Lai há không thường nói, bốn đại y thức ăn mà tồn tại, và y nơi pháp được niệm tưởng trong tâm, các pháp thiện y tâm mà sinh. Và, Tỳ-kheo kia y thôn xóm mà sống, với tinh cần khổ nhọc mới tìm cầu được y phục, thức ăn; vị ấy vì sao pháp thiện phát sinh thì sống ở nơi thôn xóm đó, chớ nên bỏ đi xa?”

Phật bảo A-nan:

“Áo chăn, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men, đều có ba loại. Nếu Tỳ-kheo chuyên niệm sự cúng dường bốn nhu yếu,⁹ mà sở cầu không toại; thì sự y tựa ấy là khổ. Nếu phát khởi tâm tri túc, không móng tâm tham đắm, chư thiên và loài người thấy đều hoan hỷ. Các Tỳ-kheo hãy học điều này. Ta vì lý do đó mà nói ý nghĩa này. Cho nên, này A-nan, Tỳ-kheo hãy chuyên niệm thiểu dục, tri túc.”

Như vậy, A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁹ Tứ sự 四事, cũng gọi là tứ duyên, hoặc tứ y: Y, thực, ngọa cụ, y được.

KINH SỐ 4

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Bà-la.¹⁰

Bảy giờ, đến giờ, đức Thế Tôn khoác y, cầm bát, vào thôn Bà-la khát thực. Khi ấy ác ma Ba-tuần suy nghĩ như vậy: ‘Nay Sa-môn này muốn vào thôn khát thực. Ta hãy tìm cách khiến đàn ông, đàn bà không bố thí cho.’ Rồi ác ma Ba-tuần bảo nhân dân khắp trong nước chớ bố thí đồ ăn cho Sa-môn Cù-đàm.

Khi Thế Tôn vào thôn khát thực, mọi người [772b] đều không nói năng gì với Như Lai, cũng không thừa sự cúng dường. Như Lai khát thực xong mà không nhận được gì, bèn trở ra khỏi thôn. Lúc bảy giờ ác ma Ba-tuần đến chỗ Như Lai, hỏi Phật:

“Sa-môn, khát thực xong, có được gì không?”

Thế Tôn đáp:

“Do hành vi của ma mà Ta không nhận được thức ăn. Rồi không bao lâu người cũng sẽ nhận lãnh quả báo này. Nay Ma, nay hãy nghe Ta nói.

“Trong Hiền kiếp, có Phật hiệu là Câu-lâu-tôn Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu là Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời.¹¹ Lúc bảy giờ đức Phật ấy cũng nương nơi thôn xóm này mà trú ngụ, dẫn theo đồ chúng bốn mươi vạn người. Bảy giờ ác ma Ba-tuần suy nghĩ như vậy: ‘Ta nay hãy khuyên cáo

¹⁰ Bà-la viên 婆羅園. Xem kinh 1, phẩm 23 Địa chủ.

¹¹ Cf. Pali, M. 50 Māratajjanīyasuttaṃ (R.i. 333). Hán, *Trung* 30, kinh 131 Hàng ma (tr. 620c07).

mọi người trong thôn Bà-la đừng cho Sa-môn này đồ ăn. Khi các Thánh chúng khoác y, cầm bát vào thôn khát thực, nhưng các Tỳ-kheo cuối cũng không nhận được gì, bèn trở ra khỏi thôn.

“Lúc bấy giờ, đức Phật kia nói với các Tỳ-kheo pháp vi diệu này, ‘Phàm có chín điều để quán sát thức ăn. Bốn loại thức ăn của nhân gian, và năm loại thức ăn xuất thế gian. Bốn loại thức ăn của nhân gian là gì? Một là đoàn thực; hai là xúc thực; ba là niệm thực; bốn là thức thực. Đó là bốn loại thức ăn của thế gian. Năm loại thức ăn xuất thế gian là gì? Một thức ăn bởi thiên; hai, thức ăn bởi nguyện; ba, thức ăn bởi niệm; bốn, thức ăn bởi tám giải thoát; năm, thức ăn bởi hỷ. Đó là năm loại thức ăn biểu hiện cho thức ăn xuất thế gian. Các người hãy chuyên niệm xả bỏ bốn loại thức ăn, tìm cầu phương tiện có được năm loại thức ăn. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.’ Các Tỳ-kheo lúc bấy giờ thọ nhận lời dạy của đức Phật kia, tự mình khắc kỷ để hoàn thành có năm loại thức ăn. Vì vậy, ma Ba-tuần không thừa cơ hội được. Ba-tuần bèn nghĩ, ‘Ta nay đã không lung lạc được Sa-môn này. Ta hãy tìm cơ hội nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Ta hãy khuyến khích mọi người trong thôn khiến cho chúng Sa-môn nhận được các thứ lợi lộc trước đó chưa hề được; các lợi lộc đã được càng tăng thêm, cho đến mức khiến lòng tham lợi dưỡng của các Tỳ-kheo kia không thể xả bỏ trong chốc lát. Rồi ta sẽ thừa cơ hội từ nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, [772c01] được chăng?’

“Bấy giờ, các Thanh văn của đức Phật kia, đến giờ, khoác y, cầm bát vào thôn khát thực. Khi ấy nhân dân

trong thôn Bà-la¹² kia cung cấp Tỳ-kheo các thứ áo chần, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men, không để cho thiếu thốn. Mọi người đến trước, nắm y tăng-già-lê, ép phải nhận các vật bố thí.

“Đức Phật kia lúc bấy giờ nói pháp này cho chúng Thanh văn: ‘Phàm lợi dưỡng khiến người rơi xuống nẻo xấu, không khiến cho đạt đến chỗ an ổn vô vi. Tỳ-kheo các người chớ móng khởi ý tưởng tham đắm. Hãy chuyên niệm xả ly các thứ lợi dưỡng. Nếu Tỳ-kheo tham đắm lợi dưỡng sẽ không thể thành tựu năm phần pháp thân, không đầy đủ giới đức. Cho nên, này Tỳ-kheo, tâm lợi dưỡng chưa sinh thì khiến cho đừng sinh. Tâm lợi dưỡng đã sinh thì hãy nhanh chóng trừ diệt. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.’”

Lúc bấy giờ ma Ba-tuần bèn ẩn hình mà đi mất.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy hành tâm từ; trái rộng tâm từ. Do hành tâm từ, những gì là tâm sân hận thù nghịch tự chúng sẽ tiêu trừ. Vì sao vậy? Tỳ-kheo, nên biết, xưa có một con quỷ cực kỳ xấu xa hung bạo. Nó đến ngồi trên tòa của Thích Đề-

¹² Để bản: Bà-la-môn thôn 婆羅門村. TNM, và các đoạn trên: Bà-la thôn.

hoàn Nhân. Lúc bấy giờ các trời Tam thập tam vô cùng tức giận, rằng ‘Con quỷ này sao dám đến ngồi trên chỗ ngồi của Chúa chúng ta?’ Khi chư thiên vừa khởi tâm sân hận, con quỷ kia liền trở thành có dung mạo đẹp đẽ dị thường. Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân cùng với các ngọc nữ đang vui đùa tại giảng đường Phổ tập. Bấy giờ có một thiên tử đi đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, tâu với Đế Thích rằng, ‘Cù-dực,¹³ nên biết, nay có một con quỷ đang ngồi trên tôn tòa. Chư thiên Tam thập tam thấy đều tức giận. Khi chư thiên vừa khởi tâm sân hận, con quỷ ấy bỗng trở nên có dung mạo đẹp đẽ khác thường.’ Thích Đề-hoàn Nhân liền nghĩ, ‘Con quỷ này tất phải là quỷ thần diệu.’ Rồi Thích Đề-hoàn Nhân đi đến chỗ con quỷ kia, cách nhau không xa, cùng xưng tên họ, ‘Ta là Thích Đề-hoàn Nhân, Chúa của chư thiên.’ Khi Thích Đề-hoàn Nhân tự xưng danh tính, con quỷ kia liền trở thành có dung mạo xấu xí, dễ ghét. Con quỷ đó tức thì biến mất.

“Tỳ-kheo, do phương tiện này mà biết, [773a01] ai hành từ tâm không rời, thì đức của người ấy là như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, ngày xưa Ta trong bảy năm hằng tu từ tâm, trải qua bảy kiếp thành, kiếp hoại, không qua lại sinh tử. Khi kiếp sắp hoại, sinh lên trời Quang âm. Khi kiếp sắp thành, sinh lên trời Vô tướng¹⁴. Hoặc làm Phạm thiên thống lãnh chư thiên, thống lãnh mười nghìn thế giới. Lại có khi 37 lần làm Thích Đề-hoàn Nhân. Lại vô số lần làm Chuyển luân Thánh vương. Do phương tiện này mà biết rằng, ai hành từ tâm, đức của người ấy là như

¹³ Cù-dực 瞿翼, các nơi khác âm là Câu-dực; họ của Đế Thích.

Pāli: Kosiya.

¹⁴ 無想天 Vô tướng thiên. Có thể có sự chép nhầm. Nên hiểu sinh vào Không cung điện của Phạm thiên. Xem *Trường* 14, kinh 21 “Phạm động (=võng)” (tr. 90b).

vậy.

“Lại nữa, ai hành từ tâm, khi thân hoại mạng chung, sinh lên cõi trời, rời xa ba ác đạo, tránh khỏi tám nạn.

“Lại nữa, ai hành từ tâm thì sinh vào nước trung chánh.

“Lại nữa, ai hành từ tâm, có dung mạo xinh đẹp, các căn không khuyết, hình thể toàn vẹn.

“Lại nữa, ai hành từ tâm, tự thân được thấy Như Lai, thừa sự chư Phật, không thích sống tại gia, muốn được xuất gia học đạo, khoác ba pháp y, cạo bỏ râu tóc, tu hành pháp Sa-môn, tu phạm hạnh vô thượng.

“Tỳ-kheo, nên biết, cũng như kim cang mà người mang lấy ăn, trợn không bao giờ tiêu hóa mà phải xô ra. Người hành từ tâm cũng vậy. Nếu Như Lai xuất thế, người đó sẽ hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến, biết như thật rằng: ‘Sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau.’”

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

“Thế Tôn, giả sử khi Như Lai không xuất thế, mà thiện nam tử kia không thích sống tại gia, sẽ phải quy hướng về đâu?”

Phật bảo A-nan:

“Nếu khi Như Lai không xuất thế, mà thiện nam tử kia không thích sống tại gia, tự mình cạo bỏ râu tóc, sống nơi chỗ nhàn tĩnh, tự khắc kỷ tu tập, tức ngay ở nơi đó mà các lậu diệt tận, thành vô lậu hành.”

A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn, người tự mình tu phạm hạnh, hành theo ba thừa kia sẽ quy hướng về đâu?”

Tăng nhất a-hàm

Phật bảo A-nan:

“Nhu điều ông nói, Ta hằng thuyết hành của ba thừa. Chư Phật trong ba đời, quá khứ và vị lai, cũng thuyết hành của ba thừa.

“A-nan, nên biết, có một thời, các loài chúng sinh có dung mạo và thọ mạng càng lúc càng giảm thiểu, thân hình gầy yếu, không có uy thần, nhiều sân, nộ, tật đố, nhuế, si, gian nguy, huyễn hoặc, sở hành không chân chánh. Hoặc có chúng sinh có các căn linh lợi, nhanh nhẹn, chúng tranh giành lẫn nhau, đấu tranh kiện tụng nhau; hoặc chúng nắm tay, [773b01] hoặc lấy ngói, đá, dao, gậy, tàn hại nhau. Các loài chúng sinh vào lúc bấy giờ khi cầm đến cọng cỏ, cỏ liền biến thành đao kiếm, cắt đứt mạng kẻ khác. Trong số đó, chúng sinh nào hành từ tâm, không có sân nộ, thấy sự biến quái này, trong lòng kinh sợ, thấy cùng nhau bỏ chạy, tránh xa chốn hung ác này. Trong chốn núi non, chúng tự nhiên cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, tu phạm hạnh vô thượng, tự mình khắc kỷ tu tập, tâm được giải thoát khỏi các lậu mà nhập cảnh giới vô lậu. Mỗi mỗi nói với nhau rằng, ‘Chúng ta đã thắng kẻ thù.’ A-nan, nên biết, những người đó được nói là tối thắng.”

A-nan bạch Phật:

“Những vị ấy thuộc vào bộ nào, Thanh văn bộ, Bích-chi-phật bộ hay Phật bộ?”

Phật bảo A-nan:

“Những vị ấy cần được nói là thuộc Bích-chi-phật bộ. Vì sao vậy? Những người ấy đều do tạo các công đức, hành các gốc rễ thiện, tu thanh tịnh bốn đế, phân biệt các pháp. Phạm hành pháp thiện ở đây là hành từ tâm vậy. Vì sao vậy? Bước đi nhân ái, hành từ tâm, đức ấy rộng lớn.

Ngày xưa Ta khoác khôi giáp nhân từ này mà hàng phục Ma và quyến thuộc của nó, ngồi dưới gốc thọ vương, thành Đạo vô thượng. Do phương tiện này mà biết từ là tối đệ nhất; từ là pháp tối thắng. A-nan, nên biết, do đó mà nói ai tối thắng hành từ tâm, đức của người ấy là như vậy, không thể ước tính. Vậy hãy nên tầm cầu phương tiện hành từ tâm. Như vậy, A-nan, hãy học điều này.”

A-nan, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6¹⁵

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ

Bảy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, vào lúc sáng sớm, rời tỉnh thất, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi ấy Phật nói với Xá-lợi-phất:

“Ông hôm nay có các căn thanh tịnh, nhan sắc khác người. Ông đang an trú trong tam-muội nào?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn, con hằng an trú Không tam-muội.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Lành thay, lành thay, như Xá-lợi-phất mới có thể an trú nơi Không tam-muội. Vì sao vậy? Trong các tam-muội,

¹⁵ Tham chiếu Pali, M. 151 *Pinḍapātapārisuddhisuttaṃ* (R. iii. 293). Hán, *Tạp* (bản Việt) kinh 238.

Không¹⁶ tam-muội là tối thượng đệ nhất. Tỳ-kheo an trú Không tam-muội không chấp trước ngã, nhân, thọ mạng, cũng không thấy có chúng sinh, cũng không thấy có bản mặt của các hành. Do không thấy có, nên không tạo gốc rễ của hành. Do không có [773c01] hành nên không còn tái sinh đời sau. Do không còn tái sinh đời sau nên không còn thọ nhận quả báo khô lạc.

“Xá-lợi-phất, nên biết, ngày xưa khi Ta chưa hành Đạo, ngồi dưới gốc thọ vương, suy nghĩ như vậy: ‘Các loài chúng sinh này do không nắm bắt được pháp gì mà phải trôi lăn trong sinh tử, không được giải thoát?’ Khi ấy, Ta lại nghĩ, vì không có Không tam-muội nên phải trôi nổi sinh tử, không được giải thoát. Có Không tam-muội này, nhưng chúng sinh chưa đạt được, khiến chúng sinh khởi tưởng niệm đắm trước. Do khởi tưởng thế gian nên thọ nhận phần sinh tử. Nếu đạt được Không tam-muội này, không có gì là sở nguyện, do đó đạt được Vô nguyện tam-muội. Do đạt được Vô nguyện tam-muội, không mong cầu chết nơi này sinh về nơi kia; hoàn toàn không có tưởng niệm. Bấy giờ hành giả ấy lại đạt được và an trú trong Vô tướng tam-muội.

“Các loài chúng sanh này do không đạt được ba tam-muội này nên trôi nổi sinh tử.

“Sau khi quán sát các pháp, Ta liền đắc Không tam-muội. Sau khi đắc Không tam-muội, Ta liền thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề. Ta lúc bấy giờ do đạt được Không tam-muội, bảy ngày bảy đêm quán sát cây Đạo thọ, mắt không hề nhắm.

“Xá-lợi-phất, do phương tiện này mà biết rằng Không

¹⁶ Để bản chép nhầm là hư không 虛空.

tam-muội là tối đệ nhất trong các tam-muội. Vua trong các tam-muội là Không tam-muội vậy. Cho nên, Xá-lợi-phất, hãy tìm cầu phương tiện hoàn thành Không tam-muội. Như vậy, Xá-lợi-phất, hãy học điều này.”

Xá-lợi-phất, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại Ca-lan-đà trong Trúc viên, thành La-duyet, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc bấy giờ, trong thành La-duyet có một gia chủ tên là Thi-lợi-quật¹⁷, có nhiều của cải, nhiều bảo vật, vàng, bạc, châu báu, xa cừ, mã não, không sao kể xiết. Nhưng ông lơ là Phật pháp, chỉ phụng sự ngoại đạo là Ni-kiền Tử. Quốc vương, đại thần, thầy đều quen biết ông.

Lúc bấy giờ, các hàng tại gia và xuất gia ngoại đạo và các đệ tử xuất gia và tại gia của Ni-kiền Tử tự nói lời phỉ báng rằng: ‘Có ngã, và chấp có thân của ngã.’ Chúng cùng với các nhóm sáu tôn sư ngoại đạo tập hợp tại một nơi, bàn luận như vậy:

“Nay Sa-môn Cù-đàm không việc gì mà không biết. Ông ấy có Nhất thiết trí. Song, chúng ta không được lợi dưỡng, mà Sa-môn ấy lại có nhiều lợi dưỡng. Phải tìm phương tiện không cho ông ấy được lợi dưỡng. Chúng ta

¹⁷尸利掘 Thi-lợi-quật. Có thể đồng nhất Pāli: Sirigutta, đệ tử Phật, và bạn là Garahadinna, đệ tử của Ni-kiền tử. Chuyện kể trong *Truyện Pháp cú*, cf. Dhṛp. 58 (DhA. i. 434).

Tăng nhất a-hàm

hãy đến [774a01] nhà Thi-lợi-quật, khiến gia chủ ấy bày kế sách.”

Rồi ngoại đạo xuất gia, Ni-kiền Tử, cùng với sáu Tôn sư, đi đến nhà gia chủ Thi-lợi-quật, nói với gia chủ này rằng:

“Đại gia nên biết, ông là người được sinh bởi Phạm Thiên, là con của Phạm Thiên, có được lợi ích. Nay ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, vì thương tưởng chúng tôi, thỉnh Sa-môn cùng chúng Tỳ-kheo về nhà đề tế tự. Lại sai làm một hầm lửa lớn ở trong nhà, đốt ngọn lửa cực kỳ rực rỡ. Trong các thức ăn đều bỏ thuốc độc rồi mời đến ăn. Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, biết rõ¹⁸ sự việc trong ba đời, sẽ không nhận lời mời. Nếu không có Nhất thiết trí, tất sẽ nhận lời mời, dẫn đệ tử đến đây, để tất cả đều bị đốt cháy. Trời người sẽ được yên ổn, không có tai hại.”

Thi-lợi-quật im lặng nhận lời của sáu Tôn sư. Ông ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, mà trong lòng chứa chất độc hại, bạch Như Lai rằng:

“Cúi xin Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng nhận lời mời của tôi.”

Thế Tôn biết rõ những điều suy nghĩ trong tâm ông, im lặng nhận lời. Thi-lợi-quật thấy Như Lai im lặng nhận lời mời liền đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi thối lui mà đi. Giữa đường, ông nghĩ như vậy: ‘Nay điều mà sáu Tôn sư của ta nói rất là chính xác. Nhưng Sa-môn không biết những điều suy nghĩ trong tâm ta. Họ sẽ bị lửa lớn đốt cháy.’

¹⁸ Trong truyện kể Pāli, chính Sirigutta gạt các Ni-kiền tử rơi xuống hố phân. Garahadinna bèn trả thù bằng cách muốn gạt Phật cho rơi xuống hầm lửa.

Rồi Thi-lợi-quật trở về nhà, sai làm một hầm lửa lớn, đốt ngọn lửa lớn hùng hực. Lại sai làm các món ăn đủ loại, tất cả đều bỏ thuốc độc. Ở bên ngoài cửa lại làm một hầm lửa lớn, với ngọn lửa lớn hùng hực. Bên trên ngọn lửa đặt các giường ngồi, cũng bôi các thứ kịch độc. Đến giờ, sai người đi báo giờ ăn đã đến.

Bây giờ Thế Tôn biết giờ ăn đã đến, bèn khoác y, cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đi đến nhà ấy. Ngài lại lệnh các Tỳ-kheo Tăng không ai được đi trước Ngài, không được ngồi trước Ngài, cũng không được ăn cái gì trước Ngài. Trong lúc đó, các nhóm nhân dân trong thành La-duyet nghe nói Thi-lợi-quật cho đào làm hầm lửa, lại làm thức ăn độc mà thỉnh Phật và chúng Tăng; chúng bốn bộ thấy đều than khóc, “Nhu Lai và Tỳ-kheo tăng tất bị hại chẳng?”

Có người đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn chớ đến nhà gia chủ đó. Ông ấy làm hầm lửa lớn, lại làm các thức ăn độc.”

Phật nói:

“Mọi người chớ ôm lòng sợ hãi. [774b01] Như Lai không bao giờ bị kẻ khác hại. Giả sử ngọn lửa trong Diêm-phù-đê cao đến Phạm thiên cũng không thể đốt cháy Ta được; huống gì ngọn lửa nhỏ ấy mà hại được Như Lai. Không bao giờ có trường hợp ấy. Các ưu-bà-tắc, nên biết, Ta không còn có tâm gây hại.”

Bây giờ, Thế Tôn với các Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi vào thành La-duyet, đến nhà gia chủ. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chớ đi vào nhà gia chủ trước, cũng chớ có ăn

trước. Đợi Như Lai rồi mới ăn.

Khi Thế Tôn vừa cất chân lên trên ngưỡng cửa, hầm lửa tự nhiên hóa thành ao tắm cực kỳ mát mẻ, trong đó đầy các loại hoa; cũng có mọc hoa sen lớn như bánh xe, cọng bằng bảy báu; và cũng mọc các loại sen khác, trong đó ong mật bay nhón nhơ.

Trong lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân, Phạm thiên vương, và Tứ thiên vương, cùng với càn-thát-bà, a-tu-la, các dạ-xoa, quỷ thần các loại, thấy trong hầm lửa mọc lên hoa sen này, ai nấy đều chúc mừng chuyện lạ, khác giọng, cùng lời, thấy đều nói: “Thế mới biết Như Lai là đệ nhất trong các bậc Chiến thắng.”

Lúc bấy giờ trong nhà gia chủ có đủ các ngoại đạo dị học cùng tụ tập về đó. Khi ấy, các ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, sau khi thấy sự biến hóa của Như Lai, hoan hỷ phần chần không dừng được. Các ngoại đạo dị học sau khi thấy sự biến hóa của Như Lai thì trong lòng ưu sầu. Trong hư không, chư thiên tôn thần rải xuống đủ các loại danh hoa lên trên thân Như Lai. Thế Tôn lúc ấy bước trên không mà đi, cách mặt đất bốn tấc. Chỗ nào Như Lai cất chân, chỗ đó mọc lên đóa hoa sen lớn như bánh xe. Rồi Thế Tôn quay về bên phải, bảo các Tỳ-kheo:

“Các ngời hãy đạp lên hoa sen mà đi.”

Khi ấy các Thanh văn đều bước trên hoa sen mà đến nhà gia chủ.

Rồi Thế Tôn nói thí dụ bằng câu chuyện cổ tích:

“Ta, từ quá khứ cho đến nay, đã cúng dường hằng sa chư Phật, thừa sự, lễ kính, chưa hề làm sai Thánh ý; nay mang những điều này ra mà thệ nguyện, khiến cho các chỗ ngồi đều được vững vàng.”

Rồi Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta cho phép các Tỳ-kheo trước hết lấy tay đặt lên chỗ ngồi, rồi sau đó mới ngồi. Đây là giáo sắc của Ta.”

Khi Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng đã ngồi lên chỗ ngồi, thì dưới chỗ ngồi ấy thấy đều mọc lên hoa sen thơm lòng.

Thi-lợi-quật thấy sự biến hóa của Như Lai như vậy, trong lòng suy nghĩ: ‘Ta bị ngoại đạo dị học dối gạt, làm ta mất đi sở hành trong loài người, vĩnh viễn mất con đường sinh thiên.’ Trong lòng rất phẫn nộ, như [774c01] uống phải chất độc. ‘Ta chắc sẽ đọa trong ba ác đạo. Quả thật, Như Lai xuất thế, rất khó gặp.’ Hiểu biết điều này rồi, ông liền rơi lệ, đánh lễ sát chân, Phật, bạch rằng:

“Cúi mong Như Lai nghe con sám hối lỗi lầm. Con sẽ sửa đổi việc làm quá khứ, tu tập tương lai. Tự biết mình có tội đã xúc nhiều Như Lai. Cúi nguyện Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con. Từ nay không con tái phạm nữa.”

Phật bảo gia chủ:

“Sửa đổi lỗi lầm, dẹp bỏ tâm ý trước kia, mới có thể tự biết đã xúc phạm Như Lai. Trong pháp của Hiền thánh, thật là rộng rãi. Ta nghe cho ông sửa lỗi, tùy pháp mà xả bỏ. Ta nay nhận sự hối lỗi của ông. Về sau chớ tái phạm.”

Nói như vậy ba lần.

Lúc bấy giờ Vua A-xà-thế nghe gia chủ Thi-lợi-quật đặt bày hằm lừa, và pha thức ăn độc để hại Như Lai, bèn nổi cơn thịnh nộ, bảo các quần thần:

“Cần phải tiêu diệt hết những người trên Diêm-phù-lợi-địa có cùng tên Thi-lợi-quật này!”

Rồi Vua A-xà-thế lại nhớ đến công đức của Như Lai,

Tăng nhất a-hàm

buồn khóc rơi lệ, cỡi mã Thiên quan xuống, nói với quần thần:

“Ta nay sống mà làm gì, nếu như Như Lai bị lửa đốt cháy, và chúng Tăng cũng đều bị đốt cháy. Các người hãy đến nhà gia chủ mà trông chừng Như Lai.”

Khi ấy Kỳ-bà-già vương tử tâu vua A-xà-thế:

“Đại vương, chớ có lo rầu, cũng đừng khởi lên ý tưởng ác. Vì sao? Như Lai không bao giờ bị kẻ khác hại. Hôm nay Thi-lợi-quật sẽ làm đệ tử của Như Lai. Ngưỡng mong Đại vương hãy đến xem sự biến hóa.”

Bấy giờ A-xà-thế theo lời khuyến dụ của Kỳ-bà-già, bèn cưỡi con voi lớn Tuyết sơn, đi đến nhà gia chủ Thi-lợi-quật. Vua xuống voi, đi vào nhà Thi-lợi-quật. Lúc ấy đám đông đang tụ tập ngoài cửa, có đến tám vạn bốn nghìn người. Khi A-xà-thế trông thấy hoa sen lớn như bánh xe, hoan hỷ phần khởi không dừng được, bèn nói lên rằng:

“Cầu cho Như Lai hằng thắng các chúng Ma.”

Rồi vua bảo Kỳ-bà-già vương tử:

“Lành thay, Kỳ-bà-già, ông mới tin có sự việc như vậy nơi Như Lai!”

Bấy giờ vua A-xà-thế đi đến Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi ấy A-xà-thế thấy từ miệng Như Lai phóng ra ánh sáng, và cũng nhìn thấy nhan sắc lạ thường của Như Lai, trong lòng hết sức hoan hỷ không dừng được.

Lúc bấy giờ Gia chủ Thi-lợi-quật bạch Thế Tôn:

“Những thức ăn mà con dọn ra đều có độc. Cúi mong Thế Tôn đọi giấy lát, [775a01] con sẽ cho dọn thức ăn

khác. Sở dĩ như vậy, để không khiến thân thể của Như Lai có tăng tổn.”

Phật bảo gia chủ:

“Như Lai cùng các đệ tử không bao giờ bị kẻ khác làm hại. Những thức ăn mà gia chủ đã dọn lên, hãy tùy thời thích hợp mà dâng cúng.”

Khi ấy gia chủ tự tay san sát, bưng lên các món thức ăn.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Chí thành Phật, Pháp, Tăng,
Giải độc không còn gì.
Chư Phật không có độc.
Chí thành Phật, giải độc.*

*Chí thành Phật, Pháp, Tăng,
Giải độc không còn gì.
Chư Phật không có độc.
Chí thành Pháp, giải độc.*

*Chí thành Phật, Pháp, Tăng,
Giải độc không còn gì.
Chư Phật không có độc.
Chí thành Tăng, giải độc.*

*Độc tham dục, sân nhuế;
Thế gian có ba độc.
Như Lai hằng không độc.
Chí thành Phật, giải độc.*

*Độc tham dục, sân nhuế;
Thế gian có ba độc.
Pháp Như Lai không độc.
Chí thành Pháp, giải độc.*

Độc tham dục, sân nhuế;

Tăng nhất a-hàm

*Thế gian có ba độc.
Tăng Như Lai không độc.
Chỉ thành Tăng, giải độc.*

Thế Tôn, sau khi nói bài kệ này bèn ăn thức ăn có pha chất độc. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chớ có ăn trước. Hãy đợi Như Lai ăn đã, sau đó mới ăn.

Bấy giờ gia chủ tự tay san sát, bưng dọn đủ các món thức ăn cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng.

Khi gia chủ Thi-lợi-quật thấy Như Lai đã ăn xong, cất dẹp bát, ông dọn một chỗ ngồi nhỏ ngồi trước Như Lai. Thế Tôn bèn thuyết vi diệu pháp cho gia chủ và đám đông tám vạn bốn nghìn người. Ngài thuyết các đề tài về thí, về giới, về sinh thiên, dục là bất tịnh, dâm dật là tai họa lớn, xuất yếu là lạc. Như Lai xem xét thấy tâm ý của Gia chủ cùng tám vạn bốn nghìn người đã khai tỏ, không còn bụi bân, như pháp mà chư Phật thường thuyết là khô, tập, tận, đạo; Ngài thuyết cho hết thầy chúng tám vạn bốn nghìn người, phân biệt chi tiết các hành của chúng. Ngay lúc ấy, mọi người từ trên chỗ ngồi sạch hết các bụi bân, được pháp nhãn thanh tịnh, cũng như tấm vải mới dễ nhuộm màu sắc, mọi người lúc bấy giờ cũng như vậy, mỗi người đều ngay trên chỗ ngồi mà [775b] thấy được dấu tích của Đạo, thấy pháp, đắc pháp, phân biệt các pháp, vượt qua nghi hoặc, được vô sở úy, không thờ ai khác làm Thầy, tự quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ năm giới.

Lúc bấy giờ, gia chủ Thi-lợi-quật tự biết đã thấy được dấu tích của Đạo, bèn đến trước Phật bạch rằng:

“Cúng thí chất độc cho Như Lai mà lại được quả báo lớn; cúng thí cam lộ cho các ngoại đạo dị học lại thọ nhận tội. Vì sao vậy? Hôm nay con đem chất độc cúng dường Phật

và Tỳ-kheo Tăng mà ở ngay trong hiện pháp được chứng nghiệm này. Đã từ lâu con bị ngoại đạo mê hoặc nên mới móng tâm như vậy đối với Như Lai. Những ai phụng sự ngoại đạo dị học đều bị rơi vào biên tế.”

Phật bảo Thi-lợi-quật:

“Đúng như điều ông nói, không có gì khác, đều là bị người khác dối gạt.”

Gia chủ Thi-lợi-quật bạch Phật:

“Từ nay về sau, con không còn tin ngoại đạo dị học này nữa. Con cũng không thuận cho chúng bốn bộ tại gia cúng dường.”

Phật bảo Gia chủ:

“Chớ nói như vậy. Ông trước kia thường cúng dường các vị ngoại đạo này. Bồ thí cho súc sinh còn được phước khó lường, huống gì bồ thí cho người. Nếu có ngoại đạo dị học hỏi, ‘Thi-lợi-quật là đệ tử của ai?’ ông trả lời như thế nào?”

Thi-lợi-quật tức thì rời chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay quỳ dài, bạch Thế Tôn:

“Con là đệ tử của Thích-ca Văn, là đấng Tiên nhân thứ bảy, dũng mãnh mà giải thoát, nay thọ thân người này.”

Thế Tôn nói:

“Lành thay, Gia chủ, ông đã có thể nói lời tán thán vi diệu ấy.”

Rồi Thế Tôn lại nói lần nữa pháp thậm thâm cho gia chủ, tức thời thuyết bài kệ này:

*Tế tự, lừa trên hết,
Các sách, tụng hơn hết;*

Tăng nhất a-hàm

*Vua tôn quý giữa người,
Các dòng, biển là nhất.
Các sao, trăng đứng đầu,
Chiếu sáng, mặt trời trước;
Bốn bên, trên và dưới,
Ở các phương, cánh vức,
Trời cùng người thế gian,
Phật là bậc tối thượng.
Ai muốn cầu phước kia,
Nên quy y Tam-phật*.*

Thế Tôn, sau khi nói bài kệ này, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy.

Bấy giờ Gia chủ Thi-lợi-quật, và những người đến hội nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.¹⁹

¹⁹ Bản Hán, hết quyển 41.